

CỎ THƠM

THÁNG 12, NĂM 2011

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

NGUYỄN QUÝ ĐẠI. VŨ HỐI.

VŨ THÁI HÒA. HUY LÂM.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYÊN.

ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. DIỆU TẦN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

VŨ LANG: Anaheim, CA.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn,
Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô. Ngô Tăng Giao, Ô.B. B.S. Giang Hoàng,
B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải,
B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Nguyễn Hoa, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân,
Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng,
B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,
Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lâm,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Khoa Lâm,
B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga, Ô. Nguyễn Văn Nghị,
Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đặng Nguyên, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn,
B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát,
Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc,
Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương,
B. Nguyễn Trần Song Phương, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm,
Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh,
B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyễn Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế,
B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu,
B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada), B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy,
Ô. B. Lê Ngọc Thụy, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn,
Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Hoàng Minh Trân,
Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn,
Ô. Yên Vi, B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, B.S. Võ Đạm,
Ô. Nguyễn Tinh Vệ, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

ĐỀ	VĂN	TRANG
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	Lá Thư Mùa Tuyết Trắng	04
HẢI BĂNG HDB:	Thơ Song Thất Lục Bát Bát Cú và Lục Bát Bát Cú.....	07
PHẠM THỊ NHUNG:	Tiếng Đàn Thuý Kiều	14
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc	21
NGUYỄN PHÚ LONG:	Việc Nạp Phi	28
PHẠM VĂN TUẤN:	Benjamin Franklin	32
LINH PHƯƠNG:	Thánh Cecilia ...	43
ĐỖ BÌNH:	Tấm Lòng Của Mẹ	47
VĂN BÁ:	Một Thiên Tình Sử Bi Đát	52
PHẠM HỮU BÌNH:	Xung Tội	54
HỒ TRƯỜNG AN:	Trương Anh Thụy với truyện dài <i>Chuyến Mùa</i>	60
TÔN NỮ MẶC GIAO:	Ngư Lang Chúc Nữ	69
PHAN ANH DŨNG:	Ra Mắt “Trên Ngọn Tình Sầu” của Du Tử Lê	73
TRẦN BÍCH SAN:	Giới thiệu “Trên Ngọn Tình Sầu” của Du Tử Lê	77
TRƯỜNG THY:	Tương Giao...	81
ĐẶNG NGUYỄN:	Dưới Chân Núi...	84
LÊ MỘNG NGUYỄN:	Thôn Vỹ Dạ	87
Ỡ NGUYỄN:	Sa Pa! Gió Núi,....	91
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	Mùa Đông Đến Sớm	100
DUY AN ĐÔNG:	Hâm Nóng Tình Yêu	106
PHONG THU:	Sài Gòn Mưa Vãn Rơi...	112
NGUYỄN THUY:	Đọc Sài Gòn Mưa...	115
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU:	Cài Hay Cái Đẹp Của Thơ Lục Bát	120
NGUYỄN NGỌC BÍCH:	Thơ Hai Ku...	125

THANH TRANG:	Lục Bát Mùa Thu	131
VÕ THỊ TRÚC GIANG:	Bệnh Vì Nhớ	138
TRƯƠNG ANH THUY:	Nghệ Thuật...	141
PHẠM TRỌNG LỆ:	Thu Hứng 1...	145
NGUYỄN QUỐC KHÁI:	Phụ Nữ Trong Xã Hội Hồi Giáo	154
PHONG THU:	Tôi Nhớ Về Em...	167
DIỄM CHÂU:	Cát Đơn Sa: Đón xuân...	172
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	Khi Gia Đình Tôi Sum Họp	180
PHAN ANH DŨNG:	Chiều Nhạc Vũ Đức Nghiêm Nửa Thế Kỷ...	188
VĂN QUANG:	Viết Cho Bạn và...	201

HỌA

VI VI:	tranh bìà trước, Sung Túc	01
NGUYỄN SƠN:	Ảnh bìà sau, Giáng Sinh Trong Khu Nhà Thờ Mark Hannover	208

THƠ

ĐẶNG NGUYỄN:	Vườn Trắng	39
KELLY SENSER:	Backyard Wonderland	42
N. T.N. DUNG:	Khu Vườn Thần Tiên	42
BÙI THANH TIÊN:	Thương Ghét Cho Đời	57
BAK MUK-WOL:	Le Jardin De L’hiver	68
NGUYỄN MÂY THU:	Khu Vườn...	68
PHAN KHÂM:	Lửa	89
LÝ HIỂU:	Phi Tần	90
HỒ CÔNG TÂM:	Áo Dài Xuống Đường	90
HỒ HƯƠNG LỘC:	Mai Về Đón Tết	105
HỒNG THUY:	Nhấn Bạn	105
THIÊN ĐỨC:	Một Thóng Huế Buồn	107
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:	Anh Muốn Cùng Em	109
LÊ NGỌC KHA:	Ở Gần Nhà Xin Ủ Ở	111
TRẦN QUỐC PHIỆT:	Trả Lời Anh Kha	111
PHAN KHÂM:	Ừ Ồi... Gọi Tôi	111
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	Vần Thơ...	111

HỒNG THUỶ: Nhớ Anh...	117	NHẠC	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Tết Xưa	119	THANH TRANG: Đêm Giáng Sinh...	98
NGUYỄN KINH BẮC: Nhớ Ngày...	129	HUY LÃM: Anh Còn Hẹn Em...	134
HOÀNG SONG LIÊM: Mây Trắng...	130		
VŨ HỐI: Thư Họạ	130	HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM	
THANH TRANG: Lục Bát Mùa Thu	131	PHẠM VĂN TUẤN: Đón Tiếp BKG	12
CHRISTINA GEORGE ROSSETTI	136	PHẠM BÁ: Phát hành Cỏ Thơm số 56.	163
Let Me Go			
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO	136	GIỚI THIỆU	
Để Tôi Ra Đi		HA NGUYỄN & ASSOCIATES:	00
CUNG THỊ LAN: Xin Cho Tôi	144	SOVEREIGN REALTY, INC.	12
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	153	PHAN KHÂM: CD ƯỚC MƠ	13
Mẹ Chắp Tay Cầu Quán Thế Âm		BƯỚM VÀNG ĐANG ĐẬU	
VÕ THỊ TRÚC GIANG: Lời Em Hứa	153	WASHINGTON MUSIC	27, 53
DƯƠNG HUỆ ANH: Thu Về Rồi...	162	BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	80
HÀ THƯỢNG NHÂN: Hạnh Phúc ...	198	PHÒNG MẠCH BS VÕ ĐẠM:	90
THANH THANH: Plain Felicity	198	BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	140
TRƯỜNG GIANG: Khắp Điều Thi Lão	199	NIẾT BÀN, PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM	
Hà Thượng Nhân		Tâm Minh Ngô Tăng Giao	137
HUỆ THU: Tiễn Anh Hà Thượng Nhân	200	FLORA: Thơ Anh ngữ của Kim Vũ	152
VŨ ĐỨC NGHIÊM:	200	HARVEST MOON RESTAURANT	207
Khóc Hà Thượng Nhân		Phiếu Mua Báo/Gia Hạn/Quảng cáo	208
HÀ THƯỢNG NHÂN:	204	Luật Sư IVAN M. WALDMAN &	
Xin Đất Chúng Con Đi		ASSOCIATES	209

LÁ THƯ MÙA TUYẾT TRẮNG

T hưa Quý Vị,
 Đây là số báo mùa đông, nhưng nhiều tác giả vẫn không thể quên được mùa thu tuyết vời tại Virginia vừa qua. Bởi vì năm nay mùa hè có nhiều mưa nên lá cây không bị khô héo và rụng sớm. Lá đỏ, lá vàng, lá tím, lá nâu khoe màu rực rỡ. Các văn nhân, thi sĩ ca tụng nàng thu không hết

lời. Các nhiếp ảnh gia mãi miết đi săn cảnh rừng cây, núi lá. Nên quý độc giả vẫn tìm thấy tình thu còn vương vấn trong bài viết của Nhạc Sĩ Thanh Trang, “Lục Bát Mùa Thu” trang 131; Biên khảo gia Phạm Trọng Lệ viết về bài “Thu Hứng I Cửa Đỗ Phủ”, trang 145; Thi sĩ Dương Huệ Anh than thở: “Thu Về Rồi... Lạnh” trang 162.

Chúng tôi không những chỉ tưởng nhớ hình ảnh mùa thu thơ mộng mà còn ghi lại những sinh hoạt văn học, nghệ thuật đáng kể tại Virginia trong ba tháng vừa qua: Biên khảo gia Trần Bích San đã từ New Orleans bay về thủ đô giới thiệu Trên *Ngọn Tình Sầu* của Thi sĩ Du Tử Lê, trong buổi ra mắt sách ngày 22 tháng 10, xin xem trang 73. Buổi ra mắt sách *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* của Nhà văn Phong Thu tại San Jose được đông đảo giới văn thi nghệ sĩ trong vùng Vịnh tham dự, trang 112. Buổi trình tấu nhạc thính phòng Vũ Đức Nghiêm ngày 11/20/2011 tại Virginia do Cơ Sở Cổ Thơm phối hợp ban nhạc thính phòng Prelude Chamber Ensemble của Nhạc sĩ vĩ cầm Phạm Dương Hiến và thân hữu tổ chức ngày 20 tháng 10, 2011, trang 195. Cộng đồng Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn và Cổ Thơm đã nồng nhiệt đón tiếp Nhạc sĩ và Phu Nhân.

Nhà văn Cung Thị Lan cho ra mắt tập truyện *Những Tấm Lòng Nhân Ái – Unforgettable Kindness* do dịch giả Kratzke Tu Thi Diem Tran chuyển sang Anh ngữ, 12/03/2011. Chúng tôi sẽ có bài tường thuật trong số báo sau.

Mùa thu vừa qua cũng để lại một sự mất mát, thương tiếc, lớn lao trong làng văn học Việt Nam hải ngoại: Thi lão Hà Thượng Nhân, từ trần ngày 11 tháng 10, 2011 tại San

Jose. Quý vị sẽ tìm thấy nhiều bài viết và thơ của thân hữu tưởng niệm Nhà thơ lão thành trang 190... trong số báo này.

Qua mùa thu, mùa đông lại bắt đầu từ 22 tháng 12 đến 21 tháng 3, ba tháng giá lạnh nhất trong năm. Người ta lại được ngắm cảnh tuyết đổ đầy đường đi, trắng xóa rừng cây lối cỏ. Trẻ con, người lớn lại được dịp nặn người tuyết, chơi ném tuyết, trượt tuyết trong vườn nhà, trong công viên hay trên núi. Trời giá lạnh nhưng người ta được dịp sum họp gia đình ấm cúng trong Lễ Giáng Sinh, Tết Dương lịch và Âm Lịch. Chỉ thương những kẻ không nhà, không công ăn việc làm, không tiền dính túi, phải đứng giữa những ngã đường lạnh căm, gió rét, tuyết rơi để xin giúp đỡ với cái lon sắt trong tay. Trong số báo mùa đông này, Họa sĩ Vi Vi lần đầu tiên đến với Cổ Thơm với bức tranh màu nghệ thuật “*Sung Túc*” mà



Ảnh của Nguyễn Sơn, Đức Quốc: “Giáng Sinh Tại Khu Nhà Thờ Mark Hannover.

Cổ Thơm hân hạnh làm tranh bià trước. Bìa sau với hình chụp “*Giáng Sinh Trong Khu Nhà Thờ Mark Hannover*” rất độc đáo của Nhiếp ảnh gia Nguyễn Sơn ở Đức. Nhà văn Trần Thị Hương Cau viết về “Mùa Đông Đến Sớm”, trang 100. Nhà thơ Hồ Hương Lộc hẹn “Mai Về Đón Tết Nhâm Thìn” tại quê hương, trang 105. Nguyễn Thị Ngọc Dung kể chuyện “Khi Gia Đình Tôi Sum Họp” trong những mùa Lễ Tết, trang 180 và nhớ lại “Tết Xưa” trang 119. Nhà văn Phạm

Hữu Bình ra mắt độc giả Cỏ Thơm với truyện ngắn hấp dẫn “Xưng Tội”, trang 54. Nhà văn Họa sĩ Diễm Châu-Cát Đơn Sa lần đầu tiên đến với Cỏ Thơm trong sáng tác: “Đón Xuân”172.

Vì số trang báo có hạn, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm phải gác lại sáng tác của quý tác giả gửi đến muộn và sẽ đăng trong số báo Xuân Con Rồng năm 2012. Xin quý vị thông cảm.

Với sự đồng ý của ban trị sự, kể từ số báo này, xin quý tác giả gửi bài biên khảo về Đồng Chủ Bút Trần Bích San: <littlelsaigonnews@aol.com>; truyện ngắn của tác giả trong nội địa Hoa Kỳ xin gửi về Đồng Chủ Bút Ngô Tăng Giao: <giaongo@msn.com>; truyện ngắn của tác giả từ Canada và Âu châu, xin gửi về Đồng Chủ Bút Phạm Văn Tuấn: <tuanpham1387@hotmail.com>; Sáng tác thơ xin gửi về Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm: <phanvyle@yahoo.com>; Sáng tác nhạc, họa, xin gửi về Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng: <dathphan1@gmail.com>; Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung <dsenser@yahoo.com> phụ trách phần trình bày báo. Ngoài ra Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nhà Thơ Phan Khâm và Nguyễn Thị Ngọc Dung cùng chia nhau đi gửi báo.



Tranh sơn dầu “Sung Túc” của ViVi.

Ban trị sự chúng tôi cùng tình nguyện, “chung lưng đấu cật”, chia nhau công việc gánh vác Cỏ Thơm, phục vụ quý tác giả và độc giả lâu dài.

Tam Cá Nguyệt San cũng rất vui mừng vừa có thêm độc giả Ông Phạm Văn Tiến ở Seattle, Bà Sarah Liên Trang ở Pennsylvania, Ông

Nguyễn Văn Nghi ở Oklahoma, Ông Nguyễn Toàn ở Arkansas, Ông Trần K. Hiếu do Bà Hoàng Thế Huân hội viên Cỏ Thơm giới thiệu; Bà Tôn Nữ Khánh Hội, tại Nevada. Xin chân thành cảm ơn quý vị đã yêu mến và tìm đọc Cỏ Thơm. Chúng tôi sẽ cố gắng không phụ lòng tin tưởng của quý vị.

Một lần nữa xin cảm tạ quý tác giả đã gửi những sáng tác ứng ý nhất đến Tạp Chí Cỏ Thơm. Xin cảm tạ quý thân chủ đã cho quảng cáo và quý vị độc giả đã mua báo dài hạn, quý vị hội viên vẫn tiếp tục ủng hộ Cỏ Thơm.

Toàn Ban Trị Sự Tam Cá Nguyệt San xin kính chúc quý vị một mùa đông ấm cúng, mùa Giáng Sinh vui vẻ, Năm Mới 2012 và Tết Con Rồng khang an, hạnh phúc. Hẹn tái ngộ cùng quý vị trong số báo Mùa Xuân 2012.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Thơ Song-Thất-Lục-Bát Bát Cú và Lục Bát Bát Cú trong Cổ Văn Việt

-Hải Bằng.HDB và Bạch Cúc.NTN

Khổ thơ mở đề trong các áng văn thơ cổ điển:

Đường như ít người để ý đến sự kiện trong cổ văn Việt có hai khổ thơ: (1) **Song Thất Lục Bát Bát Cú** và (2) **Lục Bát Bát Cú** thường được dùng làm đoạn thơ mở đề.

Thí dụ, trong *Cung Oán Ngâm Khúc* (Nguyễn Gia Thiều), đoạn mở đề có **8 câu song thất lục bát**:

- (1) Trái vách quế gió vàng hiu hắt (7)
- (2) Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng (7)
- (3) Oán chi những khách tiêu phòng (6)
- (4) Mà xui mệnh bạc nằm trong má đào (8)
- (5) Duyên đã may, có sao lại rui? (7)
- (6) Nghĩ nguồn cơn giờ giới sao đang (7)
- (7) Vì đâu nên nổi giờ dang (6)
- (8) Nghĩ mình mình lại càng thương nỗi mình (8)

Trong *Chinh Phụ Ngâm* (Đặng Trần Côn), đoạn mở đề cũng là **8 câu song thất lục bát**:

- (1) Thuở trời đất nổi cơn gió bụi (7)
- (2) Khách má hồng nhiều nỗi truân chiến (7)
- (3) Xanh kia thăm thẳm từng trên (6)
- (4) Vì ai gây dựng cho nên nỗi này! (8)
- (5) Trông Tràng Thành lung lay bóng nguyệt (7)
- (6) Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây (7)
- (7) Chín tầng gươm báu trao tay (6)
- (8) Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh (8)

Trong *Tỳ Bà Hành* (Bạch Cư Dị và do Phan Huy Vịnh diễn nôm), đoạn mở đề có **8 câu 7x7x6x8**:

- (1) Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách (7)
- (2) Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu (7)
- (3) Người xuống ngựa, khách dừng chèo (6)
- (4) Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti (8)

- (5) Say những luống ngại khi chia rẽ (7)
- (6) Nước mênh mông đượm vẻ trăng trong (7)
- (7) Tiếng ti nghe vắng bên sông (6)
- (8) Chủ khuây khóa lại, khách dùng đấng xuôi (8)

Trong khi đó, Tiên Điền Nguyễn Du lại dùng đoạn **8 câu lục bát (lục bát bát cú)** thuần túy của người Việt để làm khổ mở đề trong *Truyện Kiều*:

- (1) Trăm năm trong cõi người ta (6)
- (2) Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau (8)
- (3) Trái qua một cuộc biên châu (6)
- (4) Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (8)
- (5) Lạ gì bỉ sắc, tư phong (6)
- (6) Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen (8)
- (7) Cáo thom lần giờ trước đèn (6)
- (8) Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh (8)

Tại sao xuất hiện thể thơ song thất lục bát (hay còn gọi là lục bát gián thất) trong cổ văn Việt?

Rất có thể là bởi vì các Nhà Nho ngày trước muốn mở rộng thể thơ lục bát bằng cách kết hợp với thể thơ Đường. Cấu trúc bài thơ song thất lục bát có 2 câu 7 (song thất) cùng với cặp 6x8 (lục bát). Sự sáng tạo này giúp bài thơ có “**huong vị thơ Đường**” qua cặp câu 7. Như vậy, cổ văn Việt có hai thể thơ chính là *Lục Bát* và *Song Thất Lục Bát* để làm văn kể chuyện. Thể thơ Lục Bát bình dị và nhẹ nhàng, gần gũi với giới bình dân hơn là thể thơ song thất lục bát vì lai thơ Đường. Tuy nhiên, thể thơ song thất lục bát giúp làm giảm tính đơn điệu của giọng ngâm.

Vài Nét Căn Bản về Niêm Luật trong các Thể Thơ Cổ

Thơ Đường luật mà nhiều người đã biết là thể thơ phát xuất từ thời Nhà Đường (Thế kỷ thứ 10 STL), được phổ biến dưới tên “**Thất Ngôn Bát Cú**” với luật bằng trắc, niêm, và đối rất chặt chẽ. Trước thể Thơ Đường là thể thơ Cổ Phong chưa có niêm luật ràng buộc.

Một số người làm thơ hiện nay không thích làm thơ Đường luật vì thấy bị gò bó vào bố cục và niêm luật. Vì vậy họ thiếu hẳn nghệ thuật phô diễn tình cảm của các nhà thơ cổ điển. Thật ra niêm luật thơ được đặt ra là để nâng cao chất lượng của bài thơ, giúp bài thơ vượt khỏi mức tầm thường của các bài thơ của đại chúng.

Bài thơ Đường luật đòi hỏi:

Bố cục: giúp cho tình ý trong bài thơ được trình bày có tính lý luận:

Câu đầu là câu Khai Đề nêu ra một chủ đề tổng quát.

Câu hai là câu Phá Đề: nói rõ chủ đề là gì.

Hai câu 3 & 4 là cặp Giải Thích: chứng minh chủ đề.

Hai câu 5&6 là cặp “Luận”: suy rộng ra.

Hai câu 7&8 là hai Kết Đề.

Theo đúng được tinh thần bố cục này thì bài thơ có giá trị cao.

Luật bằng trắc: giúp cho âm điệu được êm tai. Âm của các chữ thứ 2, thứ 4, và thứ 6 phải lần lượt là: bằng - trắc - bằng hay trắc -- bằng - trắc.

Căn cứ vào âm của từ thứ 2 trong câu Một là bằng hay trắc, người ta bảo: bài thơ đó là **luật bằng hay trắc**.

Bài thơ “Thu Điếu” sau đây làm theo luật “bằng” (thu). Thí dụ:

1. Ao **thu** lạnh lẽo nước trong veo
(2) bằng - (4) trắc – (6) bằng
2. Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
(2) trắc – (4) bằng – (6) trắc

3. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
4. Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
5. Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt
6. Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
7. Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
8. Cá đâu đớp động dưới chân bèo
(Nguyễn Khuyến: “Thu Điếu”)

Niêm: luật bằng trắc của câu 1 và câu 8 là niêm với nhau (giống nhau).

Luật bằng trắc của câu 2 và 3 là niêm với nhau (giống nhau).

Luật bằng trắc của câu 4 & 5 niêm với nhau (giống nhau).

Luật bằng trắc của câu 6&7 niêm với nhau (giống nhau).

Đối: Ý đối ý, từ đối từ (danh từ đối với danh từ; động từ đối với động từ, v.v.)

Cặp 3 & 4 là cặp đối: sóng đối với lá; biếc đối với vàng; ...

Cặp 5 & 6 là cặp đối: từng mây đối với ngõ trúc; ...

Điệp ngữ: là nhắc lại những chữ đã được dùng rồi trong cùng một bài. Nên tránh điệp ngữ trừ phi nghĩa khác nhau. Dùng nhiều điệp ngữ chứng tỏ vốn từ ngữ nghèo nàn hay văn thiếu *châu chuốt*.

Đại cương niêm luật trong thơ Đường luật là như vậy. Đọc nhiều bài mẫu sẽ quen và thấy không còn khó khăn nữa. Thêm một vài bài thơ Đường luật:

Bài Xương

VƯƠNG VẤN NÀNG THƠ

-Nguyễn Lý (Canada)

Vắng thư nhớ chữ biết bao nhiêu
Lâm thúy ngâm nga mỗi buổi chiều
Xuân sắc còn đây, hương viển phớ
Thơ nguồn vẫn đó, ý cô liêu
Mờ mờ thi khách gương anh liệt
Thấp thoáng giai nhân nét mỹ miều

Mỗi độ trăng về nghe gió thoảng
Bàng hoàng trong dạ ngóng tà xiêu

*

Hoa

VƯƠNG VẤN NÀNG THƠ

-Hải Bằng.HDB

Tri âm, tri kỷ được bao nhiêu
Vương vấn nàng Thơ tuổi xế chiều
Mong mãi tin thư về trước ngõ
Đợi hoài bóng nhận tới sau liêu
Đường xưa vẫn khắc hình trang nhã
Lối cũ còn in bóng mỹ miều
Có lẽ mười năm quên lẫn nhớ
Tình ngay, nghĩa thật chẳng xiêu xiêu

*

CHIM ĂN GỌI ĐÀN

Sáng sáng chim đàn đậu trước nhà
Gạo, mì rải sẵn tự hôm qua
Vài con se se nghiêng đầu gọi
Mấy cặp sáo nâu liệng cánh sà
Muông thú thức ăn không cất chứa
Loài người tiền của chẳng cho ra
Trời cha, đất mẹ bao la quá
Chia sẻ cùng nhau cuộc sống hòa
- Hải Bằng.HDB

*

**Người Việt chúng ta từ ngàn xưa có thể thơ
Lục Bát.**

Thơ Lục Bát cũng có luật bằng trắc và đối nhưng không chặt chẽ như thơ Đường. Luật bằng trắc trong thơ Lục Bát đơn giản và uyển chuyển.

Luật Bằng Trắc

Đó là âm của các chữ thứ **Hai (bằng), Tư (trắc), Sáu (bằng), Tám (bằng); âm cuối câu là âm bằng; và âm chữ thứ sáu (câu 6) vần âm với chữ thứ 6 câu 8; âm chữ thứ 8 vần với âm thứ 6 của câu 6 kế.**

Trăm năm trong cõi người **ta**

(1) (2) (3) (4) (5) (6)
Bằng (2) Trắc (4) Bằng (6)

Chữ **tại**, chữ **mệnh**, khéo **là** ghét **nhau** Bằng (2) Trắc (4) Bằng/Vần (6) Bằng (8)

Trái **qua** một **cuộc** biên **dâu**

Những **điều** trông **thấy** mà **đau** đón **lòng**
(Nguyễn Du, *Kiều*)

Dưới **đèn** xem **truyện** Tây **Minh**

Gẫm xem hai chữ nhân tình éo le

Ai ai lẳng lẳng mà nghe

Dữ răn việc trước, lành dè thân sau

(Nguyễn Đình Chiểu, *Lục Vân Tiên*)

Tuy nhiên, khi cần **đối giọng**, chữ thứ hai và thứ tư cùng là vần trắc:

Hôm qua ra đứng bờ ao

Trông cá, cá **lặn**, trông sao, sao mờ (Ca dao)

Luật Đối

Luật đối chỉ có trong câu 6 hoặc 8; trong khi thơ Đường thì Đối ở hai cặp {câu 3-4 và 5-6}

Đầu lòng hai ả tố nga

Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần (hai vế đối trong câu)

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang (hai vế đối trong câu)

Tại sao có luật Đối? - Để **nâng chất lượng** của câu thơ. Những từ ngữ đối nhau làm cho **hình ảnh** nổi bật lên.

Râu hùm, hàm én, mày ngài

Vai năm tấc rộng, thân mười tấc cao (hai vế đối trong câu) - (*Kiều*)

Thình thoảng nên đưa vào bài thơ một vài câu đối cho bài thơ thêm khởi sắc. Đó là cái khó, cái hay của bài thơ. Những bài thơ suông tuốt thường là loại thơ bình dân (đồng dao hoặc ca dao).

Người Việt còn thể thơ nữa gọi là Song Thất Lục Bát.

Do đâu có loại thơ này? – thể thơ Song Thất Lục Bát hay còn gọi là Lục Bát Dán thất (7.7.6.8.) là sự kết hợp thơ Thất Ngôn của Tàu và thơ Lục Bát của Việt, kết quả của sự giao lưu văn hóa Tàu-Việt.

Sự kết hợp thất ngôn với lục bát có ưu điểm là làm giảm đi nhịp điệu đều đều của thơ 6.8. và đặc biệt là có thể sử dụng luật Đối trong các câu 7 cho tăng chất lượng (ấn dụ) của bài thơ:

- (7) Chìm đáy nước cá lơ đờ lặn (Đối với câu dưới)
- (7) Lửng chân trời nhận ngấn ngơ sa
- (6) Hương trời đẫm nguyệt, say hoa
- (8) Tây Thi mất vía, Hằng Nga giết mình (hai vế đối trong câu)
(Nguyễn Gia Thiều, *Cung Oán Ngâm Khúc*)
- (7) Ngoài đầu cầu nước trong như lọc
- (7) Đờng bên cầu cỏ mọc còn non
- (6) Đưa chàng, lòng dặc dặc buồn
- (8) Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền (hai vế đối trong câu)
(Đoàn Thị Điểm, *Chinh Phụ Ngâm Khúc*)

Thể Thơ Lục Bát Bát Cú

Thể thơ “thất ngôn, bát cú” là một thể thơ trang trọng, khó làm, vì toàn bộ tình ý chỉ được phép nói gọn trong 56 chữ mà thôi. Đó là thơ của người Tàu.

Người Việt chúng ta cũng có thể thơ tám câu lục bát; cũng chỉ dùng 56 chữ để tạo thành một thể thơ **Lục Bát Bát Cú** dung để mở đề hay tán vịnh cũng trang trọng và gọn nhẹ.

Đây là một bài thơ Bát Cú Lục Bát:

MƠ ƯỚC CỦA “KỶ NGUYÊN MỚI”*

- Hải Bằng.HDB

*

Kỷ nguyên này Kỷ Nguyên Hòa
Kỷ nguyên đầu của Hai Bà Họ Trưng
Kỷ nguyên đoàn kết tung bừng
Anh hào tụ nghĩa ăn mừng giao duyên

Kỷ nguyên đây của người hiền
Không dung ngồi bút viết tiên, vẽ tà
Kỷ nguyên của Bách Thiên Hoa
Non non, nước nước, nhà nhà an vui
(*) Nguyệt báo *Kỷ Nguyên Mới* (VA) của nhóm Nguyễn Đức Nam, Linh Vang, và Hồng Thủy.

*

Tóm lại, thơ có nhiều thể loại; mỗi thể loại đúc dụng cho một thể tài. Nhà Nho ngày trước không viết văn xuôi mà chỉ dùng các thể thơ để viết sách.

Đường thi (7.8) vốn được coi như những bức tranh thủy mặc rất thích hợp cho ngâm vịnh như những bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, v.v.

Bước tới đèo ngay bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông rợ mấy nhà

Thơ lục bát (6.8) thường là những bức tranh quê với lũy tre xanh, con trâu hiền, và tiếng sáo chiều êm, rất thích hợp cho văn kể chuyện tâm tình êm ái như Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Bóng tà như dục con buồn

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Thơ song thất lục bát (7768) đa số là những tình khúc buồn rất thích hợp cho những kẻ lẻ lẽ nào nùng, ai oán như bài “Tự Tình Khúc” của Cao bá Nhạ mô tả nỗi hăm oan của chính mình.

Tỉnh giấc mộng ngâm câu “kỷ vãng”

Trải tám thu ngày tháng như thoa

Chiếc thân tựa bóng quan hà

Nỗi niềm tâm sự, trăng già thấu chăng?

Thơ mới và **thơ tự do** là những thể loại mới rất đặc dụng cho tả tình, tả cảnh không đòi hỏi những thi tắc (luật thơ) chặt chẽ.

Riêng về *Thơ Tự Do*, hiện nay ở Hoa Kỳ, hàng năm có những nhóm họp của nhiều nhà thơ đưa ra những **thể thơ và thi tắc mới** sao cho “thơ cho ra thơ” chứ không thể là “thơ xuôi đoạn”, loại thơ không có thi tắc.

Dưới đây là những sáng kiến mới trong địa hạt thơ - loại **Thi Tắc Tân Hình Thức - New Formalist Canon** - với vài hàng tin liệu như sau:

Nguồn Gốc và Ý Muốn

Từ ngữ đó [New Formalism] đầu tiên được nói đến qua bài ‘The Yuppie Poet’ [Nhà Thơ Hãnh Tiến] trong kỳ phát hành 1985 của *AWP New Letter*, nó là một bài công kích đang trong phong trào, lên án những nhà thơ không những mang tính bảo thủ mà còn mang tính duy vật.

Tân Chủ Nghĩa Hình Thức là một phản ứng chống lại những sự thiếu sót có ý thức khác nhau trong việc làm thơ của các nhà thơ đương thời. Trong bài ‘Ghi Chú về Tân Chủ Nghĩa Hình Thức’ (1987), Dana Gioia viết: “Những đề xuất thực sự của thơ Mỹ trong những năm 1800 sẽ trở nên sáng sủa hơn, đó là: sự xuống cấp của ngôn ngữ thơ; tính văn xuôi của thi ca; sự phá sản của thể văn thú tội; sự bất lực để thiết lập một ngành thẩm mỹ có ý nghĩa cho thể loại mới về văn kể truyện có chất thơ và sự chối bỏ một sự pha trộn âm nhạc trong thơ đương thời. Người ta sẽ nhìn thấy các hình thức thơ truyền thống sống lại như là một trả lời cho hoàn cảnh rắc rối hiện nay.

Từ 1995, Đại Học West Chester đã tổ chức một buổi hội thơ hàng năm tập trung vào thơ có quy tắc và Tân Hình Thức. Hàng năm, Giải thưởng Robert Fitzgerald Prosody (Giải Robert Fitzgerald về Thi Tắc) được phát ra trong dịp này.

Năm 2004, Hội Nghị West Chester tổ chức dành cho khách được mời một hội thảo về ‘Định Nghĩa Quy Tắc của Tân Hình Thức’....

Origins and Intentions

The term [New Formalism] was first used in the article ‘The Yuppie Poet’ in the May 1985 issue of the *AWP Newsletter*,^[1] which was an attack on the movement, accusing its poets not only of political conservatism but also yuppie materialism.^[2]

New Formalism was a reaction against various perceived deficiencies in the practice of contemporary poets. In his 1987 piece ‘Notes on the New Formalism’, Dana Gioia wrote: “the real issues presented by American poetry in the Eighties will become clearer: the debasement of poetic language; the prolixity of the lyric; the bankruptcy of the confessional mode; the inability to establish a meaningful aesthetic for new poetic narrative and the denial of a musical texture in the contemporary poem. The revival of traditional forms will be seen then as only one response to this troubling situation.”^[3]

Since 1995 West Chester University has held an annual poetry conference with a special focus on formal poetry and New Formalism. Each year the Robert Fitzgerald Prosody Award is awarded as part of the conference.

The 2004 West Chester Conference had a by-invitation-only critical seminar on ‘Defining the Canon of New Formalism’, in which the following anthologies were discussed.^[8]

Rebel Angels: 25 Poets of the New Formalism edited by Mark Jarman and David Mason, 1996.

The Direction of Poetry: An Anthology of Rhymed and Metered Verse Written in the English Language since 1975, edited by Robert Richman

A Formal Feeling Comes: Poems in Form by Contemporary Women, edited by Annie Finch

*



Đón tiếp Biên khảo gia Hải Bằng HDB và phu nhân về Virginia 09/13/2011: Từ trái, hàng ngồi:
Phu nhân Phạm Văn Tuấn, PN Phạm Hữu Bính, Nguyễn Thị Ngọc Dung, PN Hải Bằng HDB.
Hàng đứng: Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Phạm Hữu Bính, Nguyễn Lân,
Hải Bằng HDB. Hình Phạm Văn Tuấn.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

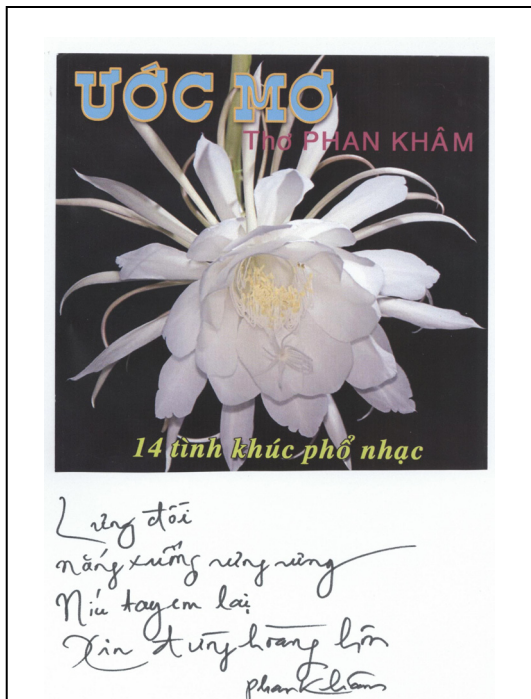
MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

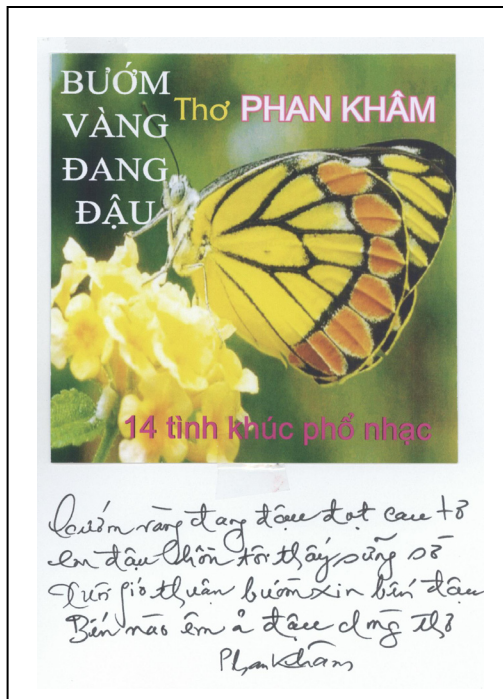
SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC



ƯỚC MƠ

14 tình khúc phổ nhạc thơ Phan Khâm

- | | |
|---|---------------|
| 01. Ước Mơ - Nhật Bằng | Mai Thiên Vân |
| 02. Áng Mây Hồng Phiêu Du - Vĩnh Điện-Quỳnh Lan | |
| 03. Bốn Mùa Thương Nhớ - Ng. Tuấn | Quỳnh Lan |
| 04. Trong Trí Nhớ Dòng Sông-Huy Lãm | Xuân Phú |
| 05. Ta Nhớ Em- Phan Dũng Hảo | Quỳnh Lan |
| 06. Tóc Chẻ Làm Tư- Ng. Tất Vịnh | Mai Thiên Vân |
| 07. Vẫn Thơ Cho Ai- Phan Dũng Hảo | Quỳnh Lan |
| 08. Một Mai Trở Lại -Nguyễn Tuấn | Mai Thiên Vân |
| 09. Thôi Em- Nguyễn Tất Vịnh | Quỳnh Lan |
| 10. Tôi Về Đó Tìm Tôi. Nguyễn Tuấn | Vy Thảo |
| 11. Đôi Khi Tôi Còn- Vĩnh Điện | Quỳnh Lan |
| 12. Xin Em- Hoàng Cung Fa | Ngân Quỳnh |
| 13. Mộng Bình Sinh- Vĩnh Điện | Mai Thiên Vân |
| 14. Chuyện Dòng Sông- Ng. Tất Vịnh | Quỳnh Lan |



BƯỚM VÀNG ĐANG ĐẬU

14 tình khúc phổ nhạc thơ Phan Khâm

- | | |
|---------------------------------------|---------------|
| 01. Chiều Mưa Bong Bóng- Vĩnh Điện | Diệu Hiền |
| 02. Hoa Và Xuân- Vĩnh Điện | Lan Phương |
| 03. Mùa Cổ Tích -Nguyễn Tất Vịnh | Trung Hậu |
| 04. Biết Đến Bao Giờ - Hồ Bằng | Mai Thiên Vân |
| 05. Trên Thế Gian Nầy-Vĩnh Điện | Diệu Hiền |
| 06. Cây Đa Làng Cũ- Ng. Hữu Tân | Hạnh Nguyên |
| 07. Mùa Uyên Ương- Hồ Bằng | Hương Giang |
| 08. Dấu Vết Nào Sắt Sơn- Vĩnh Điện | Tâm Thư |
| 09. Ai - Nguyễn Tất Vịnh | Quỳnh Lan |
| 10. Nắng Và Em- Huy Lãm | Tuyết Mai |
| 11. Xin Lân Nầy Đi Tới- Ng. Tất Vịnh | Diệu Hiền |
| 12. Bướm Vàng Đang Đậu- Ng. T Vịnh | Hạnh Nguyên |
| 13. Hoa Nở Bao Giờ- Ng. Túc, Tiến Đạt | Diệu Hiền |
| 14. Yên Ổn Cuộc Đời- Ng. Tất Vịnh | Lan Phương |

Liên lạc: PHAN KHÂM
301-592-8608 (H), <phanvyle@yahoo.com>

TIẾNG ĐÀN THÚY-KIỀU

GS. Phạm Thị Nhung

Kỳ 2 (Tiếp theo Cỏ Thơm số 57)

2. KIỀU HẦU ĐÀN HOẠN-THU

và THỨC-SINH

(Tiếng đàn đoạn-trường 1)

(cc.1853-1858)

Xây cảnh gia-biến, Kiều bán mình chuộc cha, phải theo Mã Giám-Sinh về Lâm-Truy. Rơi vào bẫy của Tú-Bà, nàng buộc phải làm gái làng chơi. Nơi đây, Kiều gặp Thúc-Sinh, người quê Vô-Tích, theo cha buôn bán ở Lâm-Truy, say-mê chuộc khỏi lầu xanh, lấy làm vợ bé. Hoạn-Thư, vợ cả Thúc, biết chuyện, cá ghen; mượn uy-thế cha, sai bọn tôi-tớ thân-tín chụp thuốc mê bắt cóc Kiều về cho Hoạn-Bà uy-hiếp, đánh-đập, rồi ép vào vai Hoa-nô; sau đưa sang hầu-hạ Hoạn-Thư để chờ cơ-hội trả thù.

Nhân dịp Thúc-Sinh về quê, Hoạn-Thư thực-hiện mưu sâu.

Nàng Hoạn cho gọi Hoa-nô lên chào ông chủ, đoạn bắt hầu rượu, hầu đàn, giúp vui tiệc rượu cho vợ chồng nàng.

Tiếng đàn Kiều gây trong trận đòn ghen thâm-độc này của họ Hoạn, đã được ND giới-thiệu trong 6 câu thơ (cc. 1853-1858)

Bốn dây như khóc, như than

Khiến người trên tiệc cũng tan-nát lòng.

Cùng trong một tiếng tơ đồng

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Giọt châu lăn-chả khôn cầm

Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương.

A - Giới-thiệu tiếng đàn (c. 1853)

Tiếng đàn của Thúy-Kiều lần này không còn « Ngậm đắng, nuốt cay », vì giờ đây Kiều đang phải đối-diện trước một thực-tại phũ-phàng, trớ-trêu. Lòng nàng đau-khổ quá, nên dưới những ngón tay bầm phím, dạo đàn của nàng, cả bốn dây tơ đều bật lên thành những tiếng nức-nở ai-oán, nghe ra « *như khóc* », « *như than* »:

Bốn dây như khóc, như than

Kiều đau-khổ vì bị sa-cơ rơi vào hoàn-cảnh éo-le, dờ khóc, dờ cười: Ông chủ, vị thượng-khách ngồi trên tiệc rượu kia lại chính là chồng nàng, người chồng đã dành cho nàng một tình yêu thiên-vị, nồng-nàn bấy lâu « *mặn tình cát-lũy* » « *nhạt tình tào-khang* ». Người chồng đầu tiên đã cho nàng biết thế nào là hạnh-phúc lứa đôi :

Hương càn đượm, lửa càn nồng

Càng sôi vẻ ngọc, càng lỏng màu sen.

Vợ chồng nàng thương-yêu khăng-khít như vậy, mà nay Hoạn-Thư đánh ghen bằng qui-kẻ, tách-biệt danh-phận « *con ở* »/« *chúa nhà* », khiến cả hai lâm vào thế kẹt « *đất thấp/ trời cao* », không thể mở lời nhận nhau:

Bây giờ đất thấp, trời cao

Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ ?

Kiều đau-khổ bởi vợ chồng nàng mới hôm nào chia tay quyến-luyến là thế, hoạn-nạn xảy ra cho nàng là thế, nàng mong-mỏi tin ai là thế, mà giờ đây giáp mặt lại phải nín câm, không được cùng ai một lời than-thở; vợ chồng nhìn nhau mà phải xem nhau như

kẻ lạ-xa, làm sao ruột nàng không « đòi đoạn rói-bời ».

*Càng trông mặt, càng ngán-ngơ
Ruột tâm đòi đoạn như tơ rói-bời.*

Kiều đau-khổ vì phải chứng-kiến cảnh trêu-ngươi trước mắt, tình-địch và chồng nàng rót rượu mời nhau hết chén này tới chén khác, nói-nói cười-cười vui-vẻ, thân-mật trên bàn tiệc ; trong khi nàng, thân-phận con nô-tỳ hèn-mọn phải trực hầu hai bên, chịu bao lời bắt-bẻ, quát mắng của họ Hoạn, bà chủ nhà đầy quyền-uy, đang cố tình hành-hạ làm nhục nàng trước mặt chồng nàng:

*Vợ chồng chén tạc, chén thù
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.
Bắt khoan, bắt nhật đến lời
Bắt qùy tận mặt, bắt mời tận tay.*

Nào đã xong, Kiều còn bị Hoạn-Thư mát-mẻ khen ngợi lắm tài, để buộc Kiều phải gầy đàn giúp vui cho chàng Thúc.

Trước cảnh-ngộ éo-le, đau lòng nhường ấy, tiếng đàn của Kiều tránh sao khỏi rung lên thành những tiếng rên-xiết « như khóc, như than » !

B - Hiệu-lực của tiếng đàn (cc.1854-1858)
*Khiến người trên tiệc cũng tan-nát lòng.
Cùng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thảm.
Giọt châu lã-chã khôn cầm
Cúi đầu, chàng những gạt thảm giọt sương.*

« Người trên tiệc » mà là người trong cuộc thì còn ai khác Thúc-Sinh ?

Thúc-Sinh nghe tiếng đàn của Kiều, người thiếp yêu-quí của mình, vang lên những tiếng nức-nở, nghẹn-ngào « như khóc như than » thì thương quá. Chàng tội-nghiệp Kiều phải chịu sự đầy-đọa quá-quất của Hoạn-Thư. Giá như trước kia chàng nghe lời Kiều khuyên, về thú thực ngay cùng nàng ta, người vợ cả « Ở vào khôn- phép, nói ra mới giở lòng » và

« nham-hiểm » của chàng, thì đâu nên nổi ? Chàng Thúc xót-thương Kiều đến « tan-nát lòng », song bị kẹt cứng vào địa-vị ông “chúa nhà” trong một gia-đình đại-quyền-thế, nên không thể mở lời nhận con hầu của vợ là thiếp của mình; huống chi bản tính chàng vốn hèn-nhát, sợ vợ đã quen, chuyện lấy thiếp đã chót dẫu rồi, thì nay đành ngậm miệng chịu trận. Bởi vậy, dù có thương Kiều đến mấy chàng cũng chỉ dám « khóc thảm » ; khôn thay lực bất tòng tâm, những dòng lệ cảm cứ đầm-đìa tuôn rơi, chàng vội-vàng cúi đầu lo gạt thảm nước mắt, vì sợ nàng Hoạn hay biết:
*Giọt châu lã-chã khôn cầm
Cúi đầu chàng những gạt thảm giọt sương.*

Còn « Người ngoài cười nụ » thì « Chính-danh thú-phạm kia là Hoạn-Thư »!

Hoạn-Thư là một người phụ-nữ khôn-goan, có bản-lãnh ; nàng còn đầy mặc-cảm tự-tôn đối với Thúc-Sinh, chồng nàng. Cha nàng là quan lớn Lại-Bộ trong triều, trong khi chồng nàng là con nhà buôn, bản thân chàng tuy theo đòi bút nghiên nhưng chưa đỗ-đạt, chưa nên danh-phận gì. Vậy mà dám bội-bạc nàng lấy thiếp, còn cả gan qua mặt nàng, lại bật tin nhà suốt một năm nay ; bảo sao nàng không uất, không hận, không « Ngứa ghê, hờn ghen »? Nàng phải tìm cho ra mưu sâu chước hiểm, trả thù này cho đích-đáng :
*Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đau-đớn, ê-chề cho coi!*

Tiệc rượu tầy-trần ngày Thúc-Sinh trở về quê là dịp cho Hoạn-Thư thực-hiện mưu-kế đã định.

Hoạn-Thư không cho tình-địch được ở vai ngang hàng với nàng, vợ cả /vợ lẽ, trong vấn-đề đánh ghen, tranh-chấp tình yêu của chồng. Nàng tách-biệt danh-phận *con ở /chúa nhà* để đôi bên không thể nhận nhau. Đồng thời, nàng dim tình-địch xuống tận đất đen trong thân-phận tôi-đòi, để biến cuộc

đánh ghen tàn-nhẫn, sâu-độc của nàng thành một câu chuyện bình-thường như trong hầu hết các gia-đình quyền-quí phong-kiến xưa, bà chủ nhà, trong bữa tiệc tây-trần đón chồng đi xa về, vì muốn chiều chồng nên có hơi gay-gắt với con ở.

Để hoàn-thành vai trò này, Hoạn-Thư đã phải nén cơn ghen, dẹp cơn giận, bình-tĩnh và chủ-động trong mọi tình-huống. Nàng vờ-vĩnh nói cười tự-nhiên như không ; trong khi đó, nàng không bỏ lỡ một cơ-hội nào để hành-hạ cô vợ bé của chồng. Nàng truyền gọi Hoa-nô ra “*lay mừng*” ông chủ cho đôi bên phải giáp mặt; thấy chàng Thúc xúc-động, nói dối thương nhớ mẹ xưa vì vừa đoạn tang, Hoạn-Thư liền bày chuyện mở tiệc rượu tây-trần giải khuây ; khi chàng Thúc cáo say để lảng ra, Hoạn-Thư vội thét - “ Con Hoa / Khuyên chàng chẵng cạn thì ta có đờn ! ” ; nghĩa là hết bất khoan bất nhặt, hết mắng lại đến dọa đờn...cốt làm nhục cô ta, đồng thời cũng là cách làm cho anh chàng Thúc phải điều-đứng, khổ-sở.

Lúc đầu, người thiếp của chồng nàng có thấy hơi khựng lại, về bối-rối vì quá bất-ngờ trước thực tại phũ-phàng khi nhận ra ông chủ lại chính là Thúc-Sinh. Nhưng chỉ giây phút sau, cô ta lấy lại được bình-tĩnh, im-lặng chịu-đựng, không nhỏ một giọt nước mắt, không cả đến một cái chau mày. Cho tới lúc Hoạn-Thư nhắm chùng cô ta đã thấm-thía hết nỗi đau-đớn tủi-nhục của mình, nàng bèn dứt điếm, ra chiêu cuối : Bắt đàn !

Quả nhiên, khi ra lệnh cho cô ta đàn, thì thấy cô ta run-rẩy choáng-váng (*than-hoán tê-mê*), vì biết không thể chịu-đựng hơn được nữa. Bởi tiếng đàn là tiếng lòng, nên khi cô ta dạo đàn, thì cả bốn dây tơ đều bật lên thành những tiếng kêu-thương, ai-oán « *như khóc, như than* ».

Tiếng đàn ấy mặc-nhiên tố-cáo, chủ-nhân của nó đã đón-đầu ê-chề lấm ròi, đã chịu ép

một bề trong thân-phận tôi-đòi ròi và chỉ dám than khóc âm-thầm qua mấy đường tơ.

Còn anh chồng Thúc-Sinh của nàng, nghe tiếng đàn “ như khóc, như than ” của cô vợ bé, thì nước mắt thương-cảm “ lã-chã ” tuôn rơi không dứt. Nhưng sợ vợ biết, chàng Thúc cứ phải cúi đầu luôn tay gạt lệ một cách âm-thầm, giấu-giếm:

Cúi đầu, chàng những gạt thắm giọt sương.

Nước mắt ấy, cử-chỉ ấy, nỗi khổ-tâm nhục-nhã ấy làm sao qua được cặp mắt soi-mọi của Hoạn-Thư này ? Xét cho cùng, chàng Thúc dù có thương thiếp đến đâu, vẫn biết nỗi sợ vợ lớn mà không dám lẩn-luột bênh-vực.

Hoạn-Thư sau khi nhìn thấu ruột gan hai nạn-nhân của nàng thì tìm-tìm “ *cười nụ* ”, biểu-lộ niềm thích-thú riêng-tư, vì biết rằng cuộc trả thù đã thành-công mỹ-mãn: Đúng là : *Cùng trong một tiếng tơ đồng*
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Mà nàng Hoạn không chỉ “cười nụ”, nàng còn “táp-tênh mừng thắm” như đã tự thú :

Lòng riêng táp-tênh mừng thắm
Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.

Cái vui ngày hôm nay khi thấy anh chồng bội-bạc cùng cô vợ bé của chàng phải khổ-sở, cay-đắng, nhục-nhã vì nàng, đủ bù lại bao nỗi sâu-hận, uất-ức “*ngứa ghẻ hòn ghen*” ngậm-ngậm mà nàng phải chịu-đựng bấy lâu.

Đêm đã khuya, tiệc rượu kéo dài cũng đã khá lâu, nhìn mặt Kiều và Thúc-Sinh thấy quá thiếu-não, Hoạn-Thư mới “*đường đà cam-tâm*”, bèn cho lệnh bãi tiệc, giải-phóng cho hai nạn-nhân khôn-khổ của nàng.

Nhận-xét

Tiếng đàn của Thúy-Kiều gảy đêm đó đúng là “*khúc đoạn-trường*” như Hoạn-Thư đã nhận ra (*Cuộc vui gảy khúc đoạn-trường ấy chi ?*), nó

ni-non, ai-oán đến nỗi cả hai thượng-khách trên bàn tiệc đều nghe ra “*như khóc, như than*”.

Đây chính là điểm báo-hiệu sự đắc-thắng hoàn-toàn của Hoạn-Thư trong âm-mưu trả thù anh chồng bội-bạc, cùng cô vợ bé thân cô thế cô mà dám chơi trò, đòi chia-sẻ tình yêu của chồng nàng.

Như chúng ta đã biết, Hoạn-Thư vốn là một phụ-nữ có bản-lãnh vững-vàng, lại sắc-sảo, thâm-hiểm. Nàng ta đã nghĩ ra được mưu sâu, đánh ghen bằng thủ-đoạn tách-biệt danh-phận “con ở / chúa nhà” để chia uyên, rẽ thùy. Nàng Hoạn không những dựa vào sự khôn-ngoan, ranh-mãnh của mình mà còn lợi-dụng quyền-thế của cha mẹ làm hậu-thuần. Từ đó nàng sắp sẵn kế-hoạch, nên khi lâm trận, giáp mặt đối-phương, dù căm-giận, dù ghen-tuông, dù nôn-nóng trả thù đến thế nào, nàng ta vẫn giữ được bình-tĩnh, thi-hành từng bước theo dự tính, để đưa hai nạn-nhân của nàng vào trông không lối thoát: Kê phải «đau-đón ê-chề», phải «than-hoán tê-mê»; kê phải «nát ruột tan hồn»...; nghĩa là cả hai đều phải tồn đến già không bao giờ còn dám tư-tưởng tới ngày sum-họp.

Vậy là nàng Hoạn vừa giành được chồng về cho riêng mình, vừa giải đi được bao nỗi uất-ức, ghen-hận bấy lâu. Sự vui-mừng đắc-thắng này đã khiến nàng ta trở nên độ-lượng, lập-tức cho bãi tiệc, giải-phóng cho hai nạn-nhân của nàng khỏi cảnh bị đầy-đọa kéo dài thêm nữa; và sáng hôm sau, đọc tờ trần-tình và thỉnh-nguyện của Hoa-nô, nàng Hoạn đã hoan-hỷ chấp-thuận cho Hoa-nô ra tu ở Quan-Âm-Các, giải-thoát vĩnh-viễn kiếp

“con hầu” cho người phụ-nữ “*hữu tài*” mà “*vô-duyên*” bạc-phận này.

Tóm lại, tiếng đàn đoạn-trường “*như khóc, như than*” của Thúy-Kiều lần này phải nói là nhập điệu đến đâu, nó đã diễn-tả được hết những nông-nổi éo-le cùng bao nhiêu đắng-cay tủi-nhục mà Kiều đã phải gánh chịu trên bước phong-trần của đời nàng, khi làm vợ bé Thúc-Sinh. Mặc dầu đã được quan Tuần- Phủ chính-thức công-nhận là phu phụ, Kiều vẫn bị mắc vào bẫy, trở thành con hầu của nàng Hoạn, vợ cả Thúc, người phụ-nữ có bản-lãnh phi-thường với cái ghen nham-hiểm «giết người không dao» của nàng ta.

Chỉ trong vòng 6 câu thơ ngắn-ngủi tả tiếng đàn đoạn-trường “*như khóc, như than*” của Thúy-Kiều, cùng hiệu-lực tiếng đàn ấy qua cử-chỉ, điệu-bộ của Thúc-Sinh và Hoạn-Thư trong trận đòn ghen “sâu-sắc nước đời” của nàng Hoạn; ND đã dựng lên thành một màn đại-bi-hài-kịch rút gọn, lột trần được đời sống nội-tâm (tình-cảm, tâm-lý) cùng cảnh-ngộ của cả ba nhân-vật Thúy-Kiều, Thúc-Sinh và Hoạn-Thư một cách tài-tinh, sống-động, dí-dỏm và sâu-sắc; khiến độc-giả nhiều khi phải vừa khóc vừa cười, đủ chứng-tỏ, ND quả là một kỳ-tài trong giới văn-thi-gia của dân-tộc ta.



(2) Lần đàn thứ 2, Kiều hầu đàn Hoạn-Thư : « Nàng Kiều ôm lấy cây đàn, thử lại cung bậc, rồi cảm tưởng đến chàng Thúc với ta, trước đây là bạn đồng sàng, thế mà hôm nay trở nên một vị thượng khách trên tiệc, nhìn nhau không dám nhận nhau, cảm nỗi hưng vong, xót tình sau trước, dạo thành một khúc thăm sâu, khúc

ấy như sau : « *Thiếp phận mỏng rơi vào nhà hát...Tin ông chủ mới về thử ngó/ lúc tương phùng nhận rõ cố nhân/...Ồi vị thứ vì đâu ngăn cách/Ngán việc xưa gỗ phách than dài/Can trường như cắt làm hai/Bao giờ chấp cánh cùng ai phương trời ».*

Cung đàn còn chưa dứt khúc, mọi người hầu như cảm thấy những trận gió thảm mưa sầu phảng phất đến trước mâm rượu. Chàng Thúc thì đôi dòng lệ tuôn ra xối xả, nàng cũng nuốt lệ đoạn trường.... Hoạn tiếu thư thì rất hể hả..... cười thắm : « Tiệc rượu đêm nay cũng đủ tiêu được mối hận từ trước rồi đó. » (KVKT của TTTT, bản dịch của Tô-Nam NDD, sđd, tr.316.)

3. KIỀU HẦU ĐÀN HỒ TÔN-HIẾN

(Tiếng đàn đoạn-trường 2) (c c.2569 -2574)

Trốn khỏi nhà Hoạn-Thư, Thúy-Kiều đến nương-náu tại Chiêu-Ấn Am của Sư-Bà Giác-Duyên. Chẳng ngờ chuyện Kiều ăn cắp chuông vàng khánh bạc của nhà họ Hoạn mang theo phòng thân, bị bại-lộ ; để tránh phiền-lụy cho nhà chùa, Kiều đến tá-túc nhà Bạc-Bà, rồi bị cô cháu họ Bạc lừa bán vào một thanh-lâu ở Châu-Thai.

Kiều đang sống những ngày chán-chường, tuyệt-vọng nơi đây, thì Từ Hải, một khách anh-hùng ngoài biên-thùy xuất-hiện. Trước tướng-mạo oai-phong lẫm-liệt của Từ, Kiều không khỏi sững-sốt và có cảm-tình ngay. Chỉ sau một cuộc đàm-thoại tâm-đắc, Kiều xin phó-thác thân-phận ; Từ vui-vẻ nhận lời và tôn Kiều làm bậc tri-kỹ. Từ lập-tức chuộc nàng ra khỏi địa-ngục lâu xanh, lấy làm vợ, hết dạ yêu-thương và cho chung hưởng một cuộc đời rất mực hạnh-phúc, quyền-quí.

Cuộc sống với họ Từ tưởng vững-vàng là thế :

Triều-đình riêng một góc trời

Gồm hai vãn võ, rạch đội sơn-hà.

.....

Trước cờ ai dám tranh-cường !

Hay đâu chỉ năm năm sau, vì tin vào lời dụ hàng phình-phờ của Tổng-Độc Hồ Tôn-Hiến, Kiều đã ni-non khuyên chồng ra đầu-phục triều-đình. Bị họ Hồ lừa, Từ phải chết oan, còn Kiều bị ép phải hầu rượu, hầu đàn trong bữa tiệc hạ-công của hắn.

Nguyễn Du đã tả tiếng đàn đoạn-trường này của Thúy-Kiều trong 6 câu (cc.2569-2574):

Một cung gió thảm, mưa sầu

Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay !

Ve ngâm, vượn hót nào tày !

Lọt tai Hồ cũng nhấn mày, rơi châu

Hỏi rằng : Đây khúc ở đâu

Nghe ra muôn oán, nghìn sầu, lắm thay !

A - Giới-thiệu tiếng đàn (cc.2569-2571)

Vừa trải qua một cú “sốc” khốc-liệt trước cái chết oan-ức, tức-trừu của Từ Hải ; xác chồng vừa chôn đó, Thúy-Kiều còn chưa qua khỏi cơn thống-khổ, bàng-hoàng thì đã bị Tổng-Độc Hồ Tôn-Hiến cho điếu tới giữa cảnh tung-bùng não-nhiệt của buổi tiệc khao-quân, ăn mừng chiến-thắng của hắn:

Trong quân mở tiệc hạ-công

Xôn-xao tơ trúc, hội-đồng quân quan.

Kiều chẳng những bị họ Hồ buộc phải hầu tiệc, mà còn bị ép phải hầu đàn:

Bắt nàng thị yến dưới màn

Giở say lại ép vãn đàn nhật tâu.

Sao mà các-cớ trớ-trêu; sao mà tàn-nhẫn, ác-độc, bất-nhân đến thế! Buộc mình phải gảy đàn để mua vui, để gây thêm hứng-thú cho bữa tiệc khao quân mừng chiến-thắng của hắn, kẻ thù vừa giết được chồng mình!

Bị rơi vào hoàn-cảnh cực-kỳ éo-le ấy, sự đau-khổ của Kiều đã lên đến tột-độ; Kiều như mê như dại, nàng ôm đàn, xiết năm đầu ngón tay trên bàn phím rồi xoắn mạnh vào từng dây tơ cho vang lên, cho trào ra tất cả những nỗi đón-đau, uất-hận trong lòng:

Một cung gió thảm / mưa sầu

*Bốn dây / nhỏ máu / năm đầu ngón tay.
Ve ngâm / vượn hót / nào tây!*

Đến nỗi tiếng đàn của Kiều đã bật lên thành những tiếng “*gió thảm*”, “*mưa sâu*” ! “*Gió thảm*”, hình-ảnh gợi tả những trận gió lớn trong cơn bão-tổ, khi luồn qua những vách núi, những hang thẳm hay qua những hàng cây to rậm-rạp, gây thành những tiếng gào, tiếng hú ghê-hồn và cả tiếng vãn mình nghiêng-ngả, vật-vã của cây-cối. “*Mưa sâu*”, hình-ảnh gợi tả những trận mưa to, mưa rơi tầm-tã, mù trời, tối đất.

Như vậy “*Một cung gió thảm, mưa sâu*” đã diễn-tả tiếng lòng công-nộ, bi-phẫn và khổ-đau quẫn-quại, thống-thiết của Thúy-Kiều, qua tiếng đàn khi rên-xiết, khi rít lên từng hồi, nghe ra như những tiếng gào, tiếng hú thê-thảm của những trận cuồng-phong trong cơn mưa bão mịt-mù, kéo dài của đất trời.

Đến nỗi cả năm đầu ngón tay Thúy-Kiều đều rập nát, máu chảy ướt đầm cả bốn dây đàn, mà nàng nào có hay...chỉ mê-man gào khóc qua mấy đường tơ.

Ngoài ra, Nguyễn Du còn mượn điển “vượn hót” lồng vào tiếng đàn của Kiều. ND muốn nhắc lại một tấn bi-kịch trong truyện Thang Ưng-Tăng, sách Ngu-Sơ Tân-Chí. Chàng Tăng có biệt-tài về đàn tỳ-bà, sang Sở ở luôn ba năm chưa về. Một hôm gảy đàn dong chơi trên hồ Động-Đình, Tăng nghe thấy tiếng một con vượn hót thảm-thiết suốt đêm. Sáng ra, thuyền vừa cập bến, con vượn bỗng vỗ lấy cây đàn, chạy biến mất. Tăng trở về nhà, mới hay vợ đã chết. Bà mẹ cho biết, hôm vợ Tăng chết, có con vượn hót thảm-thiết ở ngoài cửa.

Tiếng hót của con vượn trong điển-tích Thang Ưng-Tăng thảm-thiết nhường ấy, khi đem so-sánh với tiếng đàn sâu-thẳm của Kiều trong tấn đại-bi-kịch của đời nàng lúc này, thì còn kém xa, đúng hơn là không thể so-sánh được (nào tây!). Tiếng đàn của Kiều không chỉ

gào khóc cho cảnh-ngộ đoạn-trường thê-thảm của Kiều mà còn vì cái chết oan-ức, tức-tưởi của Từ Hải, chồng nàng!

Quả thế, còn gì đau-đớn cho Kiều hơn, Từ Hải, một người chồng anh-hùng nghĩa-hiệp, đã cứu Kiều ra khỏi chốn bần-nhơ; lại hết lòng che-chở, bảo-vệ nàng. Từ còn là một người chồng tri-kỹ, hiểu được giá-trị tâm-hồn cao-đẹp của Kiều, Từ đã yêu nàng bằng mỗi chân-tình và trân-trọng hiếm thấy ở đời. Khi vừa lập được nghiệp lớn, Từ phong nàng làm phu-nhân, cho đón rước nàng về thủ-phủ với tất cả lễ-nghi trang-trọng nhất, như đón rước một Vương-phi về nhà chồng, Từ lại cho nàng được bàn việc trong quân. Hơn thế nữa, Từ còn lập riêng cho Kiều một toà án để trả ân, báo oán, giải đi cho nàng bao nỗi uất-ức trong lòng. Lại vì cảm thương nỗi nhớ nhà của Kiều, Từ đã hứa sẽ có ngày giúp nàng trở về cố-ly gặp lại mẹ cha.

Nghĩa là đối với Kiều, Từ đã trọn tình, trọn nghĩa làm chồng. Còn Kiều thì sao?

Ân-tình với ai Kiều cũng đã trả. Với Thúc-Sinh: “*Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân / Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là*” ; với Kim Trọng, Kiều đã nhờ Thúy-Vân thay lời “*Ngày xuân em hãy còn dài / Xót tình máu mủ thay lời nước non*”. Chỉ riêng với Từ Hải: Ân chưa trả, nghĩa chưa đền. Đau-đớn thay, nay lại chính Kiều là nguyên-nhân đưa tới cái chết oan-ức của Từ.

Chỉ vì quá nông-nổi, Kiều đã nhẹ dạ nghe lời dụ hàng của Tổng-Đốc Hồ Tôn-Hiến, những “*Tướng rằng phu quý, phụ vinh / Nở nang mày mặt, rỡ-ràng mẹ cha / Trên vì nước, dưới vì nhà*” mới ní-non khuyên Từ Hải ra qui-thuận triều-đình.

Trước tin dụ hàng của Tổng-Đốc Hồ Tôn-Hiến, lúc đầu Từ Hải đã khảng-khái chối từ. Nhưng sau vì quá yêu Kiều “*Nghe lời nàng nói mặn-mà*”, quá tin Kiều “*Tin tôi nên quá nghe lời*”, mới chấp-nhận “*Dem thân bách chiến làm tôi triều-đình*”. Ngờ đâu họ Hồ bội-tín,

cho quan quân đánh úp, Từ bị bắn xối-xả, chết tức-trời giữ trận tiền.

Quá oan-ức, Từ chết rồi mà còn đứng sừng-sững “*chôn chân giữa vòng/ Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời*”. Chỉ tới khi Kiều bị giải qua, biết chuyện, chạy ào tới, ôm chân chàng khóc rống lên:

*Khóc rằng - Trí dũng có thừa
Bờ nghe lời thiếp nên cơ-sự này!*

Rồi đập đầu xuống đất đòi chết theo, thầy Từ mới đỡ xuống. Linh-hồn Từ được an-ủi, vì Kiều đã hiểu rõ lòng Từ; Từ chết vì quá tin yêu nàng chớ không phải vì thua tài, kém trí Hồ Tôn-Hiến!

Còn gì đau-đớn, trớ-trêu hơn khi Hồ Tôn-Hiến bảo, nàng cũng có công trong việc diệt-trừ Từ Hải:

*Đã hay thanh-toán miếu-đường
Giúp công, cũng có lời nàng mới nên!*

Oan ôi! Nàng mà cũng giúp công trong âm-muru giết người chồng tình- nghĩa như thế của nàng ư?!

Bởi vậy, tiếng đàn của Thúy-Kiều lần này đã bật lên không còn là những tiếng “như khóc, tiếng than” nữa mà là những tiếng gào, tiếng hú cuồng-nộ của những trận “gió thảm, mưa sâu”, của những tiếng “ve ngâm, vượn hót” thảm-thiết; cùng “Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay”. Có vậy mới đủ diễn-tả hết được những nỗi khổ-đau, cay-đắng, uất-hận tràn-đầy của Thúy-Kiều trong tấn đại-bi-kịch của đời nàng.

B - Hiệu-lực của tiếng đàn (cc. 2572-2574)
Sau khi nghe tiếng đàn “*gió thảm, mưa sâu*”, “*ve ngâm, vượn hót*” Kiều vừa gầy đó, Hồ Tôn-Hiến, người được ND mệnh-danh là kẻ “*mặt sắt*”, kẻ lòng gang dạ thép, thủ-đoạn, bất-tín và độc-ác đến tàn-nhẫn, vô-lương. Hắn bắt Kiều hết hầu rượu rồi lại đến hầu đàn, để giúp vui trong buổi tiệc khao quân

mừng chiến- thắng của hắn, vì đã giết được Từ Hải, chồng nàng! Vậy mà hắn vẫn không thoát khỏi tiếng đàn rên-xiết ai-oán của Kiều lôi-cuốn đến mất cả tự-chủ, không kim được xúc-động, đã phải “*nhấn mày*” khi tiếng đàn nghe ra “*muôn oán*”, đã phải “*roi châu*” khi tiếng đàn nghe ra “*ngàn sâu*”:

*Lọt tai, Hồ cũng nhấn mày, roi châu.
Hỏi rằng - Nay khúc ở đâu?
Nghe ra muôn oán, ngàn sâu lắm thay!*

Nhận-xét

Thiên Bạc-Mệnh-Oán mà Thúy-Kiều đã sáng-tác và phổ nhạc khi còn thơ, nay đã ứng vào cảnh-ngộ đoạn-trường khóc-liệt nhất đời nàng. Thế nên, khi Kiều gầy lên là thành những tiếng “gió thảm, mưa sâu”, “ve ngâm, vượn hót”, đã khiến trái tim sắt-đá, vô-lương của Hồ Tôn-Hiến phải vô-cùng xúc-động. Điều này đủ rõ sức mạnh tuyệt-kỹ của tiếng đàn Thúy-Kiều; tiếng đàn ấy đã thể-hiện được trọn- vẹn vai-trò tiếng nói nội-tâm của Kiều, làm nổi bật số-kiếp tài-hoa bạc-mệnh của nàng.

Để diễn-tả tiếng đàn đoạn-trường khóc-liệt này của Thúy-Kiều, ND đã sử-dụng nhiều hình-thức nghệ-thuật đặc-biệt:

Trước hết, ông phối-hợp mỹ-từ-pháp đảo-trang với thậm-xung. Ông đặt túc-từ “bốn dây” lên đầu câu, đổi vị-trí cho chủ-từ “năm đầu ngón tay”: “*Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay*”, thay vì “*Năm đầu ngón tay nhỏ máu bốn dây*”; với mục-đích nhấn mạnh tiếng đàn đoạn-trường thảm-sầu nhất đời Kiều: Cả bốn dây đàn đã hòa-quện máu thịt nàng, tạo cho ta cái cảm-giác rờn- rợn, vì chỉ có cái đau th ê-xác, thịt tưa máu đổ thấm đậm bốn dây tơ như thế, khi gầy lên mới diễn-tả được hết cái khổ tinh-thần của nàng Kiều buổi ấy.

Sau nữa, ND còn sử-dụng lối ngắt câu nhiều biến dạng:

*Một cung gió thảm / mưa sâu
Bốn dây nhỏ máu / năm đầu ngón tay.*

Ve ngâm / vượn hót / nào tây!

Nhờ có những nhịp dài (4/2, 4/4) và tiểu đối (gió thâm/ mưa sâu, ve ngâm /vượn hót), làm nhịp thơ chậm lại, để cực tả tâm-trạng thông-khở đến tột-dại của Kiều trước bao cảnh oan-trái ập tới đời nàng.

Chừng ấy cũng đủ để chứng-tỏ cái tài-tình và bút-lực ghê-gớm của ND qua đoạn tả tiếng đàn trầm-thống này.

PHẠM THỊ NHUNG
(Paris)

(3) Lần đàn thứ 3, Kiều hầu đàn Hồ Tôn-Hiến "Nàng đâu dám từ chối, đành phải nuốt lệ ôm lấy cây đàn, nhìn cảnh hiện-tại, nhớ sự đã qua, bất giác gảy thành cung Bạc-Mệnh-Oán. Lại vì có sự đau-đớn bên trong, nên lúc thanh-âm phát động ra ngoài, trở thành những tiếng nghẹn-ngào than khóc, khiến cho tất cả những người trong tiệc cảm thấy mất vui. Khi gảy trọn khúc, Đốc-Phủ liền hỏi: Đó là khúc gì, mà khiến người nghe thâm-sâu như vậy?.." KVKT của TTTT. Bản dịch của Tô-Nam NDD (sđd), tr.402-403.

HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp theo)

VƯỜN BÁCH THẢO.

Từ cuối thế kỷ 19, Phó Puginier là con đường ngắn nhất giúp cho người Pháp sống trong "khu phố Tây" tìm đến nơi giải trí vào những tháng tiết trời ấm áp. Các thú tiêu khiển của người Pháp ở thuộc địa lúc bấy giờ còn hạn chế, nên việc dạo chơi ngoài trời sau bữa ăn tối hoặc ngồi xe ngựa đi ngắm cảnh đồng quê quanh Hà Nội là cách giải khuây rất thịnh hành. Vào những chiều đẹp trời, Phó Puginier rộn rịp ngựa xe đưa du khách đi ngoạn cảnh trong Vườn Bách Thảo hoặc đi hóng mát dọc bờ Hồ Tây.

Trên vùng ruộng lúa của các Làng Hữu Tiệp và Khán Xuân, năm 1889 nhà nước Bảo hộ định lập một trường thực hành để đào tạo công nhân và cai thợ cho các đồn điền Pháp,



Người Pháp dạo chơi Vườn Bách Thảo vào ngày Chủ nhật.

nhưng lại thay đổi, lập vườn bách thảo và vườn thuần hóa cây du nhập, trước đây người dân gọi là "Trại Hàng Hoa". Năm 1890, Martin, nhà làm vườn giàu kinh nghiệm ở Nam Kỳ, được ủy thác đến đây lo việc trồng cây thí nghiệm trên diện tích khoảng một héc-ta. Ông này hướng dẫn cách sản xuất các loại

rau cải Châu Âu và định quảng bá ngành trồng rau, nhưng việc tiến hành chưa đến một năm thì ông mất. Tuy vậy, khu vườn vẫn được chăm sóc, các nơi đất thấp, sinh lầy được đắp cho cao ráo. Người ta sửa sang lại những hồ nước có sẵn, xẻ đường cho xe lưu thông, dây đó xây lên những bồn hoa, chuồng thú cho công chúng đến giải trí.

Năm 1896, giám đốc kế vị là Lemarié tiếp tục tô điểm Vườn Bách Thảo. Phần dành cho nông nghiệp được khuếch trương: vườn trồng đủ loại rau cải từ Pháp đem sang; vườn cây ăn quả Châu Âu cạnh những cây nhiệt đới; những sản phẩm của vườn như hạt giống, cây non được phân phối đến các vườn ương và các trạm nông nghiệp ở các tỉnh. Phần để vui chơi giải trí, ngoài cảnh sắc nên thơ, kỳ hoa dị thảo, du khách còn được ngắm nhìn đủ loại thú hoang nuôi trong chuồng rào kín hay trên các bãi lộ thiên, vì thế cũng được gọi là "Vườn Bách Thú". Những lối đi quanh co, những hồ nước vào mùa hè tràn ngập hoa sen thơm ngát. Núi Sura cao gần 20 m, có đường vòng quanh đi lên đỉnh bằng phẳng, từ đó ta nhìn thấy Hồ Tây và khu Thành cổ. Trong vườn còn lại ngôi Đền Khán Xuân và Đình Làng Hữu Tiệp, cả hai đều có cổng trang trí những linh thú bằng đồ sành: rồng, nghê, phụng... Tượng voi sơn nhiều màu, phủ phục hai bên cổng. Phía Đông Vườn Bách Thảo có Đền Hội Đồng, xây vào đời Nguyễn để thờ các vị công thần. Bên cạnh là trường đua xe đạp, sau này nằm lọt trong hoa viên Phủ Toàn quyền và biến mất dưới lớp cây xanh.

Một phần đất của Vườn Bách Thảo được dành làm nơi thiết lập Phủ Toàn quyền. Tòa nhà xây năm 1901 đến 1906, giữa một vườn cảnh đầy cỏ hoa xinh xắn, các bụi cây và lối đi được bố trí cân xứng, ngoạn mục. Dãy lan can trắng giới hạn bìa phía Đông của khuôn viên, cạnh Phố Brière de l'Isle. Cổng chính bằng rào sắt nhìn thẳng ra Phố République (Hoàng Văn Thụ), luôn đóng kín, vì vào thời

ấy Toàn quyền và các thượng khách ra vào bằng cổng ở bên cạnh trạm gác nơi Bùng binh Puginier. Ngoài ra ở phía Bắc hướng về phía Đường Thành (Đường Hoàng Hoa Thám), còn một cổng khác có nét kiến trúc Việt nam, dành cho các công chức làm việc trong các văn phòng thuộc Phủ Toàn quyền.

KHU VỰC HỒ TÂY, HỒ TRÚC BẠCH ĐẾN ĐỀ YÊN PHỤ.

"Đường Thành" là con đường đắp cao, vết tích của tường Thành Thăng Long và có thể xưa hơn, là bờ tường đất của Thành Đại La từ đời Cao Biền thế kỷ 9, kéo dài từ Làng Bưởi đến rìa phía Bắc của Vườn Bách Thảo và Phủ Toàn quyền. Người Pháp gọi nó là "Đê Pareau", lấy tên của viên Công sứ Thị trưởng Hà Nội.



Đường Thành hay "Đê Parreau".

Lúc xưa Sông Tô Lịch từ khu phố cổ chảy đến đây, một đoạn sông được biến đổi làm hào nước che chở mặt phía Bắc của Thành Thăng Long. Lúc xây đường phố, Pháp đã lấp đi, nay còn lại đoạn chạy song song với Đường Thụy Khuê và Đường Thành đến tận Làng Bưởi.

Từ Bách Thảo ra đến Hồ Tây là đất Làng Thụy Chương, nhà cửa còn thừa sót, trên đó đã từng có một vườn ương cây, bên cạnh là nhà máy giấy của Henri Schneider xây năm 1893. Sát bờ hồ, ông này đã cho xây vào năm

1898 một biệt thự tráng lệ, tới nay còn được gọi là "Nhà bát giác", ở một địa thế ưu đãi vì từ trên sân thượng chủ nhân có thể ngắm hết cảnh đẹp Hồ Tây. Một cơ sở giáo dục rất danh tiếng ven Hồ Tây là Trường Trung học Bảo hộ hay Trường Bưởi, thành lập vào năm 1908, nơi xuất thân nhiều nhà trí thức tên tuổi, nơi un đúc các bậc anh tài ngày sau nắm giữ giềng mối quốc gia.

Nếu đi về hướng Làng Bưởi chúng ta còn gặp Nhà máy tàu điện, từ 1900 phát điện vận hành các tuyến tàu đi khắp thành phố.

Đứng trên Đường Thành nhìn về bên trái, phía các Làng Đại Yên, Liễu Giai chúng ta thấy nhiều gò đất cao không quá hai mươi mét nhưng thường được gọi là "núi", tương truyền rằng do Cao Biền đắp đê trấn bờ cõi, giữ vững Thành Đại La sau trận đánh phá của quân Nam Chiếu. Nào là Núi Cung, Núi Cột Cờ... và to hơn cả là Núi Voi, trên đó người ta xây Nhà máy bia Hommel. Không xa đây là Nhà máy thuộc da.

Sân quần ngựa trên đất cũ thuộc Làng Vĩnh Phúc, dời từ Phố Gambetta về đây năm 1899, có đủ cả khán đài, nhà kèn, ghi-sê đánh cuộc, hiệu ăn.

Làng Bưởi hay Làng Yên Thái nơi đa số người dân chuyên nghề làm giấy. Giấy được chế tạo từ vỏ cây dó, loài cây được trồng ở các vùng thượng du và trung du.

Chúng ta quay gót, đi về phía Đê Yên Phụ. Đường Cổ Ngư, lúc xưa là con đê hẹp và ngoằn ngoèo, ngăn cách Hồ Tây với Hồ Trúc Bạch, đi từ cổng Đền Quán Thánh đến Đê Yên Phụ. Nhìn sang bên trái, mặt nước Hồ Tây bao la. Đến đoạn giữa đường ta thấy Bán đảo Kim Ngư, trên đó Chùa Trấn Quốc và những ngôi tháp cổ lộ nhô giữa rừng cây xanh. Phía bên phải là Hồ Trúc Bạch, nếu trông sang bờ bên kia ta thấy lác đác mấy ngôi biệt thự, những thửa vườn, những tòa nhà của hãng thuốc lá phun khói xám cuộn cuộn, những căn nhà tranh san sát trên Bán

đảo Ngũ Xã, nơi xưa kia đã nổi tiếng với nghề đúc đồng. Cuối đường gần đến Đốc Yên Phụ, không xa bờ hồ cho mấy, Đền Cầu Nhi khép nép trên hòn đảo con con.



Đường Cổ Ngư, và Hồ Trúc Bạch. Bên trái, trên đảo nhỏ là Đền Cầu Nhi.

Đền Quán Thánh xây từ khi Vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long. Nơi đây thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, vị thần cai quản phương Bắc. Pho tượng đúc bằng đồng vào thế kỷ XVII, cao gần bốn mét, phỏng theo tượng gỗ đã tạc vào thế kỷ XI. Trước kia bốn chiếc trụ và cổng tam quan của đền đứng sát bờ Hồ Tây, có bậc thang xuống đến mặt nước, sau hồ đã lùi xa làm giảm đi phần nào nét thơ mộng của ngôi danh lam.

Chiếm một khoảng đất rộng góc Hồ Trúc Bạch, bên cạnh Đền Quán Thánh, Nhà máy gạch Bourgoin & Meiffre, thành lập năm 1898, chuyên sản xuất ngói, gạch dùng xây nhà, gạch lát hè phố, cột lan can, bình hoa, tượng trang trí... Bên kia Phố Quán Thánh, đối diện với đền và nhà máy gạch, có nghĩa địa dành cho người Pháp, lập năm 1885, sau biến thành công viên và sân vận động. Phố Quán Thánh kéo dài đến Tháp nước Hàng Đậu, dọc theo phố có đường tàu điện đầu tiên, thành lập năm 1900, nối liền Ga Bờ Hồ với Nhà máy tàu điện Thụy Khuê.

Khu vực Đông Bắc phía bên ngoài thành cũ, từ Hồ Trúc Bạch đến sát Phố Hàng Đậu, giữa Phố Quán Thánh và đê Sông Hồng, nguyên thủy là vùng hồ ao. Người dân kéo đến sinh sống trên mảnh đất ẩm thấp này, nhà cửa vườn tược ngày một lan rộng khiến các hồ bị cô lập, thu hẹp dần (Hồ Cổ Ngựa, Hồ Yên Thành, Hồ Hàng Than). Các thôn xóm, thường mang tên bắt đầu bằng chữ Yên, tuy nằm rải rác nhưng liên lạc nhau qua các eo đất hay những chiếc cầu gỗ. Cuối thế kỷ XIX, khi thiết lập đường sá thì những dải đất cạn làm lối đi lại giữa các làng ấy trở thành các con đường chính mà sau này là các Phố Yên Thành (tức Phố Đỗ Hữu Vị, sau là Cửa Bắc), Hàng Bún, Nhà Thương Khách (Phố Hồ Nai), Hàng Than... Đến những năm 1920, khi các hồ bị lấp hẳn, mới thành hình những phố chạy từ đông sang tây như Émile Nolly (Phạm Hồng Thái), Jambert (Nguyễn Trường Tộ).

Một đoạn đê khúc khuỷu chạy dọc bờ sông, Pháp gọi là "Đường Lô-cốt Bắc" (nay là Phố Phó Đức Chính), đi từ ngã ba dốc Cổ Ngựa, nơi có công sự phòng thủ phía bắc Hà Nội, đến đầu Phố Hàng Than. Trên đoạn đê này trước kia có 3 cửa ô : Yên Phụ (đầu Đường Cổ Ngựa), Yên Định (đầu Phố Cửa Bắc) và Nghĩa Lập (đầu Phố Hàng Than).

Khoảng 1895, người ta đắp thêm Đê Yên Phụ phía bên ngoài, vừa làm con đường thẳng tắp ven sông, vừa mở rộng đất đai để xây ở hai bên đầu Phố Đỗ Hữu Vị các công trình như: Nhà máy cung cấp nước, Nhà máy thuốc lá, Nhà máy phát điện... Những phố khác cùng nối dài tới Đê Yên Phụ, ta có thể kể: Phố Hàng Bún, xưa đi ngang địa phận Làng Yên Ninh chuyên sản xuất bún; Phố Nhà Thương Khách (nay là Phố Hồ Nai) có bệnh viện do Hoa Kiều gốc Tỉnh Quảng Đông thành lập; Phố Hàng Than nổi tiếng nhất có Chùa Hồ Nai với tấm bia đá ghi lại chiến thắng quân Nguyên vào đời nhà Trần tại Đông Bộ Đầu tức bến sông gần đây.

Bên ngoài đê, khắp bãi sông thoai thoải rộng hằng trăm mét, người dân sống trong những túp lều tồi tàn hay trên thuyền bè sập sệ, họ sinh nhai bằng nghề trồng các loại hoa màu hoặc chài lưới. Bãi rộng gần đầu Cầu Long Biên là Bến Nứa, đầy những lán, nhà tranh, nơi bán tre nứa, gỗ do bè hay nhà nổi đưa tới. Năm 1929 khánh thành đường xe điện chạy dọc Đê Yên Phụ nối dài đến Kim Liên.

ĐƯỜNG BỜ SÔNG

Lúc đường bộ chưa phát triển và đường sắt chưa thành hình, thì Sông Hồng là đường giao thông, chuyên chở thuận tiện hơn cả. Tấp nập nhất là thương cảng gần cửa Sông Tô Lịch, nơi trao đổi mua bán cạnh khu phố phường. Đến khi Sông Tô bị lấp vào năm 1889 thì cửa sông biến thành "Quảng trường Thương mại", một trung tâm buôn bán gạo, muối... Ở phía Nam, Pháp lập quân cảng cạnh nhượng địa Đồn Thủy, Toàn quyền và các quan chức đến Hà Nội đều đổ bộ ở đây, nay là Phố Vạn Kiếp.



Từ Bến Nứa nhìn về Cầu Long Biên.

Đầu thế kỷ XX, cát tích tụ thành những bãi bồi ở phía thượng và hạ lưu, nên không tiện cho tàu thuyền cập bến nứa, chỉ trừ một đoạn ở khoảng đầu Phố Hàng Khoai đến đầu Phố Lò Sũ, thuyền bè có thể đậu sát bờ sông. Vì ở gần khu vực buôn bán, đặc biệt là gần Chợ Đông Xuân và từ khi mở nhà ga đầu Cầu

Long Biên, các bến sông càng tập nập người lên xuống, việc vận tải hàng hóa càng rộn rịp. Chủ nhân của các công ty tàu thủy ngoài Tây, Tàu còn có cả người Việt như ông Bạch Thái Bưởi, cô Tư Hồng.

Vào những năm 1920, các hãng tàu vận tải tập trung về khu vực Cột Đồng Hồ (đầu Phố Bè Thượng) vì chỉ còn đoạn đường này tàu thủy có thể cập bến. Nơi đây cũng là bến xe đưa rước khách nên đông người lai vãng, hàng nước, quán ăn nhộn nhịp.

Khi mới đắp đường ven sông, Pháp đặt tên là Bến Thương Mại, sau đó là Bến Clemenceau, nhưng người Hà Nội quen gọi là Đường Bờ Sông. Gần Ô Quan Chưởng có Trạm Thuế quan Việt-Pháp, lập vào "Thời kỳ Lãnh sự", lần lượt trở thành Sở Học chính, Trường Thông ngôn, Trường Tiểu học. Đoạn đường Bờ Sông bên phía Đông của Hồ Gươm là mặt quay ra Sông Hồng của các kiến trúc lớn như Sở Công Chính, Nhà máy nước đá, Sở Thuế quan. Năm 1901, Cầu Đát được đắp nối dài với Phố Lò Sũ, làm đường dẫn ra bến phà và bến thuyền mảnh (nay là Phố Hàm Tử Quan).

PHÍA NAM VÀ TÂY NAM THÀNH CŨ

Lúc Hà Nội rơi vào tay Pháp, trên phần đất phía Nam tòa thành trải dài xuống đến Đê La Thành, có hai con đường chính : đường cái quan trực chỉ phương Nam qua Ô Đồng Lầm, và đường đi Hà Đông qua Ô Chợ Dừa. Một con đường khác, chạy song song với tường thành, nối dài Phố Tràng Thi đến Văn Miếu, là Phố Sinh Từ (Nay là phố Nguyễn Khuyến), vì gần đây có sinh từ của Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Độ, xây vào năm 1883.

Phát xuất từ cửa thành phía Đông Nam, đoạn đường cái quan vẫn được người dân gọi là Phố Hàng Lọng vì phố này chế tạo lọng dành cho các quan, các đền miếu, nhà hát. Đến năm 1902, từ Chợ Cửa Nam có đường xe lửa chạy cập theo phố này đi qua Ga Hàng Cỏ (ngay đoạn Phố Hàng Cỏ, xưa bán cò nuôi

ngựa), nối tiếp con đường sắt xuyên Việt sau này. Bắt đầu từ 1929, thêm tuyến xe điện mới, nối liền Yên Phụ với Ngã tư Đồng Lầm. Rời Phố Hàng Lọng đi về hướng Nam, qua khỏi Làng Kim Liên rồi Bạch Mai, chúng ta gặp Nhà thương Cống Vọng, khánh thành vào năm 1911 (sau này là Nhà thương Robin hay Bạch Mai), bên cạnh có Sở Chăn nuôi, và không xa đó đã diễn ra Đại hội Canh nông vào năm 1903-1905. Nhìn sang khu đất đổi diện, cạnh Ngã Tư Vọng, ta thấy trạm điện báo vô tuyến gồm những dãy nhà và những cột ăn-ten vươn cao. Bên ngoài đường vòng ngoài ô, vốn là đường xây trên lũy ngoài cùng của Thành Đại La, trên đất Làng Khương Trung, năm 1919 Pháp xây dựng Phi trường Bạch Mai.

Đường Hà Đông, trước còn gọi là Đường Thanh Oai, dân chúng gọi là Phố Hàng Bột, vì dọc bên có những thôn xưa sản xuất bột gạo, bột ướp thơm. Từ cửa Tây Nam, đường này chạy cập bên Văn Miếu, đi về Tinh lý Hà Đông. Trên đất Làng Yên Trạch cũ, năm 1907 các nữ tu dòng Thánh Phaolô từ bệnh xá Phủ Doãn đến đây thành lập nhà thờ Hàng Bột, khu trại tế bần và cô nhi viện. Qua khỏi Ô Chợ Dừa, chúng ta vượt Sông Kim Ngưu. Bên phía Đông, trên Làng Xã Đàn, gần đền thờ Lý Thường Kiệt, xưa có đàn xã tắc lập từ đời Lý, chỗ vua tế Thần Đất và Thần Nông. Xa xa về phía các Làng Khương Thượng, Phương Liệt (gần Ngã tư Vọng), xuyên qua khu vực Chùa Bột, là bãi chiến trường nơi quân Tây Sơn đánh bại quân Thanh vào năm Kỷ Dậu (1789). Nhìn sang phía Tây từ Làng Nam Đồng đến Thịnh Quang chúng ta thấy đây đó nhô lên nhiều gò đất cao nên vùng này còn có tên là Đống Đa. Tương truyền đó là những gò đắp trên hố chôn binh sĩ nhà Thanh chết trận cũng trong chiến dịch đại thắng của Vua Quang Trung. Gần đây, Kinh lược Hoàng Cao Khải có sáng kiến biến vùng đồng hoang đầy ao tù



Áp Thái Hà. Đền Hiến Trung và khi sinh từ của Hoàng Cao Khải.

nước động, thuộc Làng Nam Đồng, thành một ấp mới lấy tên là Thái Hà. Được chính quyền Bảo hộ trợ cấp tiền bạc, vào năm 1893 ông ta cho xây dinh kinh lược, lập sinh từ cho mình, cùng nhiều biệt thự theo phong cách truyền thống Việt Nam, chia từng khu đất vuông vắn, cách nhau bằng kênh đào ngang dọc, hồ nước nhân tạo. Trên một gò đất, Hoàng Cao Khải cho xây Trung Liệt từ để thờ các vị trung thần Trương Quốc Dụng, Đoàn Thọ, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu. Ông ta thuyết phục các vị thượng quan và các nhà kinh doanh đến mua đất, xây nhà, làm nơi để giải trí, nghỉ ngơi. Dần dà nhà cửa mọc thêm lên, phong cảnh trở nên xinh xắn, ngựa xe nhộn nhịp, có cầu, chợ, quán, chùa miếu, và sau này có cả nhà hát ở đảo. Sau khi tường thành bị phá bỏ, nhiều phố mới thành hình quanh khu vực Văn Miếu, như Phố Duvillier (Nguyễn Thái Học) nối liền Vườn hoa Cửa Nam với đường về Sơn Tây. Phố này còn được gọi là Phố Hàng Đẫy, vì đoạn giáp với Phố Hàng Lọng chuyên bán các loại bị vải. Tại phố này ta gặp Nhà tu kín Carmel, dời từ Phố Tràng Thi đến đây vào năm 1920, sau khi tu viện cũ được chính quyền trung dụng làm nhà hộ sinh. Cảnh đây, gần ngã tư Phố Van Vollenhoven (Chu Văn An), chỗ pháp trường Bãi Gáo đời trước, các bà phước đồng Thánh Phaolô thành lập bệnh

viện vào khoảng năm 1930.

Năm 1901 khai trương tuyến xe điện đi Hà Đông chạy qua Phố Sinh Từ đến ngang Công Văn Miếu. Hai năm sau tuyến này lại thay đổi, cùng chạy dọc trên Phố Hàng Đẫy chung với tuyến đi Cầu Giấy nhưng đến mặt lưng Văn Miếu thì phân nhánh rẽ sang Phố Hàng Bột.

Phố Khâm Thiên trước kia chỉ là một đường nhỏ nhưng khá dài, xuyên qua năm, sáu thôn cũ, nối liền Phố Hàng Lọng với Ô Chợ Dừa. Ở đây đông đảo dân nghèo thuộc giới thợ thuyền, lao động, hai bên ngõ gác chằng chịt, một thời từng mang tên là "Xóm Cô Đầu", nơi giải trí ăn chơi diễn ra trong mấy mươi nhà hát. Vào các đời Lý, Trần ở đầu phố phía Hàng Lọng có đài Khâm Thiên Giám, một sở quan sát thiên văn, đoán khí tượng, soạn lịch...



Cổng đền Voi Phục

Phố Sơn Tây (nay là Phố Kim Mã) bắt đầu từ góc Tây Nam thành cũ, đi qua Ô Thanh Báo, sau đó nhập với Phố Hàng Đẫy nối dài đến Cầu Giấy. Một đoạn phố đi bên cạnh Hồ Thủ Lệ, gần đến Cầu Giấy chúng ta thấy Đền Voi Phục ở phía tay phải. Hai bên trụ cổng có mái che tượng con voi quý phục. Làm nơi thờ phụng thần Linh Lang, Đền Voi Phục xứng danh một thắng cảnh, một chốn sơn lâm thu nhỏ do xây

dựng trên gò và có lối đi mập mờ trong vùng cây cối trập trùng. Trước đền có giếng nước, giữa nổi lên hòn đảo nhỏ, ven bờ hoa lá sum suê và cỏ thụ buông rủ um tùm. Người Pháp đặt tên là "Chùa Balny", lấy tên một sĩ quan hải quân tử trận gần đây, cùng ngày với Francis Garnier.

Phố Giảng Võ, là đoạn Đê La Thành đi từ Ô Thanh Bảo ra miền ngoại ô. Vào đời Lý, gần nơi này là trường huấn luyện quân sự, võ thuật. Lãng mộ ông Phùng Hưng nằm ở đầu phố, gần bên xe hàng Kim Mã sau này. Chỗ trước khúc quanh đi về Cầu Giấy, F. Garnier bị phục kích chết, người Pháp xây bia kỷ niệm nơi tử trận và có lúc gọi đoạn phố này là "Đê Francis Garnier".



Cầu Giấy

Chúng ta vừa xem qua những nét chính về đổi thay của Hà Nội vào buổi đầu thời Pháp thuộc. Nói chung nhiều kiến trúc truyền thống đã bị hủy hoại, xã hội cổ truyền bị xáo trộn... Dù sao, đến đầu thế kỷ

* * *

XX, Hà Nội trở thành một đô thị Âu hóa, có dân số tương đối ổn định, cảnh sắc đẹp đẽ thơ mộng. Nhưng sau đó do hoàn cảnh chiến tranh triền miên, người dân tản cư, hồi cư, di cư, dân số tăng nhanh khiến nhà cửa khan hiếm đưa đến tình trạng nhà ổ chuột, nhà tập

thể kém thẩm mỹ, đường phố tạp nham, kiến trúc thiếu trật tự, nhất là vào giai đoạn con số xây nhà. May mắn thay, chúng ta còn những di tích lịch sử do tổ tiên để lại, những cây xanh, thảm cỏ trù phú, những sông hồ sâu rộng... Nếu được xây dựng và quản lý đúng đắn, Hà Nội sẽ mãi mãi là một thủ đô hoàn mỹ.

Tài liệu tham khảo:

Boissière Jules, *Indo-Chine avec les Français*, Ed. L. Michaud, Paris, 1893.

Bonnafont Louis, *Guide du Tonkin*, Imp. d'Extrême-Orient, Hanoi, 1919.

Dubois Robert, *Le Tonkin en 1900*, Sté Française d'Édition d'Art, Paris, 1900.

Hoàng Đạo Thúy, *Phố phường Hà Nội xưa*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 2000.

Madrolle, *Hanoi et ses environs*, Librairie Hachette, 1912.

Masson André, *Hanoi pendant la période héroïque*, Imp. d'Extrême-Orient, Hanoi, 1929.

TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Việc Nạp Phi

NGUYỄN PHÚ LONG

Ngày xưa...thời gian cách nay khoảng gần ngàn năm, khi đó vua Lý-Thánh-Tông (1054-1072) đã bốn mươi tuổi mà chưa có con trai nối dõi, ngộ hầu sau này truyền lại ngai vàng, nên ngài thường ngự du các danh lam, thắng cảnh, đi lễ chùa chiền khắp nơi để cầu tự. Mong sao với tấm lòng thành kính van vái tứ phương, câu “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” sẽ không còn là nỗi ám ảnh buồn phiền.

Một hôm khi nhà vua ngang qua làng Thổ-Lỗi, thuộc phủ Thuận-Thành tỉnh Bắc-Ninh bây giờ. Dân chúng hay tin vội đổ xô ra hai bên đường để chiêm bái, đông thật là đông...Duy có một người con gái làm nghề hái dâu, nuôi tằm, vẫn đứng đứng dựa vào thân cây lan từ xa, dáng vẻ thờ ơ...Vua thấy thế, lấy làm lạ, bèn sai người nạp vào cung cho làm phu nhân, đặt tên là Ý-Lan (Dựa vào cây hoa lan, magnolia champaca)

Trước đó và sau này theo dòng lịch sử Việt-Nam, còn nhiều câu chuyện khác về việc nạp phi (Vua lấy vợ). Nói chung, khi đặc biệt, lúc bình thường, tùy hoàn cảnh. Phần lớn, ai sinh ra mà chẳng có nhu cầu lấy vợ lấy chồng, chuyện cũng bình thường thôi, song vua chúa là hạng quý tộc, hiếm hoi, tự trọng, vì tò mò nên mọi người đều muốn biết qua, xem có gì khác bần dân thiên hạ không, nên tiện đây xin kể trường hợp của vua Duy -Tân (1907-1916) thời gian như mới qua không lâu, có khi các bậc cao niên cũng biết hoặc còn nhớ.

Một hôm nhân lúc vua Duy-Tân vào vấn an mẹ, quý phi Nguyễn-Thị-Định với nỗi lòng của người đàn bà Việt-Nam thuần túy thì ở đâu cũng vậy, lúc nào cũng vậy, mới nhân cơ hội thổ lộ rằng: “Ái đang mong lắm! Muốn con lấy vợ để ả có cháu bông.”

Nghe thế, vì là đấng quân vương hiểu thảo, vua Duy-Tân không muốn thấy mẹ buồn phiền nên sau một lát suy nghĩ đã trả lời: “Tùy ả!” Thế là việc nạp phi cho vua Duy-Tân đã chính thức bắt đầu.

Không giống trường hợp vua Lý-Thánh-Tông, hành động có vẻ võ biên, dù chỉ là trên nguyên tắc, cũng chẳng lý gì đến ý kiến của người đàn bà, việc nạp phi của Duy-Tân đã diễn ra êm xuôi, lớp lang, thứ tự, mất nhiều thời gian hơn.

Thoạt tiên, tin tức này lan truyền mau chóng, khiến các quan đại thần có con hay cháu gái đẹp hồi hộp hy vọng tìm cách tiến cung.

Sanh con ra thì bổn phận cha mẹ phải lo cho tương lai con cái đã đành, song vụ này cũng là cơ hội, một công đôi chuyện, để củng cố quyền lực, mưu cầu lợi lộc, cả vật chất lẫn tinh thần, do đó tiện dịp các mệnh phụ phu nhân đã kiếm chút lễ vật, rồi tìm cách vào thăm mẫu hậu nườm nượp, trực tiếp hoặc gián tiếp giới thiệu con gái nhà mình.

Mẫu hậu Nguyễn-thị-Định dư biết vậy, bèn ủy cho bọn thái giám thấy ai đến thì kín đáo ghi mọi chi tiết làm thành một “danh sách” gồm tên tuổi, ngày sinh, tháng đẻ, giòng dõi, công dung ngôn hạnh, nếu có thể thì điều tra thêm, lấy cả hình ảnh nữa...

tổng cộng được 25 mỹ nhân để nhà vua và mẫu hậu lựa chọn.

Nhưng tiếc thay tất cả các mỹ nương trong danh sách đợi mãi, đợi mãi tưởng cái hình ảnh cao quý kia nắm chắc trong tay, cho đến khi bẽ bàng biết rằng, họ đều bị trượt vô chuổi, rớt đài trơn trượt, lúc đó mới tỉnh mộng, uổng công tô điểm, uổng thời gian mơ màng bao nhiêu điều tốt đẹp, quyền quý, giàu sang, kẻ hầu người hạ...

Lý do thật giản dị, sau hơn mấy tuần lễ yên lặng, vua Duy-Tân thưa với mẹ: “Con chẳng ưng cô nào đâu vì con đã chọn được một người rồi!”. Người ấy chẳng có tên trong “danh sách”. Hỏi ra mới rõ đó là cô Mai-thị-Vàng hơn nhà vua một tuổi con thầy Mai-Khắc-Đôn. Vua Duy-Tân có hai vị thầy học chính: Thầy Mai-Khắc-Đôn dạy văn-chương, chữ Hán và lịch-sử. Thầy Eberhart, dân Pháp gốc Đức dạy Pháp-văn, toán...

Lập tức quý-phi Nguyễn-Thị-Định cho vời ông bà Mai-Khắc-Đôn cùng cô con gái từ ngoài Quảng-Trị vào hoàng cung và ngỏ ý muốn cưới cô Vàng cho vua Duy-Tân khiến cho hai ông bà vừa mừng vừa lo. Mừng thì hẳn nhiên rồi còn lo vì sợ cô Vàng không xứng đáng với ngôi vị đệ nhất phu nhân, tột đỉnh trước mặt.

Tuy nhiên bố mẹ cô gái cũng chẳng thể có thái độ gì khác được, hai ông bà riu ríu nhận lệnh quý phi, việc đầu tiên là đi gặp thầy tướng số để so tuổi cho hai người xem hung cát ra sao. Ông thầy bói nổi tiếng ngôi mãi tận làng Mỹ-Lợi cách hoàng cung cả một ngày dài, vì giả bộ như khách thường, mục đích cho việc đoán quẻ được tự nhiên vô tư, chính xác, ông bà đã ăn vận xuyềnh xoàng, chẳng có xe cộ kẻ hầu hạ gì, nên thật là diệu vợi, cực khổ về nỗi đường xa, cuối cùng rồi cũng đến nơi, cũng may, cũng bố công khi thầy bói bốc quẻ khấn khứa rồi phán rằng “Hai tuổi này tương hợp.”

Thế là sau đó lễ nạp phi của vua Duy-Tân với cô Mai-Thị Vàng đã nhịp nhàng tiếp diễn, người nào việc nấy... và theo sách “Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn” của giáo sư Hứa- Hoành thì lễ rước dâu đã được cử hành vào ngày 16 tháng Giêng năm 1919 để cô trở thành đệ nhất giai-phi tức là vợ chánh của vua Duy-Tân.

Ngày cưới vợ trên chẳng biết có đúng không vì vua Duy-Tân tại vị chỉ tới năm 1916. Sau khi lập gia đình, cặp vợ chồng vương giả này đã bị Pháp đưa vào giam tại Vũng-Tàu, tới 1919, để khi Thế Chiến thứ nhất kết thúc thì tất cả bị đày sang vùng Saint Denis thuộc đảo Reunion, Phi Châu.

Tới đây, độc giả có thể hơi thất vọng. Việc nạp phi của vua Duy-Tân đang có vẻ hào hứng, mà rồi chuyện ra sao? Đám cưới thế nào. Rước dâu bằng kiệu hay bằng thuyền, hay khớp con ngựa ô rồi đón cô nàng về dinh...

Rất tiếc không thấy sách vở nào kể nốt trường hợp đặc thù của vua Duy-Tân. Nhưng việc lấy vợ gả chồng thì trước đây nước ta vẫn giữ những tập tục văn hóa theo người Trung-Hoa, lễ nghi thì hành cho vua quan hay giới bình dân thì căn bản cũng không khác nhau bao nhiêu. Chuyện nạp phi của vua Duy-Tân cũng vậy. Hơn nữa việc của ngài là do mẫu hậu lo toan, lại nhà gái cũng thuộc loại danh gia quý tộc, bố vợ tương lai là thầy dạy học tôn kính, nên chắc chắn mọi việc đều phải thi hành đúng những nghi lễ trịnh trọng lúc bấy giờ.

Lúc bấy giờ, theo sách Nếp Cũ Con Người Việt- Nam của Toan-Ánh thì chuyện hôn lễ của con cái các vị đế vương nói chung, phải tuân tự từng giai đoạn.

Trong dân gian có câu ngạn ngữ: “Nữ thập tam, nam thập lục” để chỉ số tuổi đòi cần thiết nam nữ khi đạt tới mới nên thành lập gia đình. Mặc dù vậy các hoàng tử vẫn thường sống trong cung cùng với cha mẹ

anh chị em cho tới năm 18 tuổi mới xuất phủ ra ở riêng. Và khi ra ở riêng bắt đầu cuộc sống tự lập phụ hoàng và mẫu hậu mới tính đến chuyện nạp phi.

Thoạt tiên, trong một buổi hội họp đông đủ quần thần, nhà vua nêu ý muốn nạp phi cho con và hỏi xem trong số các quan biết cô gái nhà ai có thể sánh duyên với hoàng tử được. Sau đó nhà vua sẽ chọn hai vị đại thần có tuổi, vợ chồng song toàn, con cháu đàn đông làm chánh và phó sứ trong việc giao thiệp với nhà gái. Lãnh mệnh vua, hai vị chánh phó sứ cầm mao tiết (Biểu hiệu quân quyền) với một đám tùy tùng tới nhà gái để tuyên đọc thánh chỉ.

Nhà gái đã sửa soạn sẵn, lập hương án xây về hướng Nam nghênh tiếp phái đoàn. Khi tới, chánh phó sứ đứng hai bên tả hữu cũng xây về hướng Nam, bố cô gái mặc áo thụng xanh quỳ trước hương án nghe viên chánh sứ đọc thánh chỉ, nội dung truyền cho cô gái kết duyên với hoàng tử và định ngày bố mẹ cô gái vào hoàng cung lĩnh mệnh, tạ ơn. Buổi lễ ngắn ngủi trang nghiêm kết thúc bằng một tiệc rượu khoản đãi sứ đoàn tưng bừng vui vẻ.

Bây giờ tới lượt khâm thiên giám phải xem ngày lành tháng tốt để thi hành lễ lạc tiếp nối. Đến đây mọi lễ nghi, phong tục như nạp thái (trao đổi đính ước). Vấn danh (hỏi tên tuổi của cô dâu tương lai), lễ hỏi, lễ cưới vẫn được thi hành đầy đủ. Chánh phó sứ vẫn là đại diện cho nhà trai cho đến khi cuộc hôn nhân hoàn tất.

Trong lễ cưới còn một điểm đặc biệt dân gian chẳng có, gọi là lễ phát sách. Phần lễ này thi hành ngay trong lễ rước dâu. Nhà vua cho làm một cuốn sách bằng vàng gọi là kim sách nói về cuộc hôn phối giữa hoàng tử và bà phi, đầy đủ lý lịch của hai người.

Cũng như các lễ trước, Hai vị chánh phó sứ lại thi hành nhiệm vụ mang kim-sách kèm ít lễ vật như mũ áo, giày dép và

cả kiệu nữa đến giao cho nhà gái. Chuyến đi này đặc biệt có mấy bà nội-cung tháp tùng và trong khi đi đường thì có ban nhạc trình diễn tưng bừng biểu lộ sự vui mừng của một đám cưới.

Màn nghi lễ tương tự lại diễn ra như mấy lần trước. Đặc biệt sau khi bố cô gái lễ tạ xong, một nữ quan ra đứng trước hương án, phó sứ trao tráp đựng kim sách cho vị này. Nữ quan quỳ nhận rồi bưng vào nhà trong.

Từ trong khuê phòng bà mẹ dẫn cô gái ra nghênh tiếp. Kim sách lại được nữ quan bưng ra đặt lên hương án, nữ quan dẫn cô gái đến cử hành năm lễ rồi vào phòng riêng thay triều phục vua ban đoạn quỳ trước hương án để nghe đọc kim sách. Sau khi đọc xong, kim sách được trao cho cô gái (nay đã là bà phi). Bà phi tiếp nhận trịnh trọng nâng hai tay ngang trán rồi trao cho nữ quan đặt lên hương án.

Sau đó người ta dẹp hương án đi và thay vào bằng một cái ghế đặt trên một chiếc bục. Nữ quan mời cô dâu ngồi để các bà mệnh phụ, thị nữ... sắp hàng lễ mừng mỗi người bốn lễ... rồi thì tiệc tùng nhà gái khoản đãi, rồi phái đoàn đưa cô dâu về phủ ông hoàng...

Tiện đây xin nói thêm một chút tiểu sử của đôi vợ chồng vương giả vua Duy-Tân và Mai-Thị-Vàng từ khi bị đày sang Phi Châu. Sang đây, bà Mai-Thị-Vàng không hợp thủy thổ, sinh ra đau yếu hoài nên đã xin vua cho trở về Việt-Nam, vua đồng ý. Từ khi trở về Việt-Nam bà vẫn không tái giá, sống những ngày còn lại trong sự buồn bã và nghèo túng. Bà mất năm Canh-Thân (1980).

Năm 1922, sau khi vợ, hoàng mẫu và một người em trở về Việt-Nam Vua Duy-Tân bắt đầu một cuộc sống tự lập, ông thi đậu tú-tài, tự học lắp ráp máy vô tuyến điện. Vào khoảng năm 1927 ông kết hôn với bà Fernande Antier và sinh được bốn người con.

Thế chiến thứ 2 bùng nổ, ông tham gia phong trào kháng chiến chống Đức của tướng De Gaulle. Năm 1945 được De Gaulle đưa sang Pháp, được phong thiếu tá, hứa sẽ cho về Việt-Nam. Tháng 12 năm 1945 từ Pháp trở lại Phi Châu thăm vợ con bằng phi cơ thì ngộ nạn, thi hài an táng tại nghĩa trang M'Baiki, năm Ất Sửu 1985 hài cốt được đưa về Việt-Nam an táng cạnh mộ phần vua cha.

Theo dõi câu chuyện ta suy ra, trong việc hôn nhân, vua là thiên tử, muốn làm gì thì làm, lấy ai thì lấy, nhưng có các vị vua trọng lễ nghĩa, vẫn theo đúng các thủ tục phong hóa của toàn dân như vua Duy-Tân.

Trong việc nạp phi của các vua chúa, công tử quý tộc hồi ấy, ý kiến của cô gái thì không nói làm gì vì “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” mà ngay nhà gái cũng chả có một chọn lựa nào, tuy nhiên quan trọng là nhà gái chẳng hề cảm thấy bị ức hiếp, bó buộc, ngược lại đều hãnh diện vui vẻ và coi đó là một vinh dự về vang cho cả tộc họ.

Người con gái được chọn sẽ làm tộc họ về vang, sẽ có cuộc sống huy hoàng, nhưng dần dần trong cái vỏ hào nhoáng ấy với tình trạng “làm trai năm thiếp bảy thê”, cung phi mỹ nữ... có khi nào họ cảm thấy thiếu sung sướng hạnh phúc không. Muốn biết hoàn cảnh tinh thần của họ có lẽ chỉ xem lại tác phẩm Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn-Như-Hầu Nguyễn-Gia -Thiều là có thể biết thêm một khía cạnh quan trọng này.

Từ đấy nảy ra nhận xét, nói chung, người nữ thời xa xưa không có tình yêu tiền hôn nhân. Họ chẳng được phép có thời gian tiếp xúc, chẳng có quyền tìm hiểu để quyết định. Việc hôn nhân của “hai trẻ” đều do hai họ lo liệu “điều” với nhau. Như thế, riêng những cô gái tưởng may mắn lọt vào nơi quyền quý cao sang chưa chắc đã hạnh phúc bằng được hưởng cảnh một vợ

một chồng với các chàng trai lực lưỡng khỏe mạnh nơi dân dã quê mùa.

Dù vậy, hồi xưa tương đối ít thấy trường hợp “cơm không lành canh không ngọt” về sau. Ván đã đóng thuyền, trong nhờ đục chịu âm thầm, không còn gì thay đổi được. Mặt khác, khách quan cũng phải công nhận, những cặp vợ chồng lấy nhau theo lối cổ có nhiều trường hợp tình nghĩa cũng rất đáng đề cao, yêu thương nhau trọn đời như Sương Nguyệt Ánh chẳng hạn. Nguyệt Ánh là con thứ năm cụ Bùi-Hữu Nghĩa, chẳng may chồng mất sớm đã lấy bút hiệu là Sương Nguyệt Ánh, để tỏ ý sẽ là sương phụ, thờ chồng suốt đời. Về phía nam giới, nào ai phủ nhận tấm lòng của vua Tự-Đức đối với Bằng-Phi dù cho đến khi nàng đã lìa đời vẫn muốn giữ tàn y lại, muốn đập cổ kính ra... qua mấy câu thơ tha thiết, như diên như đại còn truyền tụng đến nay:

*“Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
Giữ tàn y lại để dành hơi...”*

Tóm lại, thời đại ấy cũng có hay, có dở và dù dở dù hay thì nay cũng chẳng còn nữa. Sự tôn trọng quyền quyết định cuộc đời từng cá nhân bây giờ rất tuyệt đối. Nhưng vì tuổi trẻ đôi khi chưa đủ kinh nghiệm, mặt khác lại thiếu những ràng buộc của gia đình, phong tục nên sự hợp lại cũng dễ dàng mà tan rã cũng chẳng mấy khó khăn...

Nguyễn-Phú-Long.

Sách tham khảo:

Nếp Cũ Con Người Việt-Nam (*Toan-Ánh.*)
Vua Chúa Việt-Nam Qua Các Triều Đại (*Trương-Đình-Tín.*)
Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn

BENJAMIN FRANKLIN

(1706 - 1790)

NHÀ LẬP QUỐC HOA KỲ

Phạm Văn Tuấn

Benjamin Franklin là một trong các nhân vật hàng đầu đã xây dựng nên Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Ông là người duy nhất đã ký tên vào 4 văn kiện quan trọng trong Lịch Sử Mỹ Quốc, đó là Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, Hiệp ước Đồng Minh với Pháp, Hiệp Ước Hòa Bình với Anh và Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Benjamin Franklin là một nhân vật đa diện. Ông đã từng làm thợ nấu xà bông, nấu nến, thợ in, nhà văn, nhà xuất bản, nhà khoa học và phát minh, nhân vật tổ chức và lãnh đạo cộng đồng... và cũng là một nhà ngoại giao có tài. Các phục vụ của ông trong công tác ngoại giao tại nước Pháp đã giúp ích rất nhiều trong cuộc chiến tranh giành Độc Lập của Hoa Kỳ. Nhiều sử gia Hoa Kỳ đã coi ông là nhà ngoại giao có khả năng nhất và thành công nhất từ xưa tới nay.

1- Thuở thiếu thời.

Benjamin Franklin sinh ngày 17 tháng 1 năm 1706 tại Boston, Massachusetts. Cậu là con trai thứ 15 và là út trong một gia đình 17 anh em. Tổ tiên của Benjamin sinh sống tại Anh Quốc và không thuộc một giòng họ danh tiếng. Các cụ làm nghề thợ rèn, song là những người thực thà, cần mẫn. Trong giòng họ này chỉ có

cha của Benjamin, ông Josiah, sang lập nghiệp bên Mỹ Châu.

Ông Josiah có với người vợ trước 5 người con và người vợ sau 12. Ông cũng là con út trong gia đình và vì rất mến người anh ruột tên là Benjamin mà ông đặt cho con trai út của mình cái tên đó. Gia đình ông Josiah không được sung túc lắm nên các con của ông chỉ được theo đuổi việc học trong 2 hay 3 năm rồi kiếm một nghề tay chân. Ông cho các con làm các ngành nghề khác nhau, tùy theo sở thích và năng khiếu của từng đứa: thợ in, thợ nhuộm, thợ rèn...

Benjamin Franklin biết đọc, biết viết rất sớm, vì vậy ông Josiah định cho cậu sau này làm mục sư. Ở trường tiểu học, Benjamin học rất thông minh, tiến dần tới đầu lớp nhưng khi lên bậc trung học, vì tốn kém quá, ông Josiah đành cho con đến học tư toán và văn chương tại nhà ông Brownell song cậu Benjamin lại khá về văn chương mà kém về môn Toán.

Năm 1716, vì nghề nhuộm ế ẩm, ông Josiah phải đổi sang nghề làm nến và nấu xà bông. Benjamin phải thôi học, ở nhà giúp cha. Công việc của cậu là cắt bắc, đổ sáp vào khuôn, mua bán lật vật hay trông coi cửa hàng thay cha khi người bận việc.

Ngoài thời giờ giúp việc tại nhà, Benjamin thường hay chơi đùa cùng các bạn : nào bơi lội,



nào chèo thuyền. Cậu không thích nghề nghiệp của cha mà mơ mộng trở thành thủy thủ song ông Josiah không bằng lòng cho con theo đuổi ngành này. Thấy con đã lớn mà còn lóng bồng, nên ông có ý tìm cho con một nghề kiếm ăn thích hợp. Ông đưa con đi thăm các cơ xưởng trong tỉnh để xem con ưa thích ngành nghề nào nhất.

Ngay từ thuở nhỏ, Benjamin đã thích đọc sách. Hễ gặp quyển sách nào là cậu nghiêm ngắc say sưa, hễ được đồng tiền nào là cậu để dành rồi mua sách về đọc. Thấy con ưa thích sách như vậy, ông Josiah cho con theo học nghề in tuy rằng trong nhà đã có người con lớn, anh James, theo đuổi nghề này.

Năm 12 tuổi, Benjamin ký giao kèo với anh James nhận làm thợ in cho tới năm 21 tuổi mà không lãnh lương thực thụ. Một người tinh nhanh, chăm chỉ như Benjamin thì chẳng bao lâu đã thạo việc. Thực vậy, cậu đã giúp anh một cách đắc lực. Cũng nhờ theo nghề in này mà Benjamin đọc được nhiều sách hơn: các sách đưa đến in, đến đóng lại, cậu đều đọc qua, có khi cậu thức suốt đêm để đọc nốt vì sáng ngày mai đã phải trả sách lại cho khách hàng. Cậu đã tự học được nhiều môn như đại số, hình học, văn phạm, luận lý, các môn vật lý và khoa học tự nhiên.

Một hôm, có một nhà buôn trong tỉnh lại thăm nhà in. Ông này thấy Benjamin ham mê đọc sách mà mình có sách thường để không, nên đã dẫn Benjamin về nhà mình và cho phép cậu mượn bất cứ quyển nào cậu muốn. Nhờ nghề in mà Benjamin đọc thông viết thạo hơn, song cậu còn kém về cách hành văn và từ ngữ không được dồi dào. Để sửa chữa, cậu nghĩ tới việc làm thơ. Anh James cũng khuyến khích em vì anh ta nghĩ có thể in thơ rồi đem bán được. Vì vậy vài ba quyển thơ cũng ra đời song cha cậu đã chế nhạo cậu vì ông biết rằng nghề làm thơ chỉ mang lại nghèo túng mà thôi.

Benjamin thường cùng với một người bạn cũng ham đọc sách, tranh luận về bất cứ đề tài nào. Lúc đầu, họ còn dè dặt, sau dè dặt chữ viết, nhờ vậy cậu thấy mình còn kém về phương pháp và lý luận còn thiếu minh bạch.

Năm 1721, anh James bắt đầu ra một tờ báo lấy tên là The New England Courant (Bản Tin Tân Anh Cát Lợi). Đây là tờ báo thứ nhì phát hành tại châu Mỹ. Vào thời đó, các nhà trí thức thường viết các bài báo song ký tên khác đi vì sợ chính quyền làm khó dễ. Nhiều người có tài đã gửi các bài viết rất hay, làm tăng giá trị cho tờ báo.

Benjamin cũng muốn viết báo song e ngại rằng nếu ký tên thật, anh James sẽ vứt ngay bài vào sọt rác, cậu bèn viết với tên hiệu là "Silence Dogood" rồi đợi đến đêm, ném bài qua khe cửa sổ nhà in. Sáng hôm sau, anh James nhận được bài, đọc thấy cũng khá đặc sắc nên cho in. Nhiều khi Benjamin còn được nghe anh và các bạn ca tụng các bài viết đó trước mặt mình. Họ tin chắc rằng các bài viết đó phải do một người học rộng, tài ba, mới viết nổi. Benjamin vẫn phải bầm bụng nhin cười. Sau cùng, vì không giữ bí mật được nữa, cậu đành phải thú nhận mình là tác giả của các bài viết trên. Kể từ khi đó, các bạn của cậu trọng nề cậu hơn trước song anh James lại lấy làm khó chịu. Anh thường bắt em làm việc quá nhiều, có khi còn đánh đập em nữa. Vì vậy giữa anh em thường xảy ra các vụ bất hòa. Anh James quả là một người anh bất nạt em, một người chủ áp bức thợ.

Năm 16 tuổi, Benjamin được đọc một cuốn sách nói về sự ăn chay. Cậu liền quyết định theo đuổi cách dinh dưỡng này rồi đề nghị với anh xin một số tiền để nấu ăn lấy. Nhờ chỉ ăn rau, Benjamin đã để dành được phân nửa món tiền, đỡ mất thời giờ về ăn uống mà trí óc lại sáng suốt hơn trước. Thực vậy, trong khi anh James và các bạn ra quán ăn thì ở nhà, cậu thổi nấu ăn

uống theo ý muốn và đọc được mấy chục trang sách rồi bọn kia mới bắt đầu ra về.

Năm 1723, tờ báo của anh James có đăng một bài xã luận xúc phạm đến chính quyền nên anh James bị bắt giam một tháng. Benjamin thay anh làm quản lý nhà in. Khi được tha về và vì bị cấm không được ra báo nữa, anh James đành phải nhờ em làm chủ nhiệm tờ báo. Vì luật pháp thời đó không cho phép một người làm công chịu trách nhiệm một công việc to tát như vậy nên anh James đành phải hủy bỏ tờ giao kèo bắt buộc Benjamin làm công với mình khi trước.

Ít lâu sau, một cuộc xung đột xảy ra và Benjamin đã bỏ nhà ra đi. Về sau cậu hối hận mãi về điều này. Anh James liền thông báo cho các in trong tỉnh đừng mướn Benjamin. Vì vậy cậu phải đi New York là nơi có nhiều nhà in mà lại ở gần Boston nhất. Cậu Benjamin phải bán bớt sách để lấy tiền đi đường, lúc đó cậu mới 17 tuổi. Tới New York, Benjamin không tìm ra việc nhưng nhờ có người giới thiệu, cậu lại đi Philadelphia cách New York 160 cây số. Đây là thành phố lớn nhất của thuộc địa châu Mỹ thời bấy giờ. Đến nơi, cậu Benjamin vào ngay một hiệu bánh mì trên đường Market mua ba ổ bánh, mỗi ổ kẹp ở một nách rồi ăn ngấu nghiến ổ thứ ba. Một cô gái ở ngôi nhà đối cửa khi trông thấy cảnh đó, đã ôm bụng cười. Cô này tên là Deborah Read, vợ của Benjamin sau này.

Tại Philadelphia, Benjamin tìm được việc làm nơi nhà in của ông Samuel Keimer. Ít lâu sau, cậu quen được ông thống đốc Keith. Thấy cậu là người học rộng, ông Keith muốn giúp Benjamin làm chủ một nhà in. Ông ta bảo cậu kê khai các thứ cần mua rồi ông ta sẽ bỏ tiền và Benjamin sang Anh Quốc mua sắm các dụng cụ đó. Song ông Keith chỉ là người hứa suông, nên khi đã sang tới nước Anh rồi, cậu chẳng nhận được sự giúp đỡ nào cả, ngay cả bức thư giới

thiệu. Benjamin đành phải làm công cho các nhà in Palmer và Watt.

2- Thời thanh niên.

Năm 21 tuổi, Benjamin trở về Philadelphia và lại giúp việc cho ông Keimer. Từ đây, Franklin đã trở nên một chàng thanh niên khôn ngoan, tháo vát. Việc đọc sách vẫn là sở thích của chàng. Franklin nghĩ rằng nếu riêng rẽ thì một người chỉ có thể đọc được một số sách. Vậy nếu một số người hiếu học họp lại với nhau, trao đổi sách báo và thảo luận cùng nhau thì sẽ có lợi biết bao. Chàng liền lập ra Câu Lạc Bộ Junto để các hội viên thay nhau thuyết trình về các vấn đề luân lý, chính trị và khoa học. Lúc đầu câu lạc bộ gồm 7 hay 8 hội viên hay đọc sách, họp với nhau vào chiều thứ sáu để thảo luận về các vấn đề đã nêu ra từ tuần lễ trước. Nhờ việc thảo luận này mà các hội viên đều tiến bộ về cách nói năng và sự nghiên cứu. Hơn nữa, cứ ba tháng mỗi hội viên lại phải sáng tác một luận án về bất cứ vấn đề gì. Câu Lạc Bộ Junto này đã nổi tiếng trong thành phố thời bấy giờ.

Năm 22 tuổi Franklin thôi không làm cho ông Keimer nữa mà mở một nhà in riêng với Hugh Meridith. Lúc đầu công việc còn ít song chàng cố gắng làm việc và yêu nghề, thức khuya dậy sớm, không bao giờ la cà tại các tửu quán nhờ vậy dân chúng tín nhiệm và các công việc thương mại càng tăng hơn.

Hồi đó giấy bạc khan hiếm, người ta e ngại nếu in thêm, đồng tiền sẽ mất giá còn nếu không in thì tình trạng kinh tế không được phát triển. Franklin liền mang việc này ra bàn với các hội viên Junto rồi chàng cho in một cuốn sách nhan đề là "Tính chất và sự cần thiết của giấy bạc". Việc làm này đã khiến cho Nghị Viện thành phố quyết định in thêm tiền và họ giao cho Franklin công việc đó vì chàng đã có công đóng góp. Nhờ thế mà nhà in của chàng có thêm việc làm.

Năm 24 tuổi, Franklin cưới cô Deborah Read, người đã cười chàng khi trông thấy chàng gặm ổ bánh mì lúc bắt đầu đặt chân tới Philadelphia. Deborah là người ít học song cặp vợ chồng Franklin là những người tận tụy làm việc. Họ có 3 con, 2 trai và 1 gái. Một người con trai tên là William, sau này trở nên Thống Đốc của tiểu bang New Jersey.

Franklin thấy rằng khi tra cứu thì cần phải có nhiều sách mà mỗi người chỉ có một số nhỏ. Vậy nếu các hội viên Hội Junto cùng mang sách đặt tại một nơi thì người nọ có thể đọc được sách của người kia và sự tra cứu sẽ dễ dàng hơn. Các hội viên đều nghe lời đề nghị này của Franklin. Việc này rất có lợi song cũng có điều bất tiện, chẳng hạn như ai cũng đòi hỏi người khác giữ gìn sách của mình cho cẩn thận nên một năm sau, Hội Junto phải giải tán tủ sách.

Franklin lại nghĩ đến việc lập một thư viện công cộng cho mượn sách. Chàng nhờ một viên chương khế thảo điều lệ. Hội viên có tới 100 người. Số tiền đóng góp của các hội viên dùng để mua sách bên nước Anh. Đây là thư viện đầu tiên tại Bắc Mỹ, nó đã mở đầu cho phong trào thư viện sau này. Chính nhờ có thư viện mà dân xứ Philadelphia thời đó có một trình độ văn hóa cao hơn dân của các vùng kế cận. Vì thế các miền chung quanh chẳng bao lâu cũng bắt chước làm công việc ích lợi kể trên.

Franklin tin rằng chăm chỉ bao giờ cũng vẫn là phương thuốc để trở nên giàu sang. Chàng cho rằng một người muốn thành công phải làm việc chăm chỉ hơn những kẻ đang cạnh tranh với mình. Chàng lại có ước vọng muốn trở nên một nhà đạo đức, muốn khắc phục mọi thói xấu để sống một cuộc đời trong sạch. Chàng thấy rằng tin tưởng suông vào đạo lý chưa đủ để giữ cho khỏi sa ngã, cần phải luyện tập các đức tính, xếp chúng theo thứ tự rồi thêm vào đó các

định nghĩa để làm sáng tỏ các quan niệm về các đức tính đó:

1- Điều độ: không ăn đến chán, không uống đến say.

2- Yên lặng: không nói nếu lời nói không hữu ích cho người khác hoặc cho bản thân. Không nói dõn dột.

3- Thứ tự: xếp đặt mọi vật vào một chỗ riêng, các việc làm vào những thời giờ nhất định.

4- Quyết tâm: phải quyết tâm làm những việc cần. Việc gì đã quyết tâm rồi thì phải làm cho kỳ được.

5- Tiết kiệm: chỉ tiêu tiền về những việc có ích cho mình và cho người khác.

6- Chuyên cần: không bỏ phí thời giờ, lúc nào cũng làm việc hữu ích.

7- Thật thà: phải nói cho đúng, không nói xấu người, có những ý nghĩ lành mạnh.

8- Công bằng: không làm hại người khác và nhớ hưởng những gì mình đáng được hưởng.

9- Dung hòa: tránh mọi thái cực, chịu đựng những điều trách mắng nếu mình có lỗi.

10- Sạch sẽ: thân thể, quần áo và nhà cửa phải sạch sẽ.

11- Yên tĩnh: tránh ưu phiền về các việc thường xảy ra hay không thể tránh được.

12- Trong sạch: tránh trác táng, hại sức khỏe, hại thanh danh của mình và của người khác.

13- Khiêm tốn: noi gương Chúa Jesus và Socrates.

Chính nhờ cách sửa mình này mà về sau, Benjamin Franklin đã trở nên một người khôn ngoan và đạo đức của Hoa Kỳ.

Năm 26 tuổi, Franklin thấy rằng cần phải phổ biến các tư tưởng hướng thiện, chàng liền soạn rồi cho xuất bản cuốn Niên Lịch lấy tên là "Niên Lịch của Richard nghèo khó" (Poor Richard's Almanach). Trong cuốn này, chàng đặt những tư tưởng cao thượng và ích lợi thành các châm ngôn để người đọc dễ nhớ hơn. Ngày nay

các câu châm ngôn này còn được phổ thông chẳng hạn như câu "ngủ sớm, dậy sớm làm cho con người khỏe mạnh, giàu có và khôn ngoan" (Early to bed and early to rise makes a man healthy, wealthy and wise). Mọi người đã tán thưởng cuốn niên lịch đến nỗi 10 ngàn cuốn được xuất bản trong một năm và cứ thế kéo dài trong 25 năm liền, quả là một sự việc hi hữu tại một nơi và vào một thời kỳ mà tình trạng dân chúng còn kém mở mang.

Cũng vào năm 26 tuổi, chàng Franklin lập ra tờ báo lấy tên là Nhật Báo Philadelphia (the Philadelphia Gazette). Chàng đã làm phát triển tờ báo thành một trong các báo thành công nhất tại thuộc địa châu Mỹ. Chàng luôn luôn chú ý đến tư tưởng mới. Các sử gia Hoa Kỳ cho rằng Franklin là viên chủ nhiệm đầu tiên tại châu Mỹ đã cho phổ biến trên các trang báo những mẫu tranh hí họa và hướng dẫn các tin tức bằng bản đồ. Nhờ tờ báo của mình, Franklin đã trình bày cho dân chúng biết rõ nhiều dự án cải tiến công ích. Tờ báo Philadelphia đã sống được từ năm 1729 tới năm 1766. Franklin lại còn soạn thêm cuốn sách "Con đường dẫn tới giàu sang" (the Way to Wealth). Cuốn sách này cũng có một giá trị đặc biệt về kinh tế.

Năm 27 tuổi, Franklin cảm thấy cần phải biết thêm ngoại ngữ để dễ thông cảm với các dân tộc khác. Chàng liền bắt đầu học tiếng Pháp và chẳng bao lâu đã nói thạo và đọc sách tiếng Pháp một cách dễ dàng. Học xong tiếng Pháp rồi, chàng quay sang học tiếng Ý. Ít lâu sau, Franklin lại học tiếng Tây Ban Nha và rồi cũng thông thạo thứ ngôn ngữ này.

Năm 30 tuổi, nhờ sự hiểu biết của bản thân, nhờ sự tín nhiệm của mọi người, Franklin được bầu làm thư ký Nghị Viện Pennsylvania (the Pennsylvania Assembly). Thành phố Philadelphia càng ngày càng được mở mang mà chưa có một đội lính cứu hỏa, Franklin liền đứng ra thành lập

đội quân tình nguyện này. Ông còn có công trong việc cải tiến cách tuần phòng trong thành phố.

Cũng vào năm 30 tuổi, Franklin được đề cử làm Giám Đốc Bưu Điện của Philadelphia. Cách làm việc hữu hiệu của ông đã khiến cho chính quyền Anh Quốc phải chú ý nên về sau, vào năm 1753, ông đã trở nên Phó Tổng Giám Đốc Bưu Điện của tất cả các miền đất thuộc địa Bắc Mỹ. Ông đã làm việc rất tận tâm, cải tiến rất nhiều dịch vụ Bưu Điện, làm tăng tốc độ chuyển thư bằng cách dùng tới các tàu biển chạy nhanh nhất qua Đại Tây Dương. Đối với các thư từ trong vùng, ông đã thuê mượn các người đưa thư đi ngựa chuyển thư cả ngày lẫn đêm. Ông cũng giúp cho xứ Canada thiết lập ra các dịch vụ bưu điện đầu tiên. Ông đã cho mở các trạm bưu điện tại Quebec, Montreal và Trois Rivière vào năm 1763 và rồi xếp đặt việc chuyển thư giữa Montreal và New York.

Benjamin Franklin cũng để ý tới sự cải tiến các dụng cụ thường dùng. Năm 36 tuổi, ông đã phát minh ra được một thứ lò sưởi không có khói, cho sức nóng gấp hai lần mà lại dùng 1/4 số lượng củi đốt. Phát minh của ông được phổ biến trong thành phố vì nó rất hợp với khoa học lại tiện lợi. Chính quyền định cấp cho ông bằng phát minh song ông từ chối và nói: "Tôi được dùng các phát minh của người khác thì tôi cũng sung sướng khi thấy phát minh của tôi đã giúp ích cho các người chung quanh".

Năm 37 tuổi, vì Hội Junto kém phát triển nên Franklin đề nghị lập ra "Hội Triết Học Mỹ Quốc" (the American Philosophical Society) gồm các người đạo đức, có kiến thức rộng, ở các thuộc địa khác nhau tại Bắc Mỹ. Hội Triết Học này được tổ chức theo lễ lối của Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc (the Royal Society). Nhiều người đã ghi tên tham dự và Franklin được bầu làm thư ký của Hội. Các hội viên thường trao đổi thư từ cùng nhau. Trụ sở của Hội đặt tại Philadelphia là

thành phố trung tâm lại có thư viện đầy đủ và nhiều tương lai về kiến thiết.

3- Nhà Khoa Học.

Vào năm 40 tuổi, vì kinh tế gia đình đã khá đầy đủ nên Benjamin Franklin có thời giờ để tâm đến Khoa Học. Thời đó châu Mỹ nhận được các sách báo cùng các dụng cụ thí nghiệm về điện học từ nước Anh gửi sang. Hội Triết Học nhờ Franklin làm các thí nghiệm như đã mô tả sẵn, song không những ông đã làm lại được hoàn toàn các thí nghiệm đó mà còn khám phá ra được nhiều điều mới lạ.

Năm 42 tuổi, Franklin cắt nghĩa được sự phân phối điện tích ở chai Leyde. Sang năm sau, ông lập bảng nhận xét về các đặc điểm chung giữa điện và sét. Ngày nay người ta còn nhắc lại thí nghiệm về sét bằng chiếc điều của ông. Franklin vẫn quan niệm rằng sự phát điện từ chai Leyde cũng giống như sét đánh, song với một cường độ nhỏ hơn nhiều. Ông tìm cách chứng minh. Nhân một ngày có bão, Franklin cùng con trai là William mang một chiếc điều ra thả. Cuối sợi dây điều, ông buộc một chiếc chìa khóa bằng các dải lụa. Bỗng nhiên ông nhận thấy các sợi của dải lụa tách ra như có một sức đẩy chúng xa nhau. Khi để ngón tay gần đầu nhọn của chiếc chìa khóa, một tia lửa bật ra và ông cảm thấy bị điện giật. Thí nghiệm này đã khiến ông kết luận rằng sét thường bị hút bởi các đầu nhọn bằng kim loại và ông tìm ra rằng các đám mây thường chứa điện âm. Khi thử lại với chai Leyde, Franklin thấy cùng kết quả. Ông lại có thể tiếp điện cho chai Leyde bằng điện của bầu trời. Thật là may mắn cho Franklin đã không bị sét đánh trong cuộc thí nghiệm táo bạo đó mà ông không biết, bởi vì về sau, Giáo Sư Richman thuộc Đại Học St. Petersburg khi làm lại thí nghiệm của ông đã bị thiệt mạng.

Năm 44 tuổi, sau khi đã hiểu rõ về sấm sét, Franklin đã phát minh ra cột thu lôi. Ông dựng ngay trên nóc nhà của mình một cột rồi sau lại cải tiến thêm. Franklin phổ biến phát minh này bằng một bài đăng trong quyển niên lịch của mình. Cũng năm này, Franklin được bầu vào Nghị Viện Pennsylvania.

Franklin luôn luôn nghĩ tới việc khai hóa dân chúng. Đối với ông, Hội Triết Học không đủ, ông cho xuất bản cuốn sách mỏng: "Các đề nghị liên quan tới vấn đề giáo dục các thanh niên ở Pennsylvania", nhờ vậy chương trình học đã được sửa đổi và nhà trường đã bắt đầu dạy tiếng La Tinh, Hy Lạp và Toán Học. Franklin được bầu làm chủ tịch Hội Đồng Quản Trị các trường Trung Học Pennsylvania. Philadelphia khi đó không có cơ sở đào tạo nên giáo dục cao cấp vì thế ông đã giúp tay vào việc thành lập Viện Hàn Lâm (the Academy) mà sau này là trường Đại Học Pennsylvania. Kết quả của các chương trình giáo dục và thư viện của Franklin đã giúp cho Pennsylvania trở nên một địa phương tiên bộ nhất trong 13 xứ thuộc địa thời bấy giờ.

Vào năm 1751, một người trong thành phố nghĩ đến việc lập ra một bệnh viện công cộng và một nhà tế bần, Franklin liền bắt tay ngay vào công tác thực hiện hai chương trình này.

Tháng 8 năm 1752, Franklin gửi cho ông Collison, nhân viên Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc những kết quả về các phát minh của mình. Tài liệu đó được đọc trước Hội Khoa Học vào tháng 12. Mọi nhà khoa học đều trầm trồ khen ngợi ông. Cuốn sách "Thí nghiệm và nhận xét về điện học" của ông được xuất bản tại London và năm sau, được dịch sang tiếng Pháp và in tại Paris.

Franklin cũng phát minh ra loại kính đeo mắt hai tròng (bifocal eyeglasses) nhờ đó kính đọc sách và kính nhìn xa được ghép chung vào một gọng kính. Ông cũng nhận thấy bệnh tật

phát sinh nhiều tại các căn phòng kém thoáng khí và ông cũng chỉ dẫn cho dân chúng cách cải thiện đất đai có acit bằng vôi bột (lime).

Năm 47 tuổi, Franklin được Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc trao tặng huy chương vàng Copley và Vua Louis 15 đích thân khen ngợi ông về các phát minh điện học. Các trường đại học Harvard và Yale tặng ông bằng cấp Cử Nhân Danh Dự. Ông lại được đề cử làm Tổng Giám Đốc Bru điện và đã giữ chức vụ này trong 21 năm liền.

Mùa xuân năm 1754, khi đó Franklin 48 tuổi, đã xảy ra cuộc chiến tranh giữa người Anh và người Pháp tại châu Mỹ. Franklin cho rằng các thuộc địa Bắc Mỹ nên đoàn kết lại để tự bảo vệ chống lại người Pháp và sự quấy nhiễu của thổ dân da đỏ. Ông đã cho in tấm hình hài hước nổi tiếng có tên là "Tham gia hay là chết" (Join or Die) trên báo của mình. Tấm hình này vẽ một con rắn bị chặt ra thành nhiều khúc, tượng trưng cho các thuộc địa Bắc Mỹ. Ông đã đề nghị Chương Trình Liên Bang (Plan of Union) tại hội nghị 7 xứ thuộc địa họp tại Albany, New York. Theo chương trình này, 13 xứ thuộc địa nên cùng nhau họp lại thành "một chính phủ tổng quát" (one general government). Chương trình liên bang đó đã chứa đựng các ý tưởng mà sau này có trong Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ. Các đại biểu tại Hội Nghị Albany đã đồng ý với chương trình của Franklin nhưng các thuộc địa đã không đồng lòng phê chuẩn.

Rồi chiến tranh đã khiến Franklin phải chú ý đến phạm vi quân sự. Đầu năm 1755, Tướng Edward Braddock và hai trung đoàn quân Anh tới Bắc Mỹ với lệnh chiếm lại căn cứ của người Pháp tại Fort Duquesne, là nơi hội tụ của hai giòng sông Allegheny và Monogahela. Đoàn quân Anh đã gặp khó khăn trong việc tìm mua ngựa và các toa xe. Franklin đã giúp công vào việc trang bị này. Nhưng rồi quân Pháp và dân da đỏ đã phục kích

đoàn quân Anh tại các bờ sông Monogahela và tướng Braddock tử trận, đoàn quân Anh hầu như bị tiêu diệt. Lúc này, Franklin đã lo việc thành lập đội quân tình nguyện địa phương để bảo vệ các thành phố biên giới, ông được đề cử làm Đại Tá quân đội để chống nhau với người Pháp và dân da đỏ. Ông cũng là người đã trông coi xây dựng một pháo đài tại Weissport thuộc Carbon County, Pennsylvania.

Năm 50 tuổi, Franklin được đề cử làm ủy viên quân sự của địa hạt Northampton. Ngoài ra, ông còn được bầu làm Hội Viên Danh Dự của Hội Triết Học Edinburg và nhân viên Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc, một danh dự ít khi dành cho một người sống tại xứ thuộc địa. Chính khách nổi tiếng người Anh thời đó là William Pitt đã nói trước Viện Quý Tộc Anh (the House of Lords) rằng Benjamin Franklin là một nhà khoa học đáng được xếp ngang hàng với Isaac Newton. Ông ta đã ca tụng ông Franklin là "một Danh Dự không chỉ dành cho nước Anh mà còn cho bản chất của con người" (an honor not to the English nation only but to human nature).

4- Nhà Ngoại Giao.

Cuộc chiến tranh với nước Pháp đã khiến cho Anh Quốc phải chi tiêu quá nhiều. Anh Quốc liền bắt các xứ thuộc địa phải gánh thêm phí tổn. Tất cả các đất đai đều phải chịu thuế. Vì vậy Nghị Viện Philadelphia liền cử Franklin sang nước Anh năm 1757. Tới London, khi xin bãi bỏ thuế không được, Franklin liền đưa ra một đề nghị theo đó các đất đai chưa đo đạc được miễn thuế. Đề nghị căn cứ trên sự công bằng của ông đã được phê chuẩn. Đây là thắng lợi đầu tiên của ông tại nước ngoài. Franklin đã ở Anh Quốc và hoạt động như một đại sứ không chính thức và cũng là người phát biểu các quan điểm của lục địa châu Mỹ.

VƯỜN TRĂNG

Có một vườn trăng ở cuối thôn
Tôi về thăm lại núi chon von
Mừng mừng tủi tủi bên thềm cửa
Ngoảnh lại, quay đi, vực xoáy tròn.

Thì ra trăng vẫn tròn vành vạnh
Chạnh nhớ chiều xưa, tiếng nỉ non
Thương quá em tôi mùa kẹp tóc
Bay bay gió thoảng ở trong hồn.

Từ thuở đôi mươi vào chiến nạn
Thân trai chi xá chuyện mắt còn
Đến tuổi hồi đầu quy cổ quận
Tìm lại vườn trăng, trăng héo hon.

Thương trăng thương gió thương vườn cũ
Thương cả tình xưa, nay héo mòn
Mỗi độ thu về nghe lá đổ
Nhìn trăng xứ lạ ngẩn ngơ buồn.

ĐĂNG NGUYÊN

(Maryland)

Đầu năm 1760, sau khi cuộc chiến tranh với người Pháp và dân da đỏ chấm dứt, đã có một cuộc tranh luận lớn lao tại nước Anh. Người Pháp bị thất trận nên đã bằng lòng nhường lại cho nước Anh hoặc là một tỉnh thuộc Canada, hoặc là hòn đảo Guadeloupe trong quần đảo Tây Ấn (West Indies). Vào lúc cao điểm của cuộc tranh luận, Franklin đã cho phổ biến một tập sách mỏng so sánh một cách sáng suốt tương lai vô bờ của xứ Canada so với sự không quan trọng của hòn đảo Guadeloupe. Việc làm này đã khiến cho tại châu Âu và châu Mỹ, nhiều người

đã đọc kỹ tập sách của Franklin. Vài sử gia tin rằng do ảnh hưởng của tập sách này mà nước Anh đã chọn Canada.

Mùa hè năm 1762, Franklin trở về Bắc Mỹ. Ông được hoan hô nhiệt liệt và được bầu vào Nghị Viện Philadelphia. Vài năm sau Franklin lại sang nước Anh để tranh đấu cho việc ký kết văn kiện về Buu Điện. Vào ngày 13 tháng 2 năm 1766, Franklin ra trước Hạ Viện Anh (the House of Commons) để trả lời 174 câu hỏi liên quan tới việc "đánh thuế mà không có đại diện". Các nghị viên Hạ Viện Anh đã chất vấn ông trong gần hai giờ và ông đã trả lời vừa vặn tất, vừa rõ ràng. Kiến thức về các vấn đề đánh thuế của ông đã làm cho mọi người phải ngạc nhiên và danh tiếng của ông vì thế đã vang lừng khắp châu Âu. Đạo luật về Tem Thuế (the Stamp Act) đã bị hủy bỏ sau đó và phần lớn công lao là của ông. Franklin đã là một người không những chỉ tranh đấu cho riêng miền Pennsylvania mà còn cho cả châu Mỹ.

Vào năm 60 tuổi, Franklin được bầu làm hội viên ngoại quốc của Hội Khoa Học Đức Quốc tại Göttingen, và Hàn Lâm Viện Pháp Quốc chọn ông làm một trong 8 hội viên nước ngoài, lúc đó ông 66 tuổi.

Khi các liên lạc chính trị giữa Anh Quốc và các thuộc địa trở nên xấu đi, Franklin vẫn muốn các thuộc địa châu Mỹ nằm trong đế quốc Anh nếu các quyền lợi của người dân thuộc địa được tôn trọng và bảo vệ. Ông sẵn sàng dùng tài sản của mình để bồi thường cho số trà bị phá hủy tại Boston (the Boston Tea Party) nếu chính quyền Anh hủy bỏ các thuế trà không công bằng. Nhưng người Anh đã làm ngơ trước đề nghị của ông, vì thế ông thấy mình không còn hữu ích nữa và ngày 21 tháng 3 năm 1775, Franklin buồn bã xuống tàu trở về châu Mỹ. Ông đã làm đủ mọi cách để giữ cho các thuộc địa châu Mỹ

nằm trong đế quốc Anh trên căn bản thiện chí và tôn trọng lẫn nhau.

Franklin về tới Philadelphia vào ngày 5 tháng 5 năm 1775, vào khoảng hai tuần lễ sau khi cuộc chiến tranh Cách Mạng bắt đầu. Ngày hôm sau, dân chúng Philadelphia đã chọn ông làm đại biểu phục vụ trong Quốc Hội Lục Địa Kỳ II (the Second Continental Congress). Ông Franklin ít khi tuyên bố tại Quốc Hội song ông là một trong các nhân vật tích cực và có ảnh hưởng nhất. Ông đã đề nghị Chương Trình Liên Bang (Plan of Union) trong đó có chứa đựng các ý tưởng căn bản dùng cho các điều khoản của Liên Bang Bắc Mỹ (Confederation). Franklin cũng giúp việc trong một ủy ban đi qua Canada để thuyết phục người Pháp tại đó tham gia vào cuộc chiến tranh Cách Mạng nhưng cuộc vận động này không thành.

Năm 1776, Benjamin Franklin được đề cử cùng với Thomas Jefferson và John Adams thảo ra Bản Tuyên Ngôn Độc Lập và ông cũng là một trong các nhân vật ký tên vào bản văn quan trọng này. Lúc bấy giờ, cuộc chiến tranh với người Anh chưa mang lại các thành quả tốt đẹp và vì Quốc Hội cho rằng việc đồng minh với nước Pháp có thể đưa tới thắng lợi nên Quốc Hội đã đề cử Franklin làm một trong ba ủy viên đại diện cho Hoa Kỳ tại nước Pháp. Cuối năm 1776, ở tuổi 70, Benjamin Franklin đã lãnh một nhiệm vụ quan trọng nhất trong đời ông. Ông đã tới đất Pháp và được chào đón nồng nhiệt. Dân chúng Pháp đã mến phục ông vì lòng từ tế, cách phục sức đơn giản, cử chỉ bình dị, trí óc khôn ngoan và các lời nói sáng suốt cũng như cách đối xử lịch thiệp với cả giới quý tộc lẫn giai cấp bình dân. Các đám đông đã đi theo ông trên đường phố. Các nhà thơ đã làm các bài ca tụng ông. Chân dung và tượng của ông được đặt tại nhiều nơi.

Mặc dù có tình cảm với ông Benjamin Franklin nhưng chính quyền Pháp thời đó còn rất do dự trong việc ký hiệp ước đồng minh với các thuộc địa Bắc Mỹ, vì một việc làm như vậy sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh giữa nước Pháp và nước Anh. Tuy nhiên, với sự lịch thiệp, tài khôn khéo và tính kiên nhẫn, Franklin đã lấy dần được lòng tin tưởng của nước Pháp. Và cuối cùng vận may của ông đã tới khi đội quân Anh của Tướng John Burgoyne đầu hàng tại Saratoga. Thắng lợi của người Mỹ đã khiến cho nước Pháp ký kết hiệp ước đồng minh vào ngày 6 tháng 2 năm 1778. Sau đó, Franklin đã xếp đặt việc chuyên chở các sĩ quan, binh lính Pháp và súng đạn qua Bắc Mỹ. Franklin cũng mượn được tiền vay và xin được tiền tặng chuyên về cho Hoa Kỳ. Nhiều sử gia cho rằng nếu không có Benjamin Franklin, người Mỹ chưa chắc đã giành được độc lập.

Năm 1778, Benjamin Franklin được chỉ định làm bộ trưởng tại Pháp. Ông đã giúp công vào việc soạn thảo Hiệp Ước Paris là thứ đã làm chấm dứt cuộc chiến tranh Cách Mạng. Hiệp ước này đã hứa dành cho quốc gia non trẻ Hoa Kỳ mọi thứ cần thiết và Franklin đã là một trong các nhân vật ký nhận Hiệp Ước Paris vào năm 1783, và từ hiệp ước này, nền độc lập của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ được công nhận.

Từ năm 1776 tới năm 1785, Franklin sống ở ngoại quốc và luôn luôn mang thắng lợi về cho đất nước. Ngoài ra, các vinh dự vẫn tới tấp đến với ông. Hàn Lâm Viện Y Học Paris mời ông làm hội viên. Ông cũng là nhân viên của Hàn Lâm Viện Mỹ Thuật và Khoa Học Boston, là một trong 24 nhân viên ngoại quốc của Hàn Lâm Viện Khoa Học, Văn Chương và Mỹ Thuật Padoue, hội viên Hàn Lâm Viện Lịch Sử Madrid, hội viên danh dự Hội Văn Chương và Triết Học Manchester cũng như tại Hội Vật Lý, Vạn Vật và Mỹ Thuật Orleans, tại Hàn Lâm

Viện Khoa Học, Mỹ Tự và Mỹ Thuật Lyons. Hơn nữa, các tác phẩm của ông in tại các nước Anh, Đức, Pháp, Ý đã mang lại cho ông các danh vọng vô bờ.

5- Nhà Lập Quốc.

Năm 1785, Benjamin Franklin trở lại Philadelphia và được cử làm chủ tịch của Hội Đồng thành phố này, rồi lại được bầu làm Thống Đốc Tiểu Bang Pennsylvania. Ông được bầu lại vào chức vụ sau này vào những năm 1786 và 1787. Ngoài ra, Franklin còn có công trong việc phản kháng chế độ nô lệ tại châu Mỹ.

Năm 80 tuổi, Franklin vẫn còn hoạt động. Hồi đó các tàu biển chạy từ Falmouth ở nước Anh tới New York mất hai tuần lễ lâu hơn nếu không theo con đường London-Rhode Island. Các chủ tàu không biết tại sao như vậy, và đã đề nghị chỉ cho tàu đến Rhode Island mà không tới New York trong khi 2 nơi này chỉ cách nhau một ngày đường. Nhiều người đã cầu cứu đến Franklin. Ông liền tìm gặp các thuyền trưởng nên được biết rằng có một dòng nước chảy từ mạn dưới lên mà người ta chưa được biết rõ lắm, đó là dòng Gulf Stream. Franklin liền nghiên cứu dòng nước này: nào đo bề rộng, chiều sâu, đo nhiệt độ, sức chảy... Franklin khuyên các tàu bè nên lợi dụng dòng nước để cuộc hành trình được nhanh chóng hơn.

Năm 1787, xứ Pennsylvania đã đề cử Benjamin Franklin, 81 tuổi, tới họp Hội Nghị Lập Hiến (Constitutional Convention). Các đại biểu đã gặp nhau tại Sân Đường Độc Lập và thảo ra Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ. Vào lúc này, Franklin là đại biểu cao tuổi nhất của Hội Nghị. Sức khỏe yếu kém và tuổi cao đã không cho phép ông tích cực tham gia vào các hoạt động nhưng sự khôn ngoan, hiểu biết của ông đã giúp cho Hội Nghị tiến hành. Franklin đã dàn xếp được các cuộc tranh luận về quyền đại biểu tại Quốc

Hội của các tiểu bang lớn và nhỏ. Sự dung hòa của ông đã là nguyên do thành lập một quốc hội lưỡng viện.

Địp tham dự Hội Nghị Lập Hiến là lần phục vụ công ích cuối cùng của ông, song tuy cao tuổi, ông vẫn quan tâm tới các công việc quốc gia. Ông rất sung sướng khi thấy ông George Washington nhậm chức Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ. Ông đã hi vọng rằng gương mẫu của Hiệp Chúng Quốc Bắc Mỹ có thể dẫn tới một hiệp chúng quốc khác tại châu Âu.

Benjamin Franklin qua đời tại Philadelphia vào đêm 17 tháng 4 năm 1790 vì bị sưng phổi, thọ 84 tuổi. Vào khoảng 20 ngàn người đã tôn kính ông trong buổi tang lễ. Ông được chôn trong nghĩa địa của nhà thờ Christ Church tại Philadelphia, bên cạnh vợ ông chết năm 1774.

Benjamin Franklin được kể là một trong 6 công dân hàng đầu của nước Mỹ. Chân dung của ông xuất hiện trên các tem thư, tiền đồng và tiền giấy của Hoa Kỳ. Hai tổng thống Hoa Kỳ đã hãnh diện mang tên của ông: Franklin Pierce và Franklin D. Roosevelt. Thành phố Philadelphia cũng tưởng nhớ người Công Dân lừng danh nhất. Một sân vận động của Đại Học Pennsylvania đã được đặt bằng tên của ông, ngoài ra còn có Công Viên Franklin, Viện Franklin với bức tượng tạc ra do nhà điêu khắc James Earl Frase.

Vào năm 1790, khi được tin ông Benjamin Franklin qua đời, Quốc Hội nước Pháp quyết định để tang ba ngày và Bá Tước Honoré de Mirabeau đã ca tụng "Nhà Hiền Triết mà cả hai lục địa đều cho là của mình" (the sage whom two worlds claims as their owns). Còn Quốc Hội Hoa Kỳ chịu tang một tháng để tỏ lòng kính cần một Công Dân đã có công lớn đối với Quốc Gia, với Khoa Học, với Tự Do và với Nhân Loại./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

Backyard Wonderland Khu Vườn Thần Tiên

When it snows in October,
And it seems autumn's over,
 We go out and play
 And have a great day
Building in a backyard wonderland.

Gone away is the cell phone.
Joyful smiles set a new tone.
 We laugh with our friends.
 It's fun to pretend,
Building in a backyard wonderland.

In the garden we construct a snowman-
Leaves for hair that come from yonder tree.
He will melt but not our happy feelings.
They'll live on in our family's memory.

 Later on when we're older,
Thinking back to days much colder,
 Mom and kids will both say
 "I'm glad that we played."
Our backyard is a treasured wonderland.

Tháng Mười tuyết đã rơi,
Tưởng mùa thu qua rồi,
 Chúng ta ra ngoài chơi
 Một ngày vui thật lớn
Xây vườn sau tuyết với

Điện thoại tay xa rồi.
Ngây thơ tươi nét môi.
 Với lũ bạn vang cười.
 Lãng xãng cùng giả bộ
Xây vườn sau tuyết với.

Dựng người tuyết trắng tinh
Lá cây kia làm tóc
Không tan trong hạnh phúc
Và kỷ ức gia đình

Mai sau khi khôn lớn,
Nhớ ngày này lạnh hơn,
 Mẹ, con sẽ cùng nói
 "Chúng ta mừng đã vui chơi."
Khu vườn thơ ấu tuyết với thần tiên.

Kelly Senser
Virginia, October 2011

Nguyễn T. Ngọc Dung
Phỏng dịch, Virginia, 10/2011



THÁNH ST. CECILIA SÁNG CHẾ ĐÀN PHONG CẦM (ORGAN)

Linh Phương

Lời Nói Đầu

Hằng năm đến ngày 22 tháng 11, trên thế giới có những buổi trình diễn ca nhạc để tưởng nhớ đến nữ Thánh Cecilia là một trong những huyền thoại đã được truyền tụng từ những nhà thờ xưa cổ nói về vị thánh tổ âm nhạc của các nhạc sĩ. Nữ Thánh Cecilia được các tín hữu Công giáo La-mã hoan nghênh vào thế kỷ III. Sau này, thiên hạ đã thêm dệt thêm thắt nhiều chi tiết về cuộc đời nhất là nói về giai đoạn lúc bà qua đời, người viết nay chỉ kể lại nơi đây những gì đã sưu tầm.

Linh Phương Suru Tâm

Nàng Cecilia thuộc dòng tộc quý phái sống tại Kinh đô La-mã dưới đời trị vì của Hoàng đế Alexander Severus, người đã bách hại những giáo dân Công giáo. Cha mẹ bà đã truyền đạo, dạy dỗ và mang đến cho bà niềm tin nơi Thiên Chúa cao cả. Từ thuở ấu thơ, nàng thường giấu trong mình sách Phúc âm, và tự hứa nguyện gìn giữ tiết trinh, xả thân làm việc từ thiện, tránh những thú vui khoái lạc và hư danh của cuộc đời.

Cecilia có năng khiếu về âm nhạc và dùng tài năng thiên phú ấy để ca ngợi và vinh danh Thiên Chúa. Nàng đã sáng tác nhiều thánh ca vừa đàn vừa hát cách êm ái đến nỗi các thiên thần trên trời bay xuống để nghe

Cecilia hát và đồng ca với nàng. Cecilia sử dụng được nhiều nhạc khí, nhưng không có cái nào có thể diễn tả cái suối nhạc hòa âm tràn đầy trong tâm hồn bà. Vì thế, Cecilia đã phát minh ra đàn phong cầm (*organ*) và về sau nàng đã dâng hiến đàn này để nhà thờ sử dụng trong lễ thờ phượng Thiên Chúa.

Năm 16 tuổi, cha mẹ Cecilia đã gả nàng cho một chàng trai thuộc nhà danh gia vọng tộc tên Valarian, nhưng chàng trai này là người ngoại giáo (*pagan*) chưa biết gì về Chúa Cứu-Thê Giê-xu (Jesus Christ). Cecilia vâng lời cha mẹ kết hôn cùng chàng trai quý phái, nhưng nàng vẫn thường mặc bộ áo thô sơ tầm thường đi đến nhà thờ cầu Chúa ban cho đủ nghị lực giữ vững trinh tiết như lời nàng đã hứa nguyện từ trước.

Cecilia đã thành công sau khi thuyết phục về đạo với chàng Valarian, chàng kính trọng lời hứa nguyện của Cecilia và nàng đã mang niềm tin Thiên Chúa đến với Valarian. Cecilia nói rằng có một thiên thần bảo vệ bà đêm ngày và không muốn người yêu thương nào trên thế gian này được gần nàng, chỉ muốn nàng giữ trinh tiết suốt đời. Khi chồng nàng nói rằng muốn gặp thiên thần

ấy, nàng bảo chàng rằng nếu muốn gặp được thiên thần thì chàng phải tin nhận Chúa và tiếp nhận thánh lễ Baptism (*rửa tội*). Sau đó, chồng nàng đã tin nhận Chúa sau khi nghe những lời rao giảng Phúc âm của Cecilia. Valarian đi đến gặp vị tu sĩ già Thánh Urban,



người phải đi ẩn trốn trong một hầm mộ vì cuộc bách hại bởi lệnh của nhà vua. Và chàng đã gặp vị tu sĩ để tiếp nhận thánh lễ Baptism.

Từ giữa vị tu sĩ, Valarian trở về nhà. Khi chàng vừa bước vào nhà thì tai chàng nghe những tiếng nhạc dịu êm thanh thoát. Valarian bước chân vào phòng của Cecilia thì chàng thấy một thiên thần đứng gần nàng mà nếu là người vô đạo thì không thể trông thấy được. Vị thiên thần này tay cầm hai vòng hoa hồng và hoa huệ tươi ngát hương như vừa mới hái trên thiên đàng. Thiên thần lấy vòng hoa đặt trên đầu Cecilia và Valerian trong khi cả hai quì gối. Thiên thần nói với Valarian:

- Vì con đã nghe theo lời khuyên gìn giữ trinh tiết cho Cecilia, vậy con muốn cầu xin điều gì sẽ được!

Valarian đáp:

- Con có người em trai tên Tiburtius mà con thương yêu, xin thiên thần hãy mở mắt cho em con nhìn thấy chân lý.

Thiên thần mỉm cười nói:

- Valarian, Thiên Chúa đã thuận lời cầu xin của con đây! Người sẽ thấy được sự hiện diện của Chúa Cứu-Thế và cây thập tự chết thay cho chúng ta.

Nói xong, vị thiên thần biến mất. Không bao lâu, Tiburtius đến nhà của Cecilia thì ngửi được một mùi hương của hoa hồng mà lạ thay chàng không thấy hoa nào cả, lúc ấy lại không phải là mùa hoa hồng nở. Cecilia đã giảng cho cậu em chồng nghe những gì Chúa Cứu-Thế đã chịu khổ hình và chết thay cho con người để ban sự cứu rỗi cho những ai ăn năn tội và tin nhận Ngài. Sau đó, cậu em

chồng đã tin nhận Chúa và cũng đi tìm gặp Tu sĩ Urban để tiếp nhận thánh lễ Baptism.

Từ đó, cả ba người đã đi làm việc của các tông đồ của Chúa Cứu-Thế Giê-xu là rao giảng Phúc âm cứu rỗi, khích lệ những tân tín hữu sẵn sàng hi sinh mạng sống vì Chúa. Khi có người bị tử vì đạo thì cả ba người đã làm việc an táng những giáo hữu này.

Lúc bấy giờ, Hoàng đế Marcus Aurelius trị vì, theo lời truyền tụng thì Cecilia bị tử vì đạo năm 180 A.D. Almachius là người chấp hành lệnh của nhà vua ban hành sắc lệnh rằng cả ba người này không được đi rao giảng Phúc âm. Cả ba nói: “Chúng tôi không thể nào ngưng việc đi rao giảng Phúc âm, đó là bổn phận của chúng tôi đối với Chúa. Chúng tôi không sợ hãi bất cứ điều gì mà người ta làm hại.”

Hai anh em Valarian và Tiburtius đã bị viên Thảm phán Maximus ra lệnh bắt giam vào nhà tù. Họ bị buộc phải bước qua thánh giá, nhưng cả hai cương quyết từ khước! Vì thế, Thảm phán Maximus hạ lệnh kết án tử hình hai anh em. Cecilia tự mình rửa sạch thi hài của hai người bằng chính nước mắt của mình, bà đã lấy áo của bà quấn xác hai người và chôn tại nghĩa trang Calixtus.

Thị trưởng Almachius để ý đến gia sản giàu có của Cecilia và ra lệnh tịch thu tài sản, và bắt giam bà trong ngục tối. Cecilia chỉ mỉm cười và trông đợi mọi sắp đặt nơi Chúa. Trong ngục tù, các tù nhân khác muốn chia xẻ từng mẩu bánh nhỏ, ngụm nước cho Cecilia, nhưng bà đã từ chối. Suốt ngày, bà luôn cất lên tiếng hát ca tụng Thiên Chúa và rao giảng Phúc âm cứu rỗi cho những tù nhân ấy. Có đến khoảng 40 người đã tin nhận Chúa Cứu-



Thế trong ngục tù và họ sẵn lòng tử vì đạo với bà.

Cuối cùng, Thị trưởng Almachius ra lệnh hỏa thiêu Cecilia, nhưng lửa đã không thiêu được thân thể nàng. Thị trưởng ra lệnh mang Cecilia ra pháp trường để chém đầu. Cecilia đã tử vì đạo vì kiên quyết giữ vững niềm tin nơi Chúa Cứu-Thế Giê-xu.

Trước giờ lâm chung, Cecilia vẫn cứ cầu nguyện... và nàng nhấn tin đến Tu sĩ Urban rằng ước muốn rằng nhà của bà sẽ là nơi thờ phượng Thiên Chúa. Nàng cứ tiếp tục ca ngợi Chúa cho đến giây phút cuối của cuộc đời mình. Sau đó, những giáo hữu đã an táng thi thể Cecilia nơi nghĩa trang của người chồng.

Ghi chú: Ảnh giáo đường Santa Cecilia, vào website sau đây để xem ảnh Giáo đường Santa Cecilia photos nếu thích:

<http://www.sacred-destinations.com/italy/rome-santa-cecilia>



Như mong ước của Cecilia, về sau, nhà của nàng đã trở nên nơi thờ phượng, và nơi Cecilia chịu khổ hình đã trở nên nơi chốn tôn

kính đặc biệt. Trải qua nhiều thế kỷ, lâu đài của Celcilia bị hư hỏng. Đến thế kỷ VIII, Giáo Hoàng Paschal I ra lệnh cho trùng tu lâu đài này (*năm 822 sau CN*). Trong thời gian lâu đài được tái kiến thiết, Giáo Hoàng Paschal I đã nằm mộng và thấy Cecilia hiện ra nói rằng hãy mở cửa mộ của nàng và người ta đã tìm ra nghĩa trang Calixtus nơi có hai ngôi mộ của Valerian, Tiburtius.

Tất cả đã được chôn trong một ngôi mộ lớn. Về sau, người ta xây thánh đường Cecilia tại thành phố Trastevere.

Đến thế kỷ XVI, những cửa mộ bằng đá bỗng mở ra trước mặt Đức Hồng Y Baronius, người đã chứng kiến rõ ràng thi hài bà Cecilia như mới được táng xác ngày hôm qua, thi hài bà nằm trên mặt quan tài, nơi đầu có vòng hoa tươi như có ai vừa đặt lên, có những tấm vải vàng và bạc được Giáo Hoàng tìm thấy trong quan tài như mới.

Lúc đó, Giáo Hoàng Clement III cho trám lại ngôi mộ, niềng quan tài lại bằng loại chì chắc chắn với nghi thức trang trọng cho bà Cecilia. Vị kiến trúc sư tài ba thời ấy là ông Stefano Maderno đã tự tay xây ngôi mộ với vật liệu quý hiếm và tốt nhất thời ấy. Ông đã cho thiết kế 96 ngọn đèn thấp sáng luôn như để tưởng nhớ đến niềm tin của Cecilia đã hy sinh mạng sống mình để làm sáng danh Chúa. Trên mộ bia có ghi: *“Trinh nữ Cecilia đã an nghỉ, nơi đây thân xác của bà là ngàn hoa thơm dâng đến Chúa như để tấu nhạc khúc với các thiên thần ca tụng Chúa trên Nước Trời.”*

Thánh Cecilia đã được nhiều người thờ bậy giờ xem như là vị thánh tổ âm nhạc, vì bà có công sáng chế ra đàn phong cầm (organ). Đến năm 1502, trong thế giới âm nhạc tại thành phố Belgium, tỉnh Louvain nơi bà Cecilia trợ giúp người nghèo khổ, bà được xem là quý khách của thành phố đã đẩy lên một phong trào ca kịch diễn về cuộc đời của

bà. Họ lấy ngày 22 tháng 11 làm ngày thánh bốn mạng Cecilia.



Năm 1571, tại Evreux Noeman, Pháp quốc, Nhạc trưởng Orlando Lasson đã thắng giải âm nhạc trong đại hội âm nhạc Cecilia. Tại Anh quốc, vào năm 1683, những nhạc trưởng người Anh đã tổ chức trình diễn đại hội âm nhạc Cecilia rất vĩ đại. Các nhà thơ nổi danh thời đó như Cryden, Shadwell, Congreve cùng các thi sĩ khác cùng hợp với hai nhạc trưởng lỗi lạc về phối âm, phối khí Purcell và Blow đã trình diễn nhạc ba ngày liên tiếp với dàn diễn viên đông đảo. Các thánh đường ở Pháp cũng đã tổ chức lễ tưởng niệm vị Thánh tổ âm nhạc Cecilia ngày 22-11 mỗi năm rất trọng thể với sự góp mặt của các Nhạc sĩ Adolphe Adam, Gounod, Ambroise Thomas.

Tại Đức, các Nhạc sĩ Spohr cùng Moritz Hauptmann cũng vinh danh bà với những nhạc phẩm ca tụng nữ thánh. Nhạc sư Haydn cũng viết rất sâu sắc cho buổi lễ tưởng niệm Cecilia không thể nào quên được.

Bà Jameson, một nữ sĩ nói rằng bắt đầu từ thế kỷ XV, Thánh Cecilia là biểu tượng cho các ngành nghệ thuật thời đó. Trong dân gian truyền tụng về cuộc đời bà đã nức tiếng qua văn thơ, trong âm nhạc, và trong hội họa. Các họa sĩ đã vẽ Cecilia chịu những khổ hình trong các bức tranh. Cecilia đàn nhiều nhạc

cụ khác nhau như: Organ, Harp, Sáo, Violin, Bass. Bức họa danh tiếng được trưng bày ở thành phố Louvre do Họa sĩ Misnard vẽ bà đang hát với đàn Harp.

Hơn 600 năm từ thời Cimabue đến thời đại chúng ta, có nhiều họa sĩ đã vẽ cho chúng ta ngắm vẻ đẹp thanh cao trình trắg của thánh nữ Cecilia, nhưng không có bức họa nào sống động tuyệt bích như bức họa của Raphael cho ta thấy Cecilia đứng ngẩng mặt nhìn lên thiên đàng trong tay đang cầm đàn organ; trên tầng mây xanh có sáu thiên thần đang hợp ca. Bên phải là Thánh Paul đang trầm tư, bên hông có thanh kiếm, giữa Thánh Paul và Cecilia, có Thánh John. Đứng trước Thánh John có người nữ Mary Magdalen tay đang cầm bình nước hoa, sau lưng có Thánh Augustine nhìn về Thánh John. Dưới chân nữ Thánh Cecilia ngổn ngang những violin, cymbals, triangle, sáo và những nhạc khí khác.

Hàng năm trên thế giới, người ta cử hành lễ bốn mạng Thánh nữ Cecilia vào ngày 22 tháng 11, không chỉ tưởng niệm vị nữ anh hùng đã tử đạo mà còn là ngày thánh tổ âm nhạc và cho người mù. Riêng người viết bài này, sau năm 1975, khi còn bị giam trong ngục tù Cộng sản ở khám Chí Hòa, họ đã dùng kềm rút móng tay để muốn hủy diệt các ngón tay âm nhạc. Người viết đã cầu xin Chúa giữ gìn bàn tay này để còn về đời tiếp tục lý tưởng âm nhạc phụng sự Chúa và tha nhân.



Thật vậy, Thiên Chúa đã làm phép lạ nhiệm màu giải cứu người viết thoát khỏi bàn tay của những người ác, nhưng đó là một câu chuyện diệu kỳ khác sẽ được viết trong một chương khác.

Linh Phương
(Florida)

TÂM LÒNG CỦA MẸ

ĐỖ BÌNH

Mẹ là tiếng gọi đầu đời của trẻ thơ, là dòng sữa ngọt nuôi nấng ta lúc chào đời, dạy ta bắt đầu học nói. Mẹ hát ru ta ngủ, chăm sóc lúc ta thức, tập cho ta những bước đi đầu tiên. Tình mẹ dịu vợ luôn luôn nồng ấm hòa nhập với mạch sống của con, lòng mẹ hân hoan sung sướng khi thấy con khôn lớn, hạnh phúc, thành đạt trong xã hội, và sẵn sàng chia sẻ những muộn phiền lo âu khi con gặp những thất bại trên đường đời. Không có bút mực nào tả hết được tình cảm thiêng liêng về tấm lòng cao cả của người mẹ, dù rằng trong thi văn, âm nhạc, hội họa hay sân khấu đã được giới nghệ sĩ đem tim óc diễn tả những tình cảm thiêng liêng sâu kín đó, nhưng nào ai có thể diễn tả được hết tình mẹ bao la, sâu thẳm? Hình ảnh người mẹ trong lãnh vực tôn giáo: Phật Giáo có đức Quan Thế Âm, tôn sùng dưới hình thức Mẹ. Thiên Chúa có đức Mẹ, thánh nữ đồng trinh Maria. Trong kho tàng văn hóa Việt Nam những truyện cổ tích, ca dao, tranh họa, cải lương, kịch ...viết về mẹ không nhiều, nhưng lại thấm tình dân gian nên lưu truyền đến ngày nay. Có người ví: *«Trái tim của người mẹ là một kỳ quan tuyệt hảo nhất trong số những kỳ quan trong vũ trụ, và cũng là trường học cho đứa con»*.

Nói về tình mẹ và đức tính hy sinh thì trên thế gian quả chẳng có bút mực nào kể hết. Từ thuở hồng hoang đến nay có nhiều sự thay đổi theo tiến trình thời gian, kể cả có những thứ đã mất đi, nhưng tình mẹ thương con vẫn không hề biến dạng hay thay đổi từ khi con người xuất hiện trên trái đất đến nay. Việt Nam từ thời xa xưa cho tới hiện nay, cái

nghèo vẫn triền miên như chiếc bóng đeo đuổi những người dân lam lũ. Thiên tai, chiến tranh, chế độ hà khắc, quan liêu là cái ách của dân tộc! Có một năm quê miền trung bị thiên tai bão lụt nặng, dòng nước tràn như biển cả, ngập lên nhà và cuốn đứa con đi. Người mẹ đã lao mình xuống dòng nước cứu đứa con đang bị dòng nước cuốn trôi. Nước chảy xiết mạnh như thác! Người mẹ một tay cố nâng cao đứa con, một tay cố bơi tìm chỗ bám. Khi bơi vào được bờ, đứa con được cứu sống nhưng người mẹ đã chết vì kiệt sức! Trong chiến tranh, nơi đang xảy ra những cuộc giao tranh khốc liệt, người mẹ tay bồng bế con thơ, tay dắt con nhỏ đi tản cư lánh nạn. Sau năm 1975 trong chế độ tem phiếu, nhiều bà mẹ vì mưu sinh phải đi bán máu để lấy tiền nuôi con. Muốn có thêm tiền bà đến nhà thương liên tục nhưng đã bị từ chối. Vì cần tiền nên bà đi chỗ khác bán, và cứ nhiều lần như thế bà đã chết vì kiệt sức, mất quá nhiều máu!

Chẳng biết câu ca dao sau đây đã có từ bao giờ, diễn tả nỗi lòng người mẹ mà âm còn vọng mãi hôm nay thành lời ru nghe ray rứt buồn ngủi như dạo khúc cho những bi kịch đời:

«Vi đầu cầu ván đóng đinh,

Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi.

Khó đi, mẹ dắt con đi.

Con thi trường học, mẹ thi trường đời.»

(Ca Dao Việt Nam)

Những tấm lòng cao vợ của người mẹ đâu phải lúc nào cũng được hưởng hạnh phúc, đôi khi gặp những nghịch cảnh đau lòng:

«Gió đưa bụi chuối sau hè,

Anh theo vợ bé bỏ bè con thơ.

*Con thơ tay âm tay bổng,
Tay dất mẹ chông đầu đội thúng bông.»*
(Ca Dao Việt nam)

Ở những trường hợp ấy người mẹ dành nước mắt cắn răng chịu đựng nuôi con. Hy vọng mai sau đàn con sẽ chống nên người hữu dụng. Nhưng tạo hóa đã sinh ra con người và cũng thường hay bắt con người phải chịu những nghịch cảnh! Khi những người con lớn khôn thành đạt lại có cuộc sống riêng, họ lại bắt đầu làm cha làm mẹ, dành hết tình thương cho con họ, nhưng lại quên người đã sinh ra họ! Người mẹ chỉ biết im lặng vì sự hạnh phúc của các con mà tìm niềm vui, trên môi người vẫn nở nụ cười như muốn che dấu một nỗi buồn sâu kín !

*« Mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,
Con nuôi mẹ con kể từng ngày ! »*
(Ca Dao Việt Nam)

Thi sĩ Lamartine đã nói về mẹ :
*« Hạnh phúc thay cho những người nào được
thượng đế ban tặng một hiền mẫu »*
(Lamartine).

Nhà danh họa người Mỹ Mary Cassat cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 thuộc trường phái ấn tượng đã vẽ một bức tranh sơn dầu mang chủ đề Tình Mẫu Tử là một trong những bức tranh giá trị của thế giới.

Tình mẹ không những bao la như biển trời thể hiện ở con người, mà tình mẹ cao cả còn thể hiện ở loài cầm thú về lòng hy sinh cũng vô bờ bến. Hình ảnh chim Bồ Nông (Pélican) trong thánh kinh đã kể rằng : *«Vi không tìm được môi, sợ con đói, chim Bồ Nông đã tự rĩa thịt mình cho con ăn.»* Thật là cao đẹp thay cho tình mẹ !

Trong dòng thi ca Việt Nam từ xưa đến nay, những bài thơ nói về mẹ thể hiện một sắc thái độc đáo, đặc sắc, mang dấu ấn riêng không nhiều. Tùy theo hoàn cảnh của từng nhà thơ nên cảm xúc diễn đạt bài thơ tuy có khác

nhau về nội dung và hình thức, nhưng vẫn có điểm chung là giữ được tính chất :Chân và Thiện về người mẹ. Bước vào cõi thơ là để lắng nghe tiếng lòng thổ thê của thi nhân, tùy theo tâm cảnh mỗi nhà thơ hòa nhập với ngoại cảnh. Thi sĩ Tân Đà đã trải tâm lòng để diễn tả nỗi lòng người mẹ qua lời ru triu mến trong đêm khuya thanh vắng :

*« Con ơi con ngủ đêm tàn,
Một hai giấc điệp muôn vàn tình thâm. »*
Hình ảnh người mẹ hiền là chất liệu tạo cảm xúc trong thơ của Nguyễn Hữu Nhật. Nhà thơ đã tả lại khung cảnh gia đình:
*« Mẹ ngồi tụng kinh Liên Hoa
Làm thơm suốt cả dãy nhà ba gian.
Mình con ngủ gật cạnh bàn,
Bài chưa thuộc hẳn, mộng toàn hoa sen. »*
(Thơ Hoa Sen)

Âm nhạc là bộ môn nghệ thuật dễ gây rung cảm lòng người gợi nhớ về một kỷ niệm qua những tiết tấu, giai điệu, ca từ. Người thường lầm cùng với tác giả hòa vào cõi âm thanh đầy sắc màu để sống với giây phút riêng. Phải chăng trong tâm hồn mỗi nhạc sĩ đều có chút thi ca nên lời của bản nhạc đôi khi là thơ đã giao hưởng ? V ào thập niên 65 thế kỷ trước, ca khúc Lòng Mẹ của nhạc sĩ Y Vân là một hồi chuông thức tỉnh. Ca từ như một bài thơ diễn tả nỗi lòng tuyệt vời của người mẹ, giai điệu là những nốt nhạc buồn phát ra từ tim máu, xương tủy. Ca từ và giai điệu quyện nhau kết thành một nghệ thuật thâm lòng người, để lại dấu ấn muôn đời về tâm lòng tuyệt vời của người mẹ :

*« Lòng mẹ bao la như biển thái bình dạt dào,
tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào.
Lời ru êm ái như đồng lúa chiều rì rào.
Tiếng ru trăng tà soi bóng mẹ yêu....*

*Thương con thao thức bao đêm trường,
con đà yên giấc, mẹ hiền sung sướng biết bao.
Thương con khuya sớm bao tháng ngày,
lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn.
Dù cho mưa gió không quản thân gây mẹ*

hiền. Một swong hai nắng cho bạc mái đầu buồn phiền. Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một niềm. Tiếng ru êm đêm mẹ hiền năm tháng triển miên.. »

(Lòng Mẹ)

Thời đất nước ở giai đoạn chống ngoại xâm, nhạc sĩ Nhị Hà viết lên ca khúc Mẹ Tôi mà ca từ có lẫn những giọt nước mắt thấm vào hồn người nghe như tiếng chuông vọng buồn từ cõi xa : «*Mẹ tôi tóc xanh nhuộm bạc tháng ngày. Mẹ tôi đau buồn nặng trĩu đôi vai, bao năm nuôi đàn trẻ thơ nhỏ dại, cầu mong con mình có một ngày mai. Mẹ tôi nắng mưa chẳng ngại nhọc nhằn, Mẹ tôi mỉm cười nhìn bóng con ngoan. Không than không phiền dù lâm hoạn nạn. Lòng mong con mình xứng thành người dân...Nhưng nay con nên người, thì nay còn đâu bà mẹ hiền xưa ! Chiều nay đốt hương tưởng niệm trước mộ, Nhìn khói đầu lòng tưởng nhớ năm xưa. Công ơn sinh thành ngày nao đến trả. Mẹ ơi con mẹ nhớ lời mẹ khuyên. »*

(Mẹ Tôi)

Hình ảnh quê hương được nhân cách hóa với người mẹ. sự gian khổ, nhẫn nại và đức tính hy sinh của người mẹ được gắn liền với sự thăng trầm của đất nước. Trong thời chống ngoại xâm không một ai không bị ảnh hưởng của ly loạn, thân phận người đàn bà có lẽ chịu nhiều thiệt thòi, đắng cay nghiệt ngã nhất ! Nhạc sĩ Phạm Duy đã viết lên ca khúc Bà Mẹ Gio Linh, bài ca mang tính biểu tượng bà mẹ Việt Nam chống ngoại xâm :

« *Mẹ gia cước đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày. Dù cho áo rách sờn vai, cơm ăn bát vơi bát đầy.. »*

(Bà Mẹ Gio Linh)

Thời kỳ đất nước ở giai đoạn Quốc Cộng mịt mù khói lửa đạn bom, nhạc sĩ Lam Phương đã xúc cảm viết lên ca khúc như tiếng ru buồn diễn tả nỗi lòng cô quạnh của

thiếu phụ chờ chồng và tâm lòng của người mẹ trong thời chiến:

« *Đêm khuya rồi à ơi..con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lũng hắt gió swong roi, được nhìn con thân mẹ đường âm cuộc đời. Hận loạn thù tình cha dứt bước ra đi, tháng năm qua thôn nghèo chờ mối duyên quê. Rồi một ngày người người lũng chiến công về, mừng thăm mẹ hỏi tin cha, ngờ đâu bóng đã khuất xa ! »*

(Tình Mẹ)

Đồng một nhịp điệu nhà thơ Tô Giang cũng gợi chút tâm sự qua bài thơ :

« *Thuở con mới chào đời,
Mẹ tuổi trăng mười tám...
Tóc xanh mẹ góa chồng
Tháng năm dài còm cõi
Mẹ con sống âm thầm
Mái tranh nghèo dệt nát,
Gió lùa những đêm đông.. »*

(Kiếp Mẹ)

Nhà thơ Nguyễn Ngũ Í đã phác họa chân dung người mẹ bằng những giọt lệ từ nhịp đập con tim mình qua bài:

« *Con nhìn má, má gầy nhiều, má hời,
Xương, gân này rờ rệt ở tay chân,
Má, lại đây, má, cho con má nhìn gần,
Coi tóc má bạc nhiều hay ít... »*

(Má)

Chiến tranh nào mà không gây máu lửa phân ly, những nỗi buồn chất thành núi. Làm sao đếm hết được những giọt nước mắt của mẹ già, con dại hay vợ hiền ? Nhưng có lẽ sự thống khổ của người mẹ là tốt độ ! Thời ấy xuất hiện một nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với dòng nhạc phản chiến, những ca khúc phản nộ như muốn nói lên nỗi niềm của thân phận làm người trong một đất nước chiến tranh. Quả thật chiến tranh đã gieo vào tâm hồn Trịnh Công Sơn một ấn tượng mạnh khiến dòng cảm xúc tốt độ nên ông viết được những

tác phẩm làm xao xuyên lòng người. Tuyển tập Ca Khúc Da Vàng, trong ca khúc có những câu : « *Mẹ già lên núi tìm xương con mình...Mẹ ngồi ru con nước mắt nhục nhằn, xót xa đời mình...Thôi ngủ yên đi con, ngủ yên đi con che dấu thân đau rã mòn...* ». Giai điệu và ca từ sâu lắng đó réo rắt, trầm bổng như tiếng kinh gọi hồn nghe ai oán bi thương đến rợn người, làm xói mòn tâm thức của những người trai cùng thế hệ đang cầm súng làm nhiệm vụ bảo vệ sự tự do quê hương! Người ta tự hỏi có nên trách người nghệ sĩ sáng tác về những nỗi buồn chiến tranh? Làm sao cảm được dòng cảm xúc của người nghệ sĩ? Thế nhưng sau cuộc chiến, trước những thực trạng quá đen tối của đất nước, rất tiếc người nhạc sĩ phản chiến ấy đã không đi hết hành trình của tâm thức nghệ sĩ để nói lên nỗi thống khổ của dân tộc dù người nghệ sĩ đó ở phía nào, hay nhìn một góc độ nào; Trái lại ông đã ngoảnh mặt, làm ngơ trước thảm cảnh của đất nước !: «*Hình ảnh những người mẹ già bị điên vì mất nhà, mất người thân đi quanh bãi biển tìm xác con tử nạn trên đường vượt biên. Hình ảnh mẹ già lom khom gánh quà vào tận rừng sâu nuôi con trong tù xảy ra khắp nơi trong mọi miền đất nước.* » **Những bi kịch ấy dưới ngòi bút tài hoa có thể viết lên những tác phẩm để đời mang dấu ấn thế kỷ; tiếc thay nét nhạc tài hoa ấy bị nỗi sợ hãi làm nhòe !**

« *Hòa bình ơi bạo lực chặn lối về
Tàn chiến cuộc khói ngút bay trần thế !* »
(Viên Đan Sau Cùng)

Sau chiến cuộc, người mẹ Việt Nam lại một lần nữa khóc cho số phận của đất nước khi nhìn thấy quê hương biến thành những trại tù đầy ! Nước mắt người mẹ tiễn con đi lưu đày. Nhà thơ Phương Triều xúc cảm làm vắn thơ để diễn tả nỗi lòng của người mẹ. May mắn cho ông ngày ra tù vẫn còn gặp được mẹ, và nay đã cùng mẹ về cõi vĩnh hằng.

« *Mẹ già tóc bạc hơn sương*

*Hái cho con trái quýt đường đầu năm
Bà con giòng họ hỏi thăm
Rằng con luân lạc mấy năm lưu đày ?
Núi cao, biển thẳm, sông dài
Những thân tù rạc biết ngày về chưa ?
Mẹ ơi, chiều nay không mưa
Sao nghe ướt mặt như vừa tiễn ai !
Con về xơ xác hình hài
Mẹ không khóc được như ngày cách xa !
Mẹ tôi nay đã quá già
Nước mắt đã cạn, xót xa lại đây !... »
(Đã Cạn)*

Người ta cứ tưởng đến tuổi già là được an nghỉ, nhưng sau chiến tranh trong chế độ tem phiếu đời sống kinh tế khó khăn, tuổi già lại càng cơ cực hơn. Những bà mẹ Việt nam phải chắt chiu để có thể nuôi những đứa con trong tù. Nhà thơ Song Nhị nhớ mẹ mà lòng đau xót, trong tù đã mượn vắn thơ như một lời tạ lỗi với mẹ :

« *Ngoài bảy mươi chưa hết nỗi đoạn trường,
Đau thương chất lên tuổi già sức yếu. ...
Mẹ chắt chiu dành dụm trong tay
Tùng đồng bạc để nuôi con cải tạo.
Con ngồi trong bốn bức tường trần tráo
Tùng đêm dài tiếng mẹ vọng yêu thương. »
(Bài viết về Mẹ)*

Có niềm đau nào hơn niềm đau mất mẹ? Người mất mẹ thì cuộc đời còn lại như chỉ nhìn thấy nửa vầng trăng ! Mà trăng là biểu tượng cho cái đẹp trong sáng nhẹ nhàng đầy thơ mộng, cho dù trăng có lúc tròn có lúc khuyết. Cái khuyết đó như một hình thê méo, khối pha lê vỡ. Hình ảnh người mẹ là bóng mát là chỗ dựa cho người con dù ở tuổi nào. Nhà thơ Trần Trung Đạo ôm một nỗi bất hạnh khủng khiếp khi mới chào đời ông đã mất mẹ ! Có lẽ do nỗi buồn to lớn ấy đã giúp ông có những nhạy bén về cảm xúc hơn người. Thơ ông có một sắc thái riêng :

« *Con chẳng về đâu dù mưa hay nắng
Sông Thu Bốn trăng tháng bảy còn in*

Mười năm trời con làm mây viễn xứ
Mười năm dài biển biệt dấu chân chim

Ngày mẹ chết con chưa tròn một tháng
Cha tảo tần sớm nắng với chiều mưa
Thiếu sữa mẹ đòi con thành đại hạn
Thiếu lời ru con lớn với lộc lừa... »
(Chuyện Đòi Mẹ)

Nghịch cảnh đất nước làm đau lòng người. Nhà thơ Tùy Anh sau nhiều năm tù đầy, nay làm kiếp lưu vong đã viết những lời thơ thông hối tạ lỗi với mẹ:
“Trắng tay tự thuở vào đời
Cũng hoàn tay trắng khi rời thế gian.
Mẹ ơi, biển biệt non ngàn
Giờ thương khóc mẹ muôn vàn xót xa. »
(Khóc Mẹ)

Đồng điệu với nỗi đau của đất nước, Minh Đạo người nhạc sĩ có thời làm cựu thẩm phán đã chẳng than trách và đổ thừa cho ai khi thế sự đã thay đổi, mà chỉ ngậm ngùi cho những năm tháng tù đầy và cuộc đời phiêu bạt. Nhớ mẹ Minh Đạo đã mượn nốt nhạc để giải nỗi sầu như một lời tạ tội với mẹ:
« Hôm nay ngày giỗ mẹ, nhớ từ thuở ấu thơ cha đã không còn nữa, mẹ con cùng bơ vơ. Miếng cơm hòa nước mắt, những túi nhục kiếp người. Mẹ nửa con một nửa cùng chia sót dòng đời. Đòi con giờ phiêu bạt, bạc đầu vẫn trắng tay. Cúi đầu xin lỗi mẹ, con nghe mẹ thờ dài ! »
(Con Nghe Mẹ Thờ Dài)

Mỗi lần nghe lại bài ca dao qua điệu hát, lòng tôi lại một lần nào nê !

« Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng, con phải mò coi. »
(Ca Dao Việt Nam)

Ôi mái tóc trắng phau trên gò má nhăn nheo như lớp vỏ cây cô thụ ! Ước mơ của mẹ thật bình thường, chỉ mong cho đàn con khi

khôn lớn sớm thành người dân. Buồn thay mộng ước **đó như mây bay, gió thoảng, đã** rụng theo từng sợi tóc mẹ với thời gian ! Thế sự xoay chuyển, đàn con mẹ nay vẫn phiêu bạt khắp nơi, lòng nghẹn ngào tôi **nhớ về mẹ và cố hương** :

« Sấm chớp đùa nhau đòi thoảng hiện,
Kiếp nghèo rách toạc phổ thân tiên!
Phố khuya, ai bước hẳn lên tuyết ?
Bóng hạc gọi ta nhớ mẹ hiền.
Năm ngoái lũ tràn qua xóm vắng,
Lạnh đây con ngõ mấy mùa trăng ?!
Gió đông vi vút luồn khe vách,
Chắc buốt lưng còng nổi giá băng!
Mưa đêm hay tiếng ho ngàn dặm?
Ta bỗng hình dung dáng mẹ nằm,
Hiu hắt nét già thêm rừ rượi,
Quặn lòng muốn chấp cánh về thăm.
Bến quê Sóng đỏ dâng mù lối,
Thôi cũng đành như chiếc lá trôi!
Ngục tối sá gì con đôi lá,
Mà e người khóc ngắt trên đôi!
Cấn môi bật máu còn thơm sữa,
Lạy mẹ con nào khác thuở xưa,
Ngày tháng ngút sâu nên tóc bạc!
Bao xuân quên mất phút giao thừa! »
(Paris Đêm Buồn)

« Mẹ tôi lúc còn chiến tranh hằng cầu nguyện cho quê hương sớm thanh bình để con mình khỏi chết trận. Sau khi hết chiến tranh lại cầu nguyện cho con thoát khỏi lao tù. Và giờ đây lại cầu nguyện quê hương được tự do dân chủ. Tôi viết bài này như một lời tạ tội suốt đời làm cho mẹ buồn ! »
« Viễn xứ mây chiều vương dáng mẹ,
Mắt buồn u uẩn mấy hàng tre
Tuyết rơi tê tái hồn vong quốc,
Mẹ xá cho con tội muộn về ! »

Đỗ Bình

Paris 13 05 2011

MỘT THIÊN TÌNH SỬ BI ĐÁT

KỊCH SÁU HỒI

Đời vua Minh Tông nhà Trần, quan thái thú họ Trịnh mới đến trấn nhậm Hồng Châu (Hải Dương), có người vợ trẻ đẹp luôn luôn ở bên cạnh.

Nhân đêm Trung Thu, ông bà bày tiệc rượu để thưởng thức gió mát trăng thanh.

HỒI I

Cảnh 1

Trịnh Thái Thú

Trịnh phu nhân

Hoa tì

- **Trịnh Thái Thú:** Đêm Trung Thu mây tạnh trời quang, phu nhân cùng ta nâng chén thưởng nguyệt.

- **Trịnh phu nhân:** Thiếp rất vui mừng được cùng tướng quân nâng chén mừng trăng. Ước mong non nước thái bình lâu dài, cho dân chúng hưởng thú thanh nhàn.

(Vừa lúc ấy Hoa tì bước vô thưa)

- **Hoa tì:** Trình phu nhân, có một thiếu nữ ăn mặc chỉnh tề, diện mạo đoan trang, muốn vào dâng phu nhân một lễ vật.

- **Trịnh phu nhân:** Lạ nhỉ!! Xứ lạ quê người này ai biết ta mà dâng lễ vật? Cứ cho họ vào.

Cảnh 2

Thêm thiếu nữ lạ mặt.

Thiếu nữ bước vô dâng một cái hộp nhỏ thếp vàng cho Trịnh phu nhân:

- "Chủ nhân tôi sai đem vật này kính biếu phu nhân".

Nói xong vội vã đi ra.

Trịnh phu nhân mở hộp ra xem, thấy một tấm dải đồng tâm màu tím trên đề:

- "Tặng người đẹp, chờ ngày tương phùng".

Trịnh Thái Thú nổi giận hét to:

- Bọn hải tặc to gan thật!! Nhưng phu nhân cứ yên lòng. Ngày mai ta sẽ cho quân binh tảo thanh miền duyên hải, diệt hết bọn này.

Hai ông bà cùng nhau chén tạc chén thù, say túy lúy ngủ quên.

HỒI II

Cảnh 1

Trịnh Thái Thú

Hoa tì

Trịnh Thái Thú tỉnh giấc không thấy phu nhân đâu cả, gọi Hoa tì:

- **Trịnh Thái Thú:** Hoa tì, người có thấy phu nhân đâu không?

- **Hoa tì:** Bẩm thượng quan, từ lúc con thức giấc, con vào bếp đun nước chế trà không thấy phu nhân đâu cả. Con có hỏi gia nhân cùng những người gác cổng, không ai hay biết chi cả, vì họ ngủ mê man.

- **Trịnh Thái Thú:** Gọi tất cả tôi ở trong nhà, và binh sĩ giữ cửa vào đây.

Cảnh 2

Trịnh Thái Thú

Ông Chương vệ

- **Trịnh Thái Thú:** Chúng bây say sưa thế nào, mà bọn đạo tặc vào đây không ai hay biết chi hết!!

- **Ông Chương vệ** (run sợ cúi đầu thưa): Bẩm thượng quan, bọn đạo tặc rắc thuốc mê, mọi người ngủ say, chúng thừa cơ lên vào bắt cóc phu nhân.

- **Trịnh Thái Thú:** Ông Chương vệ cho hợp binh sĩ để truy nã chúng nó.

HỒI III

Trịnh Thái Thú, ông Chương vệ cùng binh sĩ đi dọc duyên hải gặp một cụ già chống gậy đi dạo.

- **Trịnh Thái Thú:** Chào lão trượng. Lão trượng có biết bọn hải tặc ở vùng nào không?

- **Cụ già:** Thưa ngài, chúng nó ở tận đảo Phù Sa, cách đây trên ba trăm hải lý. Đi thuyền nếu được thuận buồm xuôi gió cũng phải mất non nửa ngày. Chúng thường đến đây bắt cóc phụ nữ vì trên đảo thiếu đàn bà.

Chúa đảng của chúng biệt hiệu là Thần Thuồng Luồng, vì hắn có thể bơi lội dưới nước trọn ngày không biết mệt. Bọn chúng đi ba trăm người, khí giới đầy đủ, rất tinh nhuệ về thủy chiến, canh phòng đảo một cách nghiêm ngặt. Thủy quân của triều đình cũng khó mà tấn công đảo để diệt bọn chúng.

Ngài nên thương lượng với chúng là hơn. Tôi xin làm trung gian để điều đình.

- **Trịnh Thái Thú** (quay sang nói với ông Chương vệ): Trước khi dụng binh dùng võ lực, ta tưởng cũng nên gặp đối phương.

Nhờ lão trượng giúp cho tôi được gặp tên Thần Thuồng Luồng trên đảo của hắn.

HỒI IV

Tại doanh trại của Thần Thuồng Luồng
Trịnh Thái Thú

Tù trưởng Thần Thuồng Luồng

- **Trịnh Thái Thú:** Xin tù trưởng cho tôi được chuộc phu nhân. Tồn bao nhiêu tôi cũng sẽ gom hết gia tài sự nghiệp để chuộc.

- **Tù trưởng:** Tôi cùng phu nhân đã có duyên nợ từ kiếp trước. Vừa gặp phu nhân, tôi đã nhớ những việc xảy ra ở kiếp trước. Tôi đã gắn bó với phu nhân trên trăm năm trước.

- **Trịnh Thái Thú:** Tù trưởng có thể cho phu nhân ra đây, xem phu nhân chọn ai? Nếu phu nhân chọn tù trưởng, tôi sẽ để phu nhân cho tù trưởng, tôi sẽ đi về ngay.

- **Tù trưởng:** Không được, phu nhân đang bị khủng hoảng tinh thần vì chưa quen phong thổ ở đây.

Trong lúc ấy, từ phòng trông vọng ra

tiếng khóc của phu nhân, đòi về Hồng Châu. Hai tỷ nữ giữ chặt phu nhân lại.

- **Tù trưởng** (nói tiếp): Muốn cho công bằng, một năm nữa ngài trở lại đây, nếu phu nhân chưa có con trai, tôi xin giao lại cho ngài.

HỒI V

Đúng một năm sau Trịnh Thái Thú trở lại doanh trại của tù trưởng Thần Thuồng Luồng.

Tù trưởng giữ lời hứa, cho Trịnh Thái Thú được hội kiến với phu nhân. Phu nhân đã từ bỏ y phục người Kinh, ăn vận theo lối người dân ở đảo, bồng đứa con trai vừa đúng 3 tháng.

- **Trịnh Thái Thú:** Tôi còn có thể thuyết phục tù trưởng cho phu nhân về.

- **Phu nhân:** Xin tướng công đừng làm thế.

- **Trịnh Thái Thú:** Phu nhân đã yêu con thuồng luồng rồi hả?

- **Phu nhân:** Không hẳn thế, nhưng tôi không thể nào bỏ con tôi được.

HỒI VI

Trên đường về, thủy thủ thuật lại: Trịnh Thái Thú đang ngồi ở mạn thuyền, bỗng bị mất thăng bằng té xuống biển, sóng cuốn đi mau quá, không ai cứu kịp.

VĂN BÁ (Paris)

ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ

Nhà Văn NGÔ TẶNG GIAO

Có bán tại

WASHINGTON MUSIC

6795 Wilson Blvd. #26

Falls Church, VA 22044.

(703) 538-4979

Hay liên lạc: NGÔ TẶNG GIAO

giaongo@msn.com

XUNG TỘI

Phạm Hữu Bính

Thánh Lễ cuối cùng ngày Chủ Nhật chấm dứt. Giáo dân lũ lượt kéo nhau ra về. Có những ông bà già đi chậm chậm, vừa đi vừa diu nhau. Có những cặp vợ chồng trẻ, dắt díu mấy con nhỏ, khuôn mặt sáng ngời, thủ thỉ chuyện trò. Có những thanh niên, thiếu nữ quàng tay qua lưng nhau, mặt nhìn mặt say sưa, đắm đuối.

Cha Dominic Lê Thanh Liêm cứ mặc nguyên áo lễ ra đứng trước thêm nhà thờ, tươi cười bắt tay tiễn chào các giáo dân. Có người đoán Cha Dominic năm nay chừng 27 hay 28 tuổi. Cha cao lớn hơn bất cứ người Việt nào trong giáo xứ này. Với vầng trán rộng, cặp lông mày rậm, đôi mắt sáng trong, nước da trắng ngà và mái tóc đen rẽ ngôi giữa, Cha Dominic giống như một tài tử màn bạc hơn là một linh mục.

Một vài người đàn ông khi đi qua chỗ Cha đang đứng, dừng lại bắt tay Cha Dominic như những cái máy, nhắc lại những lời chúc tụng mà cha đã nghe cả trăm lần:

- Chúc Cha nghỉ ngơi cuối tuần vui vẻ.

Một số người khác, nắm chặt tay cha vài ba phút, trò chuyện thân mật về những chuyến du lịch, hay việc học hành của con cái. Có vài ba cô thấy cha cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai thì lợi dụng những lúc này đến ôm chầm lấy cha, như thể gặp lại được người thân sau nhiều năm xa cách. Một cô táo bạo ghé vào tai cha nói nhỏ:

- Cha đẹp trai như thế mà đi tu, uổng quá cha ơi!

Cha Dominic đã quen với những thử thách này. Cha không phải là người để các cô có thể bắt nạt được. Cho nên một hôm trong

bài giảng ngày Chủ Nhật Cha đã bắt đầu như thế này:

- Có một số giáo dân nghĩ rằng những người đi tu là những người khổ hạnh, thất bại trên đường đời, nhất là về tình duyên. Để trả lời chung cho quý vị này, tôi xin mượn hai câu thơ sau đây:

“Ai bảo đi tu là khổ

“Đi tu sướng lắm chứ.”

Cử tọa phá lên cười. Cha Dominic nói tiếp:

- Quý vị ai cũng có một gia đình. Một linh mục như tôi thì có cả trăm gia đình. Ai trong giáo xứ này cũng là người thân của tôi, là anh, là chị, là em tôi, là cô, là chú, là bác tôi.

Mọi người nghe mà cảm động.

Cha Dominic vồn vã, thân thương với mọi người. Cha có cách ăn nói duyên dáng, dí dỏm để gây cảm tình với người đối thoại.

Nhưng tất cả những cái đó chỉ là một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài. Ít ai thấu hiểu được cái buồn mênh mang tràn ngập tâm hồn Cha Dominic khi Cha ở một mình. Sau khi người giáo dân cuối cùng ra khỏi khuôn viên nhà thờ, Cha Dominic trở lại giáo đường, yên lặng đóng cửa, cài then. Cha bỗng thấy lòng buồn tê tái. Tất cả chung quanh đều yên lặng hoàn toàn. Quay nhìn tứ phía, Cha chỉ thấy cây thánh giá trên bàn thờ và những hàng ghế lộp lộp trông trơn. Không có một ai để Cha trò chuyện. Không một ai hỏi han Cha.

Cha biết đám giáo dân của Cha sẽ về nhà quây quần quanh bàn ăn, với những món ăn ngon, nóng hổi, chuyện trò, đùa cợt với nhau. Những người khác có lẽ sẽ đi ăn tiệm. Nhưng ở đâu họ cũng cười nói, vui vẻ yêu đời.

Các linh mục khác cũng đã đi thăm cha mẹ, chú bác, anh chị em xa gần. Riêng cha Dominic không có thân thuộc nào để thăm hỏi. Cha hoàn toàn đơn độc. Cha chỉ nhớ lơ mơ rằng khi còn thơ ấu, Cha cũng sống trong một gia đình có bố mẹ và nhiều người anh. Cha nhớ Cha cũng được thương yêu, được ăn

no, mặc ấm, được chơi đùa với các anh. Cha nhớ tên Cha lúc đó là Liêm – Lê Thanh Liêm

Rồi một hôm tất cả những cảnh vui đẹp đó bỗng biến mất. Chú bé Liêm sực tỉnh dậy khi nghe như có tiếng súng nổ. Có tiếng gọi, tiếng đập cửa, tiếng những người hàng xóm la thất thanh, tiếng còi hụ của xe cảnh sát hay xe cứu thương. Còn gì nữa xảy ra sau đó, Cha không nhớ. Có lẽ khoảng thời gian đó quá đau thương nên đã bị xoá mờ đi trong tiềm thức. Ô mà hình như có ai mang cậu bé Liêm đến một nơi khác, đến nhà Cô Hường. Ít lâu sau, người ta đưa Liêm đến nhà một người khác tên là Chú Lân. Ở đâu Liêm cũng chỉ cảm thấy như người ngoài, không ai thực sự săn sóc đến Liêm. Những lúc vui buồn, Liêm chẳng biết chia sẻ cùng ai.

Một buổi sáng, chú Lân nói với Liêm:

- Chú vừa mất việc. Chú phải sang nhà người quen ở nhờ. Chú không mang cháu theo được. Chiều nay cơ quan xã hội sẽ đưa cháu đến ở nhà bố mẹ đỡ đầu cho cháu. Chú đã sắp sẵn quần áo cho cháu ở trong sách tay này.

Rồi chú Lân lấy ở trong túi áo ra một tấm hình màu, đưa cho Liêm:

- Đây là tấm hình duy nhất của gia đình cháu mà chú còn giữ được. Chú cho cháu để cháu giữ làm kỷ niệm.

Liêm trông vào tấm ảnh và nhận ra mọi người: Bố Liêm, mẹ Liêm và bốn anh em Minh, Hoàng, Thứ và Liêm. Tất cả đều tươi cười. Nhưng tất cả bỗng biến đi đâu mà giờ này chỉ còn một mình Liêm ở đây. Liêm không hỏi chú Lân vì Liêm biết chú Lân sẽ không nói, cũng như cô Hường đã không nói cho Liêm biết.

Rồi Liêm nghĩ ra: Tất cả đã chết. Liêm nhớ cô Hường có bế Liêm đến nhà thờ. Liêm đã thấy bốn cái hòm. Liêm hiểu lẽ mờ rằng những hòm đó dùng cho người chết.

Thời gian qua đi. Liêm được chuyển từ cha mẹ đỡ đầu này đến cha mẹ đỡ đầu khác. Liêm vừa làm quen được vài người bạn trong xóm

thì lại phải thay đổi chỗ ở, lại phải khởi sự với con số không. Có những cha mẹ đỡ đầu hay la lối làm Liêm sợ xanh mặt. Có những cha mẹ đỡ đầu thờ ơ, cả ngày chẳng nói một câu với Liêm. Để tìm quên lãng, Liêm đã vùi đầu vào với sách vở hay các môn thể thao.

Năm mười bốn tuổi, Liêm được đưa đến ở với ông bà Miller. một gia đình công giáo. Thấy Liêm ham học, ông bà Miller cho Liêm vào học trường Đạo. Các nữ tu dạy ở trường khuyến khích Liêm học để làm linh mục. Ở lớp nào Liêm cũng được thầy yêu, bạn mến. Học hết trung học, Liêm học thêm tám năm nữa mới đủ điều kiện làm linh mục. Bốn năm đầu Liêm học các môn như các sinh viên đại học khác. Bốn năm sau, Liêm học các môn thần học, lịch sử giáo hội, tâm lý, xã hội, nói trước công chúng. Liêm học cách quản trị một giáo xứ và thực tập làm linh mục.

Liêm vui tươi, hăng hái trong giờ học bao nhiêu thì Liêm càng cảm thấy cô đơn hơn khi về phòng riêng bấy nhiêu. Mọi người chung quanh ai cũng ngong ngóng mong đến ngày lễ, ngày nghỉ. Riêng một mình Liêm sợ những ngày nghỉ và ngày cuối tuần vì đây là lúc mà cái cô đơn của Liêm hiện rõ hơn bao giờ hết. Có những lúc thèm khát một gia đình, Liêm lại lấy tấm ảnh mà chú Lân cho ra xem. Liêm tưởng tượng nếu những người trong tấm ảnh còn sống thì giờ này chắc họ sẽ lấy làm hãnh diện về những thành quả của Liêm. À mà biết đâu Liêm chẳng thuyết phục được một người anh của Liêm vào học làm linh mục như Liêm.

Năm hai mươi sáu tuổi, Liêm thụ phong chức linh mục. Ngày lễ thụ phong, Liêm đã mời ông bà Miller và các nữ tu ở trường cũ đến dự. Bây giờ mọi người không gọi Liêm bằng tên riêng nữa. Ai cũng gọi Liêm là Cha Dominic. kể cả Đức Tổng Giám Mục.

Cha Dominic được cử về làm việc như một phó tế ở Giáo Xứ Saint Bridget này là nơi có nhiều giáo dân người Việt. Cha bận rộn suốt ngày. Cha dậy từ năm giờ sáng để làm

thánh lễ, ngày thường cũng như ngày Chủ Nhật. Cha phải soạn bài giảng trong các thánh lễ, phải dạy giáo lý cho những người muốn trở lại đạo, và nhiều việc không tên nữa. Cũng như ngày còn đi học, Cha Dominic bỏ cả tâm trí vào từng việc, dù lớn hay nhỏ. Nhưng trong tất cả các nhiệm vụ mà Cha phải gánh vác, nhiệm vụ đem lại cho Cha nhiều an ủi, sáng khoái tinh thần có lẽ là nhiệm vụ ngồi toà giải tội trước mỗi thánh lễ hay từ ba giờ đến năm giờ chiều ngày Thứ Sáu.

Cha Dominic còn nhớ ngày Cha đi xưng tội lần đầu khi được mười lăm tuổi. Lúc đó Cha còn là cậu học sinh tên Liêm. Khi bước đến trước cửa phòng giải tội, Liêm kính cẩn quỳ xuống, chờ đợi. Có tiếng người từ sau màn che màu đen hỏi:

- Con xưng tội lần cuối cùng là bao giờ?

Liêm run run thưa:

- Đây là lần đầu tiên con đi xưng tội. Xin cha giúp con xét mình.

Tiếng người sau màn che nhỏ nhẹ:

- Đề cha giúp con. Con cứ thành thật mà trả lời những câu hỏi của cha. Con có thờ phụng một thánh thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời ra không?

- Dạ. Không.

- Con có kính mến bố mẹ con không?

- Con không biết, vì con không có bố mẹ

- Con có ăn gian, nói dối không?

- Dạ. Không.

- Con có giết người không?

- Chắc chắn là không.

- Con có ham muốn vợ chồng người khác không?

- Dạ. Cũng không. Nhưng đêm qua con bị xuất tinh ướt cả quần. Con không biết trong khi ngủ con có mơ điều gì xấu xa không.

- Con có đọc những sách mà Hội Thánh cấm đọc không?

- Con đọc những sách mà các thầy giáo bảo con phải đọc. Con cũng đọc những sách khác mà con thích tuy các thầy không đòi hỏi

con phải đọc. Con không biết sách nào là sách mà Hội Thánh cấm đọc.

- Con đã thành thật trả lời những câu hỏi của cha. Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần. Con hãy ra về bình an và đọc năm kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.

Liêm đứng lên ra về, lòng tràn trề một niềm hoan hỉ. Liêm cảm thấy Liêm là một con người hoàn toàn mới, trong trắng, thanh khiết, không vướng một chút bụi trần gian, Liêm cảm thấy như mình có thể bay bổng lên không được.

Bây giờ thì Cha Dominic là người ngồi sau màn che, lắng nghe những lời xưng tội của các con chiên. Ngồi đây Cha Dominic cảm thấy Hội Thánh La-Mã đã ban cho các linh mục một quyền lực quá lớn lao, được đòi hỏi tất cả các con chiên, từ những người già cả trăm tuổi đến các thiếu nhi vừa chịu phép Thêm Sức, tất cả mọi con chiên - từ những người cao uy quyền thế đến những kẻ vô danh, tiểu tốt - phải đi xưng tội với một linh mục, ít nhất là mỗi năm một lần. Qui trước toà giải tội, người ta thổ lộ ra những bí ẩn đã trôn sâu tận đáy lòng, những bí ẩn mà người ta không dám nói ra với ai, kể cả những người thân yêu nhất như bố, mẹ, anh, chị, em ruột thịt, không hẳn vì người ta mong được lên Thiên Đàng hay sợ sẽ bị đày xuống Địa Ngục mà vì bị lương tâm cắn rứt.

Cái lương tâm ở trong mỗi người, ngay cả những người cả đời chưa bao giờ đi nhà thờ hay đi lễ chùa, ngay cả ở những người chưa bao giờ đọc sách về luân thường, đạo lý, hay được nghe giảng về nghiệp trường, về thuyết nhân quả, làm Cha Dominic tin tưởng rằng Thượng Đế đã đặt sẵn lương tâm đó ở sâu trong tâm hồn mỗi người.

Cha Dominic còn nhớ có xem trên TiVi một chuyện xảy ra ở Philadelphia, PA. Cảnh sát được tin có một người đàn ông chết, nằm ở góc Đường Walnut và Đường 52. Khi đến nơi, cảnh sát đã khám phá ra là người đàn ông

đó có tên là George, một người vô gia cư, sống lẩn lóc ở đầu đường, xó chợ quanh khu này mà ai cũng biết. George đã tự vẫn bằng cách lấy dao nhọn đâm vào tim. Có điều lạ là trước khi tự vẫn, George đã cắt đầu ngón tay lấy máu viết lên tường một câu vắn tắt: “*I am sorry*” (Tôi ân hận). Cảnh sát không hiểu anh ta ân hận về cái gì mà tự vẫn.

Một giờ sau, cảnh sát lại được tin báo có một án mạng cách đó chừng hai dặm. Một người đàn bà tám mươi hai tuổi tên là Jackie Lawson bị đâm chết. Phòng ngủ của bà ấy bị lục lọi tung toé, chứng tỏ đã có kẻ gian vào tìm tòi tiền bạc. Dấu tay còn đẫm máu in trên cửa và lối ra vào cho thấy kẻ giết bà Jackie Lawson chính là George. Những người ở khu đó cho cảnh sát biết bà Jackie Lawson là mẹ nuôi của George trong nhiều năm qua. George ở với bà ấy được ít lâu rồi lại bỏ đi lang thang. Khi khốn khổ quá thì lại mò về xin tiền hay đồ ăn. Lần này chắc là bà Jackie Lawson không có tiền cho hắn nên hắn nổi sùng mà giết bà ấy. Nhưng khi nguôi cơn giận thì George đã hối hận và tự vẫn luôn. Một người như George mà còn biết hối hận thì đủ chứng tỏ rằng anh ta cũng có một lương tâm.

Cha Dominic đã thấy có nhiều con chiên đến xưng tội, trút bỏ được những u sầu, ân hận chứa chất trong lòng từ bao lâu, khi được giải tội ra về thì vui tươi, hớn hờ, như người chết sống lại. Đây là niềm hân hoan, đây là niềm an ủi nhất cho Cha trong nhiệm vụ một linh mục.

Cũng có những con chiên đến xưng tội một cách ngớ ngẩn hay không thực lòng ăn năn. Một thiếu nữ đã xưng tội như thế này:

- Thưa cha, con đã phạm tội dâm dăng.

Cha Dominic hỏi:

- Con phạm tội dâm dăng như thế nào?

- Thưa Cha. Con đi xe đạp, yên xe đè vào cửa mình con và con thấy bị kích động tình dục.

Cha Dominic hỏi:

- Năm nay con bao nhiêu tuổi?

THƯƠNG GHÉT CHO ĐỜI

Trăng còn đầy khi vầng đông chưa tới
Gió miên man ru giấc ngủ em ngoan
Em tôi ơi, duyên dáng mắt nai tròn
Hương say đắm đưa ta về cõi mộng..

Giữa trần gian men tình cănG nhựa sống
Ai ngờ đâu đến đâu bề cuộc đời
Mới cười đó, rồi đem về lại khóc
Sáng trời trong, trưa tuyết đã rơi rơi..

Cuộc tình tan khi nắng xế chơi vơi
Tim rướm máu chảy qua vùng kỷ niệm
Giọt lệ tràn ướt đẫm nỗi niềm riêng
Yêu đương lắm, rồi phong ba tiếp nổi!

Hồn lãng đãng đổ bên triền gió nổi
Tím lan dần theo ngọn lửa bi, hoan
Trót thương nhau sao nỡ để bề bàng
Em xa vắng nhưng sông còn ở lại..

Hôn nhau đó. Dàn ra xa. Ngang trái
Em có nghe cơn đau lặng, tình ta?
Rượu chừa cạn ly, giọng hát đến thiết tha:
“thương cho đời,ghét cho đời,
và cũng chán cho đời..”*

**lời trong bản nhạc*

Vàng Phai Mấy Lá của Đoàn Chuẩn

Va, ngày 31- 12-08

Bùi Thanh Tiên

- Năm nay con mười bảy tuổi.

Cha Dominic muốn nói “Ồ cái tuổi mười bảy mà đôi khi con cảm thấy bị kích động về tình dục thì là chuyện tự nhiên. Nếu con không bao giờ cảm thấy bị kích động về tình dục thì mới là điều lo ngại.” Nhưng Cha chỉ nói giản dị:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Một lần khác, một bà đến xưng tội nói:

- Thưa Cha, con mắc tội gian tham của người. Con đi chợ, mua đồ ăn hết sáu mươi hai đô-la. Con đưa giấy một trăm đô-la mà người bán hàng thối lại cho con tám mươi tám đô-la. Con biết người ta nhầm mà cứ lờ đi. Bây giờ con ân hận quá.

Cha Dominic nói

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần với điều kiện trong vòng một tuần lễ con phải mang trả lại số tiền dư cho người bán hàng kia. Con ra về bình an và đọc năm kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.

Bà kia ra về về mặt buồn thiu.

Ngày Thứ Năm trước Lễ Phục Sinh là ngày nhiều người đi xưng tội nhất trong năm. Cha Dominic thấy có đến năm sáu chục người, già, trẻ, lớn bé đứng xếp hàng để chờ đến lượt vào xưng tội. Có những người đã xét mình kỹ lưỡng và sửa soạn sẵn những lời để mô tả tội lỗi của mình, Cha Dominic yên lặng nghe và thỉnh thoảng “ừ, ừ”, “à, à” để chứng tỏ Cha đang lắng nghe. Cuối cùng Cha nhắc lại câu thường lệ:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Có những con chiên khác vào xưng tội mà nói vòng vo, đầu không ra đầu, cuối

không ra cuối, làm Cha Dominic phải hỏi đi, hỏi lại mà vẫn không hiểu. Nhưng Cha không thể mất thì giờ về một người để những người khác phải chờ đợi quá lâu. Cha đành chấm dứt người đó bằng câu thường lệ:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Sau hơn hai giờ ngồi trong toà giải tội, Cha Dominic bắt đầu thấy bồn chồn, mệt mỏi. Cha chỉ mong cho chóng đến người cuối cùng để Cha được về nghỉ ngơi ít phút. Một người đàn bà đến quỳ trước toà giải tội. Cha Dominic hỏi:

- Còn mấy người đứng đợi đằng sau con?

Người đàn bà thưa:

- Con là người cuối cùng.

Cha Dominic thở phào. Cha nói:

- Con có thể bắt đầu.

Người đàn bà tiếng run run nói:

- Con xưng tội lần cuối cùng cách đây hơn hai mươi năm. Con đã phạm tội ngoại tình và tội giết người.

Cha Dominic ngồi thẳng mình lên:

- Con hãy nói cặn kẽ cho Cha nghe.

Người đàn bà sụt sùi nói tiếp:

- Ngày ấy con ba mươi sáu tuổi. Con trẻ, đẹp. Con có chồng và bốn đứa con trai. Chồng con làm nghề sửa máy lạnh. Con làm thợ cắt tóc ở tiệm Hair Cuttery. Gia đình chúng con sống sung túc, hạnh phúc ở Thành Phố San Augustine, Texas. Một hôm có một thanh niên đến cắt tóc. Thấy con là anh ấy tỏ lòng say mê, quyến luyến ngay. Anh ấy tên là John Yates, một kỹ sư vừa tốt nghiệp, đang làm với hãng General Electirc, có văn phòng gần tiệm cắt tóc Hair Cuttery. Mỗi lần đến cắt tóc là anh ấy mang quà đến tặng con. Khi thì hộp kẹo sô-cô-la, khi thì cái khăn quàng cổ, khi thì lọ nước hoa. Rồi chúng con yêu nhau vụng trộm, hẹn hò lúc đi ăn trưa. Có những ngày cuối tuần, con nói dối chồng con là con

phải đi làm giờ phụ trội, rồi đi chơi với người tình của con. Cho đến một hôm Thứ Bảy, con cũng nói dối chồng con là con đi làm để rồi đi chơi với John ở Busch Garden. Lúc về, đường bị kẹt cứng vì có tai nạn xe hơi. Con sợ hãi quá chừng. Con biết không thấy con về, chồng con sẽ đến tiệm Hair Cattery tìm con rồi sẽ biết là con đã lừa dối anh ấy. Con sợ anh ấy bắn chết con nên con không dám về nhà. Con vào một motel ở qua đêm để suy tính. John lúc bấy giờ còn ở chung với bố mẹ. Sáng hôm sau thì TiVi loan tin chồng con đã bắn chết mấy đứa con rồi tự tử theo. Con hoảng hốt bỏ trốn lên vùng này vì con sợ bị cảnh sát bắt và bị bà con sỉ vả. Con cũng không có can đảm nào mà về để nhìn thấy cảnh gia đình tan rã do con gây ra. John cũng sợ bị liên lụy nên không liên lạc với con nữa. Ít lâu sau thì con kiếm được việc làm lau chùi nhà cửa và nấu ăn trong một tu viện của các nữ tu dòng Mân-Côi cách đây mười hai dặm. Con âm thầm về thăm mộ chồng con và các con con mấy tháng sau đó. Con khóc lóc và quì ở đó cả giờ để khấn vái, xin chồng con và các con con tha thứ cho con. Con nhận ra là một trong số bốn đứa con con, có một đứa thoát chết vì con chỉ thấy có bốn nắm mồ. Suốt hơn hai mươi năm qua, không một ngày nào mà con không nghĩ đến cái thảm cảnh gia đình do con gây ra và đứa con còn sống sót. Nào biết nó lang bạt về đâu, bơ vơ một mình, không một người thân yêu.

Cha Dominic thay đổi cách xưng hô, hỏi:

- Bà có muốn tìm đến đứa con còn sống sót đó không?

Người đàn bà suy nghĩ một giây rồi thưa:

- Thưa cha, không. Con còn mặt mũi nào mà trông thấy nó. Làm sao con dám cho nó biết vì những hành động dâm loạn của con mà bốn người thân yêu nhất trong đời nó phải thiệt mạng? Để nó phải sống vất vưởng một mình trên cõi đời này.

Cha Dominic hỏi tiếp:

- Bây giờ bà có ước nguyện gì không?

Người đàn bà trầm ngâm một lúc rồi thưa:

- Con chỉ ước sao con tìm lại được một tấm ảnh chụp ngày chúng con còn có nhau để con được nhìn lại người chồng suốt đời căm cũi vì gia đình mà con đã phản bội, để con được nhìn thấy những đứa con kháu khỉnh, ngoan ngoãn mà con đã xô đẩy vào chỗ chết.

Cha Dominic, giọng rung rung những nước mắt, nói:

- Cha sẽ cầu nguyện cho con.

Lơ đãng, Cha đã quên không nói câu thường lệ: “Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần.”

Người đàn bà đã đứng lên ra về từ hồi nào mà Cha không hay. Cha ngồi lại trong toà giải tội thật lâu, nước mắt chảy ròng ròng.

Vài ngày sau, tờ báo địa phương *Tribune* đăng trên trang nhất tin sau đây:

“Tin từ bản doanh cảnh sát cho biết sáng nay có một người đàn bà tự tử trong nhà dòng Mân-Côi. Người này có tên là Bùi Thị Tư, 58 tuổi, đã làm việc cho nhà dòng hơn 20 năm qua. Mẹ Bề Trên cho biết bà Bùi Thị Tư là một người làm công rất chăm chỉ, chịu khó. Hai mươi năm qua, bà ta chỉ nghỉ có bốn ngày. Bà ta hình như không có thân thuộc nào ở gần đây. Bà ta rất ít nói. Hôm qua có một phong bì gửi tới cho bà Tư. Theo thông lệ, Mẹ Bề Trên mở ra xem và chỉ thấy một tấm ảnh đã cũ chụp hình một gia đình. Mẹ Bề Trên đã giao đến tận tay bà Tư. Cảnh sát cho biết bà Bùi thị Tư đã tự tử bằng cách dùng lưỡi dao cạo cắt đứt mạch máu ở cổ tay. Tấm ảnh mà Mẹ Bề Trên đưa cho bà ấy chiều ngày hôm trước hãy còn để trên ngực.”

PHẠM HỮU BÌNH

(Maryland)

TRƯỜNG ANH THỤY

VỚI TRUYỆN DÀI “CHUYỂN MÙA”

HỒ TRƯỜNG AN
(Tiếp theo Cỏ thơm số 56)

Tiếp sau đây là mối tình giữa Vinh và Trâm. Sau khi Mỹ bỏ việc cấm vận cho Việt Nam, Vinh, người em trai của Tường theo hãng điện tử của đường sự về Việt Nam để làm việc. Vinh bỡ ngỡ trước một Sài Gòn thay đổi một cách kỳ quặc:

Ở đây có một thứ sinh hoạt nổi bật gọi là Karaoke đường phố. Mỗi lần đi ngang qua những nơi này, Vinh đều bị mấy cái biển quảng cáo khơi dậy trí tò mò. Nào là Karaoke Thúy, nào là Karaoke Hạnh, Karaoke Hồng, Karaoke Hoàng Hôn, Chiều Tim v.v... Lại một cái là có khi buổi sáng thấy các áp phích dựng ở cửa viết như vậy, buổi chiều dường như thấy không ăn khách lắm, lại đua nhau đổi khác, ra Karaoke Say, Karaoke Lả Lướt, Karaoke Chụ Chơi... chẳng hạn. (trang 336)

Vinh gặp Trâm. Nàng là nhân viên của chàng, một cô gái có trái tim mẫn cảm với lũ trẻ mồ côi khốn cùng. Vốn là người chuộng lý tưởng thanh cao, Vinh rung động trước tâm hồn cao đẹp của Trâm, trước cái duyên dáng xinh đẹp của nàng. Chàng có học lực khá, có nghề nghiệp vững chắc và dễ hái ra tiền, lại đẹp trai, hát hay... Những cái ưu điểm ngoại hình «ngoại khoa» của chàng, ngoài cái đức tính được thiên lương soi sáng, dễ làm cho trái tim bén nhạy sẵn có của Trâm gợn sóng. Họ quyến luyến nhau ở chỗ trọng vì nét, yêu vì sự ràng buộc của tiền duyên. Nhưng khi Vinh yêu Trâm là nghĩ ngay đến lập gia đình, không để cho hạnh

phúc lứa đôi của mình bị lý tưởng hay một dự phóng nào chi phối.

Lại nữa, khi mẹ chàng và mẹ nàng gặp nhau, họ mới vỡ lẽ ra họ là đôi bạn thân cùng học một lớp tại trường Trưng Vương ngoài Hà Nội và cả hai đã xa cách nhau sau năm 1954. Riêng ông bố Trâm thì nhận thấy Vinh là một kẻ khi xuất ngoại không phải chỉ biết ăn học để vinh thân phì gia. Ngoài sự thành công trong việc chiếm khoa bảng và mưu sinh, Vinh là kẻ thành nhân ở niềm ưu tư về tiền đồ và hậu vận của lớp thanh niên vừa trưởng thành trên đất nước quê hương. Xin đọc các trang 571, 572:

... Nhưng làm sao để lạnh mạnh hóa xã hội, phát triển kinh tế, hay thay đổi chính trị? Câu trả lời là, chỉ có nâng cao dân trí là giải quyết được hết thảy. Mà nâng cao dân trí thì trước mắt là nâng cao phẩm chất giáo dục. Nói đến giáo dục lại cũng rộng lớn quá. Lý tưởng ra thì tất cả mọi cấp từ mẫu giáo đến đại học đều có tầm quan trọng như nhau. Nhưng giả thử, mình chưa đủ phương tiện để làm đồng bộ, mà chỉ đủ sức làm một phần thôi, thì cháu nghĩ nên bắt đầu ở cấp đại học. Tại sao lại bắt đầu ở đại học? Là vì cấp này chỉ có bốn năm. Xong cử nhân là người sinh viên tốt nghiệp có thể đi làm, hay chủ yếu cháu mong các sinh viên đó đều có cơ hội ra nước ngoài học cao hơn. Đội ngũ đó sẽ về đào tạo những lớp đi sau. Một lý do quan trọng nữa, làm cháu muốn bắt đầu từ cấp đại học là vì, trong khi tìm hiểu hệ thống đại học ở đây, cháu gặp một giáo sư kỳ cựu, đã lớn tuổi, rất quen thuộc với hệ thống đại học từ thời Pháp. Bác tâm sự với cháu là Việt Nam bây giờ không có đại học. Đại học Việt Nam chỉ là trung học nổi dài, chỉ như phổ thông cấp 4. Điều đó làm cháu bị sốc! - mọi người

trong bàn ăn cũng ngạc nhiên, trừ Trâm. Vinh tiếp - Sau đó cháu bắt đầu mò mẫm vào các đại học tìm hiểu. Ở đây cháu phải xin mở một dấu ngoặc là, một Việt kiều như cháu mon men vào bất cứ một cơ quan nào là vô phương, nhưng may nhờ có Trâm biết cách bồi dưỡng cho các tay trong, nên cuối cùng rồi cũng trót lọt — thì cháu thấy quả là vị giáo sư kia nói đúng. Các giáo trình thì sơ sài. Về các môn khoa học thực nghiệm thì chỉ có lý thuyết mà chẳng có thực nghiệm. Lạ lùng nhất là môn triết lý tuyệt nhiên không có. Hỏi đến các triết gia lừng danh thế giới như Socrate, Plato, Aristote, Descartes... không ai biết! Trong trường có dạy chủ thuyết Marx-Lenin, nhưng dạy như một môn chính trị học, hơn là triết học. Ngoài ra đại học vẫn giữ cái lối học từ chương, thành ra con người mất hết khả năng suy nghĩ, mất tự chủ, sáng tạo...

Cuộc tình giữa Vinh và Trâm nồng nàn, sôi nổi mà không sóng gió, không chướng ngại. Cả hai không xung khắc nhau về chính kiến. Cả hai gặp nhau ở tấm lòng nhân đạo, bác ái đối với tha nhân. Các bạn khó tính sẽ chê nó thiếu kích thích vì nó bình yên quá, trơn nhẵn quá, không tạo những cơ hội để cho các bạn hồi hộp một cách thú vị. Nhưng mà cuộc tình này xen vào những chương nói về tình trạng đầy dẫy biến cố gay go trên quê hương đất nước, về các biến cố tràn ngập những xung đột mâu thuẫn trong các cộng đồng kiều bào thì chúng ta phải tự hỏi tác giả có mục đích gì khi sáng tạo nó? Có phải chị muốn xoa dịu bớt những gai góc để cho độc giả dễ thở hơn trước khi tiếp tục theo dõi hiện tình đất nước ở các diễn tiến kế tiếp hay không? Nếu đúng như thế thì cuộc tình giữa Vinh và Trâm có một tác dụng hiền hòa và tốt đẹp để làm bớt căng thẳng trong các chương hay các đoạn về xé não cân độc giả. Đó là nghệ thuật dựng truyện tinh vi của tác giả Trương Anh Thụy theo phương cách xả bớt xú-bấp một cái ruột

bánh xe căng phồng hơi bơm để ruột bánh xe khỏi nổ tan tãc.

Hai nhân vật Vinh và Trâm cũng là hai đứa con yêu của tổ quốc và cũng là hai nguồn rung cảm đạt dào của tác giả. Có tạo ra họ trong tác phẩm, chị mới có dịp gửi một thông điệp xây dựng ưu ái cho các độc giả trẻ tuổi. Đó là cái thông điệp chứa đựng biết bao ký thác và niềm tin cậy của tác giả cho các bạn trẻ tuổi về tương lai đất nước của chúng ta.

Và sau hết là mối tình giữa Nguyễn Việt và Đan Thanh. Đan Thanh là thư ký, là kẻ phụ tá tận tụy và đắc lực của Nguyễn. Theo lời Đan thì:

- Kén như thế nào? Cô Đan Thanh chưa phải là người lý tưởng sao? Anh Nguyễn Việt cần người vợ như cô Đan Thanh, con người hòa nhã, dễ thương, được lòng hết mọi người, lại thạo sử dụng máy computer...vv... Các anh chị không thấy à? Ông đi đâu cô cũng chịu khó đi theo, ông vừa lái xe, vừa đọc diễn văn cho cô đánh máy trên cái laptop, đến đâu kia là ông có bài đọc rồi. Có khi họ đổi phiên, cô lái xe, ông ngồi cạnh yên tâm đánh bài thắng vào máy chẳng hạn... Họp nhau đến thế còn muốn gì nữa. (trang 204)

Còn Đan Thanh một khi yêu chàng là nghĩ tới hôn nhân. Đó là tâm lý chung của đa số phụ nữ, nhất là phụ nữ đứng tuổi hay quá lứa. Đan Thanh cần một gia đình thật sự, không thích thả nổi trong cái hoàn cảnh già nhân ngãi non vợ chồng với Nguyễn Việt. Nhưng Nguyễn Việt thì khác. Chàng loay hoay trong tâm trạng mù mờ:

Nói là chàng không yêu Đan Thanh thì không đúng. Nhưng có lẽ yêu mà còn sáng suốt nên vẫn để cho lý trí thắng tình cảm. Cái mà chàng tưởng là lý trí đó, chẳng qua cũng chỉ nôm na là một sự tính toán. Tính toán như thế nào thì chính chàng cũng lơ mơ không rõ. Cuối cùng vô hình trung chàng gần như để đó cho số mệnh đẩy đưa. Chàng phân biệt hôn nhân với tình yêu. Yêu nhau không cần phải lấy nhau- Chàng từng nói với Đan

Thanh như vậy, và: *Hôn nhân chẳng qua chỉ là một mảnh giá thú để sinh con đẻ cái... Đối với Đan Thanh, ngay từ đầu nàng đến với chàng như một người tình, thì chàng đón nhận nàng như một người tình. Nàng là một người phụ nữ giỏi, đặc biệt thông minh, nhưng... vẫn không phải là đối tượng chàng đang đi tìm. Tiêu chuẩn đối tượng của chàng như thế nào thì chính chàng cũng không rõ lắm! Chỉ biết cho tới giờ này chàng chưa gặp ai mà chàng cho là lý tưởng cho cuộc hôn nhân...* (trang 425)

Qua Tập 3 của *Chuyến Mùa*, cuộc tình giữa Nguyên Việt và Đan Thanh cáo chung. Đan Thanh không có một hấp lực gay gắt nào khiến cho Nguyên Việt phải say sưa mê đắm để đưa nàng vào cuộc hôn nhân.

... Có một điều vẫn không ai hiểu đến nơi đến chốn, lý do nào khiến Nguyên Việt không thể lấy Đan Thanh. Chàng là người của cộng đồng, của khắp thiên hạ... Chàng thấy cần phải lấy một người mà, trước thiên hạ, chàng có thể hãnh diện có nàng đứng bên cạnh. Một người mà chàng cho là, sẽ giúp chàng tát cạn biển Đông. Theo ý chàng Đan Thanh không phải là người như vậy. Nàng chỉ suốt đời đứng đằng sau chàng, nấp dưới cái dù của chàng. Nghề nghiệp chuyên môn cũng như sở thích của nàng, đều cho thấy nàng không có tham vọng để lại danh gì với núi sông bên cạnh chàng. Chàng chỉ nhằm ở một điểm: Sức hấp dẫn của Đan Thanh nằm rất sâu trong tâm hồn nàng, nó cần cơ duyên để nảy nở, như hạt giống tốt cần mưa với nắng. Không là vợ chính thức của Nguyên Việt, lại mang tiếng là bồ, là nhân tình, là người theo không của chàng, Đan Thanh không cảm thấy thoải mái xông xáo ngoài cộng đồng. Những khả năng tiềm ẩn trong nàng cũng vì thế thui chột luôn. Cái cây để trước con trâu hay con trâu để trước cái cây, là điều Nguyên Việt tính không ra. (trang 627)

Nguyên Việt bị một cú sét ái tình mãnh liệt từ nữ sĩ Huyền Hoa từ bên Pháp qua tiếng D.C. nã mạnh vào chàng. Thế là Nguyên Việt cưới người đàn bà tuy nổi tiếng là một nữ sĩ nhưng lạnh chanh hời hợt, lại có sức mỹ hoặc kỳ lạ. Song đối với Đan Thanh, chàng vẫn còn mang tâm trạng đầu lia ngó ý còn vương tơ lòng. Theo lời Hòa kể cho cô Như nghe là Nguyên Việt đang gặp cảnh đồng sàng dị mộng với cô vợ Huyền Hoa của chàng. Cô ta thích hội họp thơ thẩn. Còn chàng thích làm báo, đọc sách, chơi thể thao. Thế là trong cuộc sống vợ chồng, mỗi người có nếp sinh hoạt riêng. Điều kể của Hòa chẳng biết có thật hay không thì chúng ta không làm sao biết được vì Hòa cũng như Như đều có ác cảm và có thành kiến xấu đối với Huyền Hoa. Nhưng từ khi Đan Thanh bỏ đi thì Nguyên Việt bỏ luôn dự định hoàn tất quyển *Dân Chủ: Một Vấn Đề Cơm Áo*.

Nguyên Việt có lần dạo thuyền trên hồ, nhớ lại những lần đi dạo như thế này với Đan Thanh. Chàng dịch bài thơ *Le Lac* của Lamartine để tặng cố nhân rồi tìm đến ngôi nhà của nàng:

... Chàng bước xuống vườn, ghé mắt nhìn vào khe giữa hai tấm màn cửa sổ kéo chưa kỹ, thấy được một phân phòng khách, chàng nhận ra bốn cá vàng quen thuộc. Hai con cá, một đen một vàng không thấy lớn hơn, nhưng chúng khỏe mạnh, tung tăng, vui thú như chẳng hề biết chuyện gì đã xảy ra cho chủ của chúng.

Chỉ ở phòng khách có đèn. Nhìn đến chỗ đậu xe, không thấy xe nàng. Không còn hy vọng một phép lạ nào, chàng rút bài thơ trong túi ra, lấy bút đề tặng, ký tên, viết ngày, tháng, giờ. Trở lại cửa chính. Mở cánh cửa lưới ngoài, cài tờ giấy vào chỗ tay cầm ở cửa trong... Chợt lại nghĩ: Làm thế này không được. Mình viết nguệch ngoạc thế này, chưa chắc nàng đã đọc nổi. Nếu gặp được nàng, mình sẽ đích thân đọc cho nàng nghe... Để nàng đọc câu được câu chẳng, phí đi!

Chàng rút bài thơ ra, bỏ lại vào túi, lui thủ đi ra...

Những viên gạch trên con đường nhỏ, chịu đựng những bước chân nặng trĩu của chàng, phát ra những tiếng cộc cộc khô khan... Mặt trăng theo chàng đến tận đây, mỉm cười, xoi bói...! (các trang 773, 774)

Các bạn độc giả thích loại tiểu thuyết nước hoa hồng (roman à l'eau de rose) tức là loại tiểu thuyết diễm tình mong mỗi Nguyên Việt ly dị Huyền Hoa để trở về hồi chánh với Đan Thanh. Nhưng tác giả ngưng ngang câu chuyện tình của họ ở đoạn tới nhà Đan Thanh mà không gặp Đan Thanh. Một điều dễ hiểu: Trương Anh Thụy không phải là nhà viết tiểu thuyết diễm tình. Chị ngưng ngang cuộc tình của chàng là muốn phản ánh cái éo le phức tạp trong cuộc hôn nhân, cái ngắc ngoái của tâm trạng nhân vật trong cuộc. Nếu chị viết theo sự mong mỏi của những ai thích các chuyện tình vuông tròn thì thiên tình sử của Nguyên Việt sẽ không có chiều sâu hun hút. Vả lại, cái kết cuộc hạnh phúc từ lâu đã trở nên quá cổ điển và quá tầm thường. Một tác giả có bản lĩnh không phải ở chỗ chiều theo thị hiếu độc giả để tạo nên cái kết cuộc hạnh phúc minh bạch, đầu ra đầy, mà là ở chỗ đương sự thể hiện được những tâm trạng nhiều khê phiền toái của nhân vật, cái mâu thuẫn lẫn cái nghịch lý của cảnh ngộ con người.

Như tôi đã vừa nói, cuộc tình giữa Nguyên Việt và Đan Thanh tới Tập 3 *Chuyến Mùa* thì tan vỡ. Tan vỡ rồi, chàng mới nhận được cái thực chất quý báu tuyệt vời của nàng, chứ không phải chỉ thấy nàng đứng khép nép sau cái bóng của chàng.

Kiến trúc nhân vật Tường giữa hai mối tình của Thường Nga và của Minh Châu, tác giả phải tốn nhiều công để suy nghĩ. Chị muốn tạo cái tâm cảnh đa dạng của Tường, chứ không viết thứ tình cảm suông sẻ trơn tru đến độ đơn giản, dễ dãi. Tâm trạng nhân vật phải có một chút khúc mắc, một chút éo

le, một chút uyển chuyển tế nhị thì nhân vật mới linh động, mới đi vào thế giới sáng tạo một cách rực rỡ. Thường Nga dâng hiến cho Tường một tình yêu trong sáng và cao thượng, một thứ tình vô vọng, nhưng nàng vẫn cứ yêu, không mơ đến cuộc sum họp lâu dài. Yêu chỉ để mà yêu bên cạnh sự tôn trọng lý tưởng của người yêu. Riêng đối với Tường, chàng là kẻ chiến thắng trong vấn đề tình cảm đã đành mà còn lôi kéo Thường Nga về phía lý tưởng của chàng. Còn Minh Châu hiện thân là mối tình say đắm của chàng, tình cảm pha trộn với nhục cảm một cách nồng nàn thắm đượm. Lại nữa, Minh Châu vốn là kẻ nhận chân được bộ mặt trái của Cộng Sản trước Thường Nga. Chàng khỏi mắc công tranh biện với nàng về chủ nghĩa và lý tưởng. Minh Châu gần gũi với chàng còn Thường Nga thì xa cách nửa bán cầu. Ở Minh Châu, Tường có thể xây mộng lứa đôi và cuộc chung sống lâu dài để vun quén và tài bồi lý tưởng của mình.

Kiến trúc nhân vật Nguyên Việt, chị Trương Anh Thụy lại càng công phu hơn. Nguyên Việt không tiêu biểu cho hạng người đứng tuổi. Chàng không có tuổi, nhưng chàng tiêu biểu cho loại người (khá đông đảo) coi sự nghiệp trên hết. Chàng nhắm mắt nhào vào công việc « tạo sự nghiệp ». Chàng đùa giỡn với tình yêu. Chàng quan niệm tình yêu tự nó không đem lại « sự nghiệp ». Trong tiến trình tạo sự nghiệp có nhiều việc bên lề nhưng vô cùng quan trọng là việc lấy vợ, cần có người phụ tá, cần kẻ để con để nối dõi tông đường... Cho nên trong cuộc sống, chúng ta đã từng gặp những người đàn ông lấy vợ không nhất thiết vì tình yêu hay vì sắc đẹp, nhưng cô ta có đủ những điều kiện khác như nhà giàu, thảo vác và trông như là sẽ mãi con v...v... Về mặt này đã từng có những kết quả dở khóc dở cười, như ta thường thấy những người lấy phải « đồ dỏm » hay đào phải « mỏ than » thay vì « mỏ vàng » (xin hiểu cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.) Mà ngay như có đào trúng « mỏ

vàng» đi nữa, thì cũng có một ngày các đấng sự sực biết là ở đời có sự nghiệp, mà không có tình yêu thì đời cũng thật là tẻ nhạt! Chưa kể, rất nhiều trường hợp «tình yêu tạo nên sự nghiệp». «Yên sĩ phi lý thuần» được tạo nên từ tình yêu chớ không bằng cái gì khác.

Đan Thanh hoàn toàn quá, cho nên nàng làm cho Nguyên Việt thán phục cái tài tháo vác và sự tận tụy của nàng mà thôi. Tình yêu của chàng đối với nàng mơ hồ quá. Nó pha trộn niềm thương mến lẫn niềm tin cậy mà nghiệt thay niềm thương mến ấy lẫn át tình yêu, choáng một khoảng quá lớn rộng trong trái tim chàng nên chàng không nhận rõ được tình yêu của mình đối với Đan Thanh. Tuy nhiên tình yêu vẫn không tắt lịm, nó là một ngọn lửa tiềm sinh tuy có vẻ bạc nhược nhưng vẫn leo lét cháy bền bỉ. Còn đối với Huyền Hoa, chàng đam mê trước cái hào quang giả tạo của nàng. Niềm đam mê ấy như ngọn lửa sáng quá đến chói mắt làm cho chàng nhìn lầm, tưởng rằng đó là tình yêu. Ngọn lửa ấy bạo phát mà cũng bạo tàn. Tình trạng lửa đang hạ thấp ngọn và sẽ tắt lịm chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Những nữ độc giả thích loại tiểu thuyết nước hoa hồng sẽ không bằng lòng vì tác giả không mô tả thật nhiều về cảnh đồng sàng dị mộng của cặp Nguyên Việt & Huyền Hoa, họ muốn cả hai phải ê chề đau khổ để trị tội yêu đương bừa bãi, không có niêm luật và không có trật tự của cả hai. Và nhất là để Ông Trời báo thù dùm cho cô nàng Đan Thanh bị thiệt thòi kia.

Tạo cho Tường và Nguyên Việt mỗi người có hai mối tình, tác giả có dịp đi tham quan vào nơi sâu kín nhất của tâm tư của hai nhân vật này.

*

Tập 3 của *Chuyến Mùa* bắt đầu từ trái đất bước sang tân niên kỷ. Đây là thời kỳ lên hương của công ty VNTEK do Định chủ trương. Tường và Minh Châu càng khăng khít nhau, có khuynh hướng đi tới hôn nhân thì

Minh Châu viết thư về cho Thường Nga biết người yêu của mình là Tường. Thường Nga vẫn lấy tấm lòng quân tử cảm thông viết thư dặn Tường đừng cho bạn mình biết Tường là người yêu của mình. Thường Nga sau đó đi chơi với nhà văn Hải Đăng, nhưng đối với nàng đó chẳng qua sự liên hệ bạn bè vì nàng vẫn còn yêu Tường. Trong khi đó, Hải Đăng hy vọng sẽ trở thành chồng của nàng. Vụ không tặc Hội Giáo vào ngày 9 tháng 11 cho phi cơ ủi vào Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế làm sập hai tháp cao ốc và làm cho hàng nghìn người tử nạn, trong số đó có cô thiếu nữ Mỹ Linda, bạn của Thường Nga và là con của ông bà Bender; cả hai là giáo sư trường Đại Học Georgetown. Sau vụ Việt Cộng nhượng đất nhượng biển cho Trung Cộng thì ở Virginia (Hoa Kỳ) Nguyên Việt được mời nói chuyện ở buổi Hội Thảo Dân Chủ. Các người có tâm huyết đến tham dự đều nhất trí phải tổ chức các đoàn thể chống đối bất bạo động trong nước để thay đổi và rút ngắn tình thế. Bởi lẽ hiện nay đã có nhiều hội đoàn chính trị quân nhân viết thư phản đối nhà cầm quyền. Một ông tên Mẫn đưa ra ý kiến:

- Đã nhiều lần chúng ta nói ở phòng hội này, là phong trào quân chúng rất quan trọng. Mà quân chúng thì không đâu đông bằng ở quốc nội. Chúng ta ở hải ngoại phải thúc đẩy những người trong nước mạnh dạn đứng lên chống chính quyền. Những nhóm tương đối có tổ chức như các Hội mà cô Duyên vừa nói đã có sẵn những liên lạc chặt chẽ với bên nhà, lại đã từng yểm trợ tài chánh cho nhóm bên nhà, sẽ là những điểm bắt đầu rất tốt. Và biết đâu có thể còn trăm ngàn Hội khác mà mình không biết đến, như Cần Thơ, Bến Tre, Bình Dương, Đà Nẵng, Nha Trang, Huế, Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Sơn Tây...vv...và ...vv... Còn các nhóm học sinh như Trưng Vương, Gia Long, Đồng Khánh, Quốc Học, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, và các Hội thơ, các nhóm Tao Đàn... nữa chi. (trang 727)

Chẳng biết công việc do nhóm Nguyên Việt chủ xướng đã đi đến đâu, nhưng các đoàn thể trong quốc nội bị chính quyền lùng bắt từng loạt. Về sau, nhóm báo Vượt mới khám phá ra chính Phùng, tên phụ tá báo Vượt làm gián điệp cho Cộng Sản, đã đặt máy nghe lén trong phòng họp.

Phùng ở chặng đầu Tập 2 *Ma Lộ* được tác giả mô tả qua sự nhận định của Danh như sau:

Tuy nhiên vẫn còn một điều Danh không tiện nói ra, là ở tòa soạn này ai cũng biết là Phùng rất ghen với Tường. Anh ta thấy Tường không có «tít» gì trong tòa soạn, nhưng khi có việc quan trọng, bao giờ Nguyên Việt cũng bàn với Tường, trước khi nói với mọi người. Trong khi đó Phùng là tổng thư ký tòa soạn, lại còn là người sát cánh với Nguyên Việt từ hồi còn ở Phila. Hồi đó Phùng viết báo lấy bút hiệu là Hậu Hứa Do. Lấy bút hiệu đó Phùng muốn người ta hiểu chàng là con người trung trực, không chấp nhận những chuyện trái tai gai mắt... Nhưng sự thực chàng chỉ là ngụy quân tử, làm công việc ngậm máu phun người, mạ lỵ, vấy bùn lên một số người có tiếng tăm, chụp mũ cộng sản lên đầu những người chống cộng, hầu gây hoang mang, chia rẽ, ngộ nhận trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Các tờ báo chàng cộng tác vì thế bán khá chạy. Nguyên Việt khuyên Phùng nên bỏ cái nghề chữ thuê, chém mướn bát lương đó, dùng ngòi bút sắc bén và tài biện luận của mình, viết những bài phân tích thời cuộc, chính trị... để góp phần tranh đấu cho dân chủ, tự do cho Việt Nam. Phùng tỏ ra phục thiện, nghe theo Nguyên Việt. Hai người thân nhau từ đấy. Khi Nguyên Việt ngờ ý bỏ Phila đi Hoa Thịnh Đốn ra báo, Phùng tình nguyện đi theo ngay. Từ đó Nguyên Việt cảm thấy như có món nợ tình thân đối với Phùng. Anh Thuận từ tốn:

- Anh Phùng có mặc cảm, cho rằng mình chẳng gì cũng ông nọ ông kia, vậy mà không ai chịu công nhận và cư xử với anh cho đúng mức.

Anh hay quát tháo, ra oai để nhắc nhở mọi người có một điều đó thôi mà. Cô Như ngồi im từ hồi nào, giờ mới lên tiếng:

- Thì... tên anh là Phùng thì anh Phùng
phùng tẹt tẹt chớ sao!

(các trang 200, 201)

Tường tới nhà Phùng thì hẳn đã dọn đi đến tiểu bang khác. Bây giờ nhóm cộng tác báo Việt mới vỡ lẽ ra tại sao bài viết của Chánh Tâm bị các báo khác công kích tờ báo Vượt đăng bài ấy khi báo chưa phát hành? Tác giả Núi Nùng là ai đã viết bài đả kích Thiên Chúa Giáo rước Thực Dân về dày xéo mồ mả tổ tiên đăng trên mục Ý Kiến Độc Giả của báo Vượt để tờ báo bị phía Công Giáo dọa tẩy chay? Ai đã đặt máy nghe lén? Tác giả 3 hành vi nội gián ấy chắc chắn là Phùng chớ ai?

Thêm một vận sự đáng kể bên quê nhà: Nguyễn thị Thường Nga, tác giả truyện ngắn *Cơn Mộng Mị Của Một Con Diều* bị bắt. Truyện ngắn này ẩn dụ cho ý thức tự do trong việc tranh cãi giữa con quạ khoang xấu xí và con diều giấy Việt Nam dành tuyển chọn trong cuộc thi thả diều do các nước trong khối Xã Hội Chủ Nghĩa tham dự. Con diều giấy Việt Nam trong một cơn chiêm bao trước ngày dự thi chệch con quạ lông đen xấu xí không đáng bay chung với bầy diều giấy sắc sỡ dự thi. Con quạ cãi lại rằng nó được tự do bay nhảy trong khi bầy diều giấy phải do người điều khiển mới có thể xuống thấp, bay cao, chao lượn. Tỉnh ngộ ra, diều muốn có tự do đích thực nên trằm mình xuống ao cho lớp áo tô điểm rã rời, chỉ còn cái sườn bằng tre nửa để khỏi bị ai điều khiển. Tới ngày dự thi, ban tổ chức chỉ tìm được cái sườn diều bên ao. Các ông Việt Nam trong ban tổ chức hô hoán lên, tìm con ma diển biến hòa bình đã phá hoại con diều Việt Nam để cho ma kia một bài học.

Tường vận động Ủy Ban Ân Xá Quốc Tế, Ủy Ban Bảo Vệ Ký Giả, Hội Phóng Viên Không Biên Giới... can thiệp Nhà

Nước Cộng Sản Việt Nam trả tự do cho Thường Nga. Nếu chúng ta đã từng mừng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện được phóng thích và được qua đất nước Hoa Kỳ định cư trước đây thì tại sao chúng ta không hy vọng việc phóng thích cho Thường Nga chỉ là vấn đề thời gian?... Bên cạnh những tai biến đó thì có vụ Vinh và Trâm tân trang và khuếch đại có nhĩ viện ở Gò Vấp.

Bà Chris, chủ nhà trọ của Thường Nga trước kia hợp cùng Đan Thanh, Thảo và Sarah tổ chức cuộc bán hàng để gây ngân quỹ giúp các nạn nhân trong cuộc khủng bố Trung Tâm Thương Mãi và Ngũ Giác Đài. Báo Vượt và Cơ sở VNTEK cũng tặng một số tiền đáng kể. Kế đó là vận sự Bảo tàng viện Smithsonian ở Washington tổ chức tiếp đón phái đoàn các vị Lạt-ma Tây Tạng sang thuyết pháp và lập hình mạn-đà-la cầu nguyện hòa bình cho nước Mỹ. Lại thêm vụ biểu tình do kiêu bào ở Praha, thủ đô Cộng Hòa Tiệp phối hợp kiêu bào ở Nga và ở Hoa Kỳ phản đối chính quyền Tiệp phong tỏa kinh tế kiêu bào ở Tiệp và cố tình bóp nghẹt việc lưu hành tờ báo Chim Việt. Trong cuộc biểu tình này có Minh Châu cùng báo Con Thoi ở Đức và các báo khác tham dự và yểm trợ tinh thần. Nguyên Việt tiếp tục viết cuốn sách mà chàng đã dự định khi còn đan đũa với Đan Thanh.

Sau cùng, bức Thông điệp của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang gửi khắp quốc nội và ra khắp bốn phương trời hải ngoại. Mỗi hạng người ở quê nhà cũng như ở hải ngoại hiểu theo một cách riêng, tùy theo căn cơ giác ngộ của mình, tùy theo công cuộc thiện nguyện của mình trong các lãnh vực khác nhau. Nhà khoa học thì đề cao công việc đem cái trí thức của mình giúp cho nhân loại vượt thoát cảnh bần hàn, không còn bị bức hiếp, bị trói buộc tự do để đến tình trạng no ấm. Còn người có sở tri đôi chút về Phật học thì cho rằng chỉ có Trí tuệ Bát-nhã mới xua tan những vô minh như hận

thù, khổ đau, tranh chấp... Đây là sự minh triết dựa trên bản thể sự vật. Các chư tăng thì khuyên Phật tử nên nhớ câu tuyên dương của Phật Tổ rằng Trí tuệ thù thắng mới giải phóng tâm linh con người thoát khỏi vô minh phiền não. Những người mang nặng lý tưởng giúp dân cứu nước thì đề cao việc hoằng dương chánh pháp là nhiệm vụ hàng đầu. Còn người xả thân các công việc từ thiện thì cho rằng vô úy thí là cứu cánh của Tài thí và Pháp thí làm nên ba tính chất thù thắng của các hành giả trên đường tu tập là Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi của hạnh Bố thí. Nói chung, thông điệp của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã khơi nguồn cho tác giả *Chuyến Mùa* triển khai những tư tưởng trong phẩm *Dược Thảo Dụ* của quyển *Điều Pháp Liên Hoa Kinh* (còn gọi là *Kinh Pháp Hoa*). Rằng lời thuyết pháp của Phật như cơn mưa rơi trên mảnh đất trần đầy thảo mộc. Nhưng sự hấp thụ số lượng nước mưa tùy theo từng loại cây: loại đại thụ hấp thụ nhiều hơn loại cây bậc trung, loại cây bậc trung hấp thụ nhiều hơn loại cây nhỏ, loại cây nhỏ hấp thụ nhiều hơn loại man thảo, dã thảo, dược thảo. Ngay trong từng loại cỏ cũng có thứ này hấp thụ nhiều hơn thứ kia. Cũng vậy, những bài thuyết pháp thấm nhuần từng căn cơ con người: người có lợi căn dĩ nhiên hấp thụ nhiều hơn kẻ có độn căn. Lợi căn lẫn độn căn, mỗi thứ vẫn có cái cao cái thấp. Nhưng dù lợi hay độn, người được nghe thuyết pháp vẫn thu hoạch pháp lợi không nhiều thì ít.

Trong trường hợp này, chúng ta mới rõ cái thông điệp của bậc cao tăng thực đức không biết sợ hãi bạo quyền có một giá trị cao độ đối với vấn đề tâm linh và vấn đề tinh thần của quốc dân và kiêu bào là đường nào:

Mới đâu bức Thông điệp được người ta nhớ từng mảng, sau vỡ thành những mảnh nhỏ, rồi nhỏ dần, nhỏ dần, nhỏ dần... như những mảnh sao bẻ vụn, sáng chói bụi kim cương, rắc cùng khắp mặt đất... Khi Thông điệp vào đến các vùng sâu, vùng xa, thì trong

tâm hồn đơn sơ mộc mạc của người bình dân, chỉ có chỗ chứa cho độc nhất một chữ vô úy hay vô úy thí. Rồi lại đến một lúc, cả những chữ của nhà Phật cũng vô tình được bỏ luôn, và thay thế bằng một chữ nôm na, ngôn ngữ của tất cả mọi giới, mọi người, mọi tôn giáo: Không sợ và hãy bố thí truyền cái không sợ đó sang cho người khác.

Từ ngày Thông điệp được giản dị hóa đi như thế, thì nó càng bay nhanh, bay xa hơn... Nó là tiếng vang đi, vọng lại trong những cánh đồng lúa mênh mông, trong những hang động, trên vách núi cheo leo, trong đồi cao, rừng rậm, trong những cao ốc, những bức tường bê-tông cốt sắt của đô thị xa hoa tráng lệ... Nó là những tiếng địa chấn, làm chấn động trong tâm cùng tâm hồn mỗi con người bạc nhược, ỳ lỳ, ích kỷ... Và cuối cùng, nó là những giọt mưa xuân, rắc đồng đều trên mọi miền đất nước, và cả ở... hải ngoại. (các trang 790, 791)

Và điều đáng nói hơn hết, độc giả đã tìm gặp ở tác giả một cây bút xông xáo vào địa hạt tâm linh để phóng chiếu cái tầm mức cao vòi vọi của nó vào mọi lãnh vực khoa học nhân văn và vào mọi góc cạnh của xã hội phồn tạp trên quê hương tổ quốc của chúng ta. Cái thông điệp ấy, tác giả không nhắc tới cái nội dung của nó và chỉ cho độc giả biết rằng nó hết sức cô đọng; vậy mà nó làm rung động biết bao tâm hồn, biết bao trái tim, biết bao nội giới huyền nhiệm của đồng bào chúng tộc ta như thế.

*

Trong *Chuyển Mùa* có vài cảnh đẹp và thơ mộng được diễn tả bằng lối văn trong trẻo, sáng sủa và tươi đẹp. Đó là bút pháp cổ điển Tây phương phẳng phất hơi hướm của văn phong Nhất Linh trong *Đôi Bạn* và trong *Bướm Trắng* hay văn phong của Thạch Lam trong *Ngày Mới*. Phong cảnh trên đồi ở gần chùa Thiền Lâm được tác giả kết hợp bằng những đường nét tạo hình linh động và sắc sảo. Chùa

Thiền Lâm, theo tác giả tiết lộ với bạn thân, chỉ là ngôi chùa giả tưởng trong vùng Tây Nam nước Đức, nhưng mãnh lực tưởng tượng cao độ của tác giả làm cho nó hóa thân thành một ngôi chùa sống thực có thể làm các Phật tử ở vùng Tây Nam nước Đức sẽ hỏi nhau có phải ngôi chùa trong quyển trường giang *Chuyển Mùa* vừa mới xây cất xong hay chăng?

Chùa có hai tầng, có mái cong, ngói đỏ, nhìn vào biết ngay đó là một ngôi chùa. Tầng trên là một phòng lớn rộng khắp bề mặt chùa, dùng làm chính điện. Đường đi lên là những bậc xi-măng rộng xây thẳng từ dưới đất lên, ngừng ở một cái thềm được bao quanh bằng một tay vịn làm bằng gỗ, trông như cái bao lớn nối ngay với cửa vào chính điện. Cuối chính điện là một bàn thờ Phật. Đó là một bệ xi-măng cao, hai tầng. Tầng trên thờ bức hình A-Di-Đà tam tôn gồm có Đức Phật A-Di-Đà (tượng trưng cho ánh sáng vô biên, vĩnh cửu) đứng ở giữa. Đức Đại Thế Chí Bồ Tát cầm đóa hoa sen xanh màu thiên thanh (tượng trưng cho Trí Tuệ) đứng bên phải, Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (tượng trưng cho lòng Từ Bi) tay cầm bình cam lộ có cầm nhành dương liễu đứng bên trái. Trước tấm tranh A-Di-Đà Tam Tôn là bức tượng Đức Thích Ca bằng gỗ mạ vàng. Tầng dưới thờ bức tượng Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát bằng sứ trắng. Phía sau tượng có treo tranh đóng khung lộng kiếng của vị Phật tương lai, Đức Di-Lặc Tôn Phật, tranh Đức Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát tay cầm tích trượng, còn tay kia cầm viên bảo châu màu xanh thật lớn, tranh Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cưỡi con sư tử lông xanh và tranh Đại Hạnh Bồ Tát Phổ Hiền cưỡi con voi trắng. (các trang 375, 376)

(Còn tiếp)

HỒ TRƯỜNG AN
(France)

LE JARDIN DE L'HIVER

Plus je balaie le jardin,
Plus les feuilles mortes tombent semblables à la pluie.
Le parfum du chrysanthème sec
Suscite un regret
Dans ce jardin solitaire, le nuage n'est pas oisif.
Ombre lasse du nuage.
La moitié de la journée, je passe à ne rien faire,
L'autre, le vent souffle.
Sur la montagne
Descend l'ombre froide.
Les oiseaux sont déjà envolés.

Bak Muk-Wol (1916-1980)

** Sinh ngày 16-01-1916 tại Kyong-Ju , đã xuất bản vào thập niên 50 "Những Bài Thơ Văn Học" (Les Poèmes Littéraires). Chủ tịch của Hiệp Hội Các Nhà Thơ Hàn Quốc, Giáo sư Đại học tại Séoul.*

KHU VƯỜN MÙA ĐÔNG

Ta càng quét dọn khu vườn,
Những tờ lá chết rơi càng như mưa.
Mùi hương hoa cúc khô xưa,
Dâng bao nỗi tiếc, khơi mùa luyến thương.
Nơi đây vườn mộng cô đơn,
Mây không nhân rồi, cứ buồn buồn trôi.
Bóng mây mệt mỏi kia ơi,
Nửa ngày qua, chẳng làm gì cho vui,
Nửa kia, gió thổi tươi bời,
Trên cao, bóng núi lạnh vùi xuống ta.
Đàn chim đã vỗ cánh xa.

Nguyễn Mây Thu
(Bài dịch, 12-11-2011)

NGƯỜI LANG CHỨC NỮ

Tôn Nữ Mặc Giao

Là một truyền thuyết mà Xí Muội (XM) nghĩ trong dân gian Việt Nam không ai mà không biết, cho nên XM không cần phải dài dòng thêm. Một câu chuyện tình tưởng chỉ có trong huyền thoại, ấy vậy mà nó lại xuất hiện ngay trong thời đại bây giờ. Ngay trên nước Mỹ tại San Jose và ngay trên nước Pháp tại Montpellier. Một câu chuyện tình thật dễ thương và nét thủy chung của nhân vật nam chính trong câu chuyện đã khiến XM đây rất là ngưỡng mộ. Một chuyện tình đến muộn của tuổi 60, nhưng lại hồn nhiên, trong sáng, trẻ trung như tuổi đôi mươi. Thật đúng là tình yêu biến con người ta trở thành trẻ con, và tình yêu thì không bao giờ có tuổi.

Những ai ở San Jose có dính líu ít nhiều đến thơ văn, hoặc có tham dự những buổi ra mắt sách, thơ đều biết đến nhà thơ kiêm nhà văn Kim Vũ với “Tình Anh Như Thế Đây”(TANTĐ). Đó là tập thơ mà tác giả viết riêng cho ngôi số 3 với một tình yêu ấp ủ suốt gần nửa thế kỷ cuộc đời. Lúc ấy nàng thơ của ông vẫn chưa thuộc về ông, cho nên trong suốt 28 bài thơ của TANTĐ, hầu như lúc nào cũng có “em” xuất hiện với những lời thủ thi thì thầm của người thơ dành cho “em”. Sáng trưa chiều tối, bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông lúc nào cũng nhớ em. Và vì nhớ em quá cho nên ông làm thơ tui bụi. Một chút gợi nhớ quá khứ cũng làm thơ. “Gió chiều” cũng làm thơ. “Mưa sang mùa” cũng làm thơ. “Buổi sáng đẹp trời” cũng làm thơ. Nói tóm lại “em” đã đi vào trong ông đậm quá rồi, cho nên trong suốt gần nửa thế kỷ cuộc đời, trừ 15 năm của tuổi đại khờ. Còn lại 45 năm kể từ khi biết

yêu em, ông dành tất cả “TANTĐ” để làm thơ “gửi gió cho mây ngàn bay” đến bên em với một ước vọng khát khao là sẽ có một ngày được cùng em nắm tay nhau dệt chung vãn thơ hạnh phúc của một tình yêu mà suốt những năm tháng qua ông đã dành trọn cho nàng và sẽ dành hết cuộc đời còn lại “dâng em” gói trọn trong 5 chữ “Tình anh như thế đây” mà thôi!

Vợ chồng Xí Muội (XM) đây quen biết với nhà thơ Kim Vũ cũng có đến 12, 13 năm gì đó! Chỉ biết là ông “chừa vợ” chứ nào biết ông đã ôm ấp một mối tình mạnh mẽ, cao vợi vợi ngất trời xanh như “TANTĐ” đâu. Đến khi nhận được tập thơ mới biết ông có một mối tình rất ư là trong sáng, lãng mạn và dễ thương. XM đây rất là ngưỡng mộ, và vì ngưỡng mộ nên rất muốn viết về mối tình của ông để làm quà sinh nhật cho ông nhân ngày “Thất thập cô lai hy” trong tháng 9 năm 2011 vừa qua của ông. Nhưng vì chưa được phép của chị Kim Đài (là nàng thơ và cũng là bà xã đầu yêu của người thơ Kim Vũ) cho nên XM không dám làm can. Rồi nhân buổi gặp chị trong ngày picnic liên trường, và thêm một lần nữa vào ngày sinh nhật của anh tại tư gia của hai người, XM mới ngỏ lời xin phép và được chị cười tươi rói nói:

- Cứ việc viết thoải mái không sao hết.

Thế là XM cứ tuốt tuột tuột mà tuôn ra thôi (được phép rồi đấy nhé!). Thường thì người cầm bút cũng như người nghệ sĩ không ít thì nhiều cũng có giọng máu lãng mạn chảy trong người cho nên tình yêu của họ đẹp lắm! XM nghĩ rằng (ý riêng của cá nhân XM) lãng

mạn là những miếng gia vị làm ngọt ngào thêm cho tình yêu chứ không phải lợi dụng hai chữ lãng mạn để bừa bãi trong tình yêu. Cho nên sự thủy chung của nhà thơ Kim Vũ dành cho người thơ của ông suốt cuộc đời đã khiến cho XM đây rất là cảm động, thì nói chi đến nàng thơ của ông làm sao mà không xiêu lòng được. Chuyện tình của hai người bắt đầu từ lúc nào thì không ai biết, chỉ biết ông ấp ủ hình bóng nàng từ thưở còn là cậu học sinh bé bỏng Chu Văn An, đạp xe lẻo đẹo theo sau hình bóng cô nữ sinh áo trắng Trưng Vương mà không dám ngo lời. Đến khi nàng bước sang ngang và đi mất tiêu luôn thì chàng mới tỉnh ngộ vì sự nhút nhát của mình. Từ đó, chàng khoá chặt cửa lòng để đêm đêm chỉ ấp ủ riêng hình bóng của nàng trải theo năm tháng với những vần thơ dệt riêng cho nàng mà thôi!

Với chặng đường quá khứ đã đi qua cùng với một chuyện tình đẹp như mơ và trong sáng như vàng trắng đêm trời, XM xin gửi đến anh chị Kim Vũ bài thơ Lỡ Chuyện Đò Tình của XM để tặng riêng cho chuyện tình thưở chưa bắt đầu của hai người.

LỠ CHUYỆN ĐÒ TÌNH.

Giữa bàn tiệc như say như tỉnh
Nhấp rượu đào nửa tỉnh nửa say
Hiện ra trước mắt em cười
Áo cô dâu trắng hoa tươi cài đầu

Bên chú rể khôì ngô tuấn tú
Tôi ghen ngào chát đắng đầu môi
Hỏi thăm tôi tỉnh hay mơ?
Tình tôi chưa ngộ lời thơ đã sầu

Nuốt lệ buồn mượn rượu làm vui
Tìm tôi vỡ nào ai hay biết
Ngày xưa tôi dại tôi khờ
Chờ em khôn lớn giấc mơ tan rồi

Em bên chồng chẳng hay chẳng biết

Cạnh cuộc đời có kẻ yêu em
Tình đến muộn lỡ chuyến tàu
Chữ ngờ học được ngàn sau ôm sầu

Cửa nhà em xe hoa đợi sẵn
Nâng gót hồng thuyền đã sang sông
Chúc em hạnh phúc bên người
Trăm năm đầu bạc nụ cười còn tươi.

Gần nửa thế kỷ trôi qua, biết bao vật đổi sao dời. Chàng cũng theo vận nước mà trôi dạt đến xứ người và định cư ở San Jose, vẫn phòng không chiếc bóng để chỉ tôn thờ một hình bóng nàng trong tim mà thôi! Và một chuyện tình tưởng đã kết thúc bởi ván đã đóng thuyền, có ai ngờ được nơi xứ người bên một góc trời Âu xa tít tận Montpellier nước Pháp chàng đã gặp lại nàng nay đã là một goá phụ, con cái đã lớn khôn thành danh thành đạt nên người cả rồi. Nàng không còn vương bận chi cả. Chàng thấy thế bèn không để “cái đại” trở lại lần thứ hai, vội theo đuổi nàng ráo riết, nhưng đâu phải dễ. “Vì nàng thơ của tôi khó lắm! Khó nhất trên đời.” Lời thơ của ông viết vậy. Không biết làm sao để nàng thấu hiểu tâm chân tình của ông dành cho nàng suốt cuộc đời, sợ nàng chê mình nói nhiều, nói dai nói dờ. Ông bèn trao cho nàng không chỉ một lời thơ, một câu thơ mà là một tập thơ viết riêng cho nàng và chỉ một mình nàng mà thôi! (Tập thơ chưa phổ biến, cũng chưa hề ra mắt ra mũi gì cả) với 28 bài đầy những lời tỏ tình yêu thương chân thành, nhớ nhung da diết. Đôi lúc cũng rứt rề như chàng trai mới lớn, nhưng vẫn đắm say tha thiết để dâng nàng một tình yêu còn nóng hổi vừa thổi nhưng chưa được... vừa ăn... hí hí...

Và rồi tập thơ viết riêng cho nàng đã đến được tay nàng. Đọc xong chắc là nàng thơ cảm động đến rớt nước mắt, khi thấy có một “đứa con trai” yêu mình từ thưở còn xuân cho đến bây giờ, già hai thứ tóc rồi mà “trái tim vẫn còn trinh”. Nàng bèn tỏ thề: “Nếu tình

anh sừng sừng, cao ngất ngưỡng 9 tầng mây xanh như thế kia thì tình em cũng mênh mông, bao la kém gì biển rộng sông dài (hình bia) của TANTĐ! Thật ra chị Kim Đài không có nói như vậy, đó là lời suy diễn của những độc giả, những bạn bè khi nhìn thấy hình bia của tập thơ “Tình Anh Như Thế Đây”, XM chỉ là ghi chép lại rồi cho vào bài viết cho nó mùi hơn thôi. XM đoán là lúc đó chắc chị Kim Đài cảm động đến thẹn thùng, ửng hồng đôi má chẳng nói được gì, mà chỉ mượn lời hát: “Bằng lòng đi em về với quê anh...”

- Bằng lòng!” Cho nên mới có lời thơ của chàng:

Dù sao đi nữa
Thì tôi hết sức vui
Và tự thấy mình vô cùng diễm phúc
Vì được làm người thơ của nàng thơ tôi
Khi tuổi vừa tròn 61 xuân đời....

Và cũng từ đó (10 năm trước) mới có buổi ra mắt tập thơ “Tình Anh Như Thế Đây!” với nàng thơ xuất hiện bên cạnh tác giả được giới thiệu là “nhà tôi” (dễ thương gì đâu). Thời gian đó XM đã rất muốn viết về cuộc tình này rồi, nhưng có lẽ là phải đợi tùy duyên mới viết được. Và lại lúc ấy, dưới con mắt của chị Kim Đài cho thấy XM đây chắc là “thấy ghét” lắm! Vì XM nhớ hoài có một lần vợ chồng XM theo một nhóm bạn đi Oregon thăm hồ Crater Lake, trong nhóm bạn đó có cả vợ chồng anh Kim Vũ và chị Kim Đài. XM vì yêu thiên nhiên, dễ xúc động với cảnh trời trắng mây nước bát ngát đẹp như một bức tranh. XM tung tăng nhảy múa reo hò dưới nền tuyết trắng (lúc ấy vẫn còn tuyết đóng dày mặt đất). Khi thì leo chỗ này, trèo chỗ nọ, lúc thì đu tòn teng trên những nhánh cây thấp như con khỉ lấm trờ. Tánh lại hay đùa giỡn, lí lắc.

Thấy bạn đưa máy ảnh chụp thì vội vàng xoay người lại, chống hông cúi gập người xuống, đưa mắt nhìn qua kẻ hai chân của mình rồi cười như nắc nẻ, mà quên mất gần

đấy chị Kim Đài đang quan sát XM với ánh mắt cho XM “đọc” được (cặp mắt là cửa sổ của linh hồn mà ỉ!): “Đàn bà con gái gì mà cứ như là con chơi chơi ấy! chẳng có nên nét một tí nào cả.” Nhưng XM không cảm thấy buồn mà chỉ hơi ái ngại tí thôi vì giữa chị với XM còn mới quá đê mà hiểu nhau mà!

Có lẽ chị không biết hay tại anh Kim Vũ không có nói trời cuối tháng 5 mà xung quanh hồ Crater Lake vẫn đóng dày tuyết, cho nên chị không có chuẩn bị giày thể thao gì cả. Đi một lát cái lạnh ngấm vào chân vì chị mang dép hở gót, chị lên tiếng hỏi có ai mang theo vợ không? Cho chị mượn mang cho đỡ buốt chân. Nói thật, đối với người lạ hay người vừa mới quen, XM rất là ít nói, ù lì và chậm phản ứng nên khó mà gây được cảm tình đối với họ. Phải có thời gian tiếp xúc lâu dài mới thấy XM... “dễ thương” được (cười), XM chỉ sợ mình nhanh nhẩu đoảng làm họ không thích. Cho nên khi nghe chị hỏi, XM chưa kịp trả lời thì chị Lan (vợ anh Hùng) đã lẹ làng mở xách tay ra và lên tiếng:

- Ô! Em có mang theo một đôi bas mỏng màu da người chứ không có vợ, chị mang đỡ đi còn hơn là không có.

Thế là chị ngồi xuống bệ đá gần đấy, các chị khác vây quanh giúp đỡ chị mang bas. Chỉ có XM là cứ đưa mắt đứng ngó khi thấy mọi người xúm xít khen chân chị sao mà no tròn, trắng hồng mà không dám lại gần nhấp bọng vì vẫn còn ái ngại cái “ánh mắt” ban nãy của chị khi nhìn XM nhảy tung tung. Anh Kim Vũ khi về đã cảm hứng được những câu thơ ngắn cho vào trong tập du ký “Những Tháng Năm Tuyết Vời” (NNTTV) của anh:

Tuyết tan lạnh buốt chân ngà
Bạn thương bèn tặng đôi bas mỏng mềm
Mang vào hé lộ gót sen
Bạn khen: “Chân chị thon êm trắng hồng!”

Hoặc:
Tuyết tan lạnh buốt chân son
Bạn trông thương quá tặng luôn bas ngà

Mang vào mới lộ gót ra
Bạn khen: “Chân chị sao mà trắng bong!”
Gót Ngà trong (NNTTV).

Rồi thời gian qua đi, đời người không còn là “60 năm cuộc đời” như cố nghệ sĩ Hùng Cường vẫn hát nữa mà là “90 năm cuộc đời”. Anh Kim Vũ đã bước vào tuổi 70 hôm tháng 9 vừa qua, chuyện tình của hai người vẫn đẹp như mơ và vẫn bền chặt keo sơn. Một vị khách trong ngày sinh nhật của ông cũng đã rất ngưỡng mộ chuyện tình của hai người mà thốt lên rằng: “Người ta thì thất thập cổ lai hy chứ ông thì thất thập vẫn còn si”. XM vẫn thỉnh thoảng gặp chị trong những lần chị từ Pháp bay qua San Jose thăm chồng. Chị vẫn rất là lịch sự với XM, còn XM thì “đằm tím” hơn một chút, bởi cũng phải tùy từng chỗ mà “lí lắc” chứ đâu phải chỗ nào cũng trụng giỡn, phá phách được. Bạn bè ví vợ chồng chị như là một cặp Ngu Lang Chức Nữ, khi trời bắt cầu vồng thì 2 vợ chồng mới được gặp nhau đôi ba tháng vào dịp hè. Hoặc chàng bay qua Pháp thăm nàng hoặc là ngược lại để rồi sau đó lại bịn rịn chia tay nhau trong nhớ nhung thì thầm:

“Em đi một thoáng thôi nhe!
Em đi dăm tháng rồi về với anh.”
Hoặc là mong ước như một lời giao kết:
“Sang năm em nhớ lại sang
Mình chung đôi lứa đá vàng trăm năm.”
(Nhấn người yêu) của “TANTĐ”.

Nhìn chung thì giống chuyện tình “Ngu Lang Chức Nữ” thiệt, nhưng mà XM không thích ví von như thế! (Buồn thấy bà! Vợ chồng mà! Nhớ hơi nhớ hướm chịu gì nổi?) Cho nên sau nhiều lần tiếp xúc và quan sát, XM thấy vợ chồng chị giống Kim Đồng và Ngọc Nữ hơn. Anh Kim Vũ tuy đã... có tuổi nhưng vẫn giữ được dáng dấp thư sinh, nét mặt hồn nhiên và nụ cười trẻ thơ, vô tư như chú Kim Đồng. Còn chị Kim Đài là con gái

Bắc chính hiệu con nai, con nhà khuê các, dịu dàng khép nép, lễ giáo đầy mình. Là một mẫu người mẹ hiền, người vợ đảm biết chất chịu lo cho gia đình chồng con. Hôm dự sinh nhật “Thất thập cổ lai hy” của anh tại nhà riêng, nhìn thấy tám ảnh bán thân thưở còn là nữ sinh áo trắng Trưng Vương của chị treo trên tường với nụ cười thật tươi (xinh đáo đẽ). Mà “Trong tiếng cười em anh nghe riu rít tiếng chim muông” (Tình trong sách của TANTĐ). Cho đến bây giờ chị vẫn giữ được nụ cười tươi như thưở nào, vẫn mũm mĩm và rất dễ thương như nàng Ngọc Nữ trên trời. XM đã từng ngưỡng mộ cái nét thủy chung của nhà thơ Kim Vũ, bây giờ lại càng ngưỡng mộ thêm khi thấy chị tuyên bố trong bữa tiệc sinh nhật của anh rằng:

- Mình là người đàn bà VN, cho nên tôi không thích quan niệm của Mỹ là xếp đàn ông đứng hàng thứ tám thứ chín gì đó! Riêng tôi, tôi cho người đàn ông của tôi là số một.

Mọi người vỗ tay hoan nghênh quá xá trời, nhất là phái nam. Riêng XM thì chịu quá đi chứ lì! Bởi vì từ xưa tới giờ XM luôn cho ông xã của mình là “number one”, chị nói đúng ý XM quá chừng luôn. Lời nói của chị bao hàm ý nghĩa của một sự thắm nhuần giáo lý Khổng Mạnh Á Đông. Bởi XM tuy lí lắc lắm trò nhưng quả thực bức tường luân lý Việt Nam XM không bao giờ dám bước qua. Bởi vậy thấy ai còn giữ được Đạo giáo Khổng mạnh, còn biết tôn trọng nền luân lý giáo dục VN là XM phục lắm!

XM nghĩ hôm nay mới là ngày “đủ duyên” để XM viết về đôi Kim Đồng Ngọc Nữ (Kim Vũ & Kim Đài) này. Xin chúc anh chị sức khoẻ dồi dào, luôn may mắn và hạnh phúc bên nhau suốt đời.

TÓN NỮ MẶC GIAO
(San Jose)

CỔ THƠM

RA MẮT TẬP TÙY BÚT "TRÊN NGỌN TÌNH SÂU" của Nhà Thơ Du Tử Lê

Khoảng 4 giờ chiều Thứ Bảy, ngày 22 tháng 10, 2011, "Nhóm Thân Hữu Du Tử Lê vùng Hoa Thịnh Đốn" đã tổ chức một buổi ra mắt tập tùy bút "Trên Ngọn Tình Sâu" cho tác giả. Được biết đây là tác phẩm thứ 53 của nhà thơ Du Tử Lê, được ấn hành bởi cơ sở HT Productions, ở miền nam California. Sách do nhà sách Tự Lực tổng phát hành.

Vào một buổi chiều Thu thật đẹp, trong khuôn viên của một tư gia rộng thoáng, nhiều cây cỏ thụ đã có lá vàng, khoảng 100 bằng hữu - phần lớn là những văn thi sĩ và người yêu văn học nghệ thuật - đã đến tham dự buổi ra mắt sách và gặp gỡ nhà thơ Du Tử Lê.

Sau phần tác giả ký tặng sách, MC Đào Văn Sách mở đầu chương trình giới thiệu chủ nhà Phương Liên. Chị vui vẻ chào mừng nhà thơ Du Tử Lê và quan khách.

Kế đến, Phóng viên Bảo Lộc của Đài SBTN-DC đã ngắn gọn giới thiệu Diễn Giả Trần Bích San như sau: "*Người xưa có câu 'văn chương thiên cổ sự', văn chương là chuyện muôn đời. Muôn đời, vì văn chương đóng góp vào di sản tinh thần quý báu của con người. Chúng ta có mặt ngày hôm nay ở đây cũng là để bày tỏ tấm lòng trân quý với văn phẩm và nhà văn. Bảo Lộc xin trân trọng giới thiệu nhà biên khảo văn học Trần Bích San nói về tập tùy bút Trên Ngọn Tình Sâu của thi sĩ Du Tử Lê.*"

Diễn Giả Trần Bích San đã không quản ngại, nhận lời Ban Tổ Chức, bay về từ New Orleans, Louisiana để nhận định cô đọng về quyển tùy bút "Trên Ngọn Tình Sâu". Theo

Ông: "*Văn tùy bút Du Tử Lê có những biến thái, lúc nhẹ nhàng vẫn tắt, lúc quanh co dài dòng, phô diễn tư tưởng phức tạp bằng một thứ ngôn ngữ độc đáo, mới lạ, nhưng lúc nào cũng chau chuốt, nghệ thuật. Tùy bút Du Tử Lê thấp thoáng cái khinh bạc Nguyễn Tuân, đầy ắp cái lãng mạn bóng bẩy Mai Thảo, nhưng vẫn mang phong cách riêng, rất rõ nét nhân cách của ông. Tác phẩm và thời gian đã đủ định vị Du Tử Lê trong lãnh vực thi ca, với Trên Ngọn Tình Sâu, ông còn chứng tỏ tài hoa cả trong loại văn tùy bút nữa.*" (mời xem toàn bài viết của Trần Bích San ở phần dưới).

Khoảng giữa chương trình, nhà thơ Du Tử Lê đã phát biểu cảm tưởng cùng cảm tạ bằng hữu và quan khách. Ông tâm sự, với đại ý như sau: "*tuy đã đi nhiều nơi, nhưng thật sự xúc động trong buổi ra mắt sách hôm nay, thật ấm cúng trong tình thân của nhiều bằng hữu ở vùng Hoa Thịnh Đốn*".

Chương trình ra mắt sách được xen kẽ với 3 bản nhạc "Trên Ngọn Tình Sâu", "Giữ Đời Cho Nhau (Tạ Ôn Em)" và "Khúc Thụy Du" của nhạc sĩ Từ Công Phụng và Anh Bằng phổ từ thơ Du Tử Lê; cũng như nhạc của Việt Dzũng, Đoàn Chuẩn & Từ Linh, Từ Công Phụng, Trần Chí Phúc. Những bản nhạc này đã được một số ca nhạc sĩ trong vùng trình bày: Hiếu Thuận, Sĩ Tuấn, Như Hương, Kim Phụng, Đào Văn Sách, Tuyết Lan, Minh Trân, Trần Kim Long, Tâm Hảo & Phan Anh Dũng. Nhạc đệm từ keyboard của NS Sĩ Thành và âm thanh do Hùng DJ đảm nhận.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA - October 25, 2011)



Phan Anh Dũng, Tâm Hào, Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy, Du Tử Lê, Trần Bích San, Nguyễn Đức Thụy Trần Bích San, Phan Anh Dũng, Lê Văn Phúc, Đỗ Hùng.



Du Tử Lê, Võ Thành Nhân (SBTN-DC), Nguyễn Phúc (DTHVN-HTD), Đèo Văn Sách., Trương Anh Thụy, Du Tử Lê, Đỗ Hùng, Nguyễn Mạnh Hùng, Dương Ngọc Hoán.



Nguyễn Viết Tân, Chủ nhiệm Báo Đời Nay, hàn huyên với Du Tử Lê



Nhà thơ Du Tử Lê ký tặng sách



Phuong Lien chào mừng nhà thơ Du Tử Lê và quan khách



Nhà Biên Khảo văn học Trần Bích San



Nhà thơ Du Tử Lê cảm ơn Diễn giả Trần Bích San



Như Hương, keyboard: Sĩ Thành, âm thanh: Hùng DJ.



Hiếu Thuận



Sĩ Tuấn



Kim Phụng



Tuyết Lan - Tâm Hảo và Phan Anh Dũng - Nhà thơ Du Tử Lê cảm tạ quan khách và bằng hữu



Bài giới thiệu tác phẩm Trên Ngọn Tình Sầu, tùy bút Du Tử Lê (Virginia Oct. 22, 2011)

Kính thưa quý vị,

Thưa các bạn,

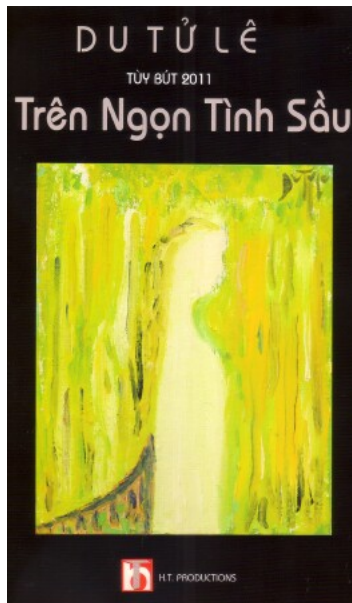
Hôm nay, ngày ra mắt tác phẩm văn xuôi mới nhất của thi sĩ **Du Tử Lê**, tôi được ban tổ chức và tác giả có nhã ý mời lên đây thưa chuyện cùng quý bạn. Tôi cố tìm một câu mở đầu khác với lối nói thông thường, nhưng, thú thật, đã thất bại trong việc tìm kiếm một lời chính xác, trung thực hơn.

Vậy thì, thưa các bạn, thực là một vinh dự lớn lao cho tôi được gặp các bạn. Sự hiện diện đồng đạo một cử tọa phẩm chất trong không khí thân mật của tư gia cô Phương Liên đã nói lên sự ưu ái và lòng quý mến các bạn dành cho nhà thơ.

Thưa các bạn,

Tùy bút có nghĩa tùy hứng mà phóng bút, là loại văn rất phóng khoáng. Tâm viên ý mã, lan man theo dòng tư tưởng tiện gì viết nấy, tùy suy nghĩ mà giải bày tâm tình.

Ý nghĩ và sự tưởng tượng miên man theo ngòi bút từ việc này lan sang chuyện khác nhẹ nhàng như làn gió thoảng, như mây trời lang thang. Một buổi chiều mưa, sương mù trên sông nước, một nơi chốn kỷ niệm, sự hồi hận ray rứt hay nỗi nhớ khôn nguôi...bất kỳ cảnh vật, sự việc hay rung động của tâm hồn cũng có thể trở thành đề tài cho tùy bút.



Tùy bút có chiều dài như truyện ngắn, trong cả hai, vết tích việc làm văn biến đi mất hút trong cái tương đối và trừu tượng. Truyện ngắn cần có một câu chuyện được cấu tạo cẩn thận và thuần nhất, nhưng tùy bút không cần, nó gần như truyện không có chuyện của Katherine Mansfield. Tùy bút tuy khác nhưng rất gần gũi với truyện ngắn và thơ. Gần với truyện ngắn ở chỗ chữ nghĩa cô đọng, dãi lọc khó khăn như lối chọn từ trong thơ. Gần với thơ vì văn tùy bút mang nhiều chất thơ và

có âm điệu như thơ.

Tùy bút không phải là ký sự, truyện ký hay bút ký. Trong tùy bút có sự việc, có thực tại giống như ký sự, nhưng lại không lý đến yếu tố thời gian. Ghi chép sự việc là điều không quan trọng với tùy bút, nó không nhằm ghi nhận thực tại mà cũng chẳng cần đi sát với thực tại. Tùy bút cũng không phải là phiếm luận. Nó có những lý luận như phiếm nhưng là tùy hứng mà suy luận, không nhằm chủ ý biện luận. Tóm lại, tùy bút là kết hợp mỗi thứ một chút của thể phiếm, bút ký, truyện ký, nhật ký, tạp ký, tạp bút, tạp luận, ký sự, truyện ngắn và thơ.

Tùy bút phóng túng như thế nên tưởng dễ viết, ngược lại, tùy bút khó viết nhất trong các loại văn xuôi. Chọn viết tùy bút là việc làm phiêu lưu của nhà văn bởi chỉ có hai mặt: thành công hay thất bại. Tùy bút không có cốt truyện nên phải viết sao cho hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, phải thanh nhã, tự nhiên, có duyên và ý vị. Quan trọng hơn cả, tùy bút phải có nghệ thuật cao, truyện ngắn hoặc truyện dài không hay thì vẫn là tiểu thuyết, thơ dở vẫn là thi ca, còn tùy bút thiếu nghệ thuật thì không còn là tùy bút, cũng ví như phở không có mùi phở. Đó là lý do tại sao người viết tùy bút nước ta không nhiều.

Thể tùy bút không phải chỉ mới xuất hiện gần đây trong văn học Việt Nam. Từ hậu bán thế kỷ thứ 18, Vũ Trung Tùy Bút của Phạm Đình Hồ được coi là tác phẩm đầu tiên viết dưới dạng tùy bút. Đầu thế kỷ thứ 20, vào những năm 1916, 1917 Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu viết nhiều bài phiếm có tính cách bút ký trên tờ Đông Dương Tạp Chí của Nguyễn Văn Vĩnh. Sau đó, vào thập niên 1930, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc cũng viết theo lối của Tân Đà nhưng sâu sắc hơn trên tờ Đông Tây của Hoàng Tích Chu, nhưng những bài văn của Tân Đà và Lãng Nhân không được coi là tùy bút. Phải chờ tới 1939, khi những bài viết của Nguyễn Tuân với giọng tài hoa, sâu cay, khinh bạc xuất hiện ngay từ số đầu trên tạp chí văn học Tao Đàn của nhà Tân Dân thì thể tùy bút mới thực sự có thể giá, chính thức trở thành loại văn riêng biệt trong văn học nước ta. Sau họ Nguyễn một thời gian khá dài, trước 1975, người đọc ở miền Nam VN mới có dịp được thưởng thức văn tùy bút của Võ Phiến, Mai Thảo... ở hải ngoại mảnh vườn văn học tùy bút có thêm Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Dục Thảo, và hôm nay, Du Tử Lê.

Du Tử Lê đã dùng bài thơ của ông “67, khúc thêm cho huyền châu”, sau đổi thành “trên ngọn tình sầu”, được Từ Công Phụng phổ nhạc, để đặt tên cho tập tùy bút. Không phải chỉ tên tác phẩm đọc lên như thơ, tập tùy bút gồm 8 bài thì một nửa mang tựa đề bằng những câu thơ của chính ông: tóc trên đầu vẫn từng ngọn riêng tây/thả nốt vàng trắng xuống đáy vườn/mỗi chúng ta là một vùng đất trũng/biệt, ly kia, em ạ: để quay về.

Về bố cục, **Trên Ngọn Tình Sầu** rất cân đối: 4 bài về các bạn Nguyễn Mạnh Hùng, Thảo Trường, Duy Thanh, Cao Xuân Huy, 4 bài về chị, mẹ, người hôn phối, và người yêu đầu đời. Nó phản ánh 2 điều quan trọng trong đời sống thực của ông: tình bạn và tình yêu. Những bài viết về những người thân là tâm sự, tình yêu của một tâm hồn nhạy cảm, là tiếng nấc nghẹn thiết tha, là lát cày bới sâu đến tận đáy cảm nghĩ của ông. Văn phong những bài này rất thơ, hay có thể nói, gần như một bài thơ tự do dài. Bản chất Du Tử Lê là thi sĩ nên văn tùy bút mang nhiều chất thơ không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng chính vì thế văn ông hợp với thể tùy bút, vốn đòi hỏi bay bướm, lãng mạn và trữ tình.

Tôi muốn nhấn mạnh ở đây một đặc điểm khác trong văn tùy bút Du Tử Lê mà trong quá khứ chưa tác giả nào mạo hiểm: việc áp dụng điệp văn. Đây là sáng tạo độc đáo và táo bạo, nó chứng tỏ tác giả không ngừng khai phá, cách tân trong cả hai lãnh vực thi ca lẫn tùy bút. Thường thì nhà văn, nhà thơ tránh việc dùng điệp ngữ, ngoại trừ để nhấn mạnh ý nghĩa, âm thanh, việc lặp lại nguyên một đoạn văn dài trong văn xuôi, theo sự hiểu biết của tôi, chưa có ai sử dụng. Âm nhạc có điệp khúc nhưng lời 2 bao giờ cũng khác với lời 1. Trong 8 bài tùy bút có 3 bài ông dùng điệp văn. Ít nhất 1 lần trong “tóc trên đầu vẫn từng ngọn

riêng tây”, nhiều nhất 4 lần trong “thả nốt vàng trắng xuống đáy vườn”. Đặc biệt hơn cả, trong “Biệt, ly kia, em ạ: để quay về” dài 14 trang mà có tới 4 đoạn văn khác nhau được lặp lại trong bài.

Trước đây, Du Tử Lê đã làm mới thi ca bằng ngữ pháp, ngắt câu, phân cảnh, bây giờ ông sáng tạo văn xuôi với lối ráp nối điệp văn thật tuyệt vời, đúng chỗ, đúng lúc, hơi văn vẫn tự nhiên và thuần nhất. Nghệ thuật khéo đến độ, dù biết, người đọc vẫn say sưa thưởng thức liên tục, các đoạn điệp văn tưởng như chỉ biết phục vụ cho dụng ý tăng độ thẩm thức, cảm nhận. Nó xô âm hưởng trầm buồn vang vọng “như cuộc rượt đuổi bất tận của băng khuâng những mối sầu, xưa” (1), nó đẩy hình ảnh lẫn cảm xúc lan tỏa đầy hồn chúng ta như “đêm trải từng lớp sương mỏng, như giấy quỳ lên mặt hồ”(2)...

Trên Ngọn Tình Sầu còn rất nhiều điều đáng được đề cập tới, nhưng nói thêm chỉ là sự vi phạm cái thú thưởng văn của độc giả. Văn tùy bút Du Tử Lê chất chứa nhiều lời cuốn, mê hoặc, chiều sâu các con chữ mang hình tượng, ẩn dụ luôn luôn mời gọi khám phá thích thú của người đọc. Tùy bút không thể đọc nhanh như các loại văn khác, với Trên Ngọn Tình Sầu, không những cần chậm rãi, thư thả mà ta còn phải đọc đi đọc lại nhiều lần. Cũng ví như thú uống trà trong sương sớm đòi hỏi nhàn tản, từ tốn mới cảm nhận đến tận cùng hương vị của thứ trà quý ngấm dần vào khứu và vị giác chúng ta.

Văn tùy bút Du Tử Lê có những biến thái, lúc nhẹ nhàng vắn tắt, lúc quanh co dài dòng phô diễn tư tưởng phức tạp bằng một thứ ngôn ngữ độc đáo, mới lạ, nhưng lúc nào cũng chau chuốt, nghệ thuật. Tùy bút Du Tử Lê thấp thoáng cái khinh bạc Nguyễn Tuân, đầy ắp cái lãng mạn bóng bẩy Mai Thảo, nhưng vẫn mang phong cách

riêng, rất rõ nét nhân cách của ông. Tác phẩm và thời gian đã đủ định vị Du Tử Lê trong lãnh vực thi ca, với Trên Ngọn Tình Sầu, ông còn chứng tỏ tài hoa cả trong loại văn tùy bút nữa.

Thưa các bạn,

Tôi và Du Tử Lê cùng học trường Hàng Vôi cây bàng lá đỏ Hànội, đều xuất thân Chu Văn An Sài Gòn, nhưng chỉ quen biết nhau vào những năm cuối thập niên 60. Sài Gòn ngày ấy chúng tôi có thói quen gặp nhau ở quán La Pagode đường Tự Do. Ở đó, những chiều mưa to gió lớn lá me bay đầy trời, những sáng cuối tuần nắng thủy tinh lung linh hè phố, tôi đã cả phê thuốc lá văn nghệ văn gừng với Trần Lam Giang, Phạm Trọng Phúc, Nguyễn Bá Trạc, Đào Quý Châu, Bùi Bảo Trúc, Phan Nhật Nam... Ở đó, Du Tử Lê có lúc đã nhỏ nhẹ cho tôi nghe một vài câu thơ bật ra từ trái tim vốn nòi tình của anh.

Những ngày xanh xưa ấy chúng tôi còn trẻ, mái tóc còn rất xanh, mới phơi phơi vào đời chưa đầy 10 năm, mang theo bao mộng ước và lý tưởng tuổi trẻ. Đã hơn 40 năm qua, vào cái tuổi bắt đầu phải sửa soạn cho một chuyến đi thật xa không mang theo hành lý, tôi thật cảm khái và không ngờ hôm nay lại có dịp giới thiệu tác phẩm một người bạn của những ngày tháng cũ.

Ở Sài Gòn ngày trước, tôi nói chuyện văn nghệ cùng các bạn tôi với tính cách trà dư tửu hậu. Ở đây, hôm nay,

mái tóc không xanh nữa

đã biết yêu thương, đã nợ nần (3)

tôi bàn một cách trang trọng về tập tùy bút của một nhà thơ lớn, một thi sĩ có địa vị vững vàng trên văn đàn, một tác giả, mà, mai sau dù có bao giờ (4), khi đất nước chúng ta không còn chế độ Cộng Sản, một bộ văn học

sử nghiêm túc nếu thiếu vắng sự hiện của bạn
tôi sẽ là một khiếm khuyết không nhỏ, một hà
tì cho công trình biên soạn.

Xin cảm ơn quý vị và các bạn.

Trần Bích San
(Louisiana-USA)

Chú thích:

- (1) Trên ngọn tình sầu, trang 71
- (2) Trên ngọn tình sầu, trang 24
- (3) Thơ, Hoàng Hải Thủy
- (4) Truyện Kiều, Nguyễn Du

Tham khảo:

- Bùi Vĩnh Phúc, Lý Luận và Phê Bình, Hai
Mươi Năm Văn Học Nước Ngoài, nxb Văn
Nghệ, California, Hoa Kỳ, 1996.
- Du Tử Lê, Trên Ngọn Tình Sầu, Tùy
Bút, nxb H.T. Productions, California, Hoa
Kỳ, 2011.

- Phạm Thế Ngũ, Việt Nam Văn Học
Sử Giản Ước Tân Biên, nxb Anh Phương,
Sài Gòn, 1965.

- Võ Phiến, Tùy Bút I & II, nxb Văn Nghệ,
California, Hoa Kỳ. 1986.

- Võ Phiến, Văn Học Miền Nam, Tổng
Quan, in lần thứ 3, nxb Văn Nghệ,
California, Hoa kỳ, 2000.

- Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại, tái bản
lần thứ 3, nxb Thăng Long, Sài Gòn, 1959.

Nhà sách Tự Lực đã tổng phát hành:
TRÊN NGỌN TÌNH SẦU, DU TỬ LÊ. 8
tùy bút, như 8 phần đời riêng của tác giả.

Tranh bìa: Du Tử Lê. Mẫu bìa: Đa Mi.
Phụ bản: Duy Thanh.

Ấn phí: 15 Mỹ kim (bao gồm cước phí
trong nước Mỹ.)

Xin liên lạc: Nhà sách Tự Lực 1-800-
995-2285. Hoặc vào buybooks@tuluc.com
Muốn có chữ ký tác giả, xin liên lạc HT
Productions: hanhtuyen@hotmail.com



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Tương Giao Giữa Nội Tâm Và Ngoại Cảnh Trong Ca Dao

Trường Thy

Phần lớn đời sống của người dân Việt gắn liền với thôn làng, đồng quê. Mọi sinh hoạt đều được bao trùm sau lũy tre xanh, dưới bầu trời mưa nắng, trong không gian bốn mùa. Quê hương ấy đã là một miền đất dào dạt ý thơ; bởi thơ là gì, nếu không là những tiếng lòng hòa trong thanh âm, là dấu tích của yêu thương và thống khổ. Ca Dao là những áng thơ đại chúng, là tiếng nói tâm thức của dân tộc. Lời thơ một khi được ngân lên do thanh âm ngôn ngữ của con người quả đã thành tiếng thời gian.

Trở về nguồn và chỉ có trở về nguồn ta mới bắt gặp được những hình ảnh trung thực của quê hương, của cuộc đời; mới tận hưởng được những cảm xúc của giác quan với thế giới bên ngoài; và sau cùng mới lắng nghe được nhịp sống tình tự của trái tim con người giữa vũ trụ bao la. Bởi tất cả những hình ảnh, cảm nghĩ và tiếng nói của đời sống hầu như đã mặc nhiên hòa vào những áng ca dao, chính vì thế mà ca dao vẫn song song tiếp nối hành trình nhân sinh của chúng ta.

Mỗi con người là một vũ trụ trong cái vũ trụ thiên nhiên mênh mông, bát ngát vô bờ bến.

ừ vũ trụ ấy con người thấy mình hiện hữu. Trong thế giới của ca dao, chủ thể đối diện với ngoại cảnh, và khi bắt gặp một điều gì đó, rồi từ ngôn ngữ đưa ta về với thế giới riêng tư, phổ đậm lòng mình cho nhân gian.

Phải chăng ngôn ngữ đã khoác áo ca dao đi làm sứ giả cho nội tâm con người; và như Alain Bosquet đã có nói:

“Au fond de chaque mot J’assiste à ma naissance” (trong thâm cung của từ ngữ tôi thấy mình được sinh ra)

Tác giả bình dân tri giác ngoại cảnh:

Cái cò bay bổng, bay bơ

Lại đây anh gửi xôi khô cho nàng

để rồi phơi bày tâm can, tiết lộ thế giới nội tâm ố tình yêu ố cái vũ trụ tình cảm sâu kín ấy giờ vươn lên theo cánh cò bay:

đem về nàng nấu nàng rang

nàng ăn cho dẻo thời nàng lấy anh.

hoặc ta còn nghe vô vàn những cảnh tình tương tự trong kho tàng rộng lớn của bầu trời ca dao tình cảm ấy, và dưới đây, như một điển hình khác:

Đố ai quét sạch lá rùng

Để ta khuyên gió gió đừng rung cây

Rung cây rung cội rung cành

Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng.

Thời xa xưa, cái thời của ca dao mà tác giả ẩn danh ấy, trước cuộc sống gắn liền với thiên nhiên, với vũ trụ bên ngoài, đã đi vào đời một cách tự nhiên và đương nhiên trong sự hòa đồng với đối tượng hiện hữu trước mặt. Từ đó ngôn từ được sử dụng trong vai trò biểu trưng của cảnh vật, của hình ảnh cuộc đời, và của tiếng nói tâm tư:

Ngày ngày em đứng em trông

Trông non non ngắt trông sông sông dài

*Trông mây mây kéo ngang trời
Trông trăng trắng khuyết trông người người xa.*

Cái nhìn trong ca dao là cái nhìn phản ánh trạng thái tâm hồn từ sự vật bên ngoài. Có thể là vì thế mà người ta cho rằng chính nhờ ca dao mà ta khám phá ra được cái tương quan mật thiết và sâu xa ấy. Có người thấy tình yêu nơi “quả cau nho nhỏ / cái vỏ vân vân”, có người lại bắt gặp trên cánh chim “tìm em như thể tìm chim / chim ăn bể Bắc đi tìm bể Đông”, cũng có người lại gửi nó qua tấm áo “yêu nhau cởi áo cho nhau”, thậm chí người ta còn nhận diện tình yêu trong mùi vị đắng chát của sự vật “gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau”. v.v..

Thế giới của ca dao là thế giới hiện thực, không phải trừu tượng và trong thế giới ấy cuộc sống của con người cũng không thuần là vật chất, thuần là lam lũ, mà còn là sự hài hòa với tình cảm.

*bao giờ cho đến tháng hai
con gái làm cỏ con trai be bờ
gái thì kể phú ngâm thơ
trai thì be bờ kể chuyện bài bay.*

Qua những sự vật tầm thường, từ một khía cạnh nào đó, tâm tình con người đã được gắn liền vào như là những mảnh hồn của sự vật vậy:

*chén tình là chén say sưa
nón tình em đội nắng mưa trên đầu*

Con người của ca dao, bằng một thái độ thản nhiên, chấp nhận ngoại giới, để xe kết với lòng mình nên thật gần gũi:

*ai về đường ấy mấy dò
mấy câu mấy quán cho anh mượn tiền
ước gì quan đắp đường liền
kẻo ta đi lại tốn tiền dò ngang*

*em về dọn quán bán hàng
để anh là khách đi đàng trú chân*

Cuộc sống người nghệ sỹ bình dân không chỉ là bản thể mà là bản thể tương giao, hòa đồng trong vũ trụ và thấy mình trong mối tương quan ấy:

*thân em như hạt mưa sa
hạt rơi xuống giếng hạt ra ngoài đồng*

Vào thế kỷ thứ 19, Ezra Pound, một thi hào Mỹ quốc, trong một bài thơ nổi tiếng “In a Station of the Metro”, chỉ vắn vắn có 14 chữ:

*- the apparition of these faces in the crowd
- petals on a wet, black bough*

nhà thơ bắt gặp một đối tượng, những khuôn mặt công nhân trong đám người đứng chờ xe ở nhà ga, ông đã phác họa lên hình ảnh cuộc đời, một hình ảnh mà đối tượng và ngoại cảnh, cái vô ngã (impersonality) đã hòa nhập với nhau..

Những tác gi? của ca dao phóng cái nhìn của mình vào sự vật, vào đối tượng không phải chỉ để hòa đồng mà còn làm sáng lên cái nồng độ khát khao tận đáy lòng mình:

*anh đi đàng ấy xa xa
để em ôm bóng trăng tà năm canh
nước non một gánh chung tình
nhớ ai, ai có nhớ mình hay chẳng.*

Khát vọng ấy không hẳn chỉ cho mình mà còn là cho tha nhân, trong ấy hẳn nhiên vẫn có mình được chia sẻ, thật là đầm ấm:

*canh tư bước sang canh năm
trình anh dậy học chớ nằm làm chi
nữa mai chúa mở khoa thi
bảng vàng chói lọi kìa đề tên anh*

Cũng chính vì những kỳ vọng và khát khao của con người bình dân đều ký thác vào vạn vật như để tìm được ở đó sự đồng

cảm nên qua bao thế hệ đã tạo dựng nên một vũ trụ ca dao kỳ thú, đầy tình đầy ý. Điều đặc biệt là cái nhìn ước mơ của thế giới ca dao không hoặc là ít khi điên cuồng để rồi rơi xuống vực thẳm của tuyệt vọng. Do đó một khi mộng ước không thành thì nỗi buồn cũng tự dần trải trong bao la như đã ký thác lúc ban đầu. Buồn vui trong cuộc sống không những cô đọng trong không gian mà cả trong thời gian:

*ai làm cho cái tôi ngồng
cho đưa tôi khú cho chồng tôi chê
chồng chê thì mặc chồng chê
đưa khú nấu với cá trê ngọt lừ.*

Tình yêu trong ca dao khởi đi từ cái nhìn đối tượng hay sự vật để đi vào mộng ước rồi hiện thực hóa cho đời. Cái khát khao sâu xa ấy đã là mầm nảy sinh trong ngôn từ để thành thơ:

*trên trời có đám mây xanh
ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
ước gì anh lấy được nàng
để anh mua gạch Bát Tràng về xây
xây dọc rồi lại xây ngang
xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân*

Trong lãnh vực tình tự của ca dao, tri giác của người nghệ sỹ không dừng lại để thấy sự vật chỉ như là sự vật mà là cái nhìn “tôi đi tìm tôi”. Đi vào thế giới của văn chương truyền khẩu cần có một thái độ ‘vượt thoát’ khỏi cái nhìn bình thường để cảm nhận sự tương giao hai chiều giữa chủ thể và ngoại vật, đồng thời để thấu hiểu được những đối thoại ngầm giữa thế giới nội tâm con người và vũ trụ hiện hữu bên ngoài, đã được ghi âm trong những áng ca dao. Nếu không sao lại có cảnh một người đêm khuya ra đứng bờ ao:

*buồn trông con nhện giăng tơ
nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai
buồn trông chênh chéch sao mai
sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?*

Nền văn chương truyền khẩu với ca dao, tục ngữ ... , đã xuất hiện từ lâu, mang đậm nét đời sống tinh thần của dân tộc. Đó chính là dấu ấn tâm hồn Việt Nam vậy. Ca Dao, những vần điệu cung lòng vương trên cánh thơ “Lục Bát”, là những nhịp đưa trầm bổng của tiếng ru ‘âu ơ...’ trên môi Mẹ Âu Cơ, là tiếng sóng ru bờ, bãi sậy rì rào trong hơi gió, sóng lúa đưa hương mùa trên đồng nội, và còn là những nhịp bước thẳng trầm, gập ghềnh, nổi trôi của vận nước.

Sau cùng, người ta có thể nói “Lục Bát”, sáng tạo kỳ diệu của dân Việt, ví như ‘sợi lạt’ buộc những giao kết giữa người với người, giữa người với quê hương, với vũ trụ. Những câu Hồ, những câu Hát Đối v.v. đã cột anh vào chi, cột bộ tộc Lạc Việt vào giải quê hương hình chữ “S” thân yêu; nơi đó đời sống tinh thần của người dân rộ mùa trong ca dao những nụ, mầm Chân, Thiện, Mỹ.

** Thuyền ơi có nhớ bến chăng
bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

** Thuyền đã đến bến, anh ơi
sao anh chẳng bác cầu noi lên bờ.*

** Thứ nhất là tu tại gia,
thứ nhì tu chợ thứ ba tu chùa*

** Nước non lận đận một mình,
thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay
ai làm cho bể kia đầy
cho ao kia cạn cho gầy cò con!*

Trường Thy (Oklahoma)

DƯỚI CHÂN NÚI CHỨA CHAN

ĐĂNG NGUYÊN

Tôi có nhiều quê hương. Truồi là quê hương chôn nhau cắt rốn, Xuân Lộc là quê hương của đời lính chiến. Bến Gỗ là quê hương sau đổi đời. Bây giờ thêm Maryland là quê hương tạm dung nơi đất khách. Quê hương nào cũng đẹp cả. Mỗi nơi một khác. Nhưng lúc nào cũng nhớ. Nhớ núi nhớ sông, nhớ những con đường mình đi qua, con suối mình từng uống nước. Nhất là những con người đã từng gieo vào lòng mình bao kỷ niệm. Từ núi Ngự sông Hương, núi Truồi sông Truồi, đến một ngọn núi khác làm tôi nhớ: núi Chứa Chan.



(ghi chú : Núi Chứa Chan, ở Gia Ray, Xuân Lộc, cao 837 mét, là ngọn núi cao nhất miền Đông Nam Bộ. Trại giam tù cải tạo Z30A nằm dưới chân núi Chứa Chan)

Những người lính Sư Đoàn 18 quen với rừng cao su mênh mông, rừng già bạt ngàn miền đông đất đỏ với những trận đánh long trời lở đất chung quanh núi Chứa Chan, Gia Ray, Suối Cát, sông Ray, kéo dài tận núi May Tào, Hàm Tân, Xuyên Mộc... Ngọn núi Chứa

Chan như một hình ảnh gần gũi đầy thân thương. Oái ăm thay! tôi là lính Sư Đoàn 18, sau nhiều năm lưu đày nơi đất Bắc xa xôi, lại bị đưa về ngay dưới chân núi Chứa Chan. Trại giam Z30A Xuân Lộc. Chuyến tàu lửa chở tù cải tạo từ bắc về nam, mà trên tay còn mang còng sắt số 8, cứ hai người còng chung một còng, đổ xuống ga Gia Ray vào một buổi chiều cuối năm. Nhìn lên núi Chứa Chan trước mặt, cao xanh, sừng sững, mà lòng buồn mang mát. Mới ngày nào cũng trên mảnh đất này, xa xa là đồi Phụng Vỹ, doanh trại của Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 52, nay biến thành trại giam những đứa con yêu của SĐ 18. Buồn rớt nước mắt. Lòng đắng cay, đoàn tù lê thê bước chân vào trại giam mới. Ngồi trong phòng giam nhìn ra trước mặt, núi Chứa Chan cao xanh mây phủ. Chứa Chan ơi! Chan chứa tình sâu...

Từ Nam Hà về, mang theo khí thế đấu tranh của Nam Hà vào Xuân Lộc. Chỉ vài hôm sau khi nhập trại là xảy ra biến cố. Số là các trại trong Nam thường xử dụng một cải tạo viên có sức khỏe và có võ nghệ làm Trật Tự để đàn áp anh em, cánh Nam Hà không chịu, anh em đánh lại Trật Tự, cán bộ xuống đàn áp, tìm bắt anh em trong nhóm "hành động", nên xảy ra cuộc tranh đấu. Tất cả anh em sắp hàng ngồi li ngoài sân, không chịu vào phòng. Bởi vì cán bộ cầm danh sách gọi từng tên vào, để tên những người họ muốn bắt giam vào trại kỷ luật ở sau cùng, sau khi anh em vào phòng xong khóa cửa lại, số ở ngoài bị bắt đi là chịu thua. Do đó tất cả trại đồng ngồi li tranh đấu. Tình hình sôi động cực độ, có thể xảy ra bạo động. Cuối cùng trại thỏa thuận cho cử đại diện lên thương lượng, trại đồng ý bỏ Trật Tự. Do mỗi đội tự quản dưới quyền

quản giáo.Khi tất cả vào phòng trở lại, bị nhốt luôn, không cho ra ngoài một thời gian dài để trả thù, và một số anh em trong nhóm hành động bị trả thù lẻ, có người bị thanh toán mất mạng.Cuộc đấu tranh tương tự ở trại Hàm Tân cũng do anh em từ Nam Hà về gây tổn thất lớn, nhiều anh em hy sinh tánh mạng.

Thời gian từ từ lắng đọng, nguôi dần. Khoảng một năm sau, tôi được biên chế vào đội lâm sản, nói nôm na chỉ là đội chuyên môn đi cưa cây ngoài rừng để trại lấy gỗ bán, làm giàu.Anh em cũ ở đây đã có một đội như vậy rồi, nay thêm một đội mới thuộc cánh Nam Hà về. Anh em cũ nói, được vào đội này là những người sắp được tha, do đó dù đi ra ngoài rừng làm nhưng không ai trốn trại. Đi cưa cây rất vất vả, nhiều khi gặp nguy hiểm, cây đè bị thương hoặc chết, vào rừng bị rắn cắn, ong đốt vân vân...nhưng được thoải mái hơn. Sau một thời gian làm tốt, vượt chỉ tiêu số gỗ ấn định hàng tuần, được quản giáo dẫn ra chợ Xuân Trường cho mua đồ ăn mang về, dĩ nhiên là phải dấu hàng cẩn thận, vì lúc vào công trại bị xét rất gắt.Mỗi tuần vào ngày Thứ Năm,khi đã hạ mấy cay bằng lạng, hoặc cay dầu rái xong, thế là dư số mét khối ấn định. Quản giáo tập họp anh em lại, dặn biểu vãi điều cần thiết khi ra ngoài chợ phải tuân hành, xong quản giáo và vệ binh dẫn cả đội khoảng 25 người ra chợ. Đường đi từ rừng cưa cây ra đến chợ Xuân Trường khoảng bốn cây số. Lợi bộ bốn cây số đường rừng để ra chợ uống một ly cà phê đen giá một đồng bạc lúc đó, kể cũng thú vị lắm chứ !Nhất là những người bị nhốt lâu năm, nay được nhìn thấy xã hội ngoài đời, có một cảm giác rất lạ.Anh đội trưởng thì có nhiệm vụ lo cho quản giáo và vệ binh, cũng cà phê cả pháo hoặc ăn nhậu tùy thích, phí tổn do anh em hùn góp (bí mật).Mua hàng thì phần lớn cho anh em bạn bè quen biết trong trại gửi tiền mua.Phần nhiều là thuốc Lào, thuốc lá, đường, sữa, cá

khô, lạp xưởng vân vân...Có khi đem về đến khu sản xuất của đội, phải đào lỗ chôn dấu hàng, hôm sau mới mang vào để tránh bị tịch thu khi vào công trại.Kể lể dài dòng mà chưa nói đến phần chính, là tình cảm của người dân Xuân Trường đối với tù cải tạo.

Xã Xuân Trường nằm dưới chân núi Chứa Chan,dọc theo hai bên đường số 2 từ ngã ba Ông Đồn đi Hoài Đức- Tân Linh.Ngày xưa vùng này chỉ là rừng tre rậm rạp.Kể từ năm 1972 trong trận mùa hè đỏ lửa,Sư Đoàn 18 đã đưa dân di tản từ An Lộc-Bình Long về đây lập nghiệp.Nên dân ở đây rất nhớ lính Việt Nam Cộng Hòa, có cảm tình đặc biệt với những người tù cải tạo.Hôm đầu tiên chúng tôi được ra đây, do các anh em bên đội lâm sản cũ thông tin trước, dân đứng hai bên đường vẫy tay chào chúng tôi, rất mừng vui.Anh em vào tất cả các quán trong chợ.Phần tôi thường chậm chạp, đứng nhìn. Có một quán bên góc đường của một bà già, không ai vào, tôi vào quán đó.Bà cụ khoảng ngoài sáu mươi,chào đón tôi rất nồng nhiệt, hỏi thăm anh em tù cải tạo. Đúng là “tha hương ngộ cố tri”. Vì tôi mua nhiều đường, nên bà cụ gọi người cháu gái đang đứng ngoài đường vào, biểu về nhà lấy thêm mấy ký đường cho chú.Thì ra cô gái mặt bộ đồ màu hồng đẹp nhất đứng bên đường vẫy tay chào chúng tôi hỏi này là cháu gái của bà cụ. Cháu tươi cười bảo tôi :

- Chú đi theo cháu.

Tôi ngại ngần, vì lần đầu tiên ra đây, vừa ngại, vừa sợ. Cháu bảo:

- Đừng sợ, ở đây công an, cán bộ cháu quen hết,chú đừng sợ.

Một tay dẫn xe đạp, một tay cầm lấy tay tôi kéo đi. Tôi lú lú đi theo như một đứa trẻ.Cháu vừa đi vừa trò chuyện.Gia đình cháu gốc bắc kỳ ba mươi, vào Bình Long lập nghiệp từ thuở đồn điền cao su mới phát triển.Ba cháu là Thượng sĩ Sư Đoàn 5, sau 75

về Sài Gòn ở chợ Vườn Chuối. Bà ngoại cháu (sau này chúng tôi gọi là Má Năm) muốn lên đây ở với nhiều bà con dân Bình Long. Nhà cháu có hai chị em, người chị lúc đó đang học lớp 12 không thể đi theo bà ngoại được, nên cháu phải hy sinh, đi theo bà ngoại lên vùng kinh tế mới. Xã này lúc đầu chỉ có cháu là học lực cao nên được chọn làm cô giáo. Cháu tên Mai Hoa, một cái tên rất đẹp. Đẹp như người của Mai Hoa vậy. Nhà cháu không xa chợ bao nhiêu. Đi chẳng bao lâu mà đã tới nhà. Vườn ở kinh tế mới được chia thành từng ô vuông. Căn nhà tranh nhỏ rất gọn gàng, ở giữa là bộ bàn với bốn ghế. Mai Hoa mời tôi ngồi ghế, rồi lấy chiếc quạt bằng lá phe phẩy quạt cho tôi. Lần đầu tiên sau ngày đứt phim, gậy gánh cho tới bây giờ tôi mới được một người con gái đẹp chăm sóc thân tình như vậy, làm tôi cảm động ứa nước mắt. Cháu rất hồn nhiên, pha nước trà, dọn thức ăn, nói năng dịu dàng, như đã quen thân từ lâu, tôi thật không tin vào mắt mình được. Tưởng như đang mơ. Tôi ngồi ăn, bởi không thể từ chối được. Mai Hoa lấy cái đàn ghi ta treo bên vách, vừa đàn vừa hát nhạc vàng cho tôi nghe. Thời giờ đi qua mau lắm, mới đó mà đã tới giờ tập họp để về trại. Mai Hoa dẫn tôi trở lại quán bà ngoại, còn nhét vào túi xách đầy thức ăn. Má Năm hỏi cháu:

- Có dọn cơm cho chú ăn không?

Mai Hoa nói dạ có.

Má Năm dặn tôi: mỗi tuần ra đây là cứ vào nhà, nhà không có ai, chỉ có hai bà cháu, đừng ngồi la cà ngoài quán, cháu nó thích mấy chú ra đây lắm. Ở đội cũ mấy chú ấy cũng vậy, hễ Thứ Năm là cháu nghỉ dạy học, ở nhà đón mấy chú.

Thời gian trôi qua như vậy. Cả đội chúng tôi tình cảm khấn khít với dân xã Xuân Trường. Không chỉ một mình cô giáo Mai Hoa, mà còn các cháu Lệ, cháu Thủy, gia đình

chị Long vv...rất thương quý chúng tôi. Ngày đầu còn bỡ ngỡ, những lần sau, cứ ra tới chợ là anh em mạnh ai nấy đi, lẫn vào nhà dân cho tới giờ tập họp vào rừng trở lại, nào là tay xách nách mang, đủ thứ đồ ăn.

Cũng hơn một năm dài như vậy mới đến ngày chúng tôi được tha về, hầu hết anh em trong đội cura cây đều được tha một lược với tôi. Khởi nói, ra tới ngã ba Ông Đồn, tất cả anh em cura cây chúng tôi đón xe quay lại chợ Xuân Trường để từ giã bà con. Nhà chị Long đầy khách tới chúc mừng anh em được về với gia đình. Các cháu Lệ, Thủy lo nấu nướng đủ thứ, anh em bị cầm giữ suốt đêm cho tới ngày hôm sau mới về được. Riêng tôi, vừa ra tới nhà, cháu Mai Hoa lục túi lấy tám giấy ra trại dấu đi, rồi tổ chức tiệc mừng, tôi cũng phải ở lại qua đêm với Má Năm và cháu Mai Hoa. Sáu giờ sáng hôm sau, đón chuyến xe đò sớm nhất, Má Năm, Mai Hoa, Lệ, Thủy, chị Long...và nhiều bà con chợ Xuân Trường tiễn đưa chúng tôi về nhà với những lời cầu chúc may mắn. Xe lăn bánh, chúng tôi ai cũng bồi hồi xúc động. Núi Chứa Chan trong sương mờ buổi sáng, xa dần, mờ dần... Nhưng trong lòng chúng tôi, tình cảm của những người mẹ, người chị, người em, người cháu... của xã Xuân Trường không bao giờ phai nhạt. Chúng tôi đã nợ những chén cơm Phiếu Mẫu mà chúng tôi chưa làm gì được để đền ơn. Giờ đây ở hải ngoại, anh em phân tán mỗi người mỗi nơi. Nhớ nhau không biết làm gì. Hướng vọng về quê hương, nhớ núi Chứa Chan, nhớ xã Xuân Trường...

Huế có câu ca dao:

Núi cao chi lắm núi ơi

Núi che mặt trời không thấy người thương.

Virginia, Thu 2011
Đặng Nguyên

Thôn Vỹ Dạ

Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên

Thôn Vỹ Dạ - hiện nay thuộc phường Vỹ Dạ (Huế) - lấy tên « Từ gốc là Vĩ Dạ (- vĩ : lau, - dã : cánh đồng) nằm ở ngoại vi thành phố Huế, bên bờ sông Hương. Trước kia, nơi đây có nhiều vườn tược rất xinh xắn, nên thơ; là nơi cư ngụ của nhiều vương hầu, quý tộc, danh sĩ thời trước. Vĩ được viết i ngắn, vì theo cách viết trong sách giáo khoa *Ngữ văn* đang hiện hành » (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Thôn Vỹ Dạ nổi tiếng từ xưa đến nay nhờ bài thơ « Đây thôn Vỹ Dạ » (lúc đầu gọi là *Ở đây thôn Vĩ Dạ*) của Hàn Mặc Tử :

Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó
Có chớ trăng về kịp tối nay ?

Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?

VỸ DẠ mon amour

*Pourquoi ne venez-vous pas au village Vỹ Dạ ?
Nous y admirerons ensemble le lever du soleil
Dardant ses rayons lumineux sur les rangées
d'aréquiers
À l'avenant de ce jardin verdoyant,
resplendissant d'émeraude,*

*Qui appartient à celle dont le beau visage de
forme carrée
Se trouve dissimulé derrière le feuillage de
bambou éclairé.*

*Le vent poursuit sa direction et les nuages
leur course
Tout en effleurant le cours du fleuve
mélancolique
Et en secouant sur les deux rives les fleurs de maïs...
Quant au sampan anonyme,
Amarré près de la berge du Fleuve au reflet
de Lune,
Serait-il en mesure de la transporter chez
nous pour cette nuit ?*

*Tu rêves toujours, ô bien-aimée, au voyageur
très lointain
Dans ta robe si blanche que tu sembles irréaliste...
Te confondant avec la brume du matin
Qui rend blafarde toute image humaine,
Comment, dans ces conditions, peut-on savoir
Toute l'intensité de ton amour pour moi ?
(Traduction française de Lê Mộng Nguyên)*

Bài *Đây Thôn Vỹ Dạ* phản ánh một mối tình vô vọng của nhà thơ đối với người mình yêu tha thiết nhưng không bao giờ được gặp mặt « ... Mơ khách đường xa, khách đường xa, Áo em trắng quá nhìn không ra... », tương tự mối tình muôn thuở mà Félix Arvers ấp ủ trong tim, không bao giờ dám nói thẳng với Marie Nodier phải đi lấy chồng năm 1833 và trở thành Bà Marie Mennessier-Nodier :

Tình muôn thuở (Sonnet d'Arvers)

*Đời ta ôm ấp một mối tình
Mối tình muôn thuở mới sơ sinh*

Tình không hy vọng, tình ngang trái
 Mang bệnh thương này ta lặng thinh
 Than ôi trong cuộc thế thăng trầm
 Bên cạnh em mà như xa xăm
 Thời gian qua vẫn luôn cô quạnh
 Không dám cầu xin, không nói năng
 Em là thần diệu của tình si
 Trong tâm lơ đãng có nghe gì
 Trái tim đau khổ không hàn gấm
 Âm thầm theo dấu bước em đi
 Cho tròn tiết nghĩa vợ trung thành
 Với chồng là phận gái đoan trinh
 Xem thơ ta gửi em toàn vẹn
 Không hiểu là thơ nói chuyện mình
 (Bản dịch sang Việt ngữ của Lê Mộng Nguyên)

Theo Nguyễn Đình Niên (*Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mặc Tử* (Nxb SEACAEF, 2009) : « ...những người đàn bà thi sĩ đã kinh qua cuộc đời Hàn Mặc Tử, đó là : Hoàng Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình và Thương Thương ». Wikipedia trích GS Nguyễn Đăng Mạnh nói về nguồn gốc hứng cảm của bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ* : « *Hồi làm nhân viên ở sở đặc điền Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có thâm yêu trộm nhớ đơn phương một cô gái người Huế tên là Hoàng Thị Kim Cúc, con ông chủ sở. Một thời gian sau, nhà thơ vào Sài Gòn làm báo, khi trở lại Quy Nhơn thì cô gái đã theo gia đình về Vỹ Dạ (Huế). Một buổi kia, cô Cúc do sự gợi ý của một người em thúc bá, bạn của Hàn Mặc Tử, gửi vào cho nhà thơ một tấm bưu ảnh (carte postale) chụp một phong cảnh sông nước có thuyền và bến, kèm theo mấy lời thăm hỏi để an ủi nhà thơ lúc này đã mắc hiểm nghèo (Bệnh phong) ». Lời thăm hỏi không ký tên, nhưng bức ảnh và những dòng chữ kia đã kích thích trí tưởng tượng, cảm hứng, và đã gợi dậy những gì thầm kín xa xưa của Hàn Mặc Tử... » (theo *Văn Học 11 tập 2*, Nxb Giáo dục, 2008, tr. 40...).*

Bài thơ « *Đây Thôn Vỹ Dạ* » làm tôi động lòng, và dưới một xúc cảm dạt dào, đã viết ngay trong chiều 25 tháng 4 – 1950, tại Huế (đường Gia Long) sáu tháng trước khi lên máy bay qua Pháp, bài nhạc lấy tên chính thức « **VỀ CHƠI THÔN VỸ** », *cảm tác thơ « Đây thôn Vỹ Dạ » của Hàn Mặc Tử*, để tặng hương hồn người thi sĩ đã tài nhưng bạc mệnh.

VỀ CHƠI THÔN VỸ (Nhạc và lời : Lê Mộng Nguyên)

Chiều vàng gió thu reo mây mờ
 Người về thăm chốn năm xưa
 Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
 Vờn nấn hàng cau, lá trúc lao xao, bờ thu
 xuyên xao,
 bến xưa còn loang nắng đào
 Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
 Nhớ người mắt biếc khuôn mặt chữ điền,
 chiều chiều lai láng tình quê,
 chờ ai ra đi không về
 Gió lướt theo gió mây về đâu ?
 Con sông này thu xưa mến thương nhiều
 Đây đây lối về năm trước còn ghi mấy lời thề ước
 Ai đi cho lòng đau thương
 Chiều nay bước về năm xưa
 Xào xạc bên hàng tre thưa
 Bóng dáng ai hầu phai mờ
 Chiều vàng lòng tha hương mong ngày về
 Rồi cùng ai nói duyên tơ
 Bao năm không hề quên thôn Vỹ
 là bóng nàng thơ
 nhớ nhưng say sưa,
 ngàn năm ước mơ,
 hát hiu lòng ta đợi chờ...

Nhạc phẩm « *VỀ CHƠI THÔN VỸ* » của Lê Mộng Nguyên được đưa lên Trang Nhà « *Nhạc Ngô Càn Chiểu* » chiều ngày chủ nhật 26 tháng 06 – 2011, 16:26 (giờ Paris) thì tôi nhận được ngay trong ngày chủ nhật ấy

(16 :58), những cảm tưởng của nhà thơ TỪ NGUYỄN như sau :

« Lại được thưởng thức thêm một nhạc phẩm đặc biệt hay của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên viết cho miền cổ hương, cho một mối tình thơ dang dở. Mọi dang dở đều gọi nên nhiều tiếc nhớ nhất là dang dở trong tình yêu. Chuyện xưa đã qua lâu, nỗi đau tình đã phai đi ít nhiều qua lớp bụi thời gian nhưng bằng bạc suốt cả chiều dài nhạc phẩm là những hoài niệm, luyện thương, có lúc lại tràn lên, chất ngất. Trên nền ý thơ. « Đây thôn Vỹ Dạ » của Hàn Mặc Tử, những cảm xúc về hình bóng một người thương đã xa khuất trời xa, trong mối tình bất toại, lại như càng tăng thêm muôn ngàn nỗi vọng... Cảm ơn nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhạc sĩ Võ Công Diên và ca sĩ Quốc Duy đã cho mọi người thưởng thức nhạc phẩm tuyệt vời này ! » Và cũng trong ngày chủ nhật 26/06/2011 nhà thơ Từ Nguyễn viết trên mạng lúc 17:36 : ... Nhân hôm nay nghe bài hát của nhạc sĩ mới gửi lên Site của nhạc sĩ Ngô Càn Chiếu (<http://www.ngocanchieu.net/ngocanchieu/au dio>), thấy thật nhiều hoài niệm về một bóng nàng thơ của Huế trong mối tình xưa...

Từ Nguyễn viết vội bài thơ này, gọi là chút cảm hoài cho mối tình dang dở ngày ấy bên sông Hương của nhạc sĩ. Mong sẽ được nhạc sĩ và bạn bè đón nhận !

Người Thơ Năm Cũ (Thơ Từ Nguyễn do Lê Mộng Nguyên phổ nhạc, với giọng ca Quốc Duy và hòa âm Võ Công Diên) :

*Nàng thơ mắt biếc đã về đâu
Lá trúc vườn xưa mấy độ sầu
Mưa nắng bao mùa phai nhan sắc
Bên dòng sông lặng có chờ nhau ?*

*Mặt chữ điền xưa có hắt hiu ?
Có đôi hàng cau ngắm nắng chiều*

*Nhớ một người đi xa vạn dặm
Nợ suốt đời dài một chữ yêu !*

*Bến vắng bên bờ Vỹ Dạ xưa
Khóm tre còn đợi nắng, che mưa ?
Người bao năm trước ngồi chải tóc
Bây giờ đã bạc mái đầu chưa ?*

*Thôn Vỹ chưa một lần về lại
Xa xôi còn đó những miệt mài
Hỏi thăm chùng cũng nghe ngân ngại
Nỗi màu má úa..., nỗi đời phai*

Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên
(Paris, 21 th.09-2011)

LỬA

Trời ngó xuống, đất ngó lên

Đôi ta cùng ngó vào đèn lửa thiêng

Lửa lòng hừng hực kinh niên

Từ khi vật thể hai miền giao nhau

Phan Khâm

(Maryland)

PHI TÀN

Ngai vàng bụi bám nét rồng phai
Rét buốt hoàng cung gió thổi dài
Thượng uyển chôn vùi người bạc mệnh
U hồn hiển hiện đóa hồng gai
Rêu phong đài điện tàn xuân mộng
Huyết đọng xác hoa xóa dấu hài
Tin dữ loan ra từ đại nội
Phi tàn đã vội bỏ trần ai.

*(Họa bài “Qua Lam Sơn”
của cố Thi sĩ Hà Thượng Nhân đã đăng
trong báo Cỏ Thơm số 56)*

Lý Hiểu

Virginia 06/2011

ÁO DÀI XUỐNG ĐƯỜNG

Bóng nước hồ soi vạt áo dài
Rùa thiêng gươm báu biết trao ai?
Non Nùng réo gọi hồn dân tộc,
Sông Nhị vun bồi dải đất đai.
Ài Bắc mồ chôn muôn xác giặc,
Biển Đông mạch sống triệu dân chài.
Nắm tay đoàn kết đời quyền sống
Giải thể độc tài dứt nạn tai!

Texas 11/20/11

Hồ Công Tâm



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

Đ.T. (301) 434-4943

Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



SAPA! Gió núi, mưa ngàn...

Ỗ NGUYỄN

Đã lâu, tôi vẫn thầm ao ước được một lần trở lại quê hương miền Bắc, được đặt chân lên vùng đồi núi Sapa thơ mộng. Ước mơ còn con đó cứ canh cánh bên lòng cho tới bây giờ khi ở vào cái tuổi đang đứng bên kia sườn dốc cuộc đời, còn gì để tôi do dự thực hiện ước mơ này. Do đó cả hai chúng tôi đã háo hức phác họa một chương trình du lịch khá qui mô cho 6 tuần lễ, từ cuối tháng 4 sang đầu tháng 6 năm nay. Thực tình mà nói nếu chỉ hình dung đến chuyến đi không thôi, đã thấy lòng bồi hồi rạo rức... mong cho chóng tới ngày khởi hành.

Chuyến bay từ Hàn Quốc về oải đáp xuống trường bay Nội Bài - Hà Nội vào lúc 10 giờ đêm. Sau các thủ tục khám xét hành lý, ai nấy đều cảm thấy nhẹ nhõm vì không bị hạch hỏi hay khai báo lung tung như lời cảnh báo của bạn bè trước ngày chúng tôi lên đường. Như đã thoả thuận với khách sạn Trống Đồng ở gần Hồ Hoàn Kiếm, họ đã gửi xe van ra tận phi trường đón chúng tôi. Dù gì, sau hơn 20 giờ ngồi trên máy bay suốt từ Mỹ tới Đại Hàn rồi từ Đại Hàn về Việt Nam đã làm chúng tôi mỏi mệt, chân tay rã rời, nhưng nghĩ tới những giây phút được bước vào phòng điều hòa không khí của khách sạn, thì ai nấy như lên tinh thần, thở phào khoan khoái.

Qua mấy ngày nghỉ xả hơi tại khách sạn để điều chỉnh lại đồng hồ sinh học, chúng tôi đặt Tour đi Sapa qua công ty Du Lịch Kim Anh mà anh Tuấn chủ khách sạn đã giới thiệu. Giá cả cũng phải chăng, cỡ gần 100 đô một người cho chuyến du lịch Sapa hai ngày, ba đêm. Hai đêm ngủ trên xe lửa và một đêm tại khách sạn ở Sapa.

Bảy giờ tối hôm đó, xe van của công ty du lịch đến đón chúng tôi tại khách sạn. Chú tài xế phải lái lòng vòng đến cả nửa tiếng đồng hồ, len lỏi qua các khu phố cổ nhỏ hẹp của Hà Nội 36 phố phường để đón những du khách tạm trú tại các nhà ngủ (guest house) chen chúc trong khu phố cổ này. Họ đến từ nhiều nơi trên thế giới như từ Úc, Canada hoặc Pháp... Chúng tôi thoả mái chuyện trò với họ vì ai nấy đều sử dụng chung một thứ ngôn ngữ: tiếng Anh. Bảy giờ rưỡi tối chúng tôi có mặt tại nhà Ga phụ Trần Quý Cáp, phải ngồi đợi tại đây hơn một tiếng nữa vì mãi đến 9 giờ tối xe lửa mới khởi hành đi Lào Cai, trên tuyến đường dài hơn 400 km và phải mất hơn 8 giờ đồng hồ mới tới nơi.

Chúng tôi khệ nệ kéo va li lên toa tàu được ghi trên vé. Nghỉ đến đêm đầu tiên được ngủ trên xe lửa hẳn phải có phần nào thao thức, nhưng chắc cũng có nhiều thích thú. Vì có đến cả hơn nửa thế kỷ qua đi từ trước năm 1954, bây giờ chúng tôi mới được hưởng lại cái cảnh đi xe lửa về đêm của ngày nào. Trước giờ tàu chuyển bánh, vài cô tiếp viên trẻ trung, duyên dáng với giọng nói dẻo quẹo, liến láu đến từng phòng (nay gọi là khoang) mời chào khách hàng. Giọng Bắc kỳ mới nghe hơi khác với giọng người Hà Nội trước năm 54. Các cô đẩy xe rao bán những món ăn thuần túy miền Bắc như bánh giò, bánh giầy, giò lụa, bánh mì thịt, đậu phộng luộc mà các cô gọi là "nạc nược", cùng nhiều loại nước uống trong chai, tương đối hợp vệ sinh. Chúng tôi đã dùng cơm chiều trước khi đi, nên chỉ mua giúp các cô vài chai nước lạnh gọi là giao lưu mà thôi.

Nhớ lại lúc xưa tàu hỏa chạy bằng than đá, nên mỗi lần từ Hải Phòng đi thăm họ hàng ở Hà Nội là mặt mũi người nào người nấy như có

bụi than dính đầy. Trông thực buồn cười. Nhưng sau ngày Saigon thay tên đổi chủ thì ngành hoả xa, nay gọi là Cục Đường Sắt cũng đã cải tiến và văn minh hơn. Xe lửa còn lại từ thời Pháp đã được thay thế toàn diện bằng loại đầu máy chạy bằng Diesel và toa tàu cũng được tân trang khá tiện nghi. Tàu chạy tuyến Hà Nội - Lào Cai được kéo bằng một đầu máy Diesel đồng thời cũng được đẩy bằng một đầu máy khác, nên khá an toàn, khi lên đèo không sợ bị tuột dốc... Tàu có nhiều hạng ghế theo nhu cầu của hành khách: ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm (đệm) và ghế ngồi dọc; toa tàu thì có khoang nằm cứng, khoang nằm mềm... hay toa có máy điều hòa không khí.

Đúng giờ, còi tàu rúc lên một hồi dài, bánh xe như nghiêng trên đường sắt trong cái bồn chồn của du khách phương xa. Qua khung cửa sổ tàu, thành phố Hà Nội bùng lên trong ánh đèn điện vàng loè, đỏ xanh lẫn lộn. Cây cối như đi giạt lùi, rồi khuất dần... khuất dần. Trời bắt đầu chuyển mưa. Sấm chớp ngoằn ngoèo. Gió đập vào hai bên thành tàu nghe thành tiếng. Ông xã tôi và cô cháu gái, cả ba chúng tôi may mắn được ở riêng một phòng dành cho bốn người, có máy lạnh và giường nệm mà tên gọi bây giờ là "giường mềm", nghe hơi lạ tai! Nói là tàu đã được cải tiến và văn minh, nhưng khi đặt mình xuống chiếc "giường mềm", tôi thấy cũng ghê ghê vì mùi ẩm ẩm của khăn trải giường và mùi nồng nồng của chiếc nệm, chắc hẳn đã qua không biết bao nhiêu người nằm. Còn cái gối thì chắc chắn là tôi không dám gối đầu. Ôi! sờ sờ làm sao! ...Hằng bao nhiêu cái đầu lạ đã gối lên chiếc gối này?; cũng may tôi có đem theo mấy cái khăn lông lớn nên đem ra làm gối và làm chăn đắp. Thế là yên tâm... Nhớ lại, mình rõ là dở và cáy quá... Cứ nghĩ tới mấy chàng "Tây ba lô" mà phục lẫn. Họ là những người ngoại quốc đến từ nhiều quốc gia, độc thân, trẻ tuổi và thích lối sống giang hồ ... Họ thích đến Việt Nam du lịch vì giá

sinh hoạt ở đây quá thấp so với mức sống bên xứ sở họ. Họ không thể trú ngụ tại các khách sạn hạng sang trọng đắt tiền mà chỉ tạm trú ở những căn nhà trọ, giá từ 5 tới 8 đô la một đêm là nhiều. Họ không cần nhiều tiện nghi, miễn sao có nơi tắm rửa, có máy quạt, có chỗ nằm ngủ, dù nằm màn cũng chẳng sao...cứ có chỗ ngủ qua đêm là được rồi. Ăn uống thì bạ đâu ăn đấy, chẳng e dè vấn đề vệ sinh gì hết. Thế là OK rồi! Bởi vậy tôi mới phục họ. Ở Hà Nội hay ở Saigon, có nhiều khu vực đặc biệt dành cho khách du lịch loại này. Ngoài Hà Nội họ tụ tập tại khu phố cổ (36 phố phường xưa kia). Trong Saigon thì tại khu Phạm Ngũ Lão. Hành trang của họ thực là giản dị với chiếc ba lô (backpack) sau lưng, vài chiếc quần soọc, áo thun, đôi sandal, chiếc mũ lưỡi trai và cặp kính dâm là xong.

Mưa nặng hạt đập lộp bộp vào cửa kính tàu. Gió rít qua khe cửa khoang. Nằm trong khoang tàu, chúng tôi có thể ngửi thấy mùi đất núi xông lên hòa cùng hơi lạnh của máy điều hòa không khí trong khoang, khiến lòng tôi bồn chồn mong cho chóng qua đêm... Chợt một nhân viên hoả xa, tuổi ngoài 50, mặc đồng phục xanh, đội mũ lưỡi trai, huy hiệu "Security"- 'Bảo vệ' gắn trên túi áo sơ mi, đến gõ cửa khoang chào hỏi chúng tôi. Ông ta nói giọng "Hà Nội mới", làm chúng tôi buồn cười mà không dám nhếch môi: "...Cô chú đi "du lịch Nào-Cai Sa Ba" hả?". Tuy vậy, biết ông là nhân viên an ninh trên tàu thì chúng tôi cảm thấy an tâm và hy vọng sẽ có một giấc ngủ ngon lành trên xe lửa đêm nay, không còn lo sợ vẩn vơ như tin đồn về những cuộc hành trình qua đêm như thế này. Tàu đêm lướt trên đường sắt đều đều đưa chúng tôi vào giấc ngủ từ lúc nào không hay...

Năm giờ sáng hôm sau, chúng tôi được nhân viên phục vụ trên tàu đánh thức dậy trước khi tàu đến ga. Ai nấy vội vàng rửa mặt đánh răng sơ sơ trên tàu, rồi lục đục đi xuống để cho kịp với nhóm người cùng đi tour. Thì ra đây là

nhà Ga Lào Cai mà mình đã được biết từ những năm còn đi học. Đúng ! không phải là giấc mơ. Hồi xưa học địa lý VN chỉ biết đến Lào Cai trên bản đồ, hôm nay chúng tôi đang đứng giữa sân ga miền núi rừng Tây Bắc, mà thấy lòng bồi hồi lẫn bâng khuâng khó tả... Từ đây sẽ có xe van Nissan loại 20 chỗ ngồi có máy lạnh của công ty Du Lịch chờ đón và đưa nhóm chúng tôi về khách sạn Global ở Sapa. Trong xe hầu hết là người ngoại quốc, ngoài ba chúng tôi là Việt Kiều ra, có thêm một cặp vợ chồng người Việt từ Canada, tôi cảm thấy vui vui vì có thêm người đồng hương trong cuộc hành trình hi hữu này. Những du khách kia là người Pháp, Úc Đại Lợi, Gia Nã Đại, Do Thái, Anh Quốc, Đức Quốc...

Đường xe chạy từ Lào Cai lên Sapa khoảng gần 40 cây số. Đường vòng vèo qua nhiều sườn núi thấp một bên là vực, nhưng không gập ghềnh như đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt vì đường đã được tráng nhựa bằng phẳng, hẹp nhưng ít ổ gà. Trời chưa sáng rõ, thêm vào mưa lất phất nên chú tài xế phải lái cẩn thận hơn. Chiếc xe chở đầy du khách lầm lũi xuyên qua lớp sương mù, lên dốc xuống đèo giữa hai bên sườn núi cây rừng xanh tươi trong ngày cuối Xuân để đến Thị Trấn Mù Sương. Đường lộ vắng hoe. Lâu lâu mới thấy một chiếc xe vận tải hoặc xe nhà vượt qua bốp còi inh ỏi. Chạy được một quãng, xe bỗng có vấn đề vì cạn bình nước giải nhiệt, chú tài phải ngừng lại ở bên đường để xin nước ở nhà dân đổ vào bình. Thế là nhiều người trong xe nhốn nháo, xầm xì.... Nhưng giây phút lo âu rồi cũng sớm qua đi, chú tài nói "sorry" với mọi người và lại tiếp tục cuộc hành trình. Tôi hỏi chú tài là xe mới mà sao lại xảy ra tình trạng này; chú cho hay tuy là xe mới nhưng chuyên chạy đường núi và không đủ nước giải nhiệt Anti-Freeze mà chỉ dùng nước lạnh, cộng thêm vào việc xe sử dụng máy lạnh triền miên, nên trở ngại này xảy ra thường xuyên. Xin mọi người thông cảm. Lộ

trình an toàn được tiếp tục ...Tôi mừng thầm trong bụng là mọi việc OK. Thực tình tôi không khó chịu về tình trạng xe hết nước mà chỉ thấp thòm lo sợ mỗi lần có 2 xe chạy ngược chiều nhau, bốp còi tránh né. Hai bên tài xế như muốn đâm thẳng xe vào nhau, nhưng khi cách nhau chừng 50 mét, hai xe đều biết cách tránh né, đủ để không bị đụng nhau... Khiếp thật ! Nhìn lớp sương mai dày đặc trước mắt và vực sâu ở bên đường, nhiều lúc tôi cũng thót cả ruột gan và mong cho xe chóng tới khách sạn. Cái thứ nhát gan như tôi thì lúc nào cũng nhát như vậy. Đúng là nhát như thỏ để !

Cảnh núi đồi hùng vĩ, bát ngát bao la, rừng cây xanh rì của miền thượng du dần dà dẫn chúng tôi vào thành phố. Mê mãi ngắm núi rừng Sapa, ai ai cũng cảm thấy thời gian trôi qua mau và chẳng mấy lúc, xe van đã đưa đoàn du khách chúng tôi tới trung tâm thành phố. Vài phút sau chúng tôi lại khệ nệ tay kéo vali, vai đeo backpack có mặt tại phòng tiếp tân của khách sạn Global. Khách sạn này nằm giữa trung tâm thị trấn Sapa, sạch sẽ, sáng sủa, và tiện nghi với máy điều hoà mát mẻ và nước nóng, đúng tiêu chuẩn của khách sạn cỡ 3 sao ở Hà Nội và Saigon.

Sau khi nhận phòng, chúng tôi vội vã cất hành lý, tắm rửa, thay quần áo để sửa soạn cho buổi đầu leo đồi xuống núi Sapa sáng nay.

Một bữa ăn sáng hợp khẩu vị tại phòng ăn của khách sạn Global đã được chuẩn bị sẵn sàng cho du khách. Ai nấy ăn uống thoải mái sau một đêm ngủ an lành trên xe lửa. Nhiều món ăn sáng như trứng gà bản làm ốp-la, bánh mì tây, phở tít, mì sào... còn có các loại trái cây đang mùa thu hoạch như thanh long, dưa hấu, soài, ổi vv...; đồ uống có nước ngọt, café sữa đặc, trà nóng, du khách cứ việc tự chọn. Cũng có những đồ ăn dành cho người nước ngoài như bánh mì sandwich, ham, cheese, bơ và salad. Ở trong khách sạn miền rừng núi mà được tiếp đãi ăn uống như thế

này, tôi cảm thấy như mình đang ở trong một nhà hàng lớn giữa thủ đô, hơn nữa lại được trò chuyện với các cô cậu chiêu đãi viên của nhà hàng bằng tiếng mẹ đẻ của mình, mới thấy thân thương làm sao!

Bây giờ mọi người đã sẵn sàng cho cuộc leo núi và thăm viếng các bản Thượng. Ai nấy đều cảm thấy vừa nôn nao vừa hứng khởi. Không khí nơi phòng đợi (lounge) thực vui lúc đó. Nhóm chúng tôi gồm 10 người, trong đó có năm Việt Kiều và năm người kia là người nước ngoài đến từ nhiều quốc gia. Chúng tôi chuyện trò vui vẻ với họ, rất tâm đầu ý hợp trong buổi sơ giao. Nói chuyện với bà Marie là du khách người Úc, bà khoe với tôi là bà đã đi Sapa một vài lần. Lần này bà dẫn theo cô con gái cùng với bà. Bà còn cho biết là sau chuyến thăm quan này bà sẽ trở lại đây vào cuối tháng 9 năm nay. Chưa ra khỏi khách sạn mà đã được nghe bà Marie nói thế làm tôi bồn chồn và trộm nghĩ phong cảnh núi đồi Sapa chắc phải hấp dẫn đến nhường nào? Khách sạn giới thiệu người hướng dẫn viên của nhóm chúng tôi là cô Sai, thuộc sắc tộc người H'Mong. Cô khoảng ngoài 20, trông xinh xắn, nước da ngăm ngăm, nhỏ con mà lanh lẹn, cười tươi ráo để lộ hàm răng trắng ngà đều đặn, bước đi vững chắc trong đôi giày ủng màu xanh lá cây với một túi đeo vai bằng vải thổ cẩm và một tay cầm dù. Cô không đội mũ hay đội khăn như các cô gái thuộc các bản Thượng khác mà để đầu trần, buộc tóc phía sau. Nếu cô không đeo những đồ trang sức linh kinh trên người như bông tai, vòng đeo cổ, vòng xuyên và ăn mặc như các cô gái nơi thành thị thì không ai có thể nói cô là người Mường người Mán được. Cô trông có vẻ giống như người Alaska hay người Tàu vì cô có đôi mắt một mí rất dễ thương. Bất chợt, tôi liên tưởng đến cô Sơn Nữ trong nhạc phẩm "Sơn Nữ Ca" của Trần Hoàn mà hồi bé tôi thường hát nghe ngao suốt ngày: "Có cô sơn nữ miệng cười khúc khích... Ngắm anh lữ khách mà lòng băng khuâng". Cô

Sai nói sôi tiếng Việt và khá thông thạo tiếng Anh nên hướng dẫn nhóm chúng tôi là thích hợp vì nhóm du khách hỗn tạp này cần hai ngôn ngữ đó. Tôi tò mò hỏi cô học tiếng Anh ở đâu, cô nói là học truyền khẩu của những du khách ngoại quốc từ hồi còn nhỏ, khi theo họ để bán hàng mỗi ngày... Riết rồi cũng đủ ngôn từ để trao đổi. Thiệt hay!

Khi chúng tôi còn đứng chờ trong phòng đợi của khách sạn thì ngoài cửa đã có hàng chục cô gái Thượng trong xiêm áo, đủ màu bao quanh, đầu quấn khăn Mường Mán bằng vải thổ cẩm, vòng bạc trắng đeo khắp nơi trên tai, trên cổ, trên cườm tay và dưới chân cũng leng keng những chiếc vòng lục lạc nặng nề. Lưng đeo "gù" làm bằng nứa đựng các món đồ lưu niệm để bán cho du khách. Vài ba cô khác địu con nhỏ xíu ở sau lưng, chẳng nón, chẳng mũ, phơi mặt dưới sương sớm mà vẫn như ngủ ngon lành. Đúng là trời sinh trời dưỡng. Cô nào cũng mang dù hoặc mũ bên mình để phòng mưa to nắng gắt. Họ cười nói mời chào du khách mua đồ lưu niệm. Giọng nói tiếng Việt lơ lớ không dấu nghe ngồ ngộ. Nhóm chúng tôi bị choáng bởi cảnh tượng mới mẻ lạ lùng này... Hỏi ra mới biết là ở đây có nhiều sắc dân người Thượng: Người H'Mong, người Dao Đỏ, người Zay, người Tày và người Phù Lá ... Người H'Mong đông nhất, trang phục của họ là thổ cẩm màu đen có chút hoa văn, đầu để trần, hoặc đội mũ màu đen. Người Dao Đỏ cũng ăn mặc như người H'Mong nhưng đầu đội mũ màu đỏ. Người Zay mặc áo cài khuy chéo một bên. Người Phù Lá với trang phục rất nhiều hoa văn thêu thùa rực rỡ... Chính vì thế mà nhà tôi đã quá bận rộn trong việc bấm máy những cảnh thay đổi đột ngột trước ống kính và tôi thì liên tục phải làm người mẫu biểu diễn thời trang bất đắc dĩ cùng các nàng sơn nữ của miền Sapa. Du khách nào muốn chụp chung hình với họ, đều phải trả tiền. Các cô gái thượng rất tự nhiên hỏi du khách trả tiền chụp hình. Đây cũng là

một dịch vụ để họ kiếm tiền sinh sống hằng ngày mà nay đã đương nhiên trở thành một nếp sống của họ. Tôi biết điều này nên vui vẻ tặng cho mỗi người, lúc thì một hai đô la, lúc thì 50 ngàn tiền Việt. Tôi nghĩ là hợp lý rồi. Âu cũng là một kỷ niệm vui trong chuyến đi.

Được cô hướng dẫn viên cho biết là cuộc đi thăm các bản sáng nay sẽ lâu khoảng hơn bốn tiếng đồng hồ trên một quãng đường lên núi xuống đèo dài trên năm cây số. Cô khuyên mọi người nên đi giày thấp hoặc giày boot cho an toàn vì đường núi dốc và rất trơn vì hôm qua trời mưa. Tôi an toàn trong đôi bata loại đặc biệt để leo núi cũng như nhà tôi trong đôi săng đan, coi như yên tâm trên đường đèo. Vậy là gian hàng bán giày leo núi ở phía trước khách sạn Global trúng mỗi bán giày cho dăm ba người trong đoàn chúng tôi. Mỗi đôi giá khoảng 300 ngàn đồng tiền Việt, cỡ 15 đô la.

Có hai nhóm khác cùng đi với chúng tôi trong đoạn đường ngắn sáng nay. Mỗi nhóm đều có hướng dẫn viên riêng. Nhìn mọi người lơ nhố bàn tán xôn xao trước cửa khách sạn để sắp sửa lên đường mà thấy phấn khởi trong lòng. Dù không cùng một chủng tộc, khác màu da và ngôn ngữ, nhưng ai nấy hầu như đều hiểu và thông cảm nhau qua cách trao đổi bằng tiếng Anh. Họ đi sát bên nhau theo từng nhóm, chuyện trò thực vui vẻ vô tư. Chúng tôi cũng bắt chuyện với hai cô sinh viên người Úc vừa tới đây và tối nay lại trở về Hà Nội. Hỏi ra mới biết các cô chọn tour tự túc đi một ngày với hai đêm ngủ trên tàu mà không phải ăn ngủ ở khách sạn. Họ bám theo đoàn chúng tôi... vô tư... Thông minh đấy...!

Cô Sai đưa chúng tôi đi qua các khu phố và chợ Sapa trước khi đi vào bản thượng. Chợ là một building to hai tầng trong cũng có nhiều sạp, hầu hết là do người Kinh làm chủ. Mặt trời ló dạng, đôi khi còn sương bụi lất phất bay. Gió núi nhẹ lướt trên da thịt khiến mọi người hầu như quên đi cái oi bức mới đây ở Hà Nội.

Xa xa, trên triền núi, những cụm mây trắng bay lơ lửng trên thung lũng, bông bành như khói như sương. Ôi, một cảnh sắc thiên nhiên quá tuyệt vời! Từ đỉnh cao thoai thoải xuống chân đồi, dẫn vào các bản thượng, nơi nơi cảnh sắc bốn bề tạo nên một bức tranh thủy mặc. Giây phút này, tôi chợt hiểu tại sao bà Marie thích đến Sapa nhiều lần như vậy. Tâm hồn tôi thấy thanh thoát, lâng lâng hít thở khí trời trong lành mát dịu, khác hẳn với mùi khói xe, bụi bặm, mùi hôi hám từ cống rãnh ô nhiễm của Hà Nội 36 phố phường mà mấy ngày qua chúng tôi đã chịu đựng ngay giữa một thủ đô đã một thời kiêu hãnh.

Được biết Sapa tiếng Quan thoại gọi là Sa-Pá (bãi cát) là một thị trấn thuộc vùng núi của tỉnh Lào Cai nằm về phía Bắc nước ta, giáp với biên giới Trung Quốc, một vùng núi nghỉ mát của người Pháp mà trước đây khi đi học, được biết đến là Chapa. Sapa lặng lẽ mà ẩn chứa bao điều kỳ lạ của cảnh sắc thiên nhiên. Phong cảnh tuyệt vời của Sapa đã kết hợp với sức sáng tạo của con người cùng với địa hình của núi đồi, màu xanh của cây rừng, màu hoa đủ sắc tạo thành bức tranh Tàu với nhiều sắc thái hài hoà thơ mộng. Đã có nhiều ngòi bút ví cảnh sắc của Sapa như nàng thiếu nữ đang xuân, mỹ miều duyên dáng. Với nét đẹp dịu dàng, óng mượt làm mê mẩn lòng người, thực tình mà nói, một khi bạn đã được trông thấy cảnh sắc thiên nhiên này bằng chính đôi mắt của mình thì hẳn bạn sẽ có cùng cảm nghĩ như được đứng trước một cao nguyên thu nhỏ.

Sapa luôn luôn chìm trong làn sương huyền ảo, nên đã được tặng danh hiệu “Thị Trấn Mù Sương - City in Mist”, hợp cùng những ngọn núi thấp, vẽ lên một bức tranh tuyệt tác. Sapa ở trên một độ cao hơn 1500m so với mặt nước biển nên khí hậu trong lành mát mẻ quanh năm trung bình từ trên 15 độ C. Người ta thường nói khí hậu một ngày ở Sapa có đủ bốn mùa. Này nhé, buổi sáng

Sapa chìm trong màn sương sớm; buổi chiều, khi hoàng hôn buông xuống, Sapa có cái lạnh của mùa Thu đất Bắc. Đến trưa, nắng lên, Sapa rực rỡ như mùa Xuân, một hình ảnh của tình yêu. Tới khi mặt trời ngả bóng, trời quang mây tạnh, Sapa là mùa Hè, một biểu tượng của khát vọng. Ban đêm khí lạnh từ các đỉnh núi bốc ra, Sapa có cái lạnh se sắt của mùa Đông. Tuy nhiên mấy năm sau này, khí hậu Sapa đã thay đổi rất nhiều, nên đôi khi có tuyết rơi về mùa Đông.. Chính điểm này, Sapa lại là nơi lôi cuốn du khách Tây Phương. Có người nói rằng, Sapa là hình ảnh Đà Lạt ở miền Bắc, vì dáng vẻ trầm mặc, uy nghi pha chút lãng mạn, thơ mộng của cảnh sắc núi rừng miền Thượng Du mà ít nơi nào sánh được. Sapa có đỉnh Phan Si Păng cao hơn 3 ngàn mét trên dãy Hoàng Liên Sơn, ở đó có một loại dược liệu quý hiếm là cây Hoàng Liên, có nhiều loại gỗ quý như thông dầu; chim thú thì có gà gô, gấu, khỉ, sơn dương và hàng ngàn loại cây làm thuốc. Khu rừng Hoàng Liên Sơn có nhiều loài chim, loài thú được ghi nhận trong sổ bộ quốc gia.

Vào những năm đầu thế kỷ 20, người Pháp đã tìm thấy vẻ quyến rũ của Sapa về phong cảnh, khí hậu và nguồn nước...vì thế du khách có thể chiêm ngưỡng cái đẹp của hơn 200 biệt thự nghỉ mát do người Pháp kiến trúc theo nếp văn hóa của các sắc dân thiểu số tại Sapa. Thị trấn Mù Sương Sa Pa còn có một nhà thờ Thiên Chúa Giáo được xây bằng đá lâu trên một trăm năm, đứng sừng sững với thời gian và là một dấu ấn còn nguyên vẹn nhất. Nhưng khi đi tới bản Tà Phìn, ai ai cũng phải lùi ngùi khi được chứng kiến một nhà Dòng uy nghi cổ kính ngày xưa, ba tầng lầu kiên cố được kiến trúc bằng đá trên đỉnh một ngọn đồi chung quanh quang đãng, nay chỉ còn trơ lại nền móng cùng bốn bức tường rêu phong phủ kín với vết đing của cây Thập Tự Giá trên tường Nhà Nguyễn. Hỏi ra mới biết đó là một hình ảnh tàn khốc đã man trong cuộc xâm lăng của Trung Cộng năm

1979 dọc theo biên giới Việt Trung. Sau khi Tàu Cộng đã tàn phá các tỉnh dọc theo biên thùy phía Bắc và khi tiến về vùng Tây Bắc của Tổ Quốc, chúng đã thiêu đốt tất cả các rừng thông chung quanh Sapa... Nhà Dòng và nhiều biệt thự cổ xưa cũng phải chịu chung một nỗi bất hạnh với niềm đau của đất nước...

Về các sắc dân ở Sapa, nhiều tài liệu cho biết là lúc đầu có một nhóm dân tộc thiểu số người H'Mong và nhóm Dao, rồi sau có người Tày, người Zay và một số nhỏ người Phù Lá, hợp thành 5 sắc tộc chính, chiếm tới 85% dân số người thượng trong vùng, chỉ có một số ít sống tại Sapa. Hầu hết họ sống rải rác trong các buôn làng nhỏ bé và tại các bản xóm xa xôi, hoặc trên đồi núi khắp quận hạt. Mỗi sắc dân có một nếp văn hóa riêng với các lễ hội khác biệt, như lễ hội "Róng pọc" của người Zay, lễ hội "Sải Sán" (đạp núi) của người H'Mong, lễ "Tết nhày" của người Dao Đỏ, tất cả các lễ hội đều diễn ra vào tháng Tết hàng năm. Ngày nay theo trào lưu tiến hóa để thích nghi với cuộc sống mới, hầu hết những người dân thiểu số này đã biết áp dụng nghề nông, canh tác, trồng trọt lúa gạo, khoai sắn, ngô bắp và rau củ trên những miếng ruộng nhỏ thoai thoải như những bậc thang từ cao xuống thấp. Tuy nhiên vì tình trạng thời tiết nên một năm họ chỉ gặt hái được một mùa mà thôi. Họ đã thay đổi phần nào nếp sống cũ với những phương tiện di chuyển mau chóng hơn. Qua các hệ thống truyền hình, truyền thông... họ đã có cơ hội tốt đẹp để tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, nhóm người này vẫn giữ nếp sống tự lập và duy trì văn hóa và phong tục của riêng họ.

Mặt trời ngả bóng mà chúng tôi vẫn hăng say bước thấp bước cao trên đường đồi. Xa xa và đâu đâu cũng thấy những mảnh ruộng nhỏ phủ kín một màu mạ non, lớp lớp kề cận bên nhau, trông như những mảnh nhung xanh mượt mà. Ôi đẹp tuyệt vời ! Bạn thử tưởng tượng xem còn cảnh sắc nào đẹp bằng hình

ảnh của Sapa với nét chấm phá tự nhiên - màu xanh của lá rừng, của mạ non, màu đỏ đỏ của đất đồi, lốm đốm pha trộn với nhiều loại hoa rừng muôn màu muôn sắc, ẩn hiện trong vườn những mái nhà sàn lợp tranh màu nâu sậm. Trước kia chỉ được thấy Sapa qua phim ảnh hay qua bạn bè đi về kể lại, hôm nay trước cảnh sắc sống thực, hùng vĩ bao la của đất trời, của quê hương Việt Nam, tôi thấy lòng mình thần thờ, băng khuâng khó tả. Chúng tôi lần lần đi bộ xuống phía chân đồi, đường trơn, dốc nên không ai dám đi nhanh. Dọc đường qua nhiều buôn, có nhà bày nhiều quầy bán đồ lưu niệm, như quần áo may bằng vải thổ cẩm, khăn quàng cổ bằng lụa bằng tơ, vòng xuyên, vòng đeo cổ, lục lạc bông tai bằng bạc trắng, vv... Quầy bán đồ ăn toàn là thịt rừng, xóc thành từng xâu nướng trên bếp than, có cả cơm lam và bắp nũa. Gió núi quyện theo hương vị thơm ngon của thịt rừng, quả là hấp dẫn. Thực tình chúng tôi không hiểu là thịt rừng gì, có lẽ là thịt lợn nuôi trong bản. Nhà tôi liều mua thử một xâu thịt nướng chấm với tương ớt. Anh suất xoa khen ngon, giống như hương vị Dê Núi ở Ninh Bình. Nhưng riêng tôi thì chả dám, vì lúc nào tôi cũng đề phòng cho chắc ăn. Ăn uống "ngoài thực đơn ấn định" là không nên vì cuộc hành trình sáu tuần lễ của chúng tôi mới chỉ bắt đầu. Thời gian năm tuần lễ nữa còn dài, nếu có làm sao thì hỏng cả cuộc chơi. Thôi thì cứ cẩn tắc vô áy náy cho yên tâm, nên dù đồ ăn ngon, hấp dẫn thế nào ở bất cứ quán ăn ven đường trong suốt cuộc hành trình, khó mà chinh phục được tôi. Có lẽ cũng vì thế, thường khi đi nghỉ hè là tôi luôn luôn xuống ký cũng chỉ vì kiêng cử quá mức.

Cô Sai cho hay các chủ quán hầu hết là người Kinh dưới đồng bằng lên. Sau năm 75 họ lên đây lập nghiệp và chiếm hữu đất đai của đồng bào thượng tại Sapa này. Họ mở quán bán đồ ăn, làm chủ những sạp hàng bán đồ lưu niệm, mở khách sạn, và cả phòng

"Foot & Body Massage - Xông Hơi - Tắm Lá Thuốc" ngay tại trung tâm thành phố hoặc trong các khu chợ rải rác khắp nơi, trên đồi cao hoặc dưới thung lũng nơi nào có dấu chân của du khách thăm viếng, là nơi đó có người Kinh hiện diện. Những lúc chúng tôi dừng chân bên đường như vậy, nhiều trẻ em người thượng, trai có gái có xúm xít vây quanh lấy chúng tôi để gạ bán đồ lưu niệm, hoặc gậy tre để du khách cần đến khi leo núi. Các em tuổi rất nhỏ từ năm tới mười, mặt mày nhem nhuốc nhưng đôi mắt tinh anh, láu lỉnh đang theo dõi đám du khách chúng tôi. Em nào da dẻ cũng đỏ bừng vì cháy nắng, áo quần bằng vải thổ cẩm loè loẹt xốc xếch đủ màu. Tôi không muốn mua gì nhưng đổi ít tiền lẻ của bà chủ quán để phân phát đồng đều cho các em, chúng nhao nhao giơ tay đón nhận, thấy mà tội nghiệp. Tôi chợt nhớ tới mấy đứa cháu nội, ngoại của mình ở bên Mỹ, có cuộc sống quá ư là đầy đủ thì biết là mình đã may mắn hạnh phúc hơn nhiều người. Người dân trong các buôn sống lam lũ, cực nhọc, dầm mưa dãi nắng ngày nọ qua ngày kia, da dẻ nám đen nhưng khoẻ mạnh, rắn chắc. Hằng ngày các cô gái, các bà mẹ, bà già, trẻ em, từ sáng tinh mơ đi bộ xuống trung tâm thị trấn nơi có nhiều khách sạn, để bán những đồ lưu niệm lặt vặt. Cô Sai cho tôi hay là đàn ông người Thượng lo việc đồng áng và đôi khi ở nhà giữ con cho vợ. Cô đã có gia đình, và có một đứa con còn nhỏ, nên những khi cô phải đi theo đoàn du lịch như sáng nay thì chồng cô phải thay cô ở nhà trông con. **Tình cảnh của người dân thiểu số ở Sapa mà tôi được tiếp xúc từ sáng đến giờ thấy nghèo khổ quá đỗi ! Cuộc đời của họ bất hạnh làm sao!. Những chia sẻ của chúng tôi với họ ở đây chỉ là tạm bợ, nhất thời.**

(Còn tiếp)

Ỡ Nguyên

(Maryland)

Đêm Giáng Sinh nơi miền tuyết trắng

Thanh Trang

Chậm vừa

Kỷ niệm xưa trong ngày Giáng Sinh Mùa Đông về đây thật
hiền Phương Nam đất trời dịu êm. Kỷ niệm xưa là những hồi
chuông Nô - en Lễ Đêm tung bừng Vui đón Tin Mừng xuống trần
Rồi một ngày trong ánh đèn sáng Phố xá đêm Giáng Sinh trắng có tuyết rơi nên ngỡ
ngàng ! Hồi chuông đêm ngân giữa quanh vắng Vọng những dư âm mơ
màng Chồn xưa phương trời giờ xa xăm ! Nô - en năm
cũ nay là chuyện quá khứ Vang vọng từng nổi nhớ !
tiếng khuyên lòng người hãy đến với rang ngời vô biên !
Nô - en nay đến vẫn còn lại ánh nến bên dòng đời chưa
Chuông ngân xa vắng đêm ngoài trời tuyết
quên ! Chuông ngân trắng nghe hạnh lòng hay
chăng ?
Kỷ niệm xưa trong ngày Giáng

Fine

D.C. al Fine

Về bài hát “Đêm Giáng Sinh nơi miền tuyết trắng”

Tôi đi Washington D.C. ngày 12 tháng 12-09 thì gặp ngày nắng ráo thật đẹp. Những ngày trước đó thì bạn bè đã cho biết là trước đây mấy hôm đã có tuyết rơi đầu mùa. Hơi sớm, bởi theo lịch thì mùa Đông xứ này chính thức khai mạc vào ngày 21 tháng 12. Tất nhiên sớm muộn đều do ông Giời ông ấy muốn làm ra sao đấy thì làm! Chỉ có điều là bạn bè đã dọa tôi là khi tôi đến rất có thể sẽ có tuyết rơi cho nên cần sắm sửa áo ấm cho an toàn. Đến nơi thì nhiệt độ ngoài trời là khoảng 39-40 độ F. Đối với người Cali. như tôi mà bén mảng qua bên ấy vào mùa này thì như vậy là đã có thể nói: ”Thế này thì có việc gì mà các ông, các bà cứ phải âm ỉ cả lên ?” Qua đến ngày 13, trời có lạnh hơn nhưng không có tuyết mà chỉ có mưa cho đến tận chiều tối. Hôm sau, tôi đi Richmond với người bạn đời của tôi, đến nhà vợ chồng Phan Anh Dũng thì cũng lại gặp ngày nắng ráo, hiền lành. Rồi Richmond ngày 15 thì cũng lại được một ngày đẹp giời như thế!

Vậy thì trở về Cali được đúng một hôm thì bên phía Đông bạn bè lại hô hoán lên là tuyết rơi trắng xóa tứ bề ! Chả biết có phải ông Giời ông ấy có thiện cảm với tôi hay không, nhưng tôi nghĩ là tôi không “quen lờn” đến như vậy!

Xem những tấm hình với quang cảnh tuyết rơi trắng xóa trong khi Cali vẫn “bình chân như vại”, thời tiết hết sức hiền lành, thì tuy ở xa thế nhưng tôi cũng vẫn cứ “tức cảnh sinh tình” như thường ! Mà cũng chả phải cứ ngồi đấy rồi tưởng tượng, rồi hư cấu. Tính tôi xưa giờ vẫn không thích vẽ vời, hư cấu!

Ngày còn nhỏ, cũng như không biết bao nhiêu người Việt khác ở xứ này, mỗi năm Giáng Sinh đến là tôi thấy hàng loạt tấm thiệp

Giáng Sinh với cảnh những ngôi nhà thờ phủ đầy tuyết trắng, tuy ngày Chúa Jesus ra đời bên Bethlehem miền Trung Đông thì cũng là một đêm vào mùa Đông đấy, thế nhưng Thánh Kinh Tân Ước không thấy ghi là có tuyết rơi!

Và ngày còn nhỏ thì tôi cứ nghĩ rằng chuyện tuyết tiết này kia là chuyện ở xứ người. Những đêm Giáng Sinh ở Sài Gòn khi xưa, trước năm 75, thì đường phố nhộn nhịp, các thánh đường cũng đông đảo người đi dự Lễ Nửa Đêm trong tiếng chuông ngân nga, hòa lẫn tiếng xe cộ nhộn nhịp ngoài đường phố.

Một đêm vào đầu thập niên 70, ngày tôi còn du học, chưa trở về nước thì tôi với một nhóm bạn cùng trường nhân cái “Winter Break” bèn rủ nhau từ Tennessee đi lên miệt Bắc chơi ! Sắp xếp giờ giấc khởi hành thế nào - đưa này chờ đưa kia - mà giữa đường, khoảng 10 giờ đêm thì xe chạy ngang một thành phố nhỏ. Ngoài trời, tuyết rơi trắng xóa. Cả bọn bèn kéo nhau vào một cái “Motel”. “An dinh hạ trại” xong xuôi thì gần 12 giờ đêm kéo nhau đi dự lễ “Midnight Mass” ở một ngôi nhà thờ nơi cái thị trấn nhỏ, ít dân cư đó!

Những năm trước đó thì đêm Giáng Sinh ở Nashville, Tennessee, cũng có tuyết rơi và tôi cùng với đám bạn bè cũng đi dự lễ nửa đêm ở ngôi thánh đường trong khu Đại Học, thế nhưng ấn tượng không sâu sắc bằng cảnh dùng chân ở một thị trấn giữa đường vào một đêm Giáng Sinh tứ bề tuyết phủ.

Hôm nay, chỉ còn ít ngày nữa là “Noel”, trời Cali không có tuyết thế nhưng nhiều nơi khác lại sẽ có tuyết rơi. Những ai khi xưa vẫn còn ở bên nhà từng xem những tấm thiệp GS có cảnh tuyết trắng rồi giờ đây vào dịp GS

đang thấy mình “như có mặt” trong những tấm thiệp ngày xưa đó thì trong một giây phút nào đấy sẽ không khỏi sự nghĩ là cuộc đời nó dẫn dắt con người ta đến những chặng đường khó thể nào ngờ!

Và ấy cũng là nội dung bài hát “**Đêm Giáng Sinh nơi miền tuyết trắng**”.

Thanh Trang

Nam Cali, 21 tháng 12 – 2009

MÙA ĐÔNG ĐẾN SỚM

Trần Thị Hương Cau

Quỳ đã thức nhưng chưa tỉnh hẳn. Mưa vẫn rơi rào rào trên mái ngói. Đã mấy ngày rồi mưa miên man không dứt. Và gió nữa, hết cơn này đến cơn khác lỏng lẻo, giạt thốc lên từng hồi như vừa có một cơn bão nào rút ngang thành phố. Quỳ co người lại, kéo chăn lên đến tận cổ xuýt xoa...

... Hai mẹ con Quỳ dọn về ở trong con hẻm đường Kỳ Đồng vậy mà đã tròn tròn bảy năm. Quỳ nhớ mãi hôm về nhà mới được ba ngày, chị đã tổ chức sinh nhật thứ mười cho Nhật Tân giữa những đồ đạc, bàn ghế còn chất đống ngổn ngang bên những thùng vôi trắng xóa, những lon sơn bốc mùi nồng nặc. Tuy tổ chức sinh nhật trễ vì bận bịu việc dời nhà nhưng chị vẫn cố gắng làm hết sức công phu để con gái khỏi thấy thiếu thốn trong lần sinh nhật đầu tiên vắng bố. Mãi gần đến mười một giờ khuya, Long- chồng cũ của Quỳ- mới ghé qua được vì anh còn bận chầu chực trong nhà thương chờ Tường Vi, vợ sau của anh, đang chuyên bụng sinh con đầu lòng. Lúc Long đến thì Nhật Tân đã ngủ say, tay ôm cứng con búp bê mặc váy hồng xinh xắn mà Quỳ đã tốn công đi mòn gót hết mấy quây bán đồ ngoại để tìm mua cho con. Thấy con

đã ngủ, Long nhờ Quỳ trao quà lại rồi vội vã trở lại nhà thương với Tường Vi. Đến nơi thì nghe người ta báo cô ta đã sinh xong, mẹ tròn con vuông, một thằng cu đại chàng, nặng gần bốn kí-lô.

Sau này, Nhật Tân ở bên nhà bố và di ghé về kể cho Quỳ nghe Tường Vi hay mĩa mai thằng Lân chỉ là thứ con rơi vì lúc sinh nó bố nó có thêm đề mắt tới đâu, cứ mãi mê bên vợ cũ và con gái rượu mà thôi! Quỳ nghe mà phát bực: Đản bà gì mà miệng mồm nanh nọc, đã quyến rũ giành giật chồng người ta rồi còn lên giọng kẻ cả. Con trai nhờ đức mầu mà mẹ nó sắc sảo quá nên thằng bé tới tuổi đi học rồi mà cứ ngờ ngờ nghếch nghếch, trông tỏ hết sức.

Quỳ nhớ lại và thắc mắc tại sao ngày ấy chị không khóc lóc hay làm âm ỉ lên như những người đàn bà khác khi Long bỏ rồi cầu xin chị tha thứ vì anh đã trót làm cho một người con gái khác mang bầu. Nguyên nhân là trong một buổi liên hoan cuối năm của trường, Long say mèm, ngã vào giường của cô thư ký của văn phòng bộ môn nơi Long làm cán bộ giảng dạy.

Nói đến cô thư ký Tường Vi thì không ai mà không biết vì tai tiếng lẳng lơ cũng như vì vẻ đẹp quyến rũ, mời gọi của cô đã vang dội khắp trường. Chính Tường Vi cũng đã từng nhiều lần ngạo nghệ tuyên bố là cô có thể của

đồ bất cứ người đàn ông nếu chẳng may người đó lọt vào tầm bắn của cô. Đàn ông trong trường thấy cô thì sà vào tìm cách cọ quẹt hay đầu mảy cuối mắt một vài câu dung tục gỡ gạc, còn đàn bà thì dè bịu lờm nguyệt sau lưng cô như thể cô là mối hiểm họa kinh khủng có thể xảy đến cho gia đình họ. Sau những lần chinh phục các giảng viên miền Bắc quá dễ dàng khiến Tường Vi chán ngán, cô xoay qua lớp cán bộ kỳ cựu của miền Nam mà vì khả năng quá ưu tú nên còn được lưu giữ để giảng dạy trong trường trong đó phải kể đến trước hết là Long. Cứ tưởng lần này Tường Vi sẽ bị ê chề trước những khước từ lạnh lùng từ phía Long ai dè con say oan nghiệt đó đã cột chặt đời anh vào người đàn bà mà anh lúc nào cũng ngắm ngẫm khinh khi. Chỉ hơn tháng sau, Tường Vi đi rêu rao rùm lên là cô đã có thai và cha đứa bé không ai khác hơn chính là Long! Long biết không còn cách nào giấu giếm được vợ nên đành phải thú nhận với Quỳnh và mong chị một lần rộng lượng tha thứ cho anh.

Quỳnh đã chết điếng cả người khi nghe những tự thú của chồng. Lòng tin cậy cũng như sự tương kính giữa hai vợ chồng sau 10 năm chung sống hoàn toàn bị triệt tiêu một giây sau đó. Không để lộ sự đau đớn, Quỳnh khăng khăng đòi Long phải ký đơn ly dị lập tức và bế con về nhà em gái ngay ngày hôm ấy dù cho Long có van xin, thề thốt là suốt đời anh chỉ có hai mẹ con Quỳnh là người mà anh trân trọng nhất. Quỳnh biết, chị đã quá tự tin lẫn tự hào vào giá trị bản thân nên khi bị thua tình chị đã tự ái chất ngất đến nỗi phải bỏ chồng như một món đồ hư hỏng vào sọt rác chứ thật ra anh không phải tầm thường: Tướng mạo uy nghi chẳng chạc cộng thêm bao nhiêu là bằng cấp và mấy năm tu nghiệp tại Mỹ hồi trước 75, nay đang giữ chức Trưởng bộ môn Anh văn đại học Y Dược thì không thể gọi là đồ xoàng xĩnh được! Chỉ vì trong một cơn tự ái ngàn ngụt, Quỳnh đã vô tình xô Long ra khỏi cuộc đời

để đưa đẩy anh một cách đương nhiên vào vòng tay êm ái lúc nào cũng mở rộng của Tường Vi.

Nhật Tân có lần ở bên nhà bố về đã hết sức kích động kể cho Quỳnh:

- Mẹ biết mỗi tháng bố phải khiêng về nộp thuế cho bà Vi bao nhiêu không? Tám trăm đô la! Chính tai con nghe... lên đờc.

Quỳnh nhủ mảy:

- Giết ai ra mà lảm vậy? Dạy ở trường Y với mấy lớp phụ đạo thôi mà.

- Trời ơi, kiếm người có kinh nghiệm như bố đâu phải dễ. Dạy thêm mấy ngày trong tuần cho sinh viên kiếm đã bọn rồi, cuối tuần còn có mấy lớp chuyên tu dành cho mấy tay bác sĩ đến học nữa. Anh vẫn bây giờ là chia khóa mở đờc vụn cửa nên thiên hạ từ già đến trẻ đều phải rần rần đi học chứ mẹ cứ tưởng.

Quỳnh thở dài:

- Tội bố, có tiền thiệt nhưng cái nghề bán cháo phôi đó chóng hại người lắm.

Nhật Tân bĩu môi:

- Không cần mẹ phải lo. Bà Vi đã tằm bở cho con gà đẻ trứng vàng của bà ấy đầy đủ rồi, quậy cả lòng đồ hột gà với sữa tươi cho bố uống nhé. Có vậy mới ngồi không mà tháng tháng thu vô cả nghìn đô chứ như mẹ, mang tiếng là kỹ sư kinh tế mà kiếm chưa được một phần năm của bà ấy. Bà ta bây giờ phát tướng, to tổ chẳng gấp hai mẹ. Sướng quá nên năm nào cũng thấy mặc áo đờc chiến. Nghe người ta nói: „Tam nam bất phú“ nên có hai thằng cu rồi lần này có bầu bà ấy đi lễ khắp các đền thánh để cầu cho sinh đờc con gái đó mẹ. Sẵn tiền nên suốt ngày toàn lui tới mấy mỹ viện, bơm bơm hút hút không đờc thêm mà trông nờng nờng cứ y như là mấy hình nộm trong đoàn múa rối nước, trông kinh lắm.

Quỳnh phì cười trước giọng điệu chua chát của con. Đúng là trên phương diện tài chánh chị hết sức khờ khạo. Ngày chia tay, Long đưa cho Quỳnh số tiền trị giá bằng nửa căn nhà

cũ của họ để Quỳ tậu căn nhà này, còn hằng tháng anh muốn đóng góp tiền nuôi con, chị đều lạnh nhạt từ chối để chứng tỏ với anh là mẹ con chị không thuộc loài ăn bám. Chị từ đạo nhập trường vừa rồi, Nhật Tân đi học về đùng đùng đòi mẹ sắm cho nó chiếc xe gắn máy cho bằng chị bằng em. Quỳ kiểm số tiền dành dụm thấy chỉ đủ phân nửa, chờ bà chị của Quỳ ở Mỹ gửi về thì phải đến Tết. Nhật Tân âm mưu xoay tiền bố:

- Mẹ nói với bố dùm con. Bố lúc nào cũng nghe lời mẹ rậm rập. Tiếng nói của mẹ là có trọng lượng ghê lắm.

Từ ngày chia tay, Quỳ không bao giờ hỏi Long một tiếng về chuyện tiền bạc nên đâm ngại ngùng. Chị còn đang tần ngần thì Nhật Tân lại lên ngay phương án:

- Hai mẹ con mình dọn một bữa cơm thật linh đình mời bố đến ăn rồi moi tiền mẹ nhé. Bao tử thỏa thuê rồi thì cái đầu sẽ bị trì trệ, không đủ sức phản đối nữa đâu. À, mà mẹ định dọn món gì nè?

Trong đầu Quỳ lướt nhanh một danh sách các món ăn mà chị đã học sau khi lấy chồng.

- Bố con chỉ ưng bún thịt nướng...

- Đào ơi- Nhật Tân cắt ngang lời- Mẹ thì chỉ có mấy món bún bò Huế, bún thịt nướng, bánh Flan. Sao đi sao lại, chán tận cổ!

- Bánh Flan mẹ làm bố khen ngon không thua chi tiệm Như Lan đó à nghe.

Nhật Tân ngẫm nghĩ:

- Con biết rồi, cái gì mẹ làm mà bố dám chê! Vậy thì tùy mẹ hết đó. À, mẹ biết không, lần đái bố đi Anh kỳ vừa rồi, bà Vi đứng ra nấu toàn những món có tên choang choang, nào là Kinh ngư tắm nắng nhé, nào là Phượng hoàng hoài thai rồi Bạch tuyết kê... Í ẹ, món nào cũng bỏ bột ngọt cả muỗng canh to tướng. Con phụ trong bếp hồi hết dám nâng đũa, ăn vô có ngày lũng cha cái bao tử!

Quỳ chỉ lắc đầu trước lối ăn nói bạt mạng của con. Nhật Tân rất ngổ ngáo nhưng thẳng thắn. Có lẽ vì Quỳ không trách mắng con bao

giờ. Chị cứ sợ mình nghiêm khắc quá sẽ trở thành áp đặt khiến con cái sẽ đâm e dè nhút nhát, không gần gũi với cha mẹ. Nên thay vì la rầy con, Quỳ đã phải nhẫn nại giải thích đúng sai cho con rất nhiều lần. Quỳ nhớ tuổi dậy thì của mình rất đổi nhu mì. Mười lăm tuổi mà còn chơi búp bê, có tiền chỉ để dành mua bút màu hay giấy dầu bao vở xanh đỏ và chỉ biết có mỗi con đường từ trường về nhà mà thôi. Còn Nhật Tân chưa được 17 tuổi mà đã có xe gắn máy riêng, mỹ phẩm, áo quần các kiểu và cuối tuần là chị ta cùng đám bạn đi nhảy nhót, hát karaoke tung bùng. Ngay cả chuyện yêu đương của nó với một thằng bé cùng lớp Quỳ cũng không xen vào. Hôm đó đi làm về, Quỳ bắt gặp con gái và một tên bạn tại nhà. Nhật Tân bối rối giới thiệu:

- Thừa mẹ, đây là Phong, lớp phó học tập lớp con. Tụi con học nhóm để chuẩn bị thi học kỳ.

Học nhóm gì chỉ có hai mạng trong cảnh đèn đuốc tối om. Còn thằng bé Phong này thì Quỳ vẫn nghe Nhật Tân đi học về kể luôn. Nó học giỏi nhưng nghịch như quỷ sứ. Có một chuyện mà khi nghe kể Quỳ phải cười phun cả cơm ra ngoài là chuyện chính anh chàng Phong trong ngày sinh của Hồ chủ tịch mà nó dám ca là : *Bác kính yêu đang cùng bác gái hành quân!* Nay thì cu cậu đang đứng rụt rè, hiền lành trong phòng khách nhà Quỳ. Nhưng Quỳ cũng không tra hỏi con liền vì biết thế nào rồi Nhật Tân cũng sẽ kể cho mẹ nghe vì giữa hai mẹ con đã có một quan hệ vô cùng tin tưởng.

Đứng là tối hôm ấy Nhật Tân sà vào lòng mẹ thổn thức tâm sự mối tình đầu của mình. Nhìn con gái nước da phù quân óng mịn, mắt nhưng đen thẳm dưới đôi mày rậm, Quỳ đã nhủ thầm: Con ơi, cứ trông mẹ đây, tóc mẹ nâu mềm óng như mật mà tình mẹ cũng dờ dang sầu khổ huống chi là mái tóc mây đen như dầu hắc của con chắc rồi duyên phận của con cũng sẽ đầy ngang trái. Quỳ thấy thương

con, mình cũng đã từng là con gái, đã từng yêu và có những bồi rối rung động như con bây giờ, vậy đừng nên ngăn cấm con trước mỗi tình trong như nước mưa của nó. Điều mà chị cần phải khuyên giữ con là đừng trao thân quá sớm, phải ráng đợi đến ngày vu quy cũng chẳng muộn.

Từ đó Nhật Tân càng tin tưởng mẹ hơn, kể cho mẹ bao vui buồn giữa hai đứa nó. Nhưng chỉ vài tháng sau là hai đứa đã chia tay. Nhật Tân kể với mẹ là Phong trịch thượng quá, cấm đoán nó đủ thứ từ cách ăn mặc cho đến chuyện giao du bạn bè, lúc nào cũng lên mặt đòi làm anh dù Phong sinh trước Nhật Tân có mười tháng. Quỳ nghe mà buồn cười chuyện những đứa bé muốn làm người lớn và tự dung nghĩ lại mình. Có một buổi chiều chuyển mưa, trời đất tự dung tối sầm ngọt ngọt có một người đàn ông đứng tuổi tới ngân hàng Quỳ làm việc thanh toán chuyển ngân thấy Quỳ mặc sơ mi trắng jupe lụa hồng nhạt trong cảnh tranh sáng tranh tối đó đã nhầm lẫn gọi Quỳ bằng bé và nhìn chị với đôi mắt vô cùng từng trải. Chỉ có vậy thôi mà Quỳ cũng vui sướng cả ngày vì thấy mình nhỏ bé lại trong đôi mắt người khác phái. Chả bù với con gái của chị lúc nào cũng đòi hỏi được bình đẳng, ngang hàng. Đôi khi, Quỳ tự hỏi có phải chị vẫn còn khao khát được khen ngợi hay được ngưỡng mộ như ngày còn con gái? Quỳ mới có bốn mươi hai, da vẫn mịn màng và đuôi mắt chưa hẳn lên một vết chân chim nào, đến ngay những sợi tóc bạc mới lấp ló cũng đã bị Nhật Tân nhổ tiết cho mẹ. Váy áo của Quỳ, Nhật Tân vẫn mượn mẹ mặc vào vừa khít. Mỗi lần theo Quỳ vào phòng tắm là Nhật Tân lại trầm trồ:

- Thân hình mẹ còn gọn bần như con gái, bụng phẳng ro.
- Tóa lòa lòa rồi con ơi!
- Tóa lòa lòa là gì hở mẹ? Kỳ rồi con đi nghe giới thiệu sách của các nhà văn nữ. Có

một bà đặt tên cho tác phẩm của bà ấy là „Tóa lòa lòa „, mà con chẳng hiểu gì sất.

Nhật Tân là thứ ba rọi chính cống. Cha Hà Đông, mẹ Quảng Trị, sinh tại Sài Gòn làm sao mà biết được hết văn chương phong phú xứ Thần Kinh:

- Tóa lòa lòa là thành đàn bà rồi. Bà ngoại con hay đọc:

Con mẹ đã tóa lòa lòa

Còn đòi heo đóng cũi vòng thòa một đôi

Nghĩa là con bà hết còn con gái rồi mà còn thách cưới đòi heo đóng cũi, đòi vòng thòa một đôi thì đâu có được.

Nhật Tân cười như nắc nẻ:

- Tiếng Huế hay thiệt mà mẹ chẳng dạy cho con. Nghe bà Vi nói mà phát rét. *Cái Tân mới đến đây à? Nhà ơi, khăn trương lên, ra em bảo cái này!* Xí, người mà bà ấy cứ kêu là cái này cái nọ như ba cái bàn ghế trong nhà, còn bố già hơn bà ta cả 20 tuổi mà bà ấy cứ ra đây bảo như là kêu con cái tới dạy bảo.

Quỳ tò mò:

- Rồi bố trả lời sao?

- Bố cứ im như thóc nên bà ấy sùng lắm, trong nhà chỉ mình bà ta ong ong ngày đêm, còn bố đi dạy thì thôi về tới nhà là làm làm lý lý rút vô phòng soạn bài, coi sự hiện diện của bà ấy như không khí. Sống với nhau kiểu Thiên Đàng Địa Ngục hai bên như vậy thì bỏ nhau còn dễ chịu hơn. Mà con không hiểu tại sao bố lại chọn bà ấy vì con thấy mẹ đẹp sang trọng bằng vạn. Mấy ông hàng xóm thấy mẹ đi ngang còn nuốt nước miếng, cục thốt nốt chạy lên chạy xuống tung bưng.

Nhật Tân nói đúng. Trong hẻm Quỳ ở có đến ba ông trông cây si chị từ mấy năm nay. Hai mẹ con gọi các ông bằng số nhà cho dễ nhớ và kín đáo. Ông nhà số bốn có vợ hơi mari sên vì lúc nào bà ấy cũng mặc áo bà ba cổ trái tim viền đấng ten dù ông ta là trí thức gia hản hoi. Cứ tới buổi trưa là bà ta ca cải lương mùi mẫn, đủ tuồng đủ lớp sang sảng trong ngõ hẻm chật chội, bề ngang chừng mét

rười. Giọng ca chính hiệu sông Hậu này đã làm khổ lỗ tai mẹ con Quỳnh không ít. Ông số bốn sang thậm thụt với Quỳnh: Tôi lấy vợ là do cha mẹ đôi bên ngày xưa hứa hẹn chứ đồng sàng dị mộng, bà ấy mù chữ! Suýt nữa thì Quỳnh đã thiệt thà khuyên ông nên ghi tên cho vợ vào lớp Xóa nạn mù chữ của phường ở nhà bà Tổ trưởng phụ nữ. Kế đến là ông số mười sáu, nguyên là Giáo sư trung học. Ông cũng có được tấm bằng đại học nhưng chỉ đem lộng kính treo phòng khách, còn việc kiếm sống sinh nhai trong gia đình thì ông phó mặc cho người vợ trẻ đẹp và sexy của mình đi bán bia ôm lo liệu, nuôi ông phũ phéo quần bánh bao như Việt kiều vì nghe đâu cô ta ngày trước là học trò của ông, mê ông như tín đồ mê giáo chủ. Thế mà ông luôn mồm mắng nhiếc vợ và không bao giờ cho vợ sống đôi với mình ngoài đường như thể sợ người ta hiểu lầm ông là thứ... ma cô chăng? Vào một ngày mưa, Quỳnh và ông tình cờ chạy vào trú mưa trước một quán cà-phê, ông số mười sáu đã không bỏ lỡ cơ hội, mời Quỳnh vào uống nước và nhân tiện bộc bạch nỗi lòng: Tôi thiệt mắc cỡ với con vợ lằng lằng của tôi hết sức. Giá mà tôi gặp được người bạn tình nè nếp, đoan trang như Quỳnh chắc đời tôi sướng như lên tiên! Hai chữ *bạn tình* chứ không phải *bạn đời* mà ông sử dụng làm Quỳnh thấy cách dùng từ của ông thật điêu luyện, rất phù hợp với nghề giáo sư viết văn của ông; Còn đề thỏa mãn chuyện lên tiên của ông thì chắc Quỳnh phải đem tất cả váy áo trong tủ cất cút lên mười, mười lăm phân như vợ ông hiện nay may ra mới đáp ứng được. Cuối cùng là lão họa sĩ sống độc thân ở số nhà bốn bốn thường hay có tranh triển lãm ngoài Đồng Khởi. Lão đã vài lần rủ rê Quỳnh đến làm người mẫu nhưng Quỳnh đều tránh trút từ chối vì mất hẳn đục ngẫu đây đục vọng.

Nói chung, những kẻ đeo đuổi Quỳnh không làm cho chị mấy may xao xuyên. Những lời

tán tỉnh, ca tụng của họ chỉ làm cho cuộc đời đều đặn của chị bớt tẻ nhạt phần nào, chứ những rung động thật thà thì hình như đã bị Long mang theo cả rồi. Mới đêm hôm trước thôi, Nhật Tân đi dự sinh nhật cô bạn thân mãi tới gần 11 giờ khuya mà vẫn chưa về khiến Quỳnh ra vô sốt ruột. Mười một giờ đúng, Long ghé nhà báo tin Nhật Tân gọi điện thoại về cho bố nhờ bố chạy lên nhắn với mẹ là tiệc tàn rồi, bọn con trai về hết rồi chỉ còn lại mấy đứa con gái làm Pyjama Party với nhau, sáng mai nó mới về. Báo tin xong, Long đứng tần ngần. Anh bối rối như trông đợi một lời mời vào nhà vì đã lâu lắm anh không ghé qua chỗ hai mẹ con và cũng đúng là từ bấy năm nay họ chưa bao giờ có cơ hội tay đôi như đêm nay. Quỳnh cũng bối rối. Hai người tình cũ đứng đối diện với nhau trong một khuôn cửa hẹp, chỉ cần một cái với tay là họ có thể đụng vào người nhau nhưng cả hai vẫn đứng yên như hóa đá. Quỳnh nghe rất gần mùi ngai ngái quen thuộc ở người chồng cũ khiến chị choáng váng nhận ra rằng: Mình sẽ không bao giờ yêu ai được ngoài Long. Thế thôi. Rồi Long về, Quỳnh vào giường trần trở cả đêm. Nhớ lại ánh mắt buồn bã của Long, Quỳnh biết ngay anh hiện sống không được hạnh phúc cho lắm nhưng chị có thể xoa dịu gì được cho anh sau khi mọi việc đã quá trễ tràng!

Sáng hôm sau, Nhật Tân về nhà là lần dùng vào giường tía lia:

- Mẹ ở nhà một mình có buồn không. Hôm qua bọn con quậy quá, nầm đứa con gái mà nốc hết một chai sương mù. Say quên cả trời đất.

Và trước khi riu mắt ngủ, nó không quên ghé mẹ:

- À, hôm qua con tạo cơ hội cho hai người rồi ông cụ có mi mi bà cụ được cái nào không? Mẹ đừng làm khổ bố và khổ cả mình nữa, bố vẫn thường tâm sự với con là chỉ có mẹ là người đàn bà duy nhất mà bố tôn thờ thời đấy.

Qua đôi mày rậm, cặp môi dày của con đang say sưa ngủ, Quỳnh thấy trọn vẹn hình ảnh của Long và chợt nghe tim mình nhói lên vì hồi tiếc. Giá ngày ấy Quỳnh đừng kiêu hãnh quá thì giờ đây chị đâu có vò vố một thân. Giá ngày ấy Quỳnh khoan dung hơn một chút hay ráng suy nghĩ bình dân như chị sen trong nhà đã từng nói: *Đàn ông mà vợ, như cái gậy thẳng mù, chỗ nào cũng xọc dzô được*. Giá ngày ấy Quỳnh cứ gào thét lên, cào cấu chửi rửa chồng cho hả cơn rồi bỏ qua cho anh thì bây giờ gia đình đâu có tan vỡ... Rất nhiều cái giá mà dẫn vật đày nghiến tâm trí Quỳnh. Minh ngu thật! Kỹ sư kinh tế hạch toán gì mà toàn dựa trên công thức thuần thực cứng nhắc,

không tính đến các yếu tố lạm phát đạo đức theo xu hướng tuột dốc như hiện nay thì có bị phá sản cũng là đáng đời mà thôi!

... Mưa vẫn cứ dào dạt và gió như vật vã lòng lộn hơn. Trời sẽ còn trở nên chóng giá rét hơn trong lòng người đàn bà nếu một mai này, vài năm nữa thôi, Nhật Tân đi lấy chồng, lúc đấy Quỳnh sẽ bám víu vào ai đây? Chắc lại xách va-ly trở về cô thành với cha già mẹ yếu nơi nếp nhà cũ kỹ, rêu phong ở Quảng Trị như ngày còn con gái chớ còn biết đi đâu. Trong chần ảm, tự dưng Quỳnh buồn bã thờ dài: Mùa đông năm nay đến sớm quá!

Trần thị Hương Cau
(Germany)

MAI VỀ ĐÓN TẾT NHÂM THÌN

Mai ta về lại quê hương
Lan trong nỗi nhớ thân thương tuyệt vời
Cúc vàng thu đến muôn nơi
Trúc che nón lá ngọt mời giai nhân
Đón xuân nở rộ đào mai
Tết về nhặt cánh hoa cài lên tim
Nhâm nhi chút rượu đi tìm
Thìn qua rỗng múa vui miền nhân gian
Xuân khoe áo mới dịu dàng
Hạ vương thương nhớ áo nàng hoa bay
Thu vàng lá đỏ sang ngày
Đông về gió rét vẫn say hương tình.

HỒ HƯƠNG LỘC
San Diego

NHẮN BẠN

Mùa Thu đã sắp qua rồi
Mùa Đông sẽ đến tuổi đời ngắn thêm.
Chuyện buồn hãy cố gắng quên
Chuyện vui hãy giữ cho bền duyên ta.
Rồi đây cũng sẽ chia xa
Cố vui đi nhé mặt mà với nhau
Cuộc đời sẽ chẳng dài lâu,
Chia ly rồi cũng âu sầu đến thôi.

HỒNG THỦY
(Maryland)

HÂM NÓNG TÌNH YÊU

Duy An Đông

Lâu ngày về thăm quê hương, Quảng Nam, Đà Nẵng, tiện thể vợ chồng chúng tôi đi thăm một thành phố tình yêu đầy thơ mộng, ở vùng Cao nguyên nước Việt. Chúng tôi trong đoàn du lịch, từ thành phố Sài Gòn đến Đà Lạt trên một chuyến xe Bus gồm 24 du khách đi thăm, đủ các thành phần già trẻ trong nước và người nước ngoài. Đặc biệt có những cặp vợ chồng mới cưới, họ đi hưởng tuần trăng mật đầy nồng thắm. Tài xế là một người đứng tuổi, nhưng vui tính, đầy kinh nghiệm chạy đường trường đến các vùng cao nguyên. Một nữ hướng dẫn viên trẻ đẹp, dễ thương lại có cái tài kể chuyện vui trong suốt cuộc hành trình đầy lý thú. Cô nàng cũng giới thiệu cho chúng tôi biết những địa danh và lịch sử ở những điểm đặc biệt trên những đoạn đường chúng tôi đi qua. Khoảng nửa chặng hành trình, cô cho Đoàn ghé lại thăm Thác Damb'ri ở thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng. Thác từ những dòng suối nhỏ, chảy rãi ra một mép bờ đá đứng thẳng, ở độ cao khoảng gần 100 mét. Dòng nước làm thành những vòng xoáy, rồi buông mình xuống thung lũng, tạo nên những cơn mưa hoa tung toé, như nước mắt của nàng H'bi hôn giỗi, vùng vắng khi nàng không được cưới người thương yêu làm chồng. Màn sương khói từ đỉnh cao bao trùm thung lũng, làm cho thác đã đẹp lại càng thêm đẹp.

Ở đây người ta tạo dựng một thang máy, dành cho những người không thể đi đường bộ. Người ta cũng tạo những bậc thang quanh co uốn lượn, từ đỉnh núi này qua các triền núi khác để du khách xuống thung lũng, rồi qua

chiếc cầu cong, đến bên kia dòng thác. Đường thang ngoằn nghèo, hẹp mà lại dốc. Từng cặp, từng cặp dìu nhau lên xuống trên những bậc thang, trông rất đẹp mắt, rất gợi tình. Đường xuống, chàng đi trước nắm tay nàng bước theo sau. Đường đi lên thì ngược lại, nàng đi trước chàng phải ở phía sau, để khi cần chàng làm chỗ tựa cho nàng bước lên những đoạn khó khăn, hoặc nàng lỡ bước sẩy chân, chàng làm bình phong che đỡ. Nhìn từng cặp thấy cũng vui vui. Có những cái dốc, chẳng đáng nhờ chàng giúp đỡ, nhưng các cô nàng cũng ỡng ẹo, để cho những đấng nam nhi phải ra tay. Chúng tôi đoán là các cô nghĩ đại gì mà chẳng thừa cơ hội ỡng ẹo để các Ông thể hiện sự nhiệt tình. Mà lạ thật, nhanh như cái lò xo, bàn tay chàng trở thành một mặt ghế, ịn ngay vào chỗ "cái ngòi" của nàng, rồi dùng lực đẩy cô nàng lên một cách nhẹ nhàng. Họ nhìn nhau mỉm cười lý thú. Có lẽ kẻ đồng hành cách đó không xa, nhìn thấy sự việc, đẹp và thích thú hơn người trong cuộc. Đường thang dài khúc khuỷu, nhưng cũng có nơi làm được trạm nghỉ chân, và tạo điều kiện cho du khách chụp hình như: nhà sàn, cho thuê sà-rôn, áo, mũ, và giỏ đeo lưng. Những trai tài gái sắc cải trang y phục thành người dân tộc Mạ, chụp hình. Có chuyên viên phục vụ, quý vị sẽ có những tấm ảnh đẹp trong khu vực thơ mộng này.

Lịch sử của thác Damb'ri, xin kể lại những gì tôi nghe, tuy có tính cách huyền hoặc, nhưng để biết nó cũng vui vui, chúng ta chỉ chú trọng cảnh đẹp của Thác mà thôi. Đùng nghĩ đến chuyện lãng mạn không hợp thời.

Trước đây khoảng 100 năm, dân tộc Mạ, tộc trưởng có người con gái xinh đẹp, cô tên H'bi, đã phải lòng một anh chàng thanh niên dũng mãnh trong làng một cách tha thiết, nàng muốn cưới chàng làm chồng **ché độ**

MỘT THOÁNG HUẾ BUỒN

-Em yêu ơi! có thể mai này nắng vàng sẽ nhạt ...

Nhưng màu yêu không úa ở làn môi

Có thể mai này mây nước sẽ ngừng trôi...

Tuy một góc Huế buồn không cố tình níu giữ!

Dòng Hương giang một thoáng trầm tư lự.

Thiên mục một chiều miên viễn yêu em.

Em có nhớ trong điệp trùng kỷ niệm...

Lá vàng bay thoai thoải dốc Nam Giao.

Đường Lê Lợi bỗng bừng bừng lạng tím.

Tịnh Tâm buồn sen nở ngát tầng cao...

Em yêu ơi! có thể mai này nước mây
cuồn cuộn chảy.

Không êm đềm như "huyền thoại sông Hương."

Cho ai đó mắt buồn liu liu ngủ...

Bóng em chìm hoà quyện mãi trong sương!

Và có thể mai này Ngự Bình không xanh nữa.

Làn mi em vẫn rợp một góc trời...

Và có thể Thuận An không còn rì rào sóng vỗ.

Nhưng bãi cát vàng vẫn in dấu em đi.

Và em yêu ơi! trong tiềm thức còn gì?

Những cánh chim thiên di đổi mùa tình trần trở...

Vẳng đâu đây tiếng còi tàu thương nhớ.

Chờ nụ hôn đầu thơm ngát góc bằng lăng.

THIÊN ĐỨC (Illinois)

mẫu hệ, nhưng cha nàng không bằng lòng.

Không những thế, ông còn buộc thanh niên này rời khỏi buôn làng. Nàng H' bi buồn cho số kiếp, hàng ngày ra nơi hai người

thường hò hẹn, chờ người thương quay về. Chờ mãi, chờ mãi không thấy chàng trở lại. Một hôm bầu trời thanh vắng, dân làng nghe một tiếng nổ lớn, liền chạy ra xem, thì không thấy nàng H' bi đâu, chỉ thấy dòng thác cuộn cuộn đổ ồ ạt. Dân làng bảo H' bi đã hóa thân thành dòng Thác mãnh liệt như tình yêu của nàng. Tưởng nhớ người con gái xinh đẹp, dân làng mới đặt cho dòng Thác tên Damb' ri, có nghĩa là đợi chờ.

Tuy còn muốn đi dạo quanh những vùng xinh đẹp khác, nhưng thì giờ không còn, chúng tôi rời thác Damb' ri, lên xe đi Đà Lạt. Đến Đà Lạt khoảng 4 giờ chiều, chúng tôi nhận phòng, tắm rửa nghỉ ngơi, đúng hẹn sáu giờ chiều phải xuống phòng đợi, để xe đưa đi dạo phố Đà Lạt, ngắm hồ Xuân Hương, rồi dùng cơm chiều. Chúng tôi đứng ở lầu 3 của khách sạn, nhìn những dãy phố nhấp nhô qua các đồi núi, đã có một khái niệm tổng quát quanh Đà Lạt..

Tiếp đó, chúng tôi được xe đưa đi quanh phố và bờ hồ Xuân Hương, để ngắm nhìn từng nơi một. Các phố xá xây cất theo lối tân kỳ, nhiều Building, biệt thự sang trọng. Đâu đâu cũng đầy hoa, đủ màu sắc và các cây lớn tỏa mát các ngã đường. Mặc nước hồ Xuân Hương êm ả, các cặp tình nhân đang dạo bước trên bờ hồ, nhìn chung phong cảnh đẹp tuyệt vời.

Sau bữa cơm chiều chúng tôi có 45 phút tự do đi dạo bờ hồ, ngắm nhà hàng cà phê thủy tạ, ngắm các tài tử giai nhân từng cặp thả bước, họ trao đổi tình tự riêng. Thịnh thoảng có những cặp, anh chàng cúi xuống, rồi cũng có lúc cô nàng nhướn trườn lên, để cho những cái hôn trên má nhẹ nhàng. Họ bước song song, đôi lúc đứng lại ôm eo, thì thầm, họ thích thú yêu đời...

Những ngày sau đó, chúng tôi đi thăm các nơi khác như Thung lũng tình yêu, một thắng cảnh trữ tình và thơ mộng, nó đẹp và cuốn hút bởi lòng sâu, quanh là các đồi thông

lộng gió. Du khách có thể leo cả 100 bậc thang, đi ngang qua những công hoa với màu sắc rực rỡ. Lên đến đỉnh đồi, ai cũng phải thở ra, nóng cả người và mồ hôi ướt đầm. Tôi đùa, đây là nơi "Hâm Nóng Tình Yêu" đối với những cặp vợ chồng không còn trẻ trung nữa. Tuy mệt, nhưng với khí hậu êm ả, gió nhẹ ở đây, du khách mau khoẻ, tiếp tục thưởng thức những gì hấp dẫn trước mắt. Đứng trên cao nhìn xuống thấy trong tầm mắt bức tranh đẹp, sinh động với những cánh buồm nhấp nhô trên hồ nước. Cũng có những con đường đất đỏ, uốn lượn vòng ve đưa khách lên đồi, nhìn cảnh đẹp chung quanh, hay nhìn lên đỉnh núi Langbian thấp thoáng trong mây, tuyệt đẹp. Du khách không quên

lấy những tấm hình chụp từ đỉnh xuống thung lũng, và ngắm nhìn các tài tử giai nhân giả trang người K' ho, đứng cạnh các nhà chõ để chụp hình. Họ đẹp, trắng trẻo mà hóa trang, mặc xà-rong, áo mao, mang giỏ đeo lưng của người K' ho, lại càng tăng vẻ đẹp,

làm tôi ngắm nhìn sững sờ, đến nỗi bà xã tôi bảo: "Ngắm gì mà kỹ thế, trông kỳ lắm". Khí hậu ở đây tuyệt vời, nhiệt độ trung bình trong ngày, thấp nhất 15oC, cao nhất 24oC. Vì thế Đà Lạt được gọi là thành phố Hoa, thành phố sương mù, thành phố mùa Xuân... luôn luôn đẹp, mộng mơ và nắng ấm. Người ta thường mô tả: Một năm bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Nhưng ở Đà Lạt chỉ trong một ngày. Buổi sáng như mùa Xuân, trưa hơi nóng, chiều tối hơi mát mát và khuya lại hơi lạnh lạnh. Đặc biệt người con gái ở đây, má đỏ hồng hồng, trông rất dễ thương. Cái má hồng đỏ do khí hậu trời cho, chớ không phải son phấn do con người làm lấy. Với cái



không khí hữu tình này, tôi đùa mấy câu để cho bà xã tôi cười cho đỡ mệt :

Phải chi hồi trẻ viếng nơi đây
 Đâu có thở ra giống bữa này
 Dầu thở mà lòng còn thích thú
 Tình già sưởi ấm cũng hay hay .

Bà ta nguyệt và mỉm cười, mệt chết mà còn thơ với thân

Vườn hoa Đà Lạt. Trăm hoa, ngàn hương, vạn màu sắc. Bởi vậy người ta nói Đà Lạt là thành phố hoa, trong toàn quốc không đâu đủ hoa bằng đây Hoa ở bản xứ, hoa lấy giống từ các nước ngoài về và chịu sống ở khí hậu Đà Lạt. Hoa Đà Lạt cung cấp khắp nơi trong nước, còn xuất cảng ra các nước Thái Lan, Singapore, Miến Điện, Malaysia, Trung

Quốc, Đài Loan, Nhật vv... thu nhập đáng kể. Đây là vườn hoa mẫu, đi ra ngoại ô thành phố xem hoa bạt ngàn, lẫn rau xanh ở nhà vườn, nhìn người ta đang tưới, đang chăm sóc và thu hoạch, vận chuyển phân phối các nơi, tuyệt đẹp.

Tiếp đến chúng tôi đi thăm Dinh Bảo Đại, di tích của thời phong kiến, nhưng kiểu cách kiến trúc hoàn toàn Tây, bởi vua Bảo Đại học bên Tây, ảnh hưởng văn hóa Tây Phương. Kiến trúc rất đẹp, có tất cả 25 phòng ốc, phòng làm việc của vua Bảo Đại, phòng bí thư riêng của Bảo Đại, phòng của Nam Phương Hoàng Hậu, phòng Hoàng tử Bảo Long, phòng hội họp, phòng giải trí vv... vô cùng trang nhã và đầy đủ tiện nghi. Văn phòng làm việc của Bảo Đại còn lưu giữ những ấn tín, ngọc tỷ của Hoàng Đế, quốc thư, quốc kỳ của các nước có quan hệ ngoại giao. Chung quanh dinh là vườn hoa đủ các loại. Có những cây thông cao toả bóng mát chung quanh vườn. Trông khá hấp dẫn.

Tiếp theo nhà thờ Domaine de Marie, được xây dựng trên một đồi thoáng đẹp, đường Ngô Quyền. Một kiến trúc độc đáo, mang phong cách Châu Âu ở thế kỷ 17, nhưng chất liệu xây cất, hoàn toàn là của Việt Nam. Trong nhà thờ đặc biệt có bức tượng Đức mẹ, đứng trên quả địa cầu, được tạc theo mẫu hình người phụ nữ Việt Nam. Phía sau nhà thờ, có phần mộ của phu nhân toàn quyền Decoux, bà Suzanne Humbert, vì bà có công chính giúp xây dựng nhà thờ này, và nguyện vọng được an táng tại đây sau khi bà qua đời. Phía sau nhà thờ là những cơ sở sản xuất như: may mặc, đan thêu, tạo công ăn việc làm cho những người tật nguyền, mồ côi, thất nghiệp. Tiếp đến có những vườn hoa, đủ màu nhất là ngắm dàn Hải Tiên khá hiếm, nở hoa thật đẹp.

Thiền viện Trúc Lâm quá hấp dẫn, được xây dựng hoàn chỉnh vào năm 1994. Khách tham quan có hai lối vào, một là từ bến đỗ xe, theo công bên leo lên 61 cấp bậc, hoặc từ hồ Tuyền Lâm leo lên 222 bậc cấp, qua 3 cổng tam quan để vào thẳng sân trước Chính Điện. Thiền viện xây dựng cách đây 7 năm, nhưng kiến trúc theo kiểu cổ. Có hồ Tuyền Lâm, tàu thuyền dạo chơi nhiều nơi trên đó. Có hồ nuôi cá, có những vườn hoa, có con đường bao quanh cho du khách rảo bước viếng thăm. Du khách tới đây, hình như có cái gì thiêng liêng thế nào, mà ai cũng vào thắp hương, cúng dường trước khi đi khắp chốn. Du khách thích thú phong cảnh hữu tình, mà lại uy nghiêm, mọi người yên lặng trầm tư.

Chúng tôi có đến thăm phong cảnh Hồ than thở, đồi thông hai mộ, cảnh đẹp, mặt hồ phẳng lặng, những đồi thông lộng gió, có những con ngựa và xe ngựa đưa khách đi thăm đây đó. Cả ngàn thông trên các đồi đều đứng thẳng. Đặc biệt có 2 cây thông gần bờ hồ quỳen lại với nhau, rồi rời ra lên thẳng. Truyền thuyết đây là hoá thân của Hoàng Thụy – Mai Nương, hai người không được trọn vẹn yêu đương, nên họ chọn con đường sống chúng dưới suối vàng. Tuy có phần huyền hoặc,

Anh Muốn Cùng Em

Anh muốn được cùng em vui sống
Trên núi cao trong chiều mơ hồ
Anh mượn mây hồng làm xe chở
Em về rục rở chốn hoang vu

Anh gọi chim trời đàn ca múa
Đưa mình vào cung phím tinh thơ
Nhờ nắng vàng trải lụa cõi mơ
Anh ru em lời yêu tha thiết

Gió hớn hờ đón chào mây xanh biếc
Vai vuron cao cỏ lá mím cười mừng
Nghe núi non náo nức vọng muôn trùng
Mình mãi đắm trong thiên đường hai đứa

Anh sẽ thở cho tóc em óng mượt
Cho dòng sông e thẹn mắt em xanh
Cho mặt trăng khép nép núp sau màn
Cho ngàn sao ngại ngần không muốn tỏ

Ngập tràn vui quên những đêm trăng trở
Mặc dòng đời nghiệt ngã tận nơi xa
Ở nơi đây mình chung nhịp thiết tha
Anh mãi ước được cùng em vui sống

Anh sẽ được cùng em vui sống
Trên núi cao trong chiều mơ hồ.

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

nhưng du khách cũng muốn đứng dưới 2 gốc cây này, lấy tấm ảnh làm kỷ niệm. Có một du khách đã cảm tác hai câu thơ sâu đây và đã được ghi lên tảng đá cạnh bờ hồ:

Hoàng Thụy - Mai Nương.
“Hồn thiêng em vẫn đợi chờ
Mặt hồ than thở bây giờ là đây”.

Nghe cũng cảm động, tôi thêm vào hai câu:

Hai cây thông quỳn thể này

Mai Nương – Hoàng Thụy sum vầy dưới âm.

Tiếp đến chúng tôi đi thăm làng Lát. Leo lên một đồi cao, dốc đứng, phải mang dây để nắm để khỏi bị trượt, đi lên người phải trườn về phía trước, mông ở phía sau. Vì thế chúng tôi nói đùa” ngực tấn công mông phòng thủ”, rồi cùng cười cho nó đỡ mệt. Đứng trên đồi, nhìn lên đỉnh núi Langbian, người ta tưởng tượng đây là người con gái đẹp đang nằm ở chân trời của buông làng. Nhìn quanh xuống ngắm cảnh nhà vườn ở ngoại ô Đà Lạt thấy tuyệt đẹp, nào hoa, nào rau tươi, cây ăn trái. Một vùng trời đẹp cảnh lại vừa trù phú về kinh tế. Đêm đó chúng tôi sinh hoạt với đồng bào dân tộc ở đây để giao lưu văn hoá, nhảy múa, ăn thịt nai nướng và uống rượu cần, vui vẻ. Số người K’ ho tiến bộ, đã cải cách lối sống, hoà đồng với chúng ta. Kiểu nhà chồ trên đồi ở, dưới nuôi súc vật không còn nữa. Họ làm nhà gạch hay gỗ thoáng mát giống người kinh. Khá nhiều người K’ ho giỏi tiếng Việt, đã dạy tiếng Việt cho người dân tộc của họ. Số người K’ ho còn óc bảo thủ, họ đi sâu vào trong rừng thêm một khúc nữa, sống tự lập theo kiểu người dân tộc.

Họ kể cho chúng tôi nghe bằng tiếng Việt, việc hôn nhân ở đây vẫn còn theo chế độ mẫu hệ, nhà gái đi cưới con trai về làm chồng con gái mình. Lễ hỏi to lớn, cũng trâu, bò, rượu, bánh... dân buôn làng ăn nhậu, nhảy múa mấy đêm ngày. Nhiều lúc họ cũng muốn cải cách giống người kinh, nhưng rồi thấy tục lệ của họ cũng hay hay, thành ra vẫn còn giữ nguyên như cũ.

Say sưa kể chuyện tham quan, bây giờ kể về chuyện ăn uống nơi thành phố sương mù này. Ăn uống ở đây thì quá ngon, tôi thích nhất món Cơm niêu đất tay cầm, người ta nấu cơm trong cái niêu nung bằng đất, có tay cầm. Tôi quên cái tên nhà hàng này, nhưng nó nằm cạnh đường bờ hồ Xuân Hương. Chúng

tôi bước vào, các cô gái Đà Lạt, má đỏ hồng hồng, chưa chồng, hình dáng thon thon, trông dễ cảm tình. Các cô cho chúng tôi mỗi người một khăn nóng. Đi đường mệt, có được cái khăn nóng lau mặt thì còn gì thú bằng. Tiếp đến chúng tôi được thức uống, rồi cơm “niêu đất tay cầm” mang ra với món thịt xào cùng rau tươi ở đây, vừa thơm vừa ngọt. Rồi món canh chua cá lóc, tôm thịt rang mặn. Mọi người khen ngon, ăn no đầy bụng.

Chúng tôi trưởng thành trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh, ao ước đến tham quan Đà Lạt, nhưng đến bây giờ, tuổi đã về chiều mới thực hiện được chuyến đi. Tôi thích ngắm nhìn cảnh đẹp của thành phố Đà Lạt. Các phố nhấp nhô theo các đồi núi, hoa nở quanh năm, khắp chốn. Hoa cảnh trong vườn, ngoài đường, hoa ở các nhà vườn ngoại ô thành phố. Có 2 cây phượng tím mang từ Châu Phi về làm tăng thêm vẻ đẹp cho thành phố. Phượng tím chỉ thích khí hậu ở đây và có điều lạ là các chuyên viên nông nghiệp đã cố gắng gây giống nhưng chưa thành. Đặc biệt, tôi thích ngắm cảnh Thung lũng tình yêu và hương khí hậu Đà Lạt. Đứng ở đỉnh, nhìn xuống thung lũng hiện lên trước mắt một bức tranh tuyệt mỹ, nhìn lên hai đỉnh núi Langbian thấy hình dáng một người con gái tràng căng sức sống, với những đường cong tuyệt đẹp, “nàng Bian” đang nằm ở tận chân trời Tây. Về khí hậu ở Đà Lạt thật là lý tưởng cho những ai cần tịnh dưỡng nghỉ ngơi sau thời gian làm việc đầu óc bị căng thẳng. Những cặp vợ chồng già đến đây thăm dẫu có trẻ cũng còn hơn không. Tình yêu của họ nói chung đã lặn, đang ngáy ngủ. Nhưng thời tiết dễ thương, phong cảnh hữu tình, hoa thơm gợi cảm, những bối cảnh khách quan, làm cho họ đã tỉnh và thức dậy. Thật là một chuyến đi thích thú, tôi hài lòng và quả là một chuyến đi “Hâm nóng tình yêu” ./-

Duy An Đông

(San Jose)

Ở GẦN NHÀ XIN Ù ƠI

Phú Long ơi! Quốc Phiệt nhờ tôi
Nhấn với Phan Khâm chậm quá rồi
Thùng thẳng chờ xem không cuốc bộ
Thong dong coi thử có xe hơi
Chọc cười một chút nè đừng giận
Xương họa đôi vắn ấy thú chơi
Sở thích tự do mình chọn lựa
Mỗi người mỗi cảnh thế mà thôi

Lê Ngọc Kha

TRẢ LỜI ANH KHA

Họa

Anh hỏi tôi, tôi lại hỏi tôi
Phan Khâm trốn biệt mất đâu rồi
Phôn nhà mấy dạo không ai bốc
Thơ phú bao bài chẳng thấy hơi
Có lẽ giữa mùa đông lạnh buốt
Cho nên ủ kín nhác đi chơi
Ai gần nhà bạn xin ù ời
Thức dậy đi này, thức dậy thôi

Trần Quốc Phiệt

Ừ ƠI...GỌI TÔI

Họa

Ừ ời...có người gọi đến tôi
Lãng du đây đó khá lâu rồi
Hái hoa cứ ngỡ đang quỳ gối
Bắt bướm tưởng chừng đã hụt hơi
Một cõi riêng tây rất thỏa chí
Nghìn lần chung bước đáng rong chơi
Anh Long, anh Phiệt, anh Kha hỡi!
Dang dở bài nào sẽ họa thôi

Phan Khâm

VẦN THƠ ƠI ƠI

Họa

Thơ người ời ời gửi về tôi
Nhưng thiếu tám câu bảy chữ rồi
Quốc Phiệt tương tư kêu khản giọng
Ngọc Kha đùa giỡn thờ phì hơi
Lương Quân (1) an dưỡng nên không đáp
Vy Lệ (2) say sưa rất chịu chơi
Tức khí cóc già đây cũng họa
Cho vừa hai cọt bốn bài thôi.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

(1) Tên email Nguyễn Phú Long

(2) Tên email Phan Khâm

Phong Thu và “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” tại Bắc California

Ngày đầu tiên gặp tác giả Phong Thu, ký giả Thư Sinh nói rằng “Phong Thu mang mùa thu và nước mắt đến San Jose”. Mùa thu San Jose vẫn chưa thấy lá vàng, trời chỉ gợn lên chút gió, buổi sáng sương mù lãnh đượ nhưng không khí mát lạnh, hoa vẫn nở khắp nơi và trên những hàng cây hai bên đường lá vẫn xanh rì.

Vậy nước mắt từ đâu đến? Có lẽ từ tác phẩm song ngữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” đã làm cho những người bạn, và đồng hương thương nhớ đến Sài Gòn mà rơi lệ.

Vào lúc 1:00 pm ngày 23 tháng 10, tại hội trường VIVO, San Jose CA CSTV Cội Nguồn đã tổ chức một buổi giới thiệu tác phẩm song ngữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của Phong Thu, một tác giả nữ đến từ Washington D.C.

Buổi ra mắt sách diễn ra trong bầu không khí ấm áp, vui tươi và thân mật. Đúng 1:00 pm, khách đã đến khá đông. Tại bàn bán sách ở cửa ra vào, Phong Thu, Ngọc Bích, Miên Du Đà Lạt, Thu Tâm, Kim Chung đã chuẩn bị đón tiếp quan khách và tác giả ký sách. Khách tham dự đủ mọi thành phần, tuổi tác khác nhau, họ luôn nở những nụ cười thân mật, gần gũi. Sách mang theo đã bán hết trong vòng một tiếng đồng hồ.

Theo sự ghi nhận của BTC thì các văn thi hữu và khách từ xa đến tham dự có nhà thơ Trần Văn Lê (Nam Cali), nhân sĩ Nguyễn Đức Chung, Ông Lữ Đình Trúc (San Francisco), nhà thơ Anh Tâm Trần Công Phần (San Ramon).

Đông đảo văn nghệ sĩ vùng Vịnh như Họa sĩ Trương Thị Thịnh, Họa Sĩ Đào Hải Triều, nhà văn Thanh Thương Hoàng, nhà văn Diệu Tần,

nhà văn Áu Tím... các nhà thơ San Jose hiện diện như Mạc Phương Đình, Đông Anh, Trường Giang, Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích, Thanh Xuân, Ngọc An, Duy An Đông...

Giới truyền thông báo chí, đài phát thanh và truyền hình đến rất đông đảo như: phóng viên Nghệ Lữ (đài truyền hình SBTN), Micheal Trần (đài Truyền thanh truyền hình Quê Hương), Ký giả Lê Bình, ký giả Lâm Văn Sang (VTimes), Ký giả Trần Nghĩa Sĩ (Việt Nam Nhật Báo), Tuần Báo Phụ Nữ Cali, Nhật Báo Thời Báo, Thi Văn Đoàn Bốn Phương, Cơ Sở Văn Thơ Lạc Việt, Tuần Báo Thăng Mỹ, ký giả Cao Sơn (Tuần Báo Tin Việt News), ký giả Hoàng Sơn Long (Tuần Báo Việt Tribune).

Nhóm QGNT cũng đã có mặt để động viên và ủng hộ Phong Thu như Nguyễn Hà, Đỗ Mơ, Huỳnh Minh Trí, Vũ Khắc Thông và phu nhân, anh John Phạm và phu nhân, Kim Cúc, Thúy Nga, Mai Việt Khánh, ca sĩ Lê Hằng, ca sĩ Thu Tâm.

Hai MC dẫn chương trình là nhà văn Thư Sinh và nhà thơ Hồng Hà. Sau phần nghi thức khai mạc, nhà báo Thư Sinh giới thiệu BTC và quan khách tham dự.

Ông Lê Văn Hải, Chủ Nhiệm Tuần Báo Thăng Mỹ đồng trường ban tổ chức đã trình bày lý do vì sao ông đã nhận lời tham gia tổ chức buổi ra mắt sách của Phong Thu.

Nhà báo Cao Ánh Nguyệt, chủ nhiệm Tuần Báo Phụ Nữ Cali giới thiệu tác phẩm. Bà là người sống và dạy học tại Sài Gòn, nên tình cảm bà dành cho Sài Gòn rất đậm đà. Bằng giọng nói trong trẻo, rõ ràng bà đã diễn đạt chủ đích của tác phẩm rất xúc động: “Khi

tôi đọc qua tựa đề của quyển sách, tôi nghĩ rằng đây là hình ảnh của một Sài Gòn đầy hoài niệm, nhưng nhớ của ngày xưa. Nhưng khi tôi đọc hết quyển sách Sài “Gòn Mưa Vẫn Rơi” tôi chợt nhận ra rằng điều tôi nghĩ đã hoàn toàn sai. “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” là một Sài Gòn đã thay tên đổi họ, Sài Gòn đã đổi chủ. Một Sài Gòn đã không còn những mơ mộng ngày xưa và đang đắm chìm trong những thảm kịch sau năm 1975. Sài Gòn đã chết thật rồi; chết như những nhân vật trong mười hai truyện ngắn viết bằng hai thứ tiếng Anh-Việt do nhà xuất bản Xlibris ấn hành... Những nhân vật mà Phong Thu đưa vào trong cốt truyện của mình, có thể là những nhân vật có thực sống ở ngoài đời. Bởi vì cách viết của Phong Thu là cách viết nửa hư cấu, nửa hiện thực và mang tính thời sự. Những câu chuyện của bà là những câu chuyện mà chúng ta bắt gặp thường ngày trong cuộc sống. Trong mười hai câu chuyện đó, chúng ta bắt gặp những đứa bé, những người đàn bà và những người yêu nước...”

Tiếp theo là nhà văn Song Nhị, Trưởng Điều Hành CSTV Cội Nguồn, tác giả quyển sách nổi tiếng “Nửa Thế Kỷ Việt Nam”, đồng trưởng ban tổ chức đã thay mặt ban Điều Hành Cội Nguồn nói về sự đóng góp của tác giả, tặng hoa và trao bức họa rất đẹp phác thảo chân dung tác giả của họa sĩ Lê Văn Hải. Nhân dịp này, nhà văn Song Nhị cũng trao danh thiếp hội viên chính thức của CSTV Cội Nguồn cho hai nhà văn Phong Thu và Trần Khải Thanh Thủy.

Nhạc sĩ Miên Du Đà Lạt đến từ Santa Ana tham dự buổi ra mắt sách và giới thiệu tác giả. Miên Du Đà Lạt nói về sự tình cờ quen biết với Phong Thu, về quyển sách đầu tiên “Cô Bé Bên Giàn Hoa Giấy Đỏ” mà bà đã tò mò tìm đọc. Bà cũng nói về mối thiện cảm và tình bạn gắn bó của mình đối với tác giả.

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, một nhà đấu tranh cho dân chủ nhân quyền can đảm,

đầy nghị lực đã xuất hiện trong buổi ra mắt sách. Bà là một nhân chứng sống để chứng minh về những hiện tượng nghịch lý, đau thương còn hằn sâu trên quê hương Việt Nam. Bà đã phát biểu như sau: “... Tôi tìm vào mạng và được nghe tiếng nói tâm hồn chị cũng là những âm tiết nở hoa trong trái tim chị qua giọng đọc của một diễn giả trên trang mạng Viethamvui.net. Ngay lập tức tôi bị cuốn hút vào những lời bày tỏ gan ruột của chị: - “Tôi viết để chia sẻ niềm đau với đất nước và dân tộc tôi. Tôi viết để ca ngợi và cầu nguyện cho những người dũng cảm đang bị bức hại, đọa đày trong ngục tối. Tôi viết để nhỏ những giọt lệ lòng, thương cho thân phận người Việt Nam máu đỏ, da vàng”.

“Đã lâu lắm rồi tôi mới tìm được một chất giọng trong trẻo, sâu đậm, bám riết vào nội tâm như thế. Chị viết như dao mổ, như một người đang sống trong chế độ cộng sản ở Sài Gòn, và như một người tù trong lao tù cộng sản, chứ không phải một người sống tự do nơi đất Mỹ đầy tự do nhân quyền. Tôi ngạc nhiên đến mức đã nghĩ chị là một người sinh ra và lớn lên ở đất Bắc, hay chí ít cũng có dây mơ rễ má với vùng đất Nam Định, Bắc Ninh, Nghệ An, quê hương của quan họ, của văn chương. Nơi từ xưa vẫn được coi là cái nôi của văn chương Bắc Việt, nên mới có thể hóa thân hóa hồn vào từng nhân vật trong câu chuyện của mình đến thế. Phải đến khi đọc bài của tác giả Nguyễn Ngọc Bích, tôi mới biết chị là một nhà văn sinh trưởng ở Miền Nam và định cư trên đất Mỹ. Giọng văn của chị thực sự đã ấn tôi thành... tượng ngay trong giây phút đầu tiên khi nghe câu chuyện về một em bé bán báo trong một ngày mưa Sài Gòn. Đó chính là những tiếng nói từ đáy lòng thương cảm sâu xa của chị, là hơi thở của tâm hồn chị đang thở cùng đất nước nhân dân, là những âm tiết nở hoa trong trái tim trầm buồn da diết của chị khi nghĩ về những người dân Việt Nam nói chung và Sài Gòn nói riêng,

những âm tiết đã làm nên bản sắc văn chương của chị, mà không một ai có thể bắt chước, vay mượn được...”

Do thời gian không còn nhiều nên nhà thơ Diên Nghị, một cây bút bình luận, một trong những trụ cột của CSTV Cội Nguồn cũng đã phát biểu cảm tưởng của ông về các sinh hoạt văn hoá khá khởi sắc của thành phố San Jose, và buổi RMS của tác giả Phong Thu.

Trong phần trao đổi giữa tác giả và cử tọa, QGNT Nguyễn Khắc Thông đã đặt câu hỏi với tác giả về sự khó khăn và thuận lợi trong việc xuất bản sách song ngữ. Bà Phong Thu cũng đã trình bày lý do vì sao bà giao cho nhà xuất bản Mỹ ấn hành. Mong ước của bà là quyển sách sẽ đi vào thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu và khắp nơi trên thế giới qua dạng

Ebook. Quyển sách sẽ trả lời thay cho câu hỏi của thế hệ Việt Nam hải ngoại biết được vì sao ông cha mình phải rời bỏ quê hương? Vì sao người Việt hải ngoại phải bảo tồn văn hoá, và phải đổ mồ hôi, tâm huyết, trái tim để tranh đấu cho một quê hương Việt Nam tự do, dân chủ và phú cường.

Xen kẽ chương trình có sự góp mặt của các Ca sĩ Kim Thư, Mỹ Thê, Thu Tâm, Lệ Hằng. Các ca sĩ có giọng ca ngọt ngào đã tạo cho không khí buổi ra mắt sách thêm phần vui tươi.

Chương trình ra mắt sách “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” đã kết thúc vào lúc 4:30 pm cùng ngày.

Ngày 23 tháng 10 năm 2011

**Thông Tín Viên Cỏ Thơm tường trình
từ San Jose**



Độc “Sài-Gòn Mưa Vẫn Rơi” của Nhà Văn Phong Thu

Nguyễn Thùy

‘Sài-Gòn Mưa Vẫn Rơi’ (The Rain Still Falls in SAIGON) là tác phẩm song ngữ của nhà văn Phong Thu do nhà xuất bản Xlibris vừa mới phát hành. Tập sách có Mười hai truyện gồm nhiều cảnh đời cô đọng diễn tả nỗi niềm quê hương, con người và đất nước qua hình ảnh cơn mưa. Mưa rơi trong lòng, mưa rơi trên mặt người làm trôi đi lớp sơn phấn lộ bản chất hung ác, vô cảm nơi kẻ quyền thế, phơi bày mặt thật của mọi hường thụ giàu sang, danh lợi bằng đủ mọi thủ đoạn lọc lừa, man trá, gian manh. Từ ngữ ‘Mưa’ nơi đây mang tính ẩn dụ. Phong Thu đã nói điều này nơi phần ‘Thay Lời Tựa’: *‘Sài-Gòn Mưa Vẫn Rơi’ là thế giới thu nhỏ của một đất nước còn mịt mù trong những dòng nước mắt, bất công chồng chất,...*’ (trang 205).

Mưa vẫn rơi trên khắp nẻo đường đất nước dù cho cuồng vũ bao nhiêu, có gây lấm đẫm nát, tàn phá mùa màng, lũ lụt thì thiên tai cũng chỉ từng thời gian ngắn, để rồi sau đó tái dựng cảnh đời ám no với bao giúp đỡ của người thiện tâm của bao tổ chức, của bao người không cùng dân tộc, quốc gia. Mưa do Trời không làm băng hoại, giết chết khối óc, con tim. Nhà văn Phong Thu dùng hình ảnh cơn mưa nơi vùng Sài-Gòn làm biểu trưng chung cho cả quê hương. Sài-Gòn, miền đất tự do, thủ đô xưa của đất nước một thời sung túc, an vui, tình người gắn bó thân thương, quyền làm người được bảo toàn, tôn trọng. Ngày đó trời vẫn mưa, dù to hay nhỏ vẫn không là nỗi sợ, không mang tang tóc đến cho người. Mưa Sài Gòn là nguồn cảm hứng sáng

tác cho các văn thi sĩ dệt kết những bản tình người, giao hòa hơi ấm cho đời. ‘Sài-Gòn Mưa Vẫn Rơi’, mưa nơi đây không hẳn do Trời mà là **“Mưa của chế độ miên viễn tháng ngày khắp nơi, khắp chốn, mưa của tập đoàn cầm quyền hành xử việc nước”, những bão táp do Đảng Cộng sản, do Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam’ đã và đang gây ra cho dân nước làm côi còm thân xác, đần độn thần trí, làm úa nát lương tâm!**”

Nhà thơ Trần Dần người bị tù vì không chịu bẻ cong ngòi bút trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm đã than khi thấy đất nước: *‘Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ’*.

* Trích một đoạn ngắn trong truyện **‘Những Vì Sao Lạc Loài’**:

“Em bé nhỏ Tài-Béo, mới lên năm đã phải vào tù. Suốt cuộc sống, em chẳng biết thế nào là một mái nhà : ‘Nhà ! Nhà là gì ? Nó làm gì có nhà’ -Nhà của nó là căn chòi ba má nó cất tạm bợ bằng giấy cạc-tông và mấy tấm nilon rách nát trong một nghĩa địa vùng ngoại ô thành phố Sài-Gòn...’ Nó sinh ra tại đây Lúc nó ba tháng tuổi, người cha mù ôm nó trên tay, lê la đầu đường xó chợ để xin ăn. ..Lên năm tuổi, nó biết xách bị theo trẻ con trong xóm nghĩa địa. Ông Chinh, một người yêu nước bị Đảng bắt vào tù rồi chết trong tù. Một em bé theo cha ăn xin từ ba tháng tuổi, bị Công An bắt lúc lên năm, đi bới rác kiếm sống, vào tù. Hai thế hệ gặp nhau trong cảnh đọa đày tù ngục, thương yêu, giúp đỡ nhau nhưng ‘người già mong ra khỏi tù còn tuổi nhỏ lại chỉ muốn ở tù, xem tù

là nhà’; sự đời éo le, ngược ngạo thế đấy, chao ôi! Do đâu?!»

* Truyện ‘Sài Gòn Vào Hạ’.

Trời tuôn mưa khiến Sài-Gòn phải khóc! Trời vô tri hay dòng đời vô cảm? Những dòng nước mắt chảy ngược về tìm không do mưa trời mà do ‘bão loạn’ trong tim. Ai gây ra bão loạn? ‘Mưa đi, mưa đi. Có phải mưa đang rửa giùm ta những vết nhơ trong cơ thể và tâm hồn’ (trang 315).

* Truyện ‘Sài-Gòn Mưa vẫn Rơi’

..... Mưa như trút nước. Đường phố Sài-Gòn nước ngập đến chân. Mưa lớn nước dâng rất cao, có nơi ngập khỏi đầu gối ...

“Dù Sài Gòn không mưa nhưng những giọt mưa như những dòng lệ buồn luôn tuôn chảy trong tâm hồn của người miền Nam. Và biết ai còn hoài vọng, đợi chờ tiếng hát ngọt ngào, tha thiết buồn vui trong lòng người Sài-Gòn những đêm mưa rả rích « ...*Người đi mang cả trời thương nhớ. Tôi đốt hương trầm buổi tiễn đưa. Khung trời kỷ niệm ngày xưa đó. Xin giữ trong lòng một chút mưa* ». ‘. *Người hành khất trẻ ngửa mặt lên trời cười ha hả một mình, hai cánh tay dang ra chơi vui, chơi vui... »*

‘*Xin giữ trong lòng một chút mưa*’, chút mưa nơi người còn ở lại, đêm ngày ‘rét mướt, lạnh tê’ trong nắng gắt gao, trong mưa gào thê thảm từ bao ‘con mưa của chế độ’ dập dồn trút đổ lên đất nước rách nát, tả tơi, lên phận người hắt hiu, tẻ tã. Còn lưu giữ được ‘*chút mưa*’ đó là còn chút lòng nghĩ đến nước đến dân để ‘*Mai đây nước lại về nguồn, Đâu non Em tắm sạch buồn thế gian*’. (Em: Việt Nam).

12 truyện ngắn thôi nhưng cả ‘bể sâu’ buốt nhức tim ta cùng trái tim dân tộc. Đảng Cộng sản cùng Nhà nước CHXHCN, không biết nên mệnh danh ra sao. Nó có đủ mọi nhân danh, đủ mọi thứ ‘**phiệt**’: đảng phiệt, Công an phiệt, quân phiệt, tài phiệt, kẻ cả

‘giáo phiệt’. Với chủ trương ‘**độc đảng toàn trị**’, qua những chính sách **Công an trị, hộ khẩu trị và ngu dân trị**’, trên 60 năm rồi, họ chỉ tạo nên bầu không khí cùng tâm lý hãi sợ nơi toàn dân đối với Nhà nước, chỉ còn phải cúi đầu tuân phục để yên thân trong lúc đảng viên, cán bộ, viên chức nhà nước cùng kẻ xấu, người gian toa rập theo họ, dùng mọi cách thế lật lừng, xảo trá, gian manh làm giàu phi pháp, bất nhân. ; thời đại của vu cáo, ăn gian, nói dối, giả trá, quyết lường, ‘**thời đại đồ đếu**’ như một số người đã gọi, Trên 60 năm rồi, tập đoàn Cộng sản cầm quyền đã đưa đất nước đến chậm tiến, tụt hậu bao nhiêu so với nhiều quốc gia trước đây không có gì nổi bật hơn VN và bây giờ đang đem giang sơn tổ quốc bán cho Tàu Cộng. Tập đoàn Cộng sản VN trên 60 năm nay đã chối bỏ hết mọi cái tốt đẹp của truyền thống VN, đã hầu như không biết, không đủ sức tiếp nhận hoặc không thêm để ý đến trào lưu tiến hóa của nhân loại. Họ làm băng hoại cả tinh thần VN. Tình yêu nam nữ xuất hiện trong nhiều truyện, đặc biệt nơi đôi truyện, có những cuộc tình được GS Nguyễn Ngọc Bích gọi là ‘**cuộc tình tay ba**’ (the love triangles), có nghĩa là giữa ba người. (hai trai một gái hoặc hai gái một trai). Dĩ nhiên, có tình thì truyện mới hấp dẫn. Nhưng những ‘cuộc tình tay ba’ này không do tưởng tượng, không do Phong Thu dựng nên để thêm ‘màu mè’ cho câu truyện. Trong cuộc sống của lứa tuổi thanh niên, thường đã xảy ra những cuộc tình như thế. Những cuộc tình này thường đưa đến ganh tị, giận hờn, buồn chán, thất vọng, tương tư, thậm chí đôi khi xem nhau như thù nghịch., rồi tìm cách hại nhau. Những ‘cuộc tình tay ba’ nơi đôi truyện của Phong Thu cũng có ghen tuông, giận hờn, tuyệt vọng nhưng không đưa đến đổ vỡ tang thương mà mang ‘tính xây dựng’. Ở những truyện khác đôi khi Phong Thu có đôi phần tưởng tượng nhưng tưởng tượng đó không đi ra ngoài sự thực bình thường.

NHỚ ANH NGUYỄN ĐỨC VINH

Năm năm cách biệt nhau rồi
Mà sao em vẫn bùi ngùi nhớ anh.
Vết đau chẳng thể nào lành
Nơi anh đang ở có bình yên không?
Mẹ già mỗi mắt chờ trông
Con trai duy nhất sao không thấy về.
Mẹ đâu biết đã phân ly,
Âm dương cách chở chỉ đi không về.

HỒNG THỦY
(Nhân ngày giỗ Anh Vinh)

Qua tác phẩm của Phong Thu người đọc nhận ra 'Một thông điệp' mà bên trong ẩn chứa một niềm tin, thể hiện bằng những tình cảm buồn vui con người đó là tình yêu thương, yêu người, yêu nước, yêu dân. Tình thương đó kết tụ thành cái 'lý tưởng' để mỗi người hành động sao cho cuộc sống, có một ý nghĩa cao quý.

Những tình thương bé nhỏ, thánh thiện đó không riêng nơi tập truyện của Phong Thu. Ta thường gặp trong cuộc sống và qua bao thơ văn Đông Tây. Nhưng đối chiếu với cái xã hội VN dưới chế độ Cộng sản, ta như thấy nổi bật lên, khiến ta xúc động và trân quý. **Người viết xem những nhân vật trên, những hành động và việc làm của họ là những thể hiện của 'nội lực' VN. Những nội lực đó là những lực đẩy cho lịch sử đi tới, cho xã hội tiến lên.** Theo Saint Exupéry : *'Anh thấy đấy, cuộc đời không có giải đáp.*

Chỉ có những lực đẩy đang đi tới. Hãy tạo ra những lực đẩy đó, giải đáp sẽ đến sau'' (Vous voyez, dans la vie, il n'y a pas de solutions. Il n'a que des forces en marche. Il faut les créer et les solutions suivent – St Ex. – Carnets). Những kẻ tạo nên những lực đẩy đó được xem là những '**viên gạch lót đường**' cho lịch sử đi lên tốt đẹp. Những '**viên gạch lót đường**' bao giờ cũng phải gánh hiểm họa, tang thương, chết chóc nhưng những hy sinh của họ là điều kiện cấu tạo tương lai tươi sáng. Họ đã sống cùng dân tộc, cùng đồng bào, gánh chịu bao nhiêu thảm họa, gian truân, cả phải hy sinh thân mạng. Họ đã *'Xòe thêm ngón cụt vào kim chỉ Mà vá đời chung, rách rưới riêng'* (thơ Phương Triều) cho dân tộc, nhân dân được cảnh đời no cơm, ấm áo, được nở những nụ cười rạng rỡ hoa xuân.

- Nghệ Thuật của tác giả :

Phong Thu là nhà văn nữ sáng giá nơi hải ngoại. Bút pháp của cô rất vững vàng. Nhưng, nếu trong tác phẩm '*Đóa Phù Dung*', lời văn trẻ trung, tươi mát, dí dỏm, nhẹ nhàng, ranh mãnh dễ cuốn hút lứa tuổi thanh niên thì nơi đây, tính cách trên không có nữa hoặc chỉ ít thôi. Vì '*Sài-Gòn Mưa vẫn Rơi*' không là tiểu thuyết diễm tình, không là tập truyện 'đọc cho vui' mà là một tác phẩm 'luận đề' đưa dẫn vào 'suy tư'. Phong Thu đã 'sống' hết lòng với tình dân, cảnh nước, đã 'hoán chuyển' mình vào từng nhân vật, qua đó nói lên những 'tư duy' của mình trước thực trạng của đất nước, nhân dân.

Mặc dầu trang đầu tiên bằng tiếng Anh của tập sách cho biết '*tập sách này là công trình giả tưởng, do tưởng tượng của tác giả, mọi trùng hợp với mọi người đương sống, đã chết hay sự việc khác hoàn toàn là ngẫu nhiên*' nhưng thực ra, tác phẩm của Phong Thu, theo người viết, có thể xem thuộc trường phái '*Hiện thực phê phán*'. Mọi cảnh đời, mọi nhân vật, mọi sự kiện xảy ra không do Phong Thu tưởng

tưởng mà là những sự thực, việc thực, người thực (dù có mượn qua một tên khác).

Tác phẩm mang tính ‘phê phán’ không do chính tác giả mà do chính các nhân vật, các sự kiện noi lên (les faits parlent d’eux-mêmes). Nhân vật Thiệt, nhân vật Bác Khải chẳng đã ‘tự thú’, tự bộc lộ thực chất tâm lý và cuộc sống của mình sao.

Trong tác phẩm, Phong Thu sử dụng khá nhiều biện pháp ‘tương phản’: tương phản giữa lý tưởng và hiện thực xã hội như nơi Đông, nơi ông Huy, nơi ông Chinh; tương phản nơi nội tâm nhân vật như Thiệt, như Cẩm Hồng, như ông Cảnh; tương phản giữa những cảnh đời trái ngược nhau: các em bé ăn xin, lượm rác với Hoàng (con ông Cảnh) hay những thanh niên tha hồ nhậu nhẹt nơi các quán ôm, các vũ trường; tương phản về ngôn ngữ và hành động giữa tầng lớp quyền thế, bạo ngược với lớp người yêu nước qua các cuộc ‘đấu khẩu, đối thoại’ như Bà Cà-Na với viên Chủ tịch Phương, cuộc đối đáp giữa Đông với tên Lắm, đại tá Công an, giữ ông Huy với tên Dũng,.... Những tương phản này không do tưởng tượng của tác giả mà là thường hằng xảy ra nơi VN dưới chế độ CHXHCN.

Một điểm nữa nên lưu ý là bố cục của từng truyện. Qua một số truyện, người đọc tưởng như đang xem một truyện phim trên màn ảnh. Phong Thu khéo léo sắp đặt các sự kiện xảy ra không theo lớp lang mà dứt quãng như từng ‘màn’ trong một cuốn phim, gây ngỡ ngàng cho người đọc, đến lúc đọc hết truyện mới thấy diễn tiến đầu đuôi của cốt truyện. Có thể xem truyện ‘Sài-Gòn Vào Hạ’ làm tiêu biểu. Dĩ nhiên, đây không là ‘biệt tài’ của Phong Thu, Các nhà văn đều sử dụng cách này nhưng không là nhà văn sành sỏi thì dễ trở nên nhạt nhẽo, vụng về.

Tuy nhiên, dù tác phẩm nhằm đưa người đọc vào suy tư nhưng Phong Thu cũng không tránh được giọng văn đùa cợt, ranh mãnh, hồn

nhiên như trong tác phẩm ‘Đóa Phù Dung’. Những đoạn nhân vật ôn lại những kỷ niệm xưa, những ghen tuông, lầy hờn, những lúc bên nhau, trao nhau lời tình, lời văn vui, nhí nhảnh, dễ thương. Qua một số truyện, như ‘Sài-Gòn Niềm Nhớ Không Tên, Tiếng Khóc Trong Đêm Mưa, Sài-Gòn Niềm Nhớ Không Tên, Lỗi Hẹn, Một Thước Hẹn Hò’, ta sẽ gặp những đoạn tươi vui, nhí nhảnh. Giữa những trang thuật cảnh đời héo hắt, tang thương, những đoạn văn nhí nhảnh, ranh mãnh, duyên dáng như thể đem lại cho người đọc đôi thoáng nhẹ nhàng để vui nhưng cũng để thêm bồi hồi tê nhức vì bao cái hồn nhiên, ám dụ, đệp đẽ kia không còn.

Kết: ‘Sài-Gòn Mưa Vẫn Roi’ là một tác phẩm giá trị cả về mặt xã hội, cả về tâm lý, cả nội dung lẫn nghệ thuật. Phong Thu đã thực sự sống hết niềm đau của dân nước, đã để niềm đau đó nhập vào mình, rồi đem trang trải vào từng câu truyện. Phong Thu đã để lại cho đời, cho nền Văn học Việt nam một tác phẩm đặc sắc, giúp cho các nhà viết sử thêm dữ kiện để thẩm định lịch sử qua các biên khảo của mình. Vì những tác giả như Phong Thu ‘*đã sống với xã hội, với dân tộc vừa với tư cách một chủ thể cá thể, vừa với tư cách một ^phần tử xã hội, vừa là một đại diện cho thời đại*’ (Il est engagé à la fois comme individu et comme membre d’une société, comme représentant d’une époque – J.E. Muller: ‘L’Art moderne’, Le Livre de Poche, Paris 1963, trang 27).

Văn đàn VN hải ngoại hẳn còn đang đợi nơi Phong Thu nhiều tác phẩm tầm vóc cao hơn và Phong Thu cùng bao tác giả khác, theo người viết, có đủ khả năng trỗi vượt để cống hiến cho nền Văn học VN nhiều tác phẩm càng lúc càng phong phú, giàu đẹp.

Nguyễn Thùy
(Paris)

TẾT XƯA

Tết xưa gạch đỏ đường làng,
Cành nêu thôn xóm nổ tràng pháo vui.
Đền chùa đầy ngất oản, xôi,
Nhang trầm chiêng trống vọng Trời Đất thiêng
Cụ già hưởng thú điền viên,
Bạc phơ râu cước hiền tiên chơi cờ.
Nghinh xuân câu đối ông đồ,
Tranh con gà lợn đơn sơ cuộc đời.
Bãi chơi vang rộn tiếng cười,
Gái trai tí tởm lưng trời đánh đu.
Trái đào má tóc trẻ thơ,
Ngậm bầu sữa mẹ ngọt như dòng dòng,
Gái quê đổng đánh chưa chồng,
Thắt lưng váy lụa khăn hồng yếm xanh.
Trai quê say đắm rắp ranh,
Thả câu hát ví mong thành duyên sau.
Áo dài em mặc lần đầu,
Gấm vàng hoa cúc óng mầu đẹp xinh.
Thượng Đình, Cầu Mới, Chính Kinh,
Xe tay tầu điện rập rình leng keng.
Làng quê mộc mạc an nhiên,
Sông Tô Lịch chảy mương diển ao sâu.
Hà Đông, Hà Nội gần nhau,
Hai bên nội ngoại Tết nào cũng vui.
Linh đình cổ cúng ba mươi,
Bánh chưng buống chuối cá tươi kho riêng,



Lửa bùng lò bếp chân kiềng,
Bóng vầy măng mực mẹ siêng năng làm.
Thủy tiên cha khéo tía ngâm,
Đúng giao thừa nổ, suốt năm hên hoai.
Đường lên con dốc Hòe Nhai,
Chùa chùa ngân thỉnh đàn chay rộn ràng,
Ngày mồng một Tết xuân sang,
Được tiền mừng tuổi hân hoan khắp nhà,
Ham chơi bầu cá cua gà,
Say sưa tam cúc tướng bà, tướng ông.
Bất mê ông cụ, cửu sùng,
Chấn ù bạch định, thập hồng lèo tôm.
Điếng đầu cá ngựa cửa chuông,
Bị con đá ghét đá tung ra ngoài.
“Năm me năm mới” ba ngày,
Ăn quà thả cửa lên vài ký tươi.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

Cái Hay Cái Đẹp CỦA THƠ LỤC BÁT

Thơ lục bát là thể thơ bình dân, dễ làm, dễ nhớ vì có nhiều vần nên được dân chúng ưa thích. Chẳng cần gì phải học luật làm thơ, ai có tâm hồn nghệ sĩ cũng sẽ ứng khẩu dễ dàng được vài câu thơ lục bát để bày tỏ tâm tình.

Về mùa thu, vào những đêm trăng sáng, các nam nữ thanh niên trong làng thường hay tụ họp ở sân đình để cùng nhau trao đổi câu hò điệu hát. Họ thường ứng khẩu những câu thơ lục bát để hát gọi là hát trống quân với nhiều mục đích:

1. Hát để trao tình:

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây...
Trồng quân, trồng quít, trồng còi
Anh bao nhiêu tuổi anh đòi lấy tôi?...*

2. Hát để chế diễu:

*Ba đồng một mớ đàn ông
Ta bỏ vào lồng, ta xách đi chơi...
Ai ơi chớ lấy anh đồ
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm...*

3. Hát để ru con:

*Con mèo mà trèo cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đặng xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.*

Đó là những câu thơ lục bát giàu vần nghe rất êm tai. Vì nó không có ý nghĩa đẹp nên ta gọi là vè.

Như vậy thì làm thế nào mà thơ lục bát có cái hay, cái đẹp để so với các thể thơ khác như ngũ ngôn, thất ngôn, đường thi, hát nói do giới trí thức làm. Để trả lời điều thắc mắc này ta nêu trường hợp thi phẩm Đoạn Trường

Tân Thanh (ĐTTT) của Nguyễn Du. Tác phẩm này làm bằng thơ lục bát đã được các thi nhân Việt Nam và quốc tế ca ngợi là có một nền văn chương quá lỗi lạc. Vì thế cái hay, cái đẹp không tùy thuộc vào các thể thơ mà vào tài nghệ của tác giả.

Thường thường người ta đánh giá một thi phẩm theo bốn tiêu chuẩn sau đây: giàu vần, giàu điệu, lời hay, ý đẹp.

A. GIÀU VẦN

Thường thường ở nước nào cũng vậy, mỗi câu thơ có một vần ở cuối câu gọi là cước vận và các cước vận phải hiệp với nhau từng cặp một để nghe cho xuôi tai. Riêng ở nước ta, ngoài các thể thơ có cước vận còn có hai thể thơ có thêm yêu vận ở giữa những câu chẵn. Hai thể thơ đó là thơ lục bát và song thất lục bát.

*Trăm năm trong cõi người ta (cước vận)
Chữ tài chữ mệnh khéo là (yêu vận) ghét nhau (cv)*

Thơ càng giàu vần nghe càng xuôi tai càng dễ nhớ cho nên thơ của Nguyễn Du trong ĐTTT được dân chúng ưa thích đến mức có nhiều người thuộc lòng hết cả quyển thơ.

Dưới đây đem so sánh bốn câu thơ của Trương Kế trong bài Phong Kiều Dạ Bạc và bốn câu thơ của Nguyễn Du cùng tả một đêm trăng, ta sẽ thấy thể thơ lục bát có nhiều vần hơn thể thơ tứ tuyệt của Trung Hoa:

- *Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*
- *Gương Nga chênh chếch nhóm song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân*

*Hải đường lã ngọn đông lân
Giọt sương trĩu nặng cành xuân la đà...*

Trong thi phẩm ĐTTT tuy chỉ có 3254 câu thơ nhưng người ta đã thấy có 4881 vần thơ (3254 cv và 1627 yv). Chọn những chữ có vần để làm một quyển thơ không phải là dễ, thế mà cụ Nguyễn Du đã có tài xử dụng gần 5000 vần thơ một cách nghiêm túc, không bị rơi vào tình trạng lạc vận hay ép vận, hai điều làm giảm giá trị bài thơ. Nguyễn Du qua tác phẩm ĐTTT đã chứng tỏ cho thế giới biết rằng tiếng Việt Nam rất giàu, rất tế nhị. Nhà học giả Phạm Quỳnh đã tuyên bố như sau: "Truyện Kiều còn, tiếng Việt còn ; Tiếng Việt còn, nước ta còn". Thử hỏi rằng nếu chúng ta không có tiếng nói riêng, không có chữ viết riêng (chữ quốc ngữ) thì làm cách nào mà nước ta vượt khỏi vòng lệ thuộc vào nền văn hóa Trung Hoa được. Văn tự là phương tiện truyền bá công văn, tư tưởng của một quốc gia. Nếu nước ta không bị nhà cầm quyền cộng sản miệt thị hàng ngũ trí thức, cốt duy trì tình trạng ngu dân, để bề độc tài cai trị, thì ngày nay văn hóa nước ta chẳng thua gì văn hóa các nước mệnh danh năm con rồng Á Châu.

B. GIÀU ĐIỀU

Thơ làm để đọc hay ngâm, đọc một cách thông thả và ngâm một cách rõ ràng thì mới hiểu được ý thơ cho nên ta phải ngắt câu thơ làm nhiều đoạn, mỗi đoạn gọi là nhịp hay điệu. Muốn cho thuận tai các thanh bằng trắc ở cuối nhịp phải nối tiếp nhau theo đà ví von lên bổng xuống trầm. Thường thường trong thể thơ lục bát người ta ngắt câu ra từng nhịp hai chữ (Trăm năm / trong cõi / người ta. Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau), đó là nhịp hai chữ. Những thanh cuối nhịp là thanh chính phải theo luật bằng trắc để có điệu trầm bổng, vì thế trong thể thơ lục bát và thể thơ thất ngôn người ta đã ấn định luật bằng trắc như sau: nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh nghĩa là những chữ ở cuối nhịp

như chữ số hai, số bốn, số sáu phải theo luật bằng trắc:

Trăm năm (bằng) trong cõi (trắc) người ta (bằng),

Chữ tài (bằng) chữ mệnh (trắc) khéo là (bằng) ghét nhau (bằng) phò.

Bước tới (T) đèo ngang (B) bóng xế (T) tà,

Cỏ cây (B) chen đá (T) lá chen (B) hoa.

Nếu từ đầu cho đến cuối quyển thơ chỉ có một nhịp điệu hai chữ thì người đọc dễ bị nhàm chán. Để lôi cuốn người đọc tác giả luôn luôn thay đổi nhịp điệu, lúc thì dùng ba chữ làm một nhịp (*Mai cốt cách / tuyết tinh thần*), lúc thì bốn chữ (*Mỗi người một vẻ / mười phân vẹn mười*). Nhịp ba chữ hay bốn chữ được đọc nhanh hơn nhịp hai chữ.

Thơ lục bát dễ làm nhưng muốn cho lời thơ hay thì rất khó. Bài thơ nào có thay đổi nhịp điệu thì bài thơ đó sẽ được độc giả ưa thích. Sở dĩ bài thơ lục bát "Tinh Tuyệt Vọng" của Khái Hưng được nhiều người ưa thích vì nó giàu vần giàu điệu:

Lòng ta / chôn một / khối tình

Tình trong / giây phút / mà thành / thiên thu

Tình tuyệt vọng / mối thâm sâu

Mà người gieo thăm / như hầu không hay

C. LỜI HAY

Lời thơ hay là lời thơ có nhạc tính, lên bổng xuống trầm. Những thanh chính ở cuối nhịp phải tiếp theo nhau trầm bổng nghĩa là thanh trắc phải xen lẫn với thanh bằng.

Nhạc tính còn được thể hiện bằng luật ngẫu biến đối thanh.

1. Trong những bản nhạc bán cổ điển người ta phải tôn trọng luật đối thanh giữa hai câu: thanh cuối của câu trên là thanh bổng (trắc) và thanh cuối của câu dưới là thanh trầm (bằng). Nhạc thánh ca thuộc loại bán cổ điển gồm những khổ bốn câu. Trong mỗi khổ thanh cuối của câu đầu là thanh trắc để đối với thanh cuối của câu sau cùng là thanh bằng. Sau đây là một khổ của bài thánh

ca Kính Xin Mẹ của Phương Du trong tập thơ Tình Thương:

Ma-ri-a từ bi bác ái (thanh bổng)

Ma-ri-a lòng thương vô biên

Ma-ri-a là sao sáng ngời

Ma-ri-a là Mẹ Chúa Trời (thanh trầm)

2. Nhạc cải cách của Việt Nam cũng theo luật trầm bổng này:

Người hẹn cùng ta đến bên bờ suối (thanh bổng)

Rừng chiều mờ sương ánh trăng mờ chiếu

Một đêm thiết tha rồi đây xa cách

Rồi đây hai ngã biết tới phương nào (thanh trầm)

(Trăng Mờ Bên Suối - Lê Mộng Nguyên)

Đêm nay thu sang cùng heo may (thanh bổng)

Đêm nay sương lan mờ chân mây

Thuyền ai lơ lững trôi xuôi dòng

Như nhớ thương ai tròng tơ lòng (thanh trầm)

(Con Thuyền Không Bến - Đặng Thế Phong)

3. Trong thơ thất ngôn đường luật cũng có luật này:

Lom khom dưới núi tiêu vại chú (thanh bổng)

Lác đác bên sông chợ mấy nhà (thanh trầm)

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc (thanh bổng)

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia (thanh trầm)

(Bà Huyện Thanh Quan)

4. Thơ lục bát cũng có luật đối thanh này ngay trong một câu thơ chia làm hai vế. Thanh cuối của vế trên là thanh bổng và thanh cuối của vế dưới là thanh trầm:

Khi chén rượu (thanh bổng), khi cuộc cờ (thanh trầm)

Khi xem hoa nở (thanh bổng), khi chờ trăng lên (thanh trầm)...

Khi tựa gối (thanh bổng), khi cúi đầu (thanh trầm)

Khi vò chín khúc (thanh bổng), khi chau đôi mày (thanh trầm)...

D. Ý ĐẸP

Lời hay thường đi đôi với ý đẹp cho nên luật ngẫu biên trong thơ gồm có đối thanh và

đối ý. Người Trung Hoa hãnh diện có thể thơ thất ngôn bát cú trong đó có luật ngẫu biên gọi là thơ đường luật. Thể thơ lục bát của Việt Nam ta cũng có luật ngẫu biên đối thanh đối ý và vẫn giữ được ưu điểm là giàu vần giàu điệu. Ta sẽ thấy sự khác biệt khi so sánh một bài thơ đường luật "Thăng Long Thành Hoài Cổ" của Bà Huyện Thanh Quan và tám câu thơ lục bát của Nguyễn Du như sau:

- *Tạo hóa gây chi cuộc hí trường*

Đến nay thấm thoát mấy tình sương

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt

Nước còn cau mặt với tang thương

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ

Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

- *Sinh cang một tỉnh mười mê*

Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân

Khi gió gác, khi trăng sân

Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nói thơ

Khi hương sớm, khi trà trưa

Bàn vây điểm nước, đường tơ hòa đàn

Miệt mài trong cuộc truy hoan

Càng quen thuộc nét, càng dan dáu tình...

Bài thơ đường luật chỉ có năm cước vận và bốn câu có thể ngẫu biên, còn tám câu thơ của Nguyễn Du thì có tám cước vận, bốn yêu vận và năm thể ngẫu biên.

Rất nhiều thi sĩ Việt Nam đã dùng luật ngẫu biên trong thơ lục bát:

Nguyễn Đình Chiểu (Lục Vân Tiên)

Thiếp nay lối đạo xường tùy

Lỡ đường sửa túi, lỡ bề nâng khăn...

Trời sao nữ phụ người lành

Bảng vàng chưa chiếm ngày xanh đã mòn...

Lê Ngô Cát (Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca)

Chị em nặng một lời nguyện

Phát cờ nương tử thay quyền tướng quân

Hoàng Quang (Hoài nam khúc)

*Nụ cười châu chấu đá xe
Những ngò chấu ngã, chẳng dè xe nghiêng*

Xuân Diệu (Thơ Thơ)

*Không gian như có giây tơ
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu*

Lưu Trọng Lư (Giang Hồ)

*Rồi trong những phút giây lâu
Mắt sâu gợn sóng, lòng đau rộn tình*
Nguyễn Bính (Lữ Bước Sang Ngang)
*Lòng em như bụi kính thành
Đa đoan vó ngựa, chung tình bánh xe...
Lòng anh như mảng bè trôi
Chỉ về một bến, chỉ xuôi một chiều...*

Phương Du (Tha Hương)

*Ngày xuân hoa nở khắp nơi
Đào khoe sắc thắm hồng cười liễu xanh...
Gió xuân thoang thoảng gần xa
Lung lay cành trúc, la đà cành mai...*

Vì thể ngẫu nhiên làm cho bài thơ thêm phong phú nên nhà học giả Dương Quảng Hàm đã xếp thơ hát nói vào thể thơ có nhiều văn chương, nhiều lý thú. Thật vậy bài thơ hát nói nào cũng có hai câu thơ thất ngôn có phần đối thanh đối ý.

Về thể thơ tự do cũng vậy, bài "Nhớ Rừng" của Thế Lữ được cho là hay vì có phần ngẫu nhiên:

*Ta sống trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già
Vội tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi*

Đối thanh thì hay nhưng đối ý thì không được đúng vì giọng nguồn không thể nào hét núi được, phải chăng là giọng hùm mới chinh. Hai chữ tình thương cũng không đúng nghĩa vì con hổ có thương xót ai bao giờ đâu, họa chăng là nuối tiếc thuở hống hách xưa. Ở đây Thế Lữ muốn nói đến cảnh những kẻ độc tài bị sa cơ thất thế, rồi bị nhốt trong lồng sắt cho mọi người nhòm ngó.

Trở lại câu thơ của Khái Hưng "Tình trong giây phút mà thành thiên thu", nếu tác giả dùng thể ngẫu nhiên đổi chữ "mà" ra chữ "tình" thì lời thơ sẽ được đẹp nghĩa hơn. "Tình trong giây phút, tình thành thiên thu". **Tục ngữ và ca dao** của Việt Nam ta cũng được làm theo thể thơ lục bát. Nó không còn là những câu vè nữa vì đã được gọt rũa thành những câu có phần đối thanh đối ý.

Đọc trong truyện Kiều, ta sẽ nhận thấy tác giả có biệt tài chia hàng trăm câu thơ thành hai vế để có phần ngẫu nhiên làm cho lời thơ thêm phần văn chương lý thú :

*Khi tựa gối / khi cúi đầu
Khi vò chín khúc / khi chau đôi mày...
Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc / non phơi bóng vàng...
Khi chén rượu / khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở / khi chờ trăng lên...*

Trong văn chương Pháp, nhiều nhà thơ cũng xử dụng thể ngẫu nhiên trong lời thơ:

*À vaincre sans péril, on triomphe sans gloire (Le cid - Corneille)
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé! (L'isolement - Lamartine)*

Câu thơ này đã được Phương Du dịch trong tập thơ Tha Hương như sau với thể ngẫu nhiên đổi thanh đối ý:

*Sóng ngàn tình mịch mến yêu
Một người vắng bóng / trăm chiều quạnh hiu!*

Những điều trình bày trên đây chứng minh cái hay, cái đẹp của thơ lục bát. Với tài làm thơ lỗi lạc của Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh, độc giả còn được thưởng thức nhiều cái hay, cái đẹp khác của thơ lục bát như sau:

1. Xử dụng những điệp ngữ làm cho lời thơ thêm phần nhạc tính:

*Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang...
Sè sè nắm đất bên đường
Dầu dầu ngon cỏ nửa vàng nửa xanh...*

Trời hôm mây kéo tối râm

***Dầu dầu** ngọn cỏ **đầm đầm** cành sương...*

Hồ Xuân Hương trong bài *Đánh Đu* cũng dùng điệp ngữ ở cuối câu:

*Trai ôm gối **hạc khom khom** cật*

*Gái uốn lưng ong **ngửa ngửa** lòng*

*Bốn mảnh quân hồng bay **phấp phới***

*Hai hàng chân ngọc **đuối song song***

Bà Huyện Thanh Quan trong bài *Qua Đèo Ngang*:

*Nhớ nước **đau** lòng con **quốc quốc***

*Thương nhà **mỏi** miệng cái **gia gia***

Tim được điệp ngữ đối nhau trong thơ không phải là dễ vì thế ít người có thể làm được như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương và Bà Huyện Thanh quan.

2. Xử dụng sự láy đi láy lại của một từ kép làm cho lời thơ cân đối và ý thơ được rõ nghĩa:

*Phận **bèo** bao quản nước **sa***

***Lênh đênh** đầu nũa cũng là **lênh đênh**...*

*Xá chi liễu ngõ hoa **trường***

***Lầu xanh** lại bỏ ra **phường lầu xanh**...*

*Dẫu rằng vật đổi sao **dời***

***Tử sinh** phải giữ lấy **lời tử sinh**...*

*Song **sa** vò võ **phương** trời*

*Nay **hoàng hôn** đã lại mai **hôn hoàng**...*

Huy Cận trong bài thơ *Thu Rừng* (Lửa Thiêng):

*Sầu **thu** vun vút **song song***

*Với cây **hiu quạnh** với lòng **quạnh hiu***

3. Xử dụng những thành ngữ tả tài ví von đối đáp trong văn chương bình dân.

Thành ngữ cũng như tục ngữ là những câu thơ bốn chữ hay sáu chữ chia làm hai vế để có phần ngẫu nhiên:

*Tình **cờ** chẳng **hẹn** mà **nên***

Mạt cưa** **mướp đắng**, **đôi** bên **một** **phường

(Cùng phường lừa đảo như nhau lấy **mạt cưa** thay cho **cám**, lấy **mướp đắng** thay cho **dưa gang**).

*Vợ **chàng** quý **quái** **trinh** **ma**,*

*Phen **này** **kẻ** **cấp**, **bà** **già** **gặp** **nhau***

(Bà già và kẻ cấp cùng có **đầy** kinh nghiệm).

*Con **này** **chẳng** **phải** **thiện** **nhân***

Chẳng** **phường** **trốn** **chúa** **thì** **quân** **lộn** **chông

Ra** **tuồng** **mèo** **mả** **gà** **đồng

Ra** **tuồng** **lúng** **túng** **chẳng** **xong** **bè** **nào

(Cảnh vô gia cư như **mèo** sống ngoài **mả**, **gà** sống ngoài **đồng**)

*Phong **trần** **mài** **một** **lưỡi** **gươm***

*Những **phường** **giá** **áo** **túi** **com** **xá** **gi***

4. Xử dụng những câu có tính cách ca dao:

*Bè **ngoài** **thơn** **thớt** **nói** **cười***

*Mà **trong** **nham** **hiểm** **giết** **người** **không** **dao**...*

*Cảnh **nào** **cảnh** **chẳng** **đeo** **sâu***

*Người **buồn** **cảnh** **có** **vui** **đâu** **bao** **giờ**...*

*Vui **là** **vui** **gượng** **kéo** **là***

*Ai **tri** **âm** **đó** **mặn** **mà** **với** **ai**...*

*Dẫu **rằng** **sông** **cạn** **đá** **mòn***

*Con **tầm** **đến** **chết** **cũng** **còn** **vuơng** **tơ**...*

5. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ trong câu làm cho ý thơ được nhịp nhàng nhắc nhở trong mỗi nhịp:

*Oan **kia** **theo** **mãi** **với** **trình***

*Một **mình** **mình** **biết** **một** **mình** **mình** **hay**...*

*Khi **trình** **rượu** **lúc** **tàn** **canh***

*Giật **mình** **mình** **lại** **thương** **mình** **xót** **xa**...*

Còn** **non** **còn** **nước** **còn** **dài

***Còn** **về** **còn** **nhớ** **tới** **người** **hôm** **nay**...*

Này** **chồng** **này** **mẹ** **này** **cha

***Này** **là** **em** **ruột**, **này** **là** **em** **dâu**...*

Cụ Tam Nguyên Yên Đổ cũng đã dùng nghệ thuật này trong bài thơ *Khóc Dương Khuê*:

*Rượu **ngon** **không** **có** **bạn** **hiền***

***Không** **mua** **không** **phải** **không** **tiền** **không** **mua**.*

Tóm lại, thơ lục bát là một thể thơ có đủ các yếu tố để trở thành một thể thơ có nhiều văn chương, lý thú. Nhờ tài lỗi lạc của thi hào Nguyễn Du, thi phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh* làm bằng thể thơ này đã được cơ quan văn hóa quốc tế UNESCO ghi nhận là một di sản văn hóa quý báu của nhân loại.

Phương Du Nguyễn Bá Hộ

(Paris)

THƠ HAIKU NHẬT-BẢN

Nguyễn Ngọc Bích

Thơ Haiku của Nhật gần như chắc chắn là thể thơ ngắn nhất⁽¹⁾ của nhân-loại. Sở dĩ tôi nói “gần như” là vì tôi không biết hết các thứ tiếng để có thể khẳng-định được 100%. Nhưng trong quá-trình đi học ngôn ngữ và văn-học của nhiều dân-tộc, tôi chưa gặp được một trường-hợp nào mà thơ lại ngắn hơn thơ Haiku của Nhật-bản.

Một bài thơ Haiku gồm 3 đoạn có thể trình bày như sau:

5 âm-tiết X X X X X
7 âm-tiết (rồi lại) X X X X X X X
5 âm-tiết X X X X X

nhưng nếu ta xem phần lớn cách người Nhật ghi lại một bài Haiku thì ta sẽ thấy họ chỉ viết thành một dọc từ trên xuống dưới (lối viết cổ) hoặc chạy ngay một dòng (theo lối viết mới, học của Tây-phương, từ trái sang phải). Nghĩa là, nếu ta chỉ nhìn vào hình-thức thì ít khi có thể biết được đó là một bài thơ.

Để nghe ra cái nhịp 5/7/5 nói trên, ta phải đọc lên mới rõ được, chứng tỏ đối với người Nhật thơ vẫn là để cho người ta đọc lên.

Furu ike ya
Kawazu tobikomu
Mizu no oto

Xin đọc-giả, chưa cần biết ý nghĩa vội, hãy cứ cố gắng đọc lên bài thơ này, có lẽ là bài Haiku nổi tiếng nhất trong toàn-bộ tác-phẩm của thi-hào Bashō (1644-94), Quý Vị sẽ thấy được gì?

Có thể Quý Vị sẽ đồng-ý được với tôi là câu đầu rất thoát, gần nghe như tiếng nước chảy: *Furu ike ya*.

Còn câu sau thì sao? Có phải là hai âm /k/ làm cho câu này cứng cáp hơn, rồi mấy âm a-a và ô-ô, u-u như có cái gì âm u, bí hiểm: *Kawazu tobikomu*.

Và câu cuối thì ục ục với sự lặp lại các nguyên-âm u-ô-ô-ô: *Mizu no oto*.

Những cảm-tưởng này thật ra không xa ý-nghĩa của bài thơ là bao, có lẽ chỉ trừ có câu đầu vì đây là nói đến một cái ao tù nước đọng, không phải là một dòng nước chảy:

Ao trì cổ
Một con ếch nhảy vô
Nghe động tiếng.

Bashō (“Ba-tiêu” đọc theo lối Hán-Việt, nghĩa là cây chuối, một loại cây rất hiếm ở Nhật) được người Nhật xem là một thi-thánh vì ông đã đưa được thể thơ này từ những bắt đầu rất khiêm tốn của nó lên đến một đỉnh cao mà từ đó ít ai vượt được.

Từ rất sớm, nghĩa là từ thế-kỷ thứ 8, tuyển-tập thơ đầu tiên của người Nhật, cuốn *Vạn-diệp-thư* (*Man'yōshū*), đã có thể thơ năm câu gọi là *waka* (Hoà-ca) theo nhịp: 5/7/5/7/7. Tóm lại, khác với lục bát Việt-nam ung số chẵn (cả 6 lẫn 8 đều là nhân-số của 2, nghĩa là rất thẳng bằng), người Nhật hình như lại ưa số lẻ: 5 với 7 đã là những số lẻ, số câu trong một bài Hoà-ca (“Hoà” có nghĩa là “người Nhật”) cũng lại là 5 chứ không phải là 4 hay 6.

Đã từ lâu
ta không có dịp gói

lên tay nhau—
A cứ thử nghĩ xem
cả một năm không gặp!
(Hoàng-tử Aki)

Những bài Hoà-ca như thế này còn gọi là “đoản-ca” (*tanka*) là để trưng-phản với những bài “trường-ca” (*chōka*) khá phổ-biến trong tuyển-tập thơ đầu của Nhật, cuốn *Man'yōshū*. Tỷ-dụ như bài đoản-ca trên đây là phần cuối của một bài trường-ca mà Hoàng-tử Aki làm ra khi phải xa người yêu, một thị-nữ trong cung mà ông đã có lỗi khi lấy vì không “môn đăng hộ đối.” Buộc phải bỏ bỏ người yêu, ông đã làm ra:

Bài ca

Đã xa rồi,
vợ ta không gần ta,
Và vì đường
cách xa ôi dằng dặc,
Lòng ta nhói
những muốn được gần em,
Tim mỗi mồn
với những cơn đau nhức,
Giá mà ta
làm được mây bay bổng
hay là chim
bay cao trên trời cao—
Ta sẽ đi
ngay ngày mai gặp em,
Và thấy ta
em sẽ vui trở lại,
Và thấy em
ta cũng sẽ vui lây—
Ôi giá mà
ta được cạnh em giờ!

MUỖU

Đã từ lâu
ta không có dịp gối
lên tay nhau--
A cứ thử nghĩ xem

cả một năm không gặp!

Rõ ràng là phần đoản-ca trong bài ca này đóng vai trò của một bài muỗu mà theo *Từ Điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học (bản in năm 1992 do Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ in ra ở Hà Nội) có mục-đích “mở đầu hay kết thúc bài hát nói, nêu lên ý nghĩa bao quát của bài.” (t. 649)

Về sau, những bài “muỗu” kiểu này đôi khi trở thành phần độc-nhất mà người ta nhớ để rồi được xem như những bài thơ độc-lập (không còn phần trên nữa). Từ đó, phần trường-ca chết dần để bắt đầu từ thế-kỷ thứ 9 người ta không còn làm trường-ca nữa mà chỉ tập trung vào đoản-ca như những *tanka* của Ariwara no Narihira (825-880) hay Ono no Komachi (giữa thế-kỷ thứ 9). Đây xin đơn cử hai bài của Narihira:

Nếu thế-gian
mà xem ra không có
hoa anh-đào
thì mùa xuân lòng ta
yên biết mấy, em nhỉ?

Nửa thức, ngủ,
ta chập chòn suốt đêm
nên cả ngày
suy nghĩ đến mông lung
nhìn ra mưa xuân đổ.

Và đôi bài của Ono no Komachi, một trong những nhà thơ nữ nổi tiếng nhất của Nhật:

Bằng đường mơ
em đã đến với anh,
chân không nghi—
Nhưng rồi có bao giờ
bằng được thấy anh thật!

Không cách gặp,
chẳng trăng nào soi đường,
tỉnh dậy nhớ,
ngực một đống lửa hồng,
lòng một vùng bốc cháy.

Bị bỏ quên
bởi người mà tôi chắc
sẽ tìm tôi—
từ đó tôi chỉ còn
tự hỏi mình còn sống?

Đến thế-kỷ thứ 14, người ta nghĩ ra một kiểu chơi dựa ngay vào chỗ ngắt tự-nhiên trong một bài *tanka*. Đó là sau ba câu 5/7/5 do một người khởi-xướng, một người khác sẽ tìm cách tiếp nối bằng hai câu 7/7, rồi một người thứ ba tiếp nối bằng ba câu 5/7/5... Và cứ thế, trò chơi tiếp-diễn. Người ta gọi đó là liên-ca (*renga*).

Chẳng bao lâu, trò chơi này dẫn đến một nghệ-thuật, đó là làm sao tung ra được một đoạn đầu thật hay, thật ý-nghĩa, tức là ba câu đầu (5/7/5) mà trọn nghĩa. Vì thế mà ba câu đầu đứng riêng được một mình như thế gọi là phát-cú (*hokku*) hay bài-cú (“bài” có nghĩa là bày ra), những câu đề bắt đầu (một buổi chơi *renga*). Và đó là khởi đầu của truyền-thống “bài-cú” (*haiku*) trong văn-học Nhật.

Sau này, có tác-giả Việt-nam, có lẽ vì không biết tiếng Nhật nên chỉ dựa vào âm *haiku* của tiếng Nhật mà dịch hay phiên âm thành “hài-cú” (“hài” trong nghĩa là buồn cười, là vui nhộn). Song nếu ta gọi *haiku* là “hài-cú” theo nghĩa đó thì đa-phần *haiku* không có gì là vui nhộn hay buồn cười cả. Như ta thử lấy bài tôi đã trưng ra của Bashō ở đầu chương này, nó không có gì là vui nhộn hay buồn cười cả:

Furu ike ya
Kawazu tobikomu
Mizu no oto.

Ao trì cổ
Một con ếch nhảy vô
Nghe động tiếng.

(Không phải là ở trong tiếng Nhật không có tiếng “hài-cú” mà cũng đọc là *haiku*. Song

“hài-cú” này chỉ là một dạng của “bài-cú” hay “phát-cú” mà thôi. Do vậy mà tôi nghĩ, ta nên giữ nguyên chữ *haiku* trong tiếng Việt để nói lên cái xuất-xứ rất rõ ràng của nó, hoặc cùng lắm, nếu phải dịch thì dịch là “bài-cú.” Còn để nguyên *haiku* thì không phải lo ai lầm lẫn, và cách đọc đối với một người Việt cũng thật dễ dàng, không lo phát âm thành cái gì khác lạ.)

* * *

Đến đây, chúng tôi xin bàn một chút đến cách dịch thơ Nhật. Có lẽ độc-giả cũng đã nhận thấy là tôi tìm cách dịch thơ Nhật 5/7/5 thành 3/5/3 trong tiếng Việt hay 5/7/5/7/7 thành 3/5/3/5/5. Tại sao vậy?

Có hai lý-do. Một là chúng tôi đã để ý, có một số dịch-giả như cố-Hoà-thượng Thích Thiên Ân, ngày xưa học ở Tokyo, đã từng dịch thơ Nhật sang tiếng Việt thành: 5/7/5 trong trường-hợp *haiku* hoặc 5/7/5/7/7 trong trường-hợp *tanka*. Song làm như thế, thường người dịch phải thêm chữ, thêm ý vào cho nó đủ số âm-tiết. Và câu thơ Nhật, nhẹ nhõm thanh thoát biết bao, bỗng trở thành một câu rườm rà chữ nghĩa.

Thật ra, và đây là lý-do thứ hai, tiếng Nhật là một tiếng đa âm trong khi tiếng Việt, nhất là trong thơ, rất ít khi cần đến các tiếng đa âm. Con chim cuốc của ta, chẳng hạn, sang tiếng Nhật là tới 5 âm-tiết (*hototogisu*). Một từ *hototogisu* đủ thành một dòng 5 âm-tiết trong một bài thơ tiếng Nhật rồi, do đó nếu ta lại lấy tới 5 âm trong tiếng Việt để dịch thì hiển-nhiên ta sẽ phải làm rất nhiều chuyện mà tiếng Anh gọi là “padding,” tức nhồi thêm chữ vào cho đủ số âm-tiết cần thiết. Dịch thế là một cách làm cho nặng thêm câu thơ và, nói cách khác, là giết bài thơ so với bài thơ nguyên gốc.

Đó là lý-do tại sao tôi đã chọn dịch mấy câu thơ 5/7/5 âm-tiết trong tiếng Nhật thành

3/5/3 trong tiếng Việt. Đây là hoàn-toàn do ngẫu-nhiên trong khi dịch thơ Nhật mà chúng tôi khám phá ra sự tương-đồng giữa 5/7/5 của Nhật và 3/5/3 của ta. Làm như tôi, chúng ta sẽ giữ được cả cái tinh-thần “thâm-mỹ lệch” (thích số lẻ) của người Nhật và thơ Nhật:

5/7/5 Nhật (*haiku*) thành 3/5/3 Việt

Và

5/7/5/7/7 Nhật (*tanka*) thành 3/5/3/5/5 Việt

* *

Một trong những luật của thơ Haiku Nhật-bản là: tuy bài thơ thật ngắn song bao giờ cũng phải có một chữ nào trong bài cho ta biết đó là nói về mùa nào trong năm. Chữ đó mà trong tiếng Nhật gọi là *kigo* (quý-ngữ) có thể là nói thẳng thừng đến “xuân” (*haru*), “hạ” (*natsu*), “thu” (*aki*), hay “đông” (*fuyu*). Hoặc nó có thể là một vật gì làm cho ta liên-tưởng đến một mùa nào đó: chẳng hạn, tuyết thì thường làm cho người ta nghĩ đến mùa đông, anh-đào mùa xuân, con cuốc mùa hè, và hoa cúc mùa thu. Mưa xuân (*harusame*) cũng là một *kigo* và cái áo toi cũng dễ làm cho người ta nghĩ đến mưa xuân.

Chính vì người Nhật là một dân-tộc rất nhạy cảm về thời-tiết và với thiên-nhiên nên họ phân-biệt thơ của họ theo mùa. Có không ít tuyển-tập thơ của Nhật được sắp xếp theo mùa, do đó nên không lấy làm lạ là bộ sách giới-thiệu *haiku* Nhật-bản nổi tiếng nhất cho người đọc tiếng Anh là bộ của R.H. Blyth (Tokyo: The Hokuseido Press) cũng được chia ra thành “Xuân” (tập 2), “Hạ, Thu” (tập 3) và “Đông” (tập 4).

Cuối cùng, như tôi đã có dịp nói ở một đoạn trên, nếu một bài thơ Nhật-bản được trình bày từ trên xuống hay theo dọc hàng ngang mà không xuống dòng thì làm sao ta biết được đâu là hết một dòng hay bắt đầu một dòng mới. Thưa, sở dĩ ta biết được chuyện này là vì thơ Nhật có những cách ngắt câu bằng những từ như *ya*, *kana*, *keri* mà theo Harold G.

Henderson, tác-giả của một cuốn dẫn nhập vào Haiku (*An Introduction to Haiku*) cũng rất nổi tiếng, chúng “không có nghĩa gì rõ rệt để ta có thể dịch được sang tiếng khác nhưng chúng thường đánh dấu một câu chưa dứt và, thêm vào đó, còn có một sức mạnh khó mô-tả của riêng chúng.” Để chuyển tả một phần nào ý-nghĩa của những “chữ ngắt” (*kireji*) này, trong bản dịch chúng tôi đã dùng đến các thứ chấm, phẩy mà trong tiếng Nhật không có. Tuy-nhiên, dù làm vậy để cho rõ nghĩa, chúng tôi cũng muốn nhắc độc-giả là thơ Nhật, cũng như thơ cổ-điển của nhiều truyền-thống trên thế-giới, chủ-yếu là để đọc lên và do đó, được quan-niệm như là một bài hát (*uta* hay *ka* trong tiếng Hán-Nhật, tương-đương với chữ *ca* trong Hán-Việt).

Trở lại nhận-định Haiku là thể thơ ngắn nhất của nhân-loại, chúng ta có thể lấy hai câu lục bát rất nổi tiếng của Việt-nam (mà nhiều người nghĩ là ca-dao nhưng cũng có người lại khẳng-định đó là thơ Bàn Bá Lân):

Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
và biến bài thơ đó thành một bài Haiku:
Cô tát nước,
sao múc ánh trăng vàng
cô đổ đi?

1. Có thể có người sẽ phân-bác: Một bài Haiku là 17 âm-tiết (5/7/5) trong khi một câu lục bát của Việt-nam chỉ có 14 âm-tiết, như vậy phải nói là thơ lục bát ngắn hơn Haiku Nhật-bản. Thưa, nói thế chưa hẳn đã đúng bởi tiếng Nhật là tiếng đa âm nên trong 17 âm-tiết của một bài Haiku có khi thực ra chỉ có 7-8 từ trong khi trong 14 âm-tiết của một câu lục bát thường là có tới đầy đủ 14 từ.

NGUYỄN NGỌC BÍCH

(Virginia)

NHỚ NGÀY THÁNG CŨ

Nghe tiếng đàn ai dạo phím tơ
Ngậm ngùi nuối tiếc chuỗi ngày mơ
Sông xa thuyền giạt chưa về bến
Chốn cũ người đi đã khuất bờ
Một cõi hồn hoang sầu lắng đọng
Hai hàng cây lặng đứng trơ vơ
Bao mùa tiếp nối gây thương nhớ
Để khách phong trần nặng với thơ

Thơ vẫn theo từng bước viễn phương
Nửa vòng trái đất, mấy trùng dương
Chẳng quên áo trận thời chinh chiến
Và nhớ sân chơi chốn học đường
Có kẻ tha hương sầu mất nước
Hận ngày lịch sử giờ sang chương
Ba mươi năm lẻ còn luân lạc
Mái tóc xanh giờ đã điểm sương

Sương đêm hiu hắt lạnh lòng rơi
Nhớ cảnh càng thêm chạnh nhớ người
Tâm sự mênh mang chùng hấn xuống
Giòng đời nghiệt ngã lặng lẽ trôi
Ôi hình ảnh cũ còn nguyên vẹn
Mà ý thơ suông khéo vẽ vờ
Lòng đã bao lần như muốn hỏi
Sao còn biền biệt cách đôi nơi ?

Nơi ấy ra đi tận xứ này
Nào ai cùng nhấp chút men say
Đồng tâm thưở trước còn bao kẻ ?
Tri kỷ bây giờ được mấy tay ?
Thân phận lưu vong nhòa mất lệ
Tình người lữ thứ giạt bèo mây
Tranh danh, đoạt lợi cùng xâu xé
Thì cảnh đoàn viên chẳng đến ngày

Ngày xưa...cùng đứng dưới cờ vàng
Khói lửa toại bời lúc hạ sang
Đã chẳng sá gì bom đạn nổ
Nào còn quản ngại nắng mưa dang
Bình hùng nên nổi khi tàn cuộc
Tướng giỏi vì đâu phải rã hàng
Đất nước thanh bình, ôi thống nhất !
Dân lành thống khổ khắp thôn trang

Trang thơ viết vội lúc chong đèn
Thơ viết chưa rồi, dạ chẳng yên
Ý vẫn rạc rời toan gác bút
Lời càng chua xót để sầu nghiên
Phương xa vời vợi chìm tăm cá
Chốn cũ cơ hồ bật dáng quyền
Biết đến bao giờ ta trở lại
Tìm trong giấc mộng cũng hư huyền

Huyền hoặc bao lời nói, cũng nghe
Người đi lắm kẻ đã quay về
Nương thân tị nạn còn say đắm
Quên kiếp dân lành vẫn thăm thê
Nhìn giặc tham tàn trên khắp cõi
Mặc ai điều đứng đủ trăm bề
Đổi đời, mục tử lên ngôi chủ
Dép lổp tha hồ dẫm nát què

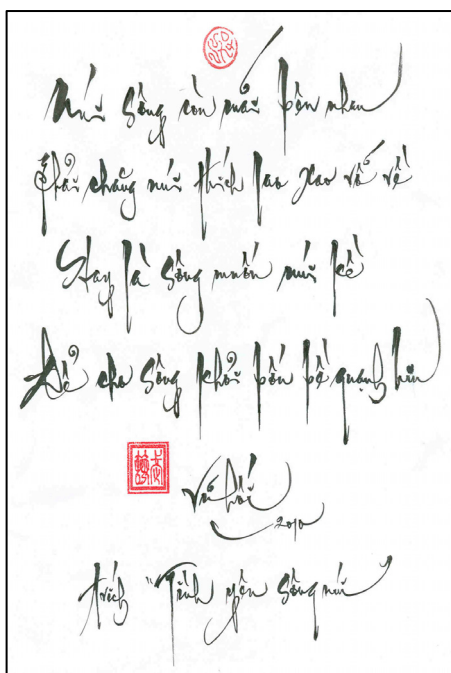
Quê vẫn là quê lúc tuổi hoa
Nhưng ngày tháng cũ đã lùi xa
Thu sang chớm có hơi may thổi
Đông đến đâu nhìn sương tuyết pha
Đón hạ nở bùng bao cánh phượng
Vui xuân thưởng ngoạn mấy tranh gà
Bạn bè ai mất, ai còn nhỉ ?
Vó ngựa thời gian vụt lướt qua

Qua rồi kỷ niệm thuở xuân xanh
 Như thể song thưa gió lọt màn
 Đã chẳng đi xa tìm gác tía
 Sao đành quên lúc ở chòi tranh
 Dầu đem thân nọ vùi chấn ẩm
 Vẫn nhớ năm nào ngủ chiếu manh
 Khúc nhạc ly hương buồn bã thế ?
 Cho lòng xao động giữa đêm thanh

Thanh vắng từng đêm ở xứ người
 Bao giờ mới thấy ánh xuân tươi
 Những năm luân lạc sầu khôn dứt
 Một thuở lưu đày hận khó vơi
 Ai vẫn đợi chờ trên bến nước
 Ta đang phiêu bạt ở bên trời
 Gửi niềm tâm sự qua trang giấy
 Nghe nổi u hoài chợt réo sôi.

Nguyễn Kinh Bắc

(Pennsylvania)



MÂY TRẮNG QUÊ NGƯỜI

Cao ngất đỉnh Trường Sơn
 Quê nhà xa cách mãi,
 Tình xưa ngăn đại hải
 Mây trắng trời tha phương.

Tháng ngày nương đất khách
 Ngậm ngùi tóc hoa sương
 Cầm bằng nương đất trịch
 Bạc lòng tư cô hương.

Gọi nhau hoài tiếng dội
 Từ mỗi vách tim ngăn
 Phương xa mòn mắt đợi
 Đêm sâu mộng gối chăn !
 Đêm qua giấc kê vàng
 Dệt tình xanh thuở đó
 Vòng tay ru em ngủ
 Vỗ sóng đời âm vang .

Buồn anh như đáy vực
 Buồn em như thành cao
 Đêm khơi dòng ký ức
 Người ơi ! tình xôn xao !...

Hoàng Song Liêm
 (Virginia)

Lục-Bát Mùa Thu

THANH TRANG

"Lục-Bát" mùa Thu ở đây không phải là người viết muốn giới thiệu một bài thơ Lục-Bát của mình nhân mùa Thu vẫn còn lai vãng ở xứ này, tức là Thu ở các tiểu bang khác chứ còn tại Cali nơi người viết trú ngụ thì họa chăng rải rác ở vài nơi còn có tí về Thu với lá vàng lá đỏ gì đấy chứ còn Nam Cali thì chủ yếu là còn thua cả miền Nam VN, nơi có hai mùa nắng mưa, vì ở đây hàng năm chỉ có mỗi một mùa nắng, bắt luận là Xuân Hạ Thu Đông !

Chuyện gì thì cũng có đầu có đuôi Vậy thì đầu đuôi của đề tài ở đây là như sau !

Có hai người làm thơ bàn luận với nhau về phép tắc đối với thể thơ Lục-Bát ! Một người quen làm nó theo như từ xưa từ xưa người ta vẫn làm . Còn một người thì muốn làm nó "khác" đi một tí, tức là không phải lúc nào cũng cứ cái kiểu chữ cuối của câu tám phải vần với chữ cuối của câu sáu trước đấy, rồi đến lượt chữ cuối của câu sáu kế tiếp lại phải phải vần với chữ cuối của câu tám vừa nêu. Người đọc nào mà cho rằng người viết ở đây việc gì phải lằm cằm đến cái mức lập lại một điều mà "ai cũng biết" thì xin thưa ngay rằng không phải "ai cũng biết", bởi bằng chứng hiển nhiên là nếu biết thì đã chẳng có vô số người cứ nhất định không biết hay không muốn biết là nguyên tắc của cái vụ thơ Lục-Bát thì nó phải như thế, chưa nói gì đến mục "bằng trắc" này kia để sao cho câu thơ đọc ra nghe êm tai chứ không như bị tác giả người ta hành hạ mình về cú pháp, chữ nghĩa, âm điệu !

Vậy thì trong hai người nói trên, chuyện gieo vần trong thơ Lục-Bát vẫn còn là đề tài

tranh luận thì người không tán thành cách làm thơ Lục-Bát tùy tiện, phải chi ngưng lại ở đấy thì vấn đề cũng đa là rạch ròi. Đàng này- có lẽ vì "mất kiên nhẫn" sao đây chẳng, người ấy còn đề nghị với người kia là nếu muốn làm thơ Lục-Bát theo kiểu tùy tiện như thế thì chỉ bằng đừng có theo cấu trúc của trình tự câu sáu câu tám nữa mà cứ việc thay đổi số chữ, rồi vần điệu có gieo tùy tiện sao đây thì cứ thế mà làm "tùm lum", sao cho thành "thơ tự do" thì thôi !

Và thế là đang từ chuyện thơ Lục-Bát lại dẫn dắt đến chuyện thơ "tự do" !

Có điều là người "chấp hành nghiêm chỉnh" cung cách làm thơ Lục-Bát kia đã gửi một cái e - mail chung cho nhiều người để tham khảo ý kiến ! Thế nào mà trong số lọt vào danh sách người nhận kia lại có cả địa chỉ e- mail của người viết ở đây ! Và như vậy mới là khá rầy rà, vì thuở nay người viết ở đây chưa từng bao giờ tự nhận mình hoặc được người đời thừa nhận là "thi sĩ" hay "nhà thơ" gì cả !

Mình không là "thi sĩ" , "nhà thơ" hay "học giả" gì đấy mà đi có ý kiến về phép làm thơ sao cho "phải đạo" thì e có khi cũng là "vượt chức năng" chẳng?

Tuy nhiên, để tuân thủ phép lịch sự thông thường, có người người ta muốn biết cả ý kiến của mình nữa, thì người viết ở đây cũng đã mạnh dạn có ý kiến trên tinh thần biết đến đâu viết đến đó; biết đến đâu nói đến đó. Điều vừa rồi hết sức quan trọng, bởi người viết ở đây từng nhận xét là không hiếm người "biết" không đến nơi, "hiểu" không đến chốn nhưng vẫn cứ thế mà dang đàn viết lách, nói năng rất "tự do thả mái" !

Trong bộ sách gồm hai tập tựa là "Tân Đà vận văn" mà người viết ở đây chả còn nhớ là có

sở sản xuất nào ấn hành hoặc một ấn bản cũ được tái bản lần thứ mấy ; chỉ nhớ là mào đầu có bài tựa của ông Nguyễn Mạnh Bông thì chúng tôi cũng nhớ rõ nơi dòng đầu tiên có câu nói lên cái ý là người viết lời bạt muốn thu thập lại "những tác phẩm về thơ dưới dạng gốc rễ của nó trong văn học nước nhà" !

Người viết ở đây đặc biệt chú ý đến hai chữ "gốc rễ" ! Bởi thơ của Cụ Tản Đà thì chắc như đinh đóng cột là Cụ không làm gì khác hơn là viết nên những vần thơ thuộc loại "đề đời" cho hậu thế, cho dù là Cụ làm theo thể thơ gì đi nữa !

Vậy thì thể này: Muốn làm thơ Lục-Bát theo kiểu cho có gốc có rễ thì ta cứ theo gương các Cụ Nguyễn Du hay Tản Đà mà làm, phải không nào? Còn nếu muốn làm thơ Lục-Bát mà bắt cần đến đến gốc hay rễ của truyền thống văn học nước nhà thì ta cứ theo ý ta mà ta làm, miễn là đừng có gọi đấy là "thơ Lục-Bát"! Dễ quá, phải không nào?

Cụ Nguyễn Du viết tập thơ Kiều trên hai nghìn câu! Từ non hai trăm năm nay, kể từ ngày bản khắc in đầu tiên ra đời theo như các tài liệu có được, chả một ai dám chê Thơ Lục Bát trong truyện Kiều là không trác tuyệt! Không như hàng hà sa số những trước tác về mặt thi ca khác mà có người thích, kẻ không thích!

Vậy thì trong số trên hai nghìn câu thơ Lục-Bát đó mà có câu nào không ăn vận với câu nào mà ai biết được thì xin vui lòng thông báo giúp để chúng tôi có được một nội dung mà viết về đề tài "Những trường hợp không tuân thủ niêm vận trong Thơ Kiều" !

Ta thử lấy câu sau đây trong tập Thơ Kiều, đoạn Kiều viếng mộ Đạm Tiên :

"Một vùng cỏ áy bóng tà"

"Gió hiu hiu thổi một và bông lau"

"*Một vài bông lau*" thì người bình dân như chúng tôi đây còn hiểu được, chứ còn "*một và bông lau*" thì là thể nào? Cỡ như Cụ Nguyễn Du thì thừa sức tìm ra một chữ gì đấy

cho nó vận với vần "ai" ở chữ cuối của câu trên, phải không nào?

Cụ cũng thừa sức chọn một câu khác để thay cho câu "Gió hiu hiu thổi một và bông lau", phải không nào? Thế nhưng Cụ vẫn cứ thích cái câu đó, và Cụ "linh động" biến chữ "vài" thành chữ "và" , mà giả định là người đọc ai nấy cũng đều hiểu theo cái nghĩa "một vài" chứ không thể hiểu khác đi. Mà có như vậy, theo Cụ, thì mới đúng niêm vận theo gốc rễ của thể thơ Lục-Bát !

Cạnh đó thì có ai làm thơ Lục-Bát mà không theo kiểu câu sáu câu tám nhưng vẫn nghe ra rõ ràng là thơ Lục-Bát không nhỉ? Thì ta cứ việc quay lại với Cụ Tản Đà !

Cụ viết như thế nào nào?

Cụ viết :

"Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng"

"Cây Ngô cảnh Bích con chim Phượng Hoàng nó đậu cao !"

"Anh tiếc thân em phận gái má đào"

"Tham đồng bạc trắng nên ghép mình vào cái chú Tây Đen"

"Sợ tơ hồng ai khéo se duyên"

"Đem tranh tố nữ treo bên tượng đồng" !

Vẫn là thơ Lục-Bát đấy! Thế nhưng là thơ Lục-Bát khi Cụ Tản Đà viết theo kiểu vui đùa, hóm hỉnh! Cụ chẳng từng hiểu mình, hiểu đời, hiểu người với những câu thơ nói về cái tính "ngông" của mình là gì? Mà số chữ Cụ thêm thắt vào cấu trúc của thể thơ Lục-Bát trong câu ở trên đâu có phải là tùy tiện? Nó phải như thế nào thì mới giữ được tinh thần của thể thơ Lục-Bát chứ đâu có phải tăng giảm số chữ một cách tùy tiện là đọc lên vẫn ra âm hưởng của thơ Lục-Bát như thế?

Từ đó mới xin có đôi dòng về cái vụ "thơ tự do"! Từ đâu mà có cái vụ "Thơ Tự Do"? Đề tài này nó nằm chung trong văn học của cả thế giới rồi, chứ chả phải chỉ có ở nước Việt ta, trong tiếng Việt ta! Một trong những chủ trương cốt lõi của nó là ở chỗ người ta cho rằng nếu cứ câu nệ các mặt khuôn phép

khi làm thơ thì cái tính "tự chương" đó nó "gò bó", "cản trở" óc sáng tạo của con người ta ! Bên ta, thoát kỳ thủy, vào đầu thế kỷ 20, người ta chưa dám đường đột nhảy từ thể thơ "Cổ Điển" qua thể "Thơ Tự Do". Người ta chỉ dám bước một bước ngăn ngắt, "nhẹ nhàng" gọi đó là "Thơ Mới" !

"Mới" cỡ nào? Ta cùng nhau xem lại một đoạn trong bài "Tình Già" của Cụ Phan Khôi, một người được xem như trong hàng "tiên phong" của ngành "thơ mới" :

*" Hai mươi bốn năm xưa,
một đèm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
hai mái đầu xanh kề nhau than thở.
Ôi đời ta tình thương thì vẫn nặng,
mà lấy nhau hẳn là không đặng;
Để đến rồi tình trước phụ sau,
chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau "*
(.....)

Ai dám bảo là không có vần điệu? Ai dám bảo là hình thức "thơ mới" như vậy thì bất chấp ý niệm về vần điệu trong thơ?

Cả một tập "Mấy vần Thơ" của Thế Lữ, một tác giả nổi tiếng khác trong phong trào "Thơ Mới", có bài nào bất chấp vần điệu, cho dù cấu trúc phần lớn các bài thơ đều không theo thể thất ngôn, ngũ ngôn hay bất-cứ-số-lượng-ngôn nào đi nữa?

Điển hình; bài "**Thức giắc**"

*"Gió may đuổi giắc mơ màng"
"Tình ra thấy bóng trăng vàng bên chăn"
"Trước cửa sổ, đây sân những bóng"
"Tùng bóng đêm lay động vật vờ"
"Qua sau hiên xào xạc mây tờ chuối xanh"*

Ai khác sao không biết, chứ còn riêng người viết ở đây thì sẵn sàng yêu thích những bài thơ kiểu "mới", kiểu "tự do" như thế! Còn những loại "thơ tự do" khác, ý không có, tứ không có, vần không có, điệu không có, thì xin miễn dùm cho !

Có những điều người đời người ta nhìn vào thì người ta biết nhưng "không tiện nói ra", chứ còn giữa cái thực sự là sáng tạo và cái "không làm được hay ho như người khác nên bày đặt làm khác đi cho ra cái vẻ là sáng tạo" thì người am tường người ta đều biết cả !

"Thơ Cũ" nó cũ kỹ quá rồi chẳng? Ông André Chénier, nhà báo, nhà thơ có tiếng tăm của thế kỷ 18 bên Pháp đã từng có câu: "*Sur des penses nouveaux faisons des vers antiques*"; tạm dịch " *Với tư duy mới, ta chẳng cứ làm những câu thơ cổ kính*" !

Ta cứ nhắc đến các Cụ Nguyễn Du, Tản Đà là các vị tiền bối thơ xưa, chứ còn thiếu gì các nhà thơ thứ thiệt của các thế hệ cận đại và đương đại người ta vẫn chẳng làm thơ Lục-Bát có gốc có rễ đâu vào đó đảng hoàng nghiêm chỉnh là gì? Các ông như Xuân Diệu, Huy Cận, dân "Tây Học" cả, mà chẳng là "mới" à? Ông Huy Cận ông ấy làm thơ Lục-Bát ra sao nhỉ? Ông ấy làm như thế này:

Thu rùng

Bỗng dung buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.
Nai cao gót lẩn trong mù
Xuống rùng neo thuộc nhìn thu mới về.
Sắc trời trôi nhạt dưới khe,
Chim đi, lá rụng, cành nghe lạnh lùng.

Sầu thu lên vút, song song
Vội cây hiu quạnh, vội lòng quạnh hiu.
Non xanh ngậy cả buồn chiều,
Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia...

Ấy là thơ Lục-Bát loại "thứ thiệt"! Còn loại không "đúng điệu" để đọc và thưởng thức cho ra thơ "Lục-Bát" thì có lẽ nên cải danh cho nó để tránh lẫn lộn thứ thiệt với thứ giả hiệu! Có lẽ nên gọi đó là "Thơ Rửa Bát"!

Thanh Trang

Nam Cali , Thu 2011

Anh Còn Hẹn Em Đến Bao Giờ

Thơ:
Cung T Lan

Nhạc:
Huy Lâm
© 2011

Tango

Anh còn hẹn em đến bao giờ Sao em nghe thấy hững hờ
Hy vọng dần tan vào biển nhớ Như tiếng cung đàn đứt dây tơ
Anh còn hẹn em đến kiếp nào Cho tâm tư bớt u sầu
Có phải tình yêu là mộng tưởng Cho hết kiếp này vẫn thương đau
Xin cho em nói một lời Không gian vật đổi sao dời
Có phải tình yêu là gió Đưa lời hẹn ước trăng sao
Anh còn hẹn em đến kiếp nào Muốn nói nhưng em vẫn ngại ngần



Chắc anh dư hiểu tình xa vắng Muôn đời tình chẳng thể đợi trông



Anh còn hẹn em đến bao giờ Sao em nghe thấy hững



hờ Hy vọng dần tan vào biển nhớ Như tiếng cung đàn đứt giây



tơ Anh còn hẹn em đến bao giờ Cho tâm tư đứt u



sầu Cho ta tình khúc ban đầu Khi hai chúng mình tìm đến bên



nhau _____ Khi hai chúng mình tìm đến bên nhau _____

LET ME GO

When I come to the end of the road
And the sun has set for me
I want no rites in a gloom filled room
Why cry for a soul set free?
Miss me a little, but not for long
And not with your head bowed low
Remember the love that once we
shared
Miss me, but let me go.
For this is a journey we all must take
And each must go alone.
It's all part of the master plan
A step on the road to home.
When you are lonely and sick at heart
Go the friends we know.
Laugh at all the things we used to do
Miss me, but let me go.

*

When I am dead my dearest
Sing no sad songs for me
Plant thou no roses at my head
Nor shady cypress tree
Be the green grass above me
With showers and dewdrops wet
And if thou wilt remember
And if thou wilt, forget.
I shall not see the shadows,
I shall not fear the rain;
I shall not hear the nightingale
Sing on as if in pain;
And dreaming through the twilight
That doth not rise nor set,
Haply I may remember,
And haply may forget.

Christina George Rossetti
(1830-1894)

ĐỀ TÔI RA ĐI

*Khi tôi tới cuối đường đời
Vàng dương theo lặn cuối trời xa xôi
Đừng bày nghi lễ cho tôi
Đầy phòng sâu muộn thêm khơi nỗi nề
Hồn tôi thanh thản, khóc chi?
Nhớ tôi thoáng chốc, chớ hề nhớ lâu
Không cần cúi thấp mái đầu
Nhớ yêu thương lúc cùng nhau cận kề
Nhớ tôi nhưng đề tôi đi.
Đoạn đường ai cũng phải về trước sau
Du hành đơn độc tránh đâu.
Trò chơi tạo hóa nhiệm màu lạ chi
Bước đầu trên nẻo thác về.
Khi người cô độc và tê tái lòng
Hãy tìm hạp bạn tương đồng.
Cười như xưa lúc mình cùng đùa vui
Nhớ tôi hãy cứ nhớ thôi
Để tôi đi nhé, thanh thoi trên đường.*

*

*Khi tôi chết, hỡi người thương,
Xin đừng hát khúc sầu vương nỗi nùng
Mộ tôi hồng thắm đừng trồng
Chẳng cần bóng bách, bóng tùng
buông lơi
Hãy giăng cỏ mượt xanh tươi
Đón mưa gieo hạt, hứng trời mù sương
Tùy người hể nụ nhớ thương
Hoặc theo cánh gió xuôi vườn lãng quên.
Tôi nào thấy bóng tối đen,
Nào còn cảm nhận êm đêm mưa rơi;
Nào nghe chim hót tuyệt vời
Họa mi đường đã rói bởi đau thương;
Tôi mơ qua ánh vừng dương
Đâu còn mọc, lặn cuối đường chân mây
Đôi khi nổi nhớ dâng đầy
Đôi khi quên lãng lòng đầy lạnh lùng.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyển ngữ)

Christina George Rossetti

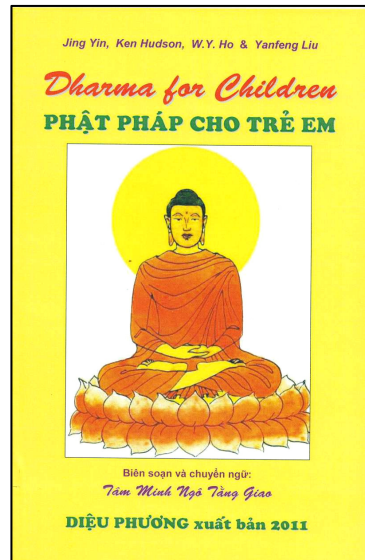
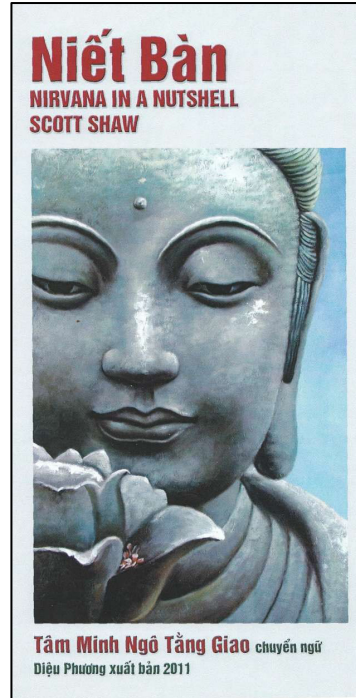


Christina George Rossetti (1830 - 1894) sinh ở London, là nữ thi sĩ Anh gốc Ý, con út trong một gia đình có 4 người con. Bố là một nhà thơ nhà phê bình, học giả người Ý di cư sang Anh năm 1824.

Christina Rossetti biết làm thơ từ năm 12 tuổi. Ngoài thơ trữ tình, lãng mạn bà còn làm thơ cho thiếu nhi và viết truyện.

Christina Rossetti mất vì bệnh ung thư ngày 29 tháng 12 năm 1894 và được mai táng tại nghĩa trang Highgate rất nổi tiếng ở London. Đầu thế kỷ XX với sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa hiện đại, người đời hầu như lãng quên thơ của bà và đến thập kỷ 70, thế kỷ XX, sự nổi tiếng của thơ bà mới quay trở lại. Hiện tại, các nhà phê bình văn học gọi Christina Rossetti là một gương mặt tiêu biểu của thơ ca Anh thời đại Victoria.

Thơ tình của Christina nói nhiều đến sự phù du của những khoái lạc tình yêu, về sức mạnh của tình yêu và sự thiếu hoàn hảo của nó, cuộc đời là sự hướng tới những đỉnh cao của tinh thần còn cái chết là sự tĩnh lặng, là sự biến dạng và hợp nhất với cái Vĩnh hằng. Thơ của bà giàu hình tượng và có một vẻ tự nhiên của ngôn ngữ thơ ca.



Hay liên lạc: **NGÔ TĂNG GIAO**
<giaongo@msn.com>

BỆNH VÌ NHỚ!

Võ Thị Trúc Giang

- Biết anh bệnh, phải uống thuốc, mà hễ mỗi khi anh kể chuyện lại không thông cảm, không chia sẻ với anh, chỉ trách cứ, nào là khi em cần anh không có mặt cạnh bên... Thương anh mà cứ như vậy hoài. Tại sao?

Đọc thư Quá Khứ, nghe thấy giọng anh không vui, biết anh đang giận, Tình liền viết trả lời anh:

-....chỉ vì em nhớ anh quá thôi mà! Quá Khứ đang bệnh, Tình nhớ anh quá cũng đang bệnh đó!

Chẳng ai chịu chia sẻ cho ai, hai kẻ của quá khứ nhớ nhau nên bệnh, bỗng hiện về đời nọ. Nợ tình.

oo0oo

Sáng thứ bảy Tình thức dậy thật sớm, nàng tính tắm gội sạch sẽ chuẩn bị vào bệnh viện ở Notaufnahme, khu cấp cứu. Sau một giấc ngủ thom, nhờ tối nào trước khi đi ngủ nàng có thói quen đi dạo, tập thể dục dưỡng sinh chút ngoài sân rồi mới vào ngủ, giấc ngủ đến dễ dàng. Trăng về đêm cao vàng vọt, sáng trên đồi cao có cảm tưởng như có thể hái được trăng, sao. Nghe ngàn Thông vi vu trò chuyện.

Tuần qua, Tình phát giác mình có bệnh, người mệt hơn bình thường, thấy trong nước tiểu của mình có máu. Nàng lo vu vơ, nghĩ đến u ác tính đang ăn mòn cơ thể mình. Có khi nào vào bệnh viện bác sĩ khám và báo cho mình biết, mình chỉ còn vài năm để sống thì sao nhỉ? Ủ thì chắc là

mình sẽ hồi hả sống. Sống hết mình. Yêu hết mình. Sống thả cửa, không hổ thẹn. Không giấu giếm. Ở đời, có căn bệnh nào tên là **bệnh-vì-nhớ** không nhỉ?

Tuần chòng nàng hỏi: "Lạ, tại sao Tình không đi bác sĩ ngay tuần qua nhỉ, đợi đến hôm nay mới đi, cuối tuần có bác sĩ trực không? Em đã xin giờ hẹn xin làm ba cái Krebs Vorsorgeuntersuchungen chưa?". Tình trả lời "Chưa, em chưa". Tuần la lên "Trời ơi sống bên này có bảo hiểm lo hết, sao không chịu đi đi, anh không thể hiểu, có muốn anh chờ đi không?"- Thôi, em tự lo được.

oo0oo

Ngồi xe lửa xuống phố, lơ đãng ngắm cảnh bên đường cũng là cái thú. Con Phố bỏ lại sau lưng. Giòng sông cũng mất hút, đến những ngôi nhà cũng vùn vụt rút lại sau lưng. Tất cả lao theo về phía trước. Giống như lao vào tương lai sắp tới. Quá Khứ rút lại sau lưng. Những chùm cây lá vàng rực thật đẹp, lá thu vàng bay tung theo gió. Ngắm những con đường sắt của xe lửa, tai nghe tiếng rầm rập của bánh xe nghiền nát trên con đường sắt như giận dữ.

Xe dừng lại ở một trạm, vài vị khách ăn mặc lịch sự, kéo nhau lên xe điện. Một bà ngồi ghé cạnh, các ông bà cùng nhóm, ngồi hàng ghé đối diện. Họ trò chuyện với nhau cười ròn rã. Vãnh tai nghe lóm biết họ kể về chuyến "Kaffeefahrt"(chuyến đi chơi được Café free) của họ, khiến Tình nhớ lại chuyến đi bus Kaffeefahrt của mình cách nay gần chục năm trước.

Kaffeefahrt là gì? Là mình du lịch bằng bus, trả tiền rất rẻ mà còn được bao bữa ăn trưa (đĩ nhiên chẳng sang trọng gì), và du thuyền trên Mosel. Ông già, bà cả Đức

thích lắm, được du ngoạn chung, ngược lại xe bắt dừng đâu thì mình phải đi theo đó.

Thí dụ: Trên xe có chàng hướng dẫn, miện leo lẻo quảng cáo mặt hàng này đến mặt hàng nọ, xe đi được hơn 2 tiếng rưỡi, thì xe đỗ vào nhà hàng ven đường. Bà con bị lừa vào quán, ai nấy tìm chỗ ngồi, đâu đó thì được dọn ra đồ ăn trưa. Nói chung đây là loại lừa khách hàng nhất là người già Đức, nghề nghiệp. Qua đó họ bị mờ mắt vì quảng cáo và móc túi bỏ tiền mua những thứ chẳng có phẩm chất gì.

Có cặp vợ chồng kia, bà vợ nắm tay chồng buồn bã kể - Chồng tôi bị bệnh ung thư giai đoạn cuối, bác sĩ đã bó tay rồi - Tức thì chàng hướng dẫn viên nói:

- Vậy bà đưa ông nhà đi chơi chuyến này là đúng thời điểm quá. Loại thuốc nấu bằng táo, nước trái cây này là thuốc tiên chống bệnh ung thư. Bà nên bảo vệ hạnh phúc của bà là kéo dài mạng sống của ông nhà. Tôi biết có những cặp vợ chồng suốt đời tận tiện để dành nhưng phút cuối thì bỏ lại hết ra đi, chẳng hưởng gì về cuộc đời. Bà chỉ cần bỏ 800 Ô-rô mua loạt thuốc tiên này, sau vài tuần bà sẽ thấy ông dần khỏe lại quên hẳn căn bệnh của mình. Bà nên tặng cho chính bà món-quà-hạnh-phúc: là tặng cho ông Sức Khỏe.

Bà vợ đang rung rung nước mắt, mắt sáng lên nguồn hy vọng, nắm chặt tay chồng. Hai người nhìn sâu vào mắt nhau. Chàng bán dạo quảng cáo quá tài tình, đánh trúng tim đen của người đang rơi vào đáy tuyệt vọng. Bà đâu tiếc gì có 800 Euro nếu mà nó cứu được mạng chồng mình. Bà chạy lên quầy mua ngay hộp thuốc tiên cho ông. Hồ hởi niềm hy vọng và tràn đầy tạ ơn Thượng Đế.

Trên xe bus, chuyển về, Tình ngồi sát bên ngàn ngại hỏi - Bà có hối hận vì đã lỡ

mua thuốc mắc tiền mà chưa thử và không biết hiệu quả của thuốc ra sao không? Bà con mắt khóc đỏ hoe "Giờ thì tôi hối hận quá nhưng lỡ mua rồi, tiền trao cháo múc làm sao lấy lại!". Ông chồng nén tiếng thờ dài ngó mông lung ra cửa sổ. Xe lao đi.

oo0oo

Ngồi phòng chờ đợi của bệnh viện sáng thứ bảy, sao mà nhiều bệnh nhân đi khám vào cuối tuần thế nhỉ? Những người chạy vào bệnh viện khu cấp cứu cuối tuần là bệnh khẩn họ sợ mầm u độc sẽ tấn công, sẽ rút ngắn ngày còn sống bình an của họ trên dương trần. Họ mong được kéo dài sự sống. Thời gian không cho phép chờ đến thứ hai tuần sau, hoặc giả xin giờ hẹn ở phòng mạch lâu lắc. Trường hợp của Tình cũng vậy, đau cứng bụng dưới và nước tiểu có máu cả tuần qua dai dẳng, Tình sợ. Đã từng nói chả sợ chết, nay lại cầu kéo dài sự Sống thêm ra.

Sau hai tiếng cũng đến phiên mình, Tình đi theo sau lưng ông bác sĩ Urologer. Ông lịch thiệp bảo Tình nằm lên giường, vui vẻ hỏi chuyện, tay dùng máy rà Untraschall rọi thận, rọi bụng dưới của bệnh nhân. Miệng không ngưng giải thích về kết quả cuộc khám nghiệm nước tiểu thì rõ ràng là Tình bị viêm bọng đái. Tình nhìn ông hỏi "Ông chắc chắn là tôi không có mang u nhọt độc chứ?" Ông vỗ vai nàng trấn an "Chắc chắn là không, bà chỉ uống thuốc kháng sinh, sau một tuần sẽ khỏi - Sau 5 ngày bà quay lại khám nhé" - Ghi toa mua thuốc xong, Tình cảm ơn và ra bến xe chờ quay về.

oo0oo

An tâm là mình chưa tới số chết. Đạo qua Phố ngày thứ bảy, dập dìu người đi mua sắm, đèn và nhạc giáng sinh bắt đầu trôi lên ở góc Phố, nàng thấy vui vui, giúp nàng xa rời Quá Khứ. Cầm toa ghé vào nhà thuốc. Nàng cầm hộp Antibiotikum "Cefuroxim 500mg" trong tay. Lòng reo lên "Ah thuốc tiên đây rồi".

Ngồi trên xe lửa, xe lại lao ngược về vùng quá khứ khi sáng đã đi qua, rời Phố Thị, những ngôi nhà hiện ra dọc đường, rời Giòng Sông của quá khứ hiện về, lại con Phố ban sáng đây rồi. Thì ra quá khứ đâu đã mất. Bỗng Tình sợ sệt đối diện với Quá Khứ dấu yêu xưa làm hiện tại đời mình bấp bênh.

Điện thoại di động reo, Tình cầm lên nghe, tiếng của Tuấn, chồng hỏi han "Sao

em tới đâu rồi, bác sĩ bảo sao, anh sắp ra gare đón em đó". "Lát nữa về em kể cho nghe, em bình an..."

Lần nào Tình đang suy tư về Quá Khứ, bị quá khứ lôi kéo hụt hẫng thì Tuấn xuất hiện, hỏi han ân cần chăm sóc. Nàng nghẹn ngào, nghĩ:

- Em có ghé tiệm thuốc tính mua loại thuốc chữa-bệnh-vi-nhờ. Nhớ Quá Khứ quá nên em trở bệnh, nhưng ở đời con người chưa chế ra loại thuốc tiên này. Em chưa biết tìm mua ở đâu loại thuốc giúp cho em quên được Quá Khứ.

Võ thị Trúc Giang - Lúa 9
Sonntag 06.Nov 2011

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

NGHỆ THUẬT TRONG THƠ VÀ NHIẾP ẢNH

Trương Anh Thụy

Có thể tôi sẽ làm cho một số người "shock" về cái tựa đặt cho bài này. Thơ và nhiếp ảnh dù cùng là nghệ thuật song là hai bộ môn khác hẳn nhau thì tại sao tôi dám để chúng bên cạnh nhau, hoặc giả lại còn liều lĩnh đem so sánh với nhau? Vì thế tôi phải xin nói trước, đây là một vài nhận định tản mạn của tôi, nó rất chủ quan, rất cá nhân... do tôi gốc gác từ làm thơ, viết văn, vẽ rồi mới đến nhiếp ảnh, tôi thấy có nhiều cái trùng hợp nên mạn phép đem ra mổ xẻ... cho vui ngày ra trường!*

Bố cục

Trong nhiếp ảnh, bố cục quan trọng thế nào thì trong một bài thơ cũng quan trọng như vậy. Một bài thơ phải có bố cục chặt chẽ, phải nêu bật được cái thông điệp mình muốn gửi gắm... Người đọc rất sợ các bài thơ gồm một mớ chữ ghép lại với nhau, bóng bẩy, kêu bôm bốp mà rỗng tuếch... Đọc xong toàn bài người đọc vẫn chẳng hiểu "người thơ" muốn nói cái gì! Thơ Đường luật có mở, có đóng, có luật bằng trắc, có các chữ, các "vế" đối nhau chan chát. Thơ mới, thơ tự do tuy không có luật như vậy nhưng cũng không thể lấy cớ gì để mà cứ lan man không nêu được cái ý chính của bài.

Trong nhiếp ảnh có "phá bố cục." Trong thơ cũng cho phép nhà thơ "phá bố cục, phá cách." Nhưng được "xỏ lồng" đừng tưởng là đã dễ. Một khi nhiếp ảnh không còn dựa vào "the rule of third" (không để vật chính nằm ở giữa tấm ảnh mà để ở 1/3 tấm ảnh), thơ không

còn theo luật 6/8, thất ngôn bát cú, tứ tuyệt..., không phải gieo vần bằng trắc, niêm vận... thì nó (nhiếp ảnh và thơ) không còn "nơi nương tựa" mà chỉ còn trần trụi cái "đẹp" độc đáo (nếu có) của tác phẩm mà thôi.

Nghệ thuật

Một bức ảnh chụp một đám đông người biểu tình, một nhóm người đi dưới rặng cây hoa anh đào, một đám cưới... thường bị liệt vào loại ảnh hiện thực, phóng sự hay lưu niệm chứ chưa chắc đã được coi là đạt nghệ thuật, trừ khi ống kính soi rọi được vào bốn con mắt của cô dâu chú rể nhìn nhau cách nào đó, khiến người ta đọc được sâu trong tâm hồn họ nói lên sự yêu đương, gửi gắm, tin cậy... Hay trong đám biểu tình, chụp được các cánh tay gân guốc giơ lên, các cẳng cổ cuộn cuộn những mạch máu sục sôi, những chiếc miệng hô khẩu hiệu "ngoác" ra hết cỡ... biểu dương sự phẫn nộ của người trong cuộc.

Một bức ảnh bị coi là tầm thường, thiếu vắng nghệ thuật không phải tại người chụp một vật tầm thường mà do cái bố cục tầm thường, kỹ thuật tầm thường, dưới ánh sáng phẳng tầm thường... Thơ cũng vậy, tả chân với những lời lẽ nôm na thì người ta gọi là vè hay còn gọi giễu là "thơ con cóc." Một bài thơ gồm toàn sáo ngữ, ước lệ (cliché) là bài thơ thất bại. Một bài thơ hay nhiều khi chỉ cần một chữ, một câu "đắc địa" là bài thơ được người ta nhớ mãi.

Nhiếp ảnh chỉ là một công cụ. Tự thân nó chẳng hay mà cũng chẳng dở. Nó chỉ như

một cái ngòi bút: ở trong tay người nhà buôn thì nó được dùng để tính số thu, chi, nhưng vào tay Hồ Dzếnh, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du... thì chúng ta có những áng thơ để đời. Cái ngòi bút tự nó không làm nên bài thơ hay cuốn tiểu thuyết, nó tùy thuộc hoàn toàn vào bàn tay tài ba hay góc nhìn của người sử dụng nó.

Cái máy ảnh cũng vậy. Xưa người ta dùng nó để chụp làm sao cho người trong hình có đủ 10 ngón tay xò ra để tạo ra những bức chân dung không thiếu sót cái gì. Song đó có phải là nghệ thuật không?

Sáng tạo

Thơ, văn cũng như nhiếp ảnh cần có sự khai phá, sáng tạo. Cần có cặp mắt thần kỳ của người nghệ sĩ khi nhìn sự vật ở một góc độ mà không ai nhìn thấy, nắm bắt được cái ánh sáng, cái linh hồn của sự vật mà không ai nhận ra.

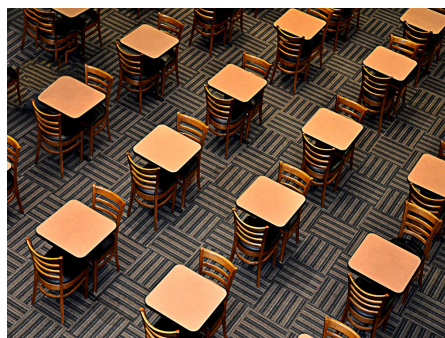
Người xem ảnh phải sững sờ trước một tác phẩm nhiếp ảnh có sáng tạo. Người đọc phải ngậm ngùi, cảm xúc trước một bài thơ có nét khai phá đột xuất. Biết bao nhiêu bản nhạc đã được các nhạc sĩ sáng tác từ một bài thơ, nhưng chúng ta (các nhiếp ảnh gia) có ngờ đâu, có nhiều bài thơ, áng văn đã được sáng tác từ một tấm ảnh nghệ thuật. Thế mà bất công thay! Nhạc sĩ bao giờ cũng ghi tên nhà thơ (trừ nhạc sĩ Phạm Duy trong vài trường hợp), nhưng hỏi có mấy ai đã ghi tên nhà nhiếp ảnh? Họ (nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ) cứ làm như mình đang đứng trước cảnh thực mà tả khơi khơi ra vậy!

Người ta kể vào khoảng Thế chiến thứ nhất, Jean Cocteau, lúc bấy giờ là một anh thanh niên khoảng 19 tuổi, có lần đi theo đạo diễn ballet người Nga, Sergei Diaghilev, nói lép nhép về những ý tưởng văn học nghệ thuật của mình. Tức thì sau một lúc Diaghilev quay lại và nói: "Jeune homme, étonne-moi!" ("Này cậu, hãy làm cho tôi sững sờ!") Ngu ý là lép nhép về nghệ thuật không

phải là nghệ thuật. Nghệ thuật là «làm ra»-- làm ra cái gì để cho người khác phải sững sờ, phải chú ý. Như cái bụng toang hoác của bức hình máy bay do anh Trần Quốc Sĩ chụp năm ngoái, hay



gần đây nhất, bộ ảnh dự án thi ra trường của chị Lâm Hương, ghi hình các «patterns» của các vật tầm thường mà ai trong chúng ta hàng ngày cũng chỉ «nhìn» mà không «thấy»...



Các tác giả ấy đã làm một chuyện thật bất ngờ, không ai nghĩ tới. Gặp các tấm hình như vậy, người xem bắt buộc phải khựng lại, chiêm ngưỡng, chú ý hơn nữa để nghiên cứu trong chi tiết xem tác giả của nó chụp như thế nào.

Thơ cũng như ảnh phải gây được ấn tượng cho người xem, người đọc. Phải động não những kẻ thờ ơ với nghệ thuật hay có thành kiến với vật tầm thường, việc tầm thường, tác giả tầm thường! Có lần tôi đã đứng

thật lâu trước một bức ảnh chụp một cánh cửa cũ tróc sơn, gỗ đã mục, sứt mẻ nhiều chỗ. Cái ổ khóa han rỉ, chất xét dầy lên không còn thấy rõ dấu vết của cái đinh vít. Tôi nghĩ giá mà có chìa khóa thì cũng không còn mở được nữa. Cánh cửa hẳn đã gây ấn tượng mạnh nơi người xem. Đằng sau cái cánh cửa của thời gian kia, người ta có thể làm được cả chục bài thơ, tưởng tượng được hàng chục câu chuyện ly kỳ.

Đẹp là giản đơn

Một câu ví von sau đây không biết ở đâu ra mà tôi thấy thật là chí lý: «Bài diễn văn ngắn là bài diễn văn hay, cũng như cái ‘mini-skirt’ vậy!»

Cũng thế, có một bài thơ do nhà thơ Nguyễn Chí Thiện kể lại đã gây âm hưởng trong tôi thật lâu, rằng ở bên Tàu có anh hàng thịt nọ khóc mẹ bằng mấy câu thơ như sau:

Kêu một tiếng

Khóc một tiếng

*Tiếng của con thân thương là thế
mà sao mẹ chẳng trả lời!*

Nhà văn Nguyên Hồng, theo Xuân Vũ kể lại, nói: "Khi tôi viết, tôi cắt thịt da tôi để trên giấy." Còn nhà văn Xuân Vũ thì nói: "Cắt câu văn nó như cắt ruột vậy." (Xuân Vũ, *Những Bậc Thập Của Tôi*, Tổ Hợp XB Miền Đông Hoa Kỳ, 1998, trang 208) Tôi đoán chắc rằng với các nhiếp ảnh gia cũng không khác. Vậy mà đã có nhiều bức hình bị chính tác giả của nó cắt đến tàn bạo! Một bông sen bị cắt bỏ gần một nửa, chỉ để lại có cái nhị với mấy cánh hoa rụng rơi tã; hình kiến trúc chỉ thấy một khúc cái mái cong; một khuôn mặt phụ nữ đẹp bị cắt mất chòm râu, bờ vai còn lại một nửa khuôn mặt với đôi mắt buồn thăm thẳm...

Các bức ảnh của họ sau khi được "cropped," phải công nhận là đẹp hẳn ra, mạnh hẳn lên, làm nổi bật được chủ đề của

bức hình. Tôi thật khâm phục các nhiếp ảnh gia can đảm đó, dám cắt da thịt mình!

Trong một bức ảnh không nên có cái gì thừa, cái gì thừa chỉ làm chia trí người xem, người thưởng ngoạn. Trong quyển *Lão Tử Tinh Hoa* của học giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần có đoạn nói về sự giản dị của ngôn ngữ, nơi trang 190, như sau: "*Thi văn cũng như hội họa thượng thặng của Đông Phương quý sự giản dị, cô đọng và hàm súc, nhất là hết sức kêu gọi với những hình ảnh lung linh, với những câu văn 'không lời' (vô ngôn), dài ngắn bất thường. Phải biết 'đặc ý nhi vọng ngôn' thì mới thưởng thức được nghệ phẩm của Đông phương, như Trang Tử đã nói.*"

Ở trang 185 trước đó, học giả họ Nguyễn còn mạnh dạn hơn khi ông nói về cái "thiếu" trong văn chương, nghệ thuật như sau:

"Phàm cái gì 'thiếu' cũng hay hơn 'đủ', lại càng hay hơn 'thừa' (nhấn mạnh của người viết bài này). Trong văn chương nghệ thuật, hãy bớt lời là thêm mạnh cho ý... Ý mà rườm rà sẽ làm bớt sự kêu gọi và lòng hứng thú: 'Tôn chi nhi ích, ích chi nhi tôn' (bớt là thêm, thêm là bớt). Không nói, nhưng nếu cần phải nói, thì chỉ nên nói nửa lời."

Tôi ít nhiều tâm đắc với lối suy nghĩ của học giả Nguyễn Duy Cần nên đã từng làm nhiều bài thơ cực ngắn. Xin ghi lại vài thí dụ:

Lộc Xuân

Ồ bình minh!

*Cành pha lê rạn nứt
một chồi non.*

Tàn Thu

*Lá đuổi nhau
vào ngõ cụt
vân mây cao.*

Con tầm

*Trên né rom óng ả
con tầm chín nhả tơ*

Vàng ong tia nắng hạ.

Chuồn chuồn

*Lơ lửng dưới cành tre
bay đứng con chuồn ớt
Đỏ au nắng trưa hè*

Lá rụng

*Chiếc lá rụng
trên mặt ao
tan vỡ cả trăng sao!*

Tôi làm thơ kiếm lời như vậy mà tôi chụp ảnh lại không phải vậy!

Thầy hiệu trưởng Đỗ Lệnh Dũng chẳng đã từng nhắc nhở học sinh suốt năm học rằng "simplicity is beauty" đó sao? Tôi nhớ như in đấy, nhưng khi áp dụng sao mà nó khó thế! Hôm sửa soạn dự án thi ra trường, anh Phạm Xuân Đại, "mentor" của lớp 3, bảo tôi "crop" bớt một cái lá, tôi giẫy này: "Ý tụi quá anh ơi! Công tôi làm photoshop, sửa mãi cái lá 'tiền cảnh' này mới được rõ như thế mà anh bắt cắt thì 'đau' lắm!" Anh Đại lắc đầu, cười hiền... !

Để khép lại bài này tôi tự hứa (lại hứa!) luôn luôn phải nhắc mình, và cũng là để chia sẻ với các bạn đồng khóa, đồng môn một kinh nghiệm sau ba năm học tại VNPS rằng: "Làm nghệ thuật mà không chịu 'đau' thì không có nghệ thuật./"

Ngày mãn khóa/Ra trường của hội
Nhịp Anh VN vùng Hoa Thịnh Đôn.

TRƯƠNG ANH THỤY

Xin Cho Tôi

Xin cho tôi trái tim còn nguyên vẹn
của thương yêu và nhân ái chan hòa
Để tôi thấy trời xanh còn mây trắng
và mặt trời luôn là nắng đẹp tươi

Xin cho tôi đôi bàn tay rộng mở
của vòng ôm độ lượng và can trường
Để tôi thấy cuộc đời là che chở
Người với người mãi mãi sống yêu thương

Xin cho tôi đôi môi cười rạng rỡ
Để u buồn tôi được xóa tan đi
Để tôi thấy mình như là hoa nở
và mỗi người là một vị thần tiên

Xin cho tôi nụ hôn yêu thánh thiện
của người yêu tôi chẳng gặp bao giờ
Để tôi thấy tình yêu là bất diệt
và thời gian vô tận của đam mê

Xin cho tôi đôi mắt buồn không nói
của ngôn từ lặng lẽ tiếng yêu đương
Để tôi trối hồn tôi vào trong ấy
và theo người về mãi với quê hương

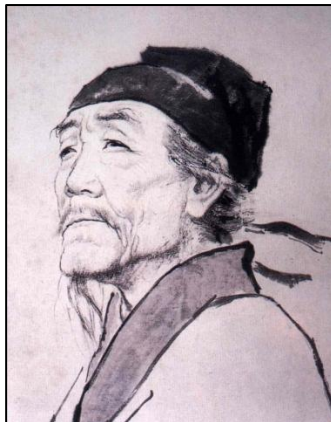
Cung Thị Lan

(Maryland)

Thu Hứng Bài 1 của Đỗ Phủ và các bản dịch

Sưu khảo của Phạm Trọng Lê

Trong tám bài “Thu Hứng” của nhà thơ Trung Hoa đời Đường Đỗ Phủ thì bài thứ nhất được nhiều người để ý và dịch. Theo giáo sư Trần Trọng San (dẫn bên dưới) Đỗ Phủ phiên âm Tu Fu theo Wade-Giles, Du Fu theo pinyin, sinh năm 712, người tỉnh Thiểm Tây, sinh vào đời Đường Huyền Tông, tự là Tử Mỹ, lên chín tuổi đã viết đại tự theo bút pháp của Ngu Thế Nam thời



Sơ Đường; năm 14 tuổi đã được các nhà làm thơ yêu chuộng. Lúc thiếu thời, Đỗ Phủ thường đi chơi các vùng. Năm 766 ông đến Quý Châu (K'uei-chou, Kuizhou), thuộc Tứ Xuyên, là nơi có nhiều cổ tích danh tiếng như Bạch Đế thành xây từ thế kỷ thứ 1 sau tây lịch, kế bên sông Dương tử (Yangtze River) khi con sông chảy vào Vu giáp (Witch Gorge) bên dưới Vu sơn (Witch mountain).

Tám bài Thu Hứng làm trong thời kỳ này năm 766 khi ông ở Quý châu được hai năm (trong bài thơ số 1, có câu “tùng cúc lưỡng khai”=khóm cúc nở hoa lần thứ hai). Sau khi ở Quý châu, ông xuống Hồ Nam. Và bốn năm sau khi viết tám bài Thu Hứng, ông mất năm 770. Khi ông còn sống, thơ ông ít được người đương thời hâm mộ như thơ Lý Bạch. Nhưng

ông là một nhà thơ đại tài, lời thơ thành thật, ý tả thực; có thể coi ông là nhà thơ của phái nghệ thuật vị nhân sinh. Ông là bạn của Lý Bạch. Nhưng trong

khí Lý Bạch phóng khoáng, tìm cái đẹp, Đỗ Phủ luôn luôn tả cảnh đời khốn khó loạn lạc và muốn đem tài giúp đời. Thơ Đỗ Phủ nhiều công phu, xứng đáng để đời sau ngâm vịnh, trong đó có thi hào Nguyễn Du của Việt Nam. Trong những bài dịch sang thơ Việt, bài của Phan Huy Vịnh là bài dịch sớm nhất

(cũng có sách chép là của Nguyễn Công Trứ) là nổi bật hơn cả.

A. Bản Hán Việt

Thu Hứng bát thủ--Kỳ nhất

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm
Vu sơn Vu giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xú xú thoi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

Đỗ Phủ (766)

Nghĩa:

Tám bài Cảm Hứng Mùa Thu—bài 1
Móc trắng như ngọc rơi rơi tả xuống rừng cây phong.

Tại Vu sơn, Vu giáp, hơi tỏa mờ mờ.
Trên sông, sóng hòa lẫn với những tia nước
bắn vọt lên trời.
Gió mây trên ải nổi liền với bóng tối dưới đất.
Khóm cúc nở hoa lần thứ hai, khiến tuôn rơi
những hạt lệ ngày trước
Con thuyền lẻ loi buộc chặt tấm lòng nhớ nơi
vườn cũ.
Khắp nơi đã giục già dao thước may áo chống lạnh.
Trên thành Bạch-Đế cao, tiếng chày chiều
vang lên vợi vãi.

Ghi chú:

-Vu sơn, Vu giáp: tên núi và tên ải («kẽm» theo Chi Điền), ở huyện Vu sơn, tỉnh Tứ Xuyên.

-Bạch Đế thành: Baidicheng (White Emperor City) was a fortress at Kuizhou, west of the Three Gorges ở phía Đông Nam huyện Phụng Tiết.

-**châm**: cái chày để đập lên quần áo khi giặt.

-Cổ viên: vườn cũ, ý nói quê cũ.

-Đao thước: bây giờ là kéo để cắt và thước đo vải. The beating of cloth on stones was part of the preparation of winter clothes.

[Watson, B. (2002) The Selected Poems of Du Fu. New York: The Columbia University Press, p. 126.]

Nhận xét của Greg Whincup

-câu thứ ba : «Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng»--trong sông sóng hòa với những tia nước bắn vọt lên trời; và câu thứ 4 «tái thượng phong vân tiếp địa âm»--gió mây trên ải nổi liền với bóng tối dưới đất) — hai câu thơ chuyển như sóng và gió tại ải.

-Khi Đỗ Phủ viết bài này thì ông đã ở gần Vu sơn Vu giáp hai năm: hoa cúc nở hai lần.

-Hai câu 3 và 4 ; 5 và 6 đối nhau (hoa cúc nở rộ với thuyền buộc chặt lòng nhớ quê cũ)

-Hai câu cuối giọng thơ chuyển nhanh. Chúng ta có cảm tưởng cuộc đời cứ trôi đều, bỏ mặc nhà thơ lại phía sau.

-Người ta hay đập lụa hay vải thô cho mềm đi để may quần áo mùa đông, bằng cách đập chày gỗ trên tảng đá. Trong chữ «châm» có chữ «thạch» (đá).

B. Sáu Bản Dịch Sang thơ Việt

1a. -Bản dịch của Phan Huy Vịnh

(in lại trong Trần Trọng San, p. 303, sách dẫn bên dưới). Có bản ghi là do Nguyễn Công Trứ * dịch

*Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ.
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn rơi giòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành quách dòn châm, bóng ải tà.*

1b. *Bản dịch của Nguyễn Công Trứ:

(*Chữ in đậm là những chữ khác bản PHV*)

*Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn **non** hiu hắt, khí thu **lòa**.
Lưng trời sóng **ợn** lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn **thêm** giòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,
Thành **Bạch, chày vang** bóng ải tà.*

(Trích trong: Hoa Bằng, và nhiều dịch giả khác. **THƠ ĐƯỜNG**, Tập Hai. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn Học, 1987, p. 260.)

1c. -Bản in chữ Hán và bản dịch kèm theo chú thích nhận được từ giáo sư Phạm Doanh, dịch giả tập **Đỗ Phủ** (chú thích bên dưới). Xem phần phụ lục 1 đính kèm. Xin cảm ơn gs Phạm Doanh.--PTL

2. -Bản dịch của Ngô Tất Tố (1940)

Vàng úa rừng phong, hạt móc bay,
Non Vu hiu hắt phủ hơi may.

Giòng sông còn cộn trời tung sóng,
Ngọc ả mờ mờ, đất rợp mây.
Lệ tử : sợ coi chòm cúc nở.
Lòng quê : mong buộc chiếc thuyền đây.
Giục ai kéo-thước lo đồ lạnh,
Đập vãi trời hôm rộn tiếng chày.
Ngô Tất Tố dịch, p. 156.

3. -**Bản dịch của Bùi Khánh Đản (1958)**

Thu hứng tám bài (Bài một)
Sương đọng rừng phong héo hắt cây,
Vu Sơn, Vu Giáp khí mù bay.
Trên sông sóng cuộn, trời liền nước,
Ngoài ả hơi đùn, đất giáp mây.
Một chiếc thuyền đơn tỉnh cũ buộc,
Hai phen cúc nở lệ xưa đây.
Nơi nơi áo lạnh tìm dao thước,
Bạch Đê chiều hôm rộn tiếng chày.

Bùi Khánh Đản dịch

(Trích trong Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản. ĐƯỜNG THI TRÍCH DỊCH. Saigon: Nhà xuất bản Văn Học, 2006; bản quay ronéo in ở Saigon, 1958, p.224.)

4.-**Bản dịch của Trần Trọng San (1962, 1994)**

Rừng phong toả ngọc sương,
Vu sơn, Vu giáp mật mừng hơi bay.
Trên sông sóng vút lưng trời,
Tối tăm bóng đất liền mây ả nào.
Hai lần cúc nở lệ sau,
Bơ vơ thuyền buộc rạt rào tình quê.
Giục người dao thước, lạnh về.
Tiếng chày thành Bạch lại nghe rộn chiều.

Trần Trọng San dịch (1962)

5. -**Bản dịch của Lê Nguyên Lưu (1987)**

Rừng phong xao xác móc thê lương,
Vu Giáp Vu Sơn luống thảm thương.
Trời ngút sông dài làn sóng dậy.
Đất liền ả vắng bóng mây vương,
Đôi chòm cúc nở tuôn dòng lệ,
Một chiếc thuyền neo nhớ cố hương.
Giục giã thước dao may áo rét,

Chày khua Bạch Đê rộn tà dương.

Lê Nguyên Lưu dịch (1987)

6.-**Bản dịch của Phạm Doanh (1999)**

Móc trắng, rừng phong về xác xơ,
Núi non trùng điệp, khí thu mờ.
Sóng sông nhảy múa tung trời thăm,
Mây ả đùn lên tít tận xa.
Hai lần lệ gió, thương hàng cúc,
Một chiếc thuyền neo, nổi nhớ nhà.
Áo rét nơi nơi lo đo cắt,
Bạch-đề chày vang lúc xế tà.

Phạm Doanh dịch (1999)

(Trích trong Phạm Doanh. THƠ ĐỖ PHŨ. Graylake. IL: Dam Ninh, 1999, p. 216.)

C. Nhận Xét Tổng Quát:

Bài thơ có một kiến trúc chặt chẽ, bắt đầu tả cảnh nhìn xa, rồi lên cao; sau cảnh tới tình: lòng nhớ quê cũ. Hai hình ảnh tả tình: khóm cúc nở hai lần, con thuyền lênh đênh muốn được buộc lại. Sau hình ảnh tới âm thanh: từ xa tiếng chày đập vãi dồn dập, dồn dập, nhà nhà lo quần áo rét cho mùa đông tới. Văn chặt chẽ, chữ dùng đối xứng, tương phản của hai cặp câu 3, 4 và 5, 6. Xin mượn hai lời bình tiêu biểu của hai dịch giả: Ngô Tất Tố và Hoàng Duy Từ, cách nhau gần nửa thế kỷ:

Thu Hứng, Bát Thủ

Giải xuôi: Hứng về mùa thu, tám bài.

Bài một

[* *Tả cảnh thu nơi Trường-an xưa, cảnh xa nhà hiện thời và lòng mong về quê cũ.* *]

Hạt móc trắng làm cho rừng cây phong tiêu điều, Núi Vu, kêm Vu khí thu hiu hắt. Trên dòng sông, sóng nhảy cao tuốt tận lưng trời, Nơi biên ả mây tụ lại tận cuối đất. Khóm cúc từ độ ấy đã ra hoa hai lần, Làm mình rơi nước mắt, nổi lòng nhớ quê vẫn gắn chặt với con thuyền cô đơn. Lo may áo rét nên nơi nơi dùng dao, thước để may cắt, Nơi thành Bạch-

đế [*** Bạch-đế thành** có 2 thành mang cùng tên, trong bài nói đến thành ở tại Quy-châu, bãi Ngụ phúc. Theo Quận quốc chí: Công tôn Thuật chiếm cứ vùng Thục tự xưng Bạch đế,

gọi Ngụ phúc là Bạch-đế thành, thành kia tại phía đông núi Bạch-đế huyện Phụng-tiểu, Tứ-xuyên *] cao vút, tiếng chày đập vải vào buổi chiều nghe càng rộn ràng.

Dịch âm :	Dịch vần :
<p>Kì nhất. Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm, Vu-son, Vu-giáp khí tiêu sâm. Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng, Tái thượng phong vân tiếp địa âm. Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ, Cô chu nhất hệ cố viên tâm. Hàn y xứ xứ thôi đao xích, Bạch-đế thành cao cấp mộ châm.</p>	<p>Bài một Móc trắng, rừng phong vẻ xác xơ, Núi non trùng điệp, khí thu mờ. Sóng sông nhảy múa tung trời thăm, Mây ải đùn lên tít tận xa. Hai lần lệ giỏ, thương hàng cúc, Một chiếc thuyền neo, nhớ nổi nhà. Áo rét nơi nơi lo đao cắt, Bạch-đế chày vang lúc xế tà.</p>

-Lời bình của Ngô Tất Tố (1940):

“Bài này tác giả làm trong khi đứng ở mặt thành Quy châu, nhìn ra phong cảnh bốn bề. Lúc ấy sương móc sa xuống, lá phong trong rừng đã thấy uá vàng. Trên dãy Vu son, bóng tối mịt mù, đủ tỏ khí hậu rét lắm. Ở nẻo xa xa, trong lòng sông, làn sóng còn cộn gần nơi chân trời, trên ngọn ải, bóng mây lơ mờ tiếp với mặt đất. Thịnh linh nghĩ đến cảnh mình, tác giả sức nhớ mình đã lên đênh đến hai năm trời, khóm cúc ở nhà chắc đã hai lần nở hoa, sau này về nhà trông đến những cây cúc ấy, chắc phải xót xa cảnh lưu lạc mà giỏ nước mắt...Bây giờ tạm trú ở đây, không phải là sự lâu dài chắc chắn, cho nên mình cứ luôn luôn nhớ đến quê hương, cái lòng mong mỏi cố viên



của mình chẳng khác chi một chiếc thuyền lênh đênh giữa sông, mong có lúc buộc lại. Nhưng cái ngày ấy biết là ngày nào? Hiện nay, mùa thu sắp hết, mùa rét sắp đến, trên thành Bạch Đế, mỗi lúc trời chiều, tiếng chày đập vải đã thấy dộn dập, mau kíp, như dục những người quen việc kéo-thước phải sắm áo lạnh.” (Trích trong Ngô Tất Tố. ĐƯỜNG THI (Hanoi: Tao Đàn, 1940, p. 156.)

-Lời bình của Chi Điền Hoàng Duy Từ:

“Đoạn trên nhân thu mà tả rõ cảnh, đoạn dưới nhân cảnh mà chuyển đến người. Cảnh vật trời thu đã gợi nên cái hứng thơ cho thi nhân nên gọi là Thu hứng. Hạt móc ở rừng phong - khí thu mờ đỉnh núi - sóng gợn lòng sông thăm - mây đùn cửa ải xa...toàn là cảnh mung lung âm đạm, khơi động mối sầu đang dề nặng lên hồn thi nhân. Hai lần cúc nở

làm cho khách tha hương nhớ đến ngày tháng
trôi qua mà tuôn thêm dòng lệ năm
trước...Hơi lạnh mùa thu khiến nhà thơ nghĩ
đến cảnh: nơi nơi đục kẻ tay dao thước may
áo ngự hàn, tiếng chày đập vải ở các thôn
xóm vang dồn lên đến toà thành Bạch-Đế ở
tận đỉnh non Vu.” (Theo Chi Điền Hoàng
Duy Từ. ĐUỜNG THI TUYỂN DỊCH III:
ĐỖ PHỦ. Huntington Beach, CA: L. Hoang,
1988, p. 75).

D. Các bản dịch sang tiếng Anh

-Dịch từng chữ của Greg Whincup:
(Word-for-word Translation)
Thu hứng (Autumn/evoked thoughts)
Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm
(jade/dew/wither/winds/maple/tree/forest)
Vu sơn Vu giáp khí tiêu sâm.
(witch/mountain/witch/gorge/air/forlorn/dreary)
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng.
(river/space/tossing waves/equal to/sky/leap up)
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
(barriers/above/wind/cloud/meet/ground/are dark)
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
(clumped/chrysanthemums/twice/have
opened/other/days/tears)
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
(solitary/boat/once (and for all)/is
tied/old/garden/heart)
Hàn y xứ xứ thôi đao xích
(cold/clothing/place/place/ urges
on/scissors/rulers)
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.
(White/emperor/city/high/speed/evening/was
hing blocks)
Transliteration
Qiu xing ba shou (yi)

yù lù diào shǎng fēng shù lín
wú shān wú xiá qì xiào sēn

jiǎng jiǎn bō làng jiàn tián yòng
sài shàng fēng yún jiè di yin
cóng jú liǎng kai tà rì lèi
gù zhòu yí xì gù yuán xīn
hán yì chù chù cuī dao chí
bái dì chéng gào jí mù zhèn
(Source:
<http://www.chinese-poems.com/d53.html>)

Bản bản dịch sang tiếng Anh

1.- Bản dịch sang tiếng Anh có vần của J.L. Cranmer-Byng (1909)

Chants of Autumn
Shorn by the frost with crystal blade,
The dry leaves, scattered, fall at last;
Among the valleys of Wu Chan
Cold winds of death go wailing past.
Tumultuous waves of the great river rise
And seem to storm the skies,
While snow-bright peak and prairie mist combine,
And greyness softens the harsh mountain line.

*

Chrysanthemums unfurl to-day,
To-morrow the last flowers are blown.
I am the barque that chains delay;
My homeward thoughts must sail alone.
From house to house warm winter robes are spread,
And through the pine-woods read
Floats up the sound of the washerman's bat
who plies
His hurried task ere the brief noon wanes and
dies.

J.L. Cranmer-Byng (1909)

Chú thích:

Trong tập sách nhỏ A LUTE OF JADE :
SELECTIONS FROM THE CLASSICAL
POETS OF CHINA (London: John Murray.
1909, trang 56, J. L. Cranmer-Byng nhận đây

không phải là bản dịch theo đúng nghĩa của một translation mà chỉ là một bản phỏng dịch thành thơ rendition. Bản phỏng dịch của ông căn cứ vào bản dịch sát nghĩa của Herbert Giles, giáo sư tiếng Trung Hoa tại đại học Cambridge từ 1897 đến 1932. Đây là một trong 2 bản dịch sang thơ Anh **có vần** trong số 7 bản dịch trong bài này. Và đây cũng là bản dịch sớm nhất.

2. -Bản dịch sang tiếng Anh của A. C. Graham (1965)

Autumn Meditation

Gems of dew wilt and wound the maple trees
in the woods:

From Wu mountain, from Wu gorges, the air
blows desolate.

The waves between the river banks merge in
the seething sky,

Clouds in the wind above the passes touch
their shadows in the ground.

Clustered chrysanthemums have opened
twice, in tears of the other days:

The forlorn boat, once and for all, tethers my
homeward thoughts.

In the houses quilted clothes speed scissors
and ruler.

The washing blocks pound, faster each
evening, in Pai Ti high on the hill.

(Translated by A. C. Graham (1965))

(also in Cyril Birch, ed. ANTHOLOGY OF
CHINESE LITERATURE: VOLUME I:
FROM EARLY TIMES TO THE
FOURTEENTH CENTURY. New York:
Grove Press, 1965. p. 235)

3. -Bản dịch sang tiếng Anh của Amy Lowell (1921, 1973)

The Sorceress Gorge

By Tu Fu

Jade dew lies upon the withered and wounded
forest of maple-trees.

On the Sorceress Hill, over the Sorceress
Gorge, the mist is desolate and dark.

The ripples of the river increase into waves
and blur with the rapidly flowing sky.

The wind-clouds at the horizon become
confused with the Earth. Darkness.

The myriad chrysanthemums have blossomed
twice. Days to come—tears.

The solitary little boat is moored, but my
heart is in the old-time garden.

Everywhere people are hastening to measure
and cut their Winter clothes.

At sunset, in the high City of White Emperor,
the hurried pounding of washed garments.

(Translated by Amy Lowell (1921, 1973,
p. 113))

Chú thích: Trích trong Florence
Ayscough, FIR-FLOWER TABLETS:
POEMS TRANSLATED FROM THE
CHINESE. English versions by Amy Lowell.
Boston, MA: Houghton Mifflin, 1921;
reprinted in Westport, CT: Hyperion, 1973, p.
113. Thi sĩ Mỹ Amy Lowell theo bài tựa bà
viết ở sách trên, không biết tiếng Trung Hoa,
nhưng cộng tác với bà Ayscough, sinh ở
Thượng Hải, quốc tịch Gia-Nã-Đại, mẹ người
Mỹ, sống và học nhiều năm ở Trung Hoa, sau
lấy chồng người Anh làm thương gia ở đó, và
để tâm nghiên cứu và giảng thuyết về văn
chương Trung Hoa. Amy Lowell dùng bản
dịch và chú thích từ tiếng Trung Hoa của
Ayscough. Hai bà chuyển 83 bài thơ của Lý
Bạch, 13 bài thơ của Đỗ Phủ và một ít bài của
Bạch-Cur-Dị, Vương Duy và một số bài thơ
của những nhà thơ Đường khác sang tiếng
Anh. Bản dịch của hai bà coi như khá trung
thành với chính bản.

4. -Bản dịch sang tiếng Anh của Wu-chi Liu (1975)

Jade dew drops deeply wilt and wound the maple woods;

On Witch Mountain, in Witch Gorge, the air is somber, desolate.

Billowy waves from the river roar and rush towards the sky;

Over the frontier pass, wind and clouds sink to the darkening earth.

These clustered chrysanthemums, twice blooming, evoke tears of yesteryear;

A lonely boat, as ever, is moored to the heart that yearns for home.

To cut winter clothes, women everywhere ply their scissors and foot-rulers—

Below the White Emperor's tall city wall is heard the urgent pounding of the evening wash.

(Translated by **Wu-chi Liu** (1975), p. 141 cited below)

5. -Bản dịch của Greg Whincup (1987)

Autumn Meditation

Freezing jade dew

Withers a forest of maples.

At Witch's Mount

And in Witch's Gorge

The air desolately sighs.

Between the walls of the river

Surging waves

Leap to the sky.

Above the mountain barriers

Wind-blown clouds

Meet the earth in darkness.

Clumps of chrysanthemums

Twice now have opened

Tears of other days.

To a solitary boat

Is tied all

My heart's longing for home.

On every side,

Winter clothes

Urge scissors and ruler on.

High in White Emperor City

Wash-blocks beat urgently

At dusk.

(Translated by **Greg Whincup** (1987), cited below)

6. -Bản dịch sang tiếng Anh có vần (1994)

Ode to Autumn

The pearl-like dewdrops wither maples in red dye;

The Gorge and Cliffs of Witch exhale dense fog around.

Waves of upsurging river seem to storm the sky;

Dark clouds o'er mountain touch their shadows on the ground.

Twice full-blown, asters blown off draw tears from the eye;

Once tied up, lonely boats tied up my heart homebound.

Thinking of winter robes, everywhere tailors ply;

I hear at dusk but nearby washing blocks fast pound.

(Translated by Xu Yuan Zhong (1994))

7. -Bản dịch sang tiếng Anh của Tony Barnstone và Chou Ping (2005)

Autumn Thoughts, Poem 1

Jade frost bites the maple trees

and Wu Mountain and Wu Gorge breathe out dark fear.

As river waves rise up the sky

and dark wind-clouds touch ground by a frontier fortress.

The chrysanthemums have twice bloomed tears of other days,

When I moor my lonely boat my heart longs
for my old garden.

The need for winter clothes hurries scissors
and bamboo rulers,
White Emperor City looms over the rushed
sound of clothes beaten at dusk.

(Translated by **Tony Barnstone** and
Chou Ping. THE ANCHOR BOOK OF
CHINESE POETRY. New York: Anchor
Books, 2005)

REFERENCE—Sách tham khảo.

- J. L. CRANMER-BYNG. A LUTE OF JADE.
London: John Murray, 1909, p. 56.
- A. C. Graham, translator. POEMS OF THE
LATE T'ANG. London, England: Penguin
Books, 1965, 1977, p. 52.
- Chi Diên Hoàng Duy Từ. ĐƯỜNG THI
TUYỂN DỊCH III: ĐỖ PHỦ. Huntington
Beach, CA: L. Hoang, 1988, p. 75.
- Lê Nguyên Lưu. ĐƯỜNG THI TUYỂN
DỊCH. Tập Một. Huế: Nhà Xuất Bản
Thuận Hóa, 1996, p. 688, 693.
- Wu-chi Liu and Irving Yucheng Lo, eds and
translators. SUNFLOWER SPLENDOR:
THREE THOUSAND YEARS OF
CHINESE POETRY. Bloomington, and
Indianapolis: Indiana University Press, 1975.
- Phạm Doanh, translator. THƠ ĐỖ PHỦ.
Graylake. IL: Đạm Ninh, 1999.
- Trần Trọng San. LÝ BẠCH, ĐỖ PHỦ, BẠCH
CỬ DỊ. Scarborough, ONT, Canada: Bắc Đẩu,
4th ed., 1994, pp. 302-303.
- Greg Whincup, translator. THE HEART
OF CHINESE POETRY. New York:
Anchor Books, 1987, p. 80.
- Xu Yuan Zhong, translator. SONGS OF THE
IMMORTALS: AN ANTHOLOGY OF
CLASSICAL CHINESE POETRY, London
and New York: Penguin Books, 1994.

(Viết xong tại Virginia, 8/25/2011;
sửa lại 11/10/11 - PTL)



FLORA

Eleven Love Poems by Kim-Vu

là một tập thơ Anh ngữ gồm 11 bài thơ tình
vừa được nhà thơ Kim-Vũ trình làng ebook
tại Amazon (Kindle) và Barnes Noble
(Nook) vào ngày 11/11/2011. Độc giả có
thể download thẳng từ hai nhà ebookstore
này với giá \$2.99. Sách trình bày trang nhã,
với nhiều hình màu phong cảnh Yosemite
như có thể thấy trong hai mẫu bìa trước và
sau được in lại ở đây. Quý độc giả muốn có
hard copy có thể liên lạc thẳng với tác giả ở
<vumanhphat@gmail.com>

Sách in trên khổ giấy 8 ½” x 11” rất
mỹ thuật. Giá bán là \$20 Mỹ kim kể cả
bưu phí trong nước Mỹ. Ngoài nước
Mỹ thêm \$5 Mỹ kim cho mỗi cuốn.

MẸ CHẤP TAY CẦU QUÁN THẾ ÂM

Đất khách, chiều phai, đọi nắng hồng.
Giá băng trùm kín, ngợp trời đông.
Chao ơi vắng lặng, làm thương nhớ.
Một cõi ân tình cách núi sông.

Bếp ấm ngày thơ, chiều cuối năm.
Đêm đen, bão giạt với mưa dầm.
Nén hương đã tắt, ba về muộn.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Mẹ ước rào thưa chuyện đá vàng.
Cho con vừa chớm tuổi mười lăm .
Có cô tóc mượt, hồng đôi má.
Mẹ chấp tay cầu Quán thế Âm.

Rồi cũng mù tằm, cũng biệt tằm.
Thương con đứt ruột, cảnh giam cầm.
Một thân, luống tuổi, đường xa lạ.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế âm.

Đất khách, chiều nay, nỗi nhớ thắm.
Bao lần hứa hẹn chẳng về thăm.
Mẹ ơi con biết trên giường bệnh.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Lam Điền Nguyên Thử
(Charlotte)

LỜI EM HỨA

Nhớ anh quá - nhớ con đường nhỏ nhỏ
chạy quanh co phố thị rong chơi
ôm eo ếch làn hơi con trai ấy
vậy mà em nhớ mãi cả một đời

giòng sông cũ tiễn nhau buồn vời vời
lời hứa đêm nào: em sẽ đọi anh
vội môi hôn trao trong nước mắt
khoác áo người thương,
âu yếm, dỗ dành

ôm dĩ vắng già từ đời con gái
đêm tân hôn em khóc số phận ta
lời em hứa - sẽ chờ mình đám cưới
bóng hình anh yêu –
chợt thoáng nhạt nhòa

ngược dĩ vắng –
tháng ngày lênh đênh cũ
mang theo đời chút kỷ niệm ngày thơ
hẹn cưới nhau dâng anh đời con gái
xe hoa lạc đường, kẻ khóc –
kẻ đứng chờ !!

Võ Thị Trúc Giang
Lúa 9
Germany 04 Nov 2011

Phụ Nữ Trong Xã Hội Hồi Giáo

Nguyễn Quốc Khải (a)



Hình (ISHR): Hãy chấm dứt sự đàn áp phụ nữ trong thế giới Hồi Giáo.

Vào đầu năm nay, Cô Shannah Bukhari, 24, gốc Hồi Giáo Pakistan, tham gia cuộc thi hoa hậu tại Anh Quốc để hi vọng được đại diện nước này trong cuộc thi Hoa Hậu Hoàn Vũ. Cô đã phải đối đầu với sự cạnh tranh khốc liệt của những ứng viên khác. Không những vậy, Shannah Bukhari còn bị vài nhóm cực đoan chỉ trích dữ dội. Nhóm da trắng ưu việt lập luận rằng một người da màu không thể đại diện cho nước Anh. Nhóm bênh vực nữ quyền cho rằng tham dự thi hoa hậu là làm hại cho cuộc đấu tranh đòi bình đẳng của nữ giới. Đặc biệt hơn cả là nhiều người Hồi Giáo phản đối Shannah Bukhari vì hành động của cô xúc phạm đến danh dự của đạo Hồi. Shannah Bukhari không những bị phê phán mà còn bị hăm dọa cả đến tính mạng.

Vào năm 2007, một thiếu nữ 19 tuổi tại Saudi Arabia bị một người đàn ông đe dọa sẽ mách cha của cô là hai người có liên hệ với nhau nếu cô không gặp riêng hẳn. Khi đến gặp cô bị người đàn ông này bắt cóc và hãm

hiếp. Sau khi tại nạn xảy ra cô bị người anh đánh đập vì làm tổn thương danh dự gia đình. Chưa hết, tòa còn ra lệnh trừng phạt đánh cô bằng roi 90 lần vì tội một mình gặp người đàn ông không có liên hệ.

Shannah Bukhari và thiếu nữ Saudi Arabia chỉ là hai trong hàng triệu nạn nhân của sự kỳ thị và giáo điều cực đoan xảy ra hàng ngày trong thế giới Hồi Giáo. Bài phân tích này sẽ bàn về thân phận của phụ nữ trong thế giới Hồi Giáo. Những vấn đề quan trọng đối với phụ nữ không có gì khác hơn là hôn nhân, gia đình, y phục, và việc làm. Trước hết, chúng ta nên hiểu rõ sự khác biệt lớn lao giữa giáo lý của Đạo Hồi và truyền thống văn hóa.

Đạo Hồi là một tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới sau Kitô Giáo với 1.5 tỉ người theo đạo vào năm 2009, sống tại nhiều vùng khác nhau trải rộng từ Trung Đông, Bắc Phi, Sub-Saharan, Trung, Nam và Đông Nam Á, Nga, Trung Quốc, và Âu châu. Giáo lý của Đạo Hồi được trình bày trong kinh Koran (Qur'an). Dĩ nhiên giáo lý có ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa, nhưng truyền thống văn hóa và gia đình ở mỗi vùng mỗi khác và cách hành xử ở mỗi nơi mỗi khác. Do đó chúng ta không thể tổng quát văn hóa Hồi Giáo quá mức.

Hôn nhân

Hồi Giáo coi hôn nhân là một việc tôn thờ Thượng Đế mà người Ả Rập gọi là Allah. Sự biểu lộ tình cảm và nhục dục giữa chồng và vợ được Đạo Hồi xem là những hình thức sùng kính Thượng Đế. Giáo Chủ Muhammad nói: “Khi một người lập gia đình, người đó đã

hoàn tất một nửa trách nhiệm đối với tôn giáo. Hãy để người này kính sợ Thượng Đế về nửa phần còn lại.”

Do đó, Đạo Hồi không chấp nhận cuộc sống độc thân, thiếu liên hệ tình dục ngay cả đối với các vị học giả hay những nhà lãnh đạo tôn giáo (shaykh, inam, v.v.) Điều này trái với Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo, và Phật Giáo. Theo ba tôn giáo này, các tu sĩ phải sống độc thân, thanh đạm, tránh xa sắc dục. Đạo Hồi coi trọng sự thủy chung giữa vợ chồng và không chấp nhận liên hệ tình dục ngoài khuôn khổ hôn nhân.

Những người theo Đạo Hồi tin rằng Abraham, Moses, và Jesus đều là sứ giả của Thượng Đế và Muhammad, Giáo Chủ của Đạo Hồi, là sứ giả sau cùng. Do đó, Đạo Hồi hoàn hảo hơn. Những người Hồi Giáo được phép học sách phúc âm của Kitô giáo (Gospels) và của Do Thái (Torah). Họ tin rằng những tín đồ Kitô và Do Thái Giáo là những người đi lệch hướng, nhưng vẫn tốt hơn những kẻ thờ nhiều thượng đế (polyteist) và vô thần (unbeliever). Luật Hồi Giáo (Sharia) cho phép đàn ông lấy vợ khác tôn giáo như Kitô Giáo và Do Thái Giáo. Tuy nhiên đàn bà Hồi Giáo chỉ có thể lấy đàn ông cùng tôn giáo. Cả đàn ông và lẫn đàn bà Hồi Giáo đều không được lập gia đình với người vô tôn giáo (non-believer).

Hôn nhân theo Hồi Giáo đòi hỏi một số điều kiện. Trước hết, phải có đồng thuận của cả hai người. Do đó, những cuộc dàn xếp hôn nhân không có sự đồng ý của người phụ nữ là hoàn toàn trái với giáo lý của đạo Hồi. Cả hai người đàn ông hay đàn bà đều có quyền đề xuất hôn nhân. Khadija Bint Khuwaylid, vợ đầu tiên của Giáo Chủ Muhammad (570-632), là người đề xướng hôn nhân.

Khadija nguyên là chủ nhân của Giáo Chủ Muhammad. Trong thời gian làm việc với nhau Khadija ngày càng kính nể tính chân thật và chính trực của Muhammad và đề nghị

lấy Muhammad làm chồng. Khadija lớn hơn Giáo Chủ Muhammad 25 tuổi và có tình trạng tài chánh khá hơn Giáo Chủ Muhammad. Ngài đã chấp nhận đề nghị của Khadija và cuộc hôn nhân của hai người chứa đựng đầy yêu thương và nhân hậu.

Để hôn nhân hợp pháp, luật Hồi Giáo đòi hỏi rằng một bên phải đưa ra đề nghị xin cưới và phải được bên còn lại chấp nhận trong cùng một buổi họp mặt trước sự chứng kiến của hai người đàn ông hoặc là một người đàn ông và hai người đàn bà. Các nhân chứng phải là những người Hồi Giáo trưởng thành và lành mạnh. Đây lại có thêm một thí dụ nữa cho thấy là Luật Hồi Giáo đánh giá thấp người phụ nữ: để thay thế một nhân chứng đàn ông phải có hai người đàn bà.

Sau khi đã quyết định muốn lấy nhau, cặp đàn ông và đàn bà phải làm một khế ước hôn nhân. Mục đích chính của khế ước này là để xác nhận hôn nhân không có sự ép buộc. Việc ký kết khế ước giữa đôi bên phải có người làm chứng. Khế ước có thể bao gồm nhiều chi tiết mà đôi bên đồng ý như nơi cư ngụ, việc làm, của hồi môn, và con cái. Khế ước hôn nhân là một giải pháp thực tiễn của Hồi Giáo.

Sau khi khế ước hôn nhân hoàn thành, hai gia đình sẽ tổ chức đám cưới. Trên nguyên tắc, nghi thức lễ cưới không cần phải có sự hiện diện của nhà lãnh đạo tôn giáo, nhưng trên thực tế, để lễ cưới thêm phần long trọng, người tổ chức lễ cưới thường mời một nhà lãnh đạo tôn giáo trụ trì. Hôn nhân Hồi Giáo không những phải theo đúng giáo lý của Đạo Hồi mà phải tuân thủ theo luật của quốc gia nơi cư ngụ cũng như phải đăng ký với chính quyền địa phương.

Cô dâu có quyền được hưởng hai loại hồi môn được ghi nhận trong khế ước hôn nhân nếu hai bên đồng ý. Loại hồi môn thứ nhất gọi là “mahr” được trao cho cô dâu trước khi nghi thức hôn nhân hoàn tất. Mahr trở thành tài sản riêng của cô dâu không phải chia sẻ với bất cứ

ai kể cả chồng. Loại hôn môn thứ hai gọi là “muakhr” được trao cho người vợ khi chồng chết hoặc khi hai bên ly dị. Nếu tài sản của người chết không đủ cho muakhr, thân nhân bên nhà chồng phải đóng góp vào chỗ thiếu.

Tại Ba Tư và một vài nơi khác, luật lệ cho phép một hình thức hôn nhân tạm thời (temporary marriage) gọi là mut’a. Một cặp đàn ông và đàn bà cũng làm một khế ước hôn nhân bình thường, nhưng có giới hạn thời gian. Nếu cả hai muốn, giới hạn về thời gian có thể thay đổi, kéo dài thêm hoặc chấm dứt sớm hơn. Theo tục lệ cuộc hôn nhân này thường không dài quá 3 ngày. Những bà vợ tạm thời này trên thực tế trở thành gái điếm hợp pháp, thường hay tụ tập tại những thánh địa để làm bạn với những nhà truyền giáo cô đơn.

Hôn nhân vị thành niên

Luật Hồi Giáo cho phép những vị thành niên và ngay cả những người có đầu óc mất bình thường (lunatics) lập gia đình miễn là có người giám hộ. Tuy nhiên có nhiều ý kiến khác nhau về tuổi dậy thì. Học giả Aby Hanifa cho rằng tuổi dậy thì của con trai và con gái lần lượt là 18 và 17. Học giả Abu Yusuf ấn định tuổi dậy thì của cả con trai lẫn con gái là 15. Nhưng theo một học giả khác là ông Hedaya, tuổi dậy thì của con trai là 12 và của con gái là 9. Vì có những quan điểm khác nhau về tuổi dậy thì và nhiều trường hợp trẻ em lập gia đình quá sớm, một số đạo luật giới hạn hôn nhân vị thành niên đã ra đời. Đạo Luật Giới Hạn Hôn Nhân Vị Thành Niên năm 1929 ở Ấn Độ ấn định tuổi dậy thì của con trai và con gái là 18 và 16. Đạo Luật cấm Hôn Nhân Vị Thành Niên 2006 ở Ấn Độ đã nâng tuổi tối thiểu được phép kết hôn là 21 đối với nam giới và 18 đối với nữ giới. Đạo Luật 1929 của Pakistan ấn định tuổi hôn nhân tối thiểu là 18 đối với nam giới và 16 đối nữ giới.

Trên thực tế, tình trạng hôn nhân vị thành niên vẫn tiếp tục. Theo Quỹ Nhi Đồng Liên

Hiệp Quốc (UNICEF) trên một nửa số trẻ em nữ tại Afghanistan và Bangladesh lập gia đình trước tuổi 18. Vào khoảng một nửa số trẻ em nữ trong trại tị nạn ở Afghanistan và Pakistan lấy chồng vào tuổi 13. Tại Iran, hạn tuổi lập gia đình cho con gái là 9 và 14 cho con trai. Tại Yemen hạn tuổi cho con gái là 15, nhưng trên thực tế luật không được nghiêm chỉnh thi hành. Nhiều cha mẹ của những gia đình nghèo gả hoặc bán con gái để trả nợ hoặc mua thực phẩm. Trong các bộ lạc du mục, có những trường hợp cha mẹ cho con gái đi lấy chồng khi mới 5-6 tuổi.

Rất khó để có thể thay đổi tình trạng hôn nhân vị thành niên trong xã hội Hồi Giáo bởi vì người theo Đạo Hồi tin tưởng và theo gương Giáo Chủ. Nhưng chính Giáo Chủ Muhammad đã lấy nhiều vợ kể cả người trẻ nhất là Aisha lúc mới có sáu tuổi và qua đêm tân hôn với Aisha khi người vợ trẻ mới chín tuổi. Aisha sống với Giáo Chủ Muhammad trong chín năm cho đến khi chồng chết.

Đa thê

Nhiều người hiểu lầm về chế độ đa thê trong thế giới Hồi Giáo. Đạo Hồi chấp nhận đa thê nhưng trong một hoàn cảnh tiêu cực. Lịch sử cho thấy rằng chế độ đa thê vô giới hạn có trước khi Giáo Chủ Muhammad khai sáng ra Đạo Hồi trong thế kỷ thứ VII. Chính Hồi Giáo đã hạn chế rằng một người đàn ông chỉ có thể có tối đa là bốn vợ và tốt hơn cả là chỉ nên có một vợ mà thôi. Kinh thánh Koran viết về đa thê như sau:

“Nếu tín đồ lo sợ không có đủ khả năng để đối xử một cách công bằng đối với những đứa trẻ mồ côi, hãy lấy những người đàn bà mà mình lựa chọn, hai hoặc ba hoặc bốn; nhưng nếu tín đồ lo sợ không thể đối xử một cách công bằng đối với những bà vợ thì hãy chỉ cưới một người đàn bà hay người nào thuộc sở hữu của mình. Điều này sẽ thuận lợi hơn để ngăn ngừa sự bất công.”

Riêng Giáo Chủ Muhammad có tất cả 11 hoặc 13 bà vợ, tùy theo định nghĩa ai là vợ. Theo nhà nghiên cứu về Hồi Giáo William Montgomery Watt, tất cả những cuộc hôn nhân của Giáo Chủ Muhammad đều có mục đích củng cố tinh hữu nghị và theo tục lệ Arabian. Ông Francis Edwards Peters, một nhà nghiên cứu khác, cho rằng rất khó có thể tổng quát hóa những cuộc hôn nhân của Giáo Chủ Muhammad: nhiều cuộc hôn nhân mang tính chất chính trị, một vài cuộc hôn nhân phát nguồn từ lòng từ bi, và một vài cuộc hôn nhân khác có thể do lòng yêu thương. Tuy nhiên Giáo Chủ Muhammad là người đã cải thiện đáng kể quyền lợi của nữ giới. Nhờ ông mà người phụ nữ được hưởng quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế, giáo dục, ly dị và một số bảo đảm căn bản.

Đa thê chỉ là một lựa chọn cá nhân không phải là điều bắt buộc bởi kinh thánh. Trái lại Luật Hồi Giáo cấm người đàn bà có nhiều chồng. Tại những nước mà chế độ đa thê hợp pháp và được thực hành, tín đồ Hồi Giáo có thể đòi hỏi người chồng không được lấy thêm vợ trong khế ước hôn nhân. Những tín đồ Hồi Giáo tại Hoa Kỳ dĩ nhiên không thể lấy nhiều vợ, nhưng họ vẫn có thể làm khế ước hôn nhân theo giáo lý Đạo Hồi miễn là không vi phạm luật lệ của Hoa Kỳ. Trên thực tế, ngay cả ở những nước mà chế độ đa thê hợp pháp, những trường hợp một đàn ông lấy nhiều vợ cũng không phổ thông. Đa số vẫn theo truyền thống một chồng một vợ vì những lý do thực tế là gánh nặng tài chánh, tinh thần, và tình cảm. Trái lại, nhiều người Hồi Giáo nghĩ rằng chế độ ly dị quá dễ dàng tại các nước Tây phương là một hình thức đa thê trá hình.

Từ giữa thế kỷ XX, một vài nước Hồi Giáo đã làm luật hủy bỏ chế độ đa thê, cải tổ luật Hồi Giáo và thay thế bằng luật quốc gia. Tunisia cấm đa thê vào năm 1956. Sau nhiều năm tranh đấu cam go và đẫm máu của phong trào phụ nữ, Algeria đã phải chấm dứt chế độ

đa thê vào năm 1993. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, chế độ đa thê và những hình thức áp chế phụ nữ như đeo mạng che mặt hay mặc áo choàng che kín toàn thân đã bị hủy bỏ vào năm 1930 sau khi Ông Mustapha Kemal thực hiện thành công cuộc cách mạng xã hội Hồi Giáo, chấm dứt đế quốc Ottoman, trở thành vị tổng thống đầu tiên (1923-1938) của nước cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ. Tại Ai Cập cũng xuất hiện một cuộc cách mạng thế tục hóa xã hội do Ông Jasmal Nasser lãnh đạo tương tự như ở Thổ Nhĩ Kỳ vào những năm 1958-1970 khi ông trở thành tổng thống của nước Cộng Hòa Ả Rập Thống Nhất.

Tại Ba Tư, hai vị vua Reza Pahlavi và Muhammad Reza Pahlavi đã khởi xướng cuộc cải tổ xã hội liên tục trong thời gian 1921-1979, thay thế luật Hồi Giáo Sharia bằng luật quốc gia, bãi bỏ những tục lệ ép buộc phụ nữ. Hai ông thẳng tay đàn áp những phe thù cựu chống đối. Tuy nhiên nhóm giáo sĩ Hồi Giáo, đứng đầu là Học Sĩ Khomeini lưu vong tại Pháp, đã lãnh đạo phong trào chống lại vua Pahlavi. Sau cùng nhóm giáo sĩ này đã thắng thế và học sĩ Khomeini trở thành tổng thống của nước Cộng Hòa Hồi Giáo Ba Tư. Luật Hồi Giáo khắt khe một lần nữa lại được áp dụng tại Ba Tư.

Ly dị

Ly dị đã có trước khi Hồi Giáo thành lập. Giáo lý Đạo Hồi chấp nhận ly dị nhưng không khuyến khích. Giáo Chủ Muhammad phán rằng ly dị là một việc làm trái ý với Thượng Đế. Những điều kiện ghi trong khế ước hôn nhân liên quan đến ly dị sẽ được thi hành. Tài sản của chồng sẽ được phân chia nếu việc ly dị theo đúng khế ước hôn nhân. Trái lại, tài sản của người phụ nữ sẽ không bị chia cắt khi hôn nhân chấm dứt. Tất cả những gì người đàn bà được cho và kiếm được trong thời gian hôn nhân đều là tài sản riêng, không bị phân chia. Người đàn bà cũng có quyền đòi chồng cũ trợ cấp nếu đòi hỏi.

Cũng như việc hỏi cưới, người đàn bà cũng có quyền khởi xướng việc ly dị. Trong đa số trường hợp, cả vợ lẫn chồng đều phải đồng ý thì việc ly dị mới được tòa cho phép. Luật Hồi Giáo đòi hỏi rằng việc ly dị phải được người chủ xướng xác nhận trong ba cơ hội khác nhau, trái với điều người ta thường nghĩ rằng chỉ cần người chồng (nếu là người chủ xướng) tuyên bố ba lần muốn ly dị vợ một lúc là đủ. Trong hai lần đầu, người đàn bà và người đàn ông vẫn còn là vợ chồng. Trong lần tuyên bố ly dị thứ ba với sự có mặt của người đàn bà, người đàn ông đã ra khỏi nhà và không chính thức còn là người chồng nữa. Người đàn ông không có quyền trục xuất người đàn bà ra khỏi nhà và vẫn phải chịu trách nhiệm trợ cấp vợ cũ và con cái trong vòng ba tháng.

Sau ba lần tuyên bố ly dị, người đàn ông và đàn bà không được phép tái kết hợp lại thành vợ chồng nữa ngoại trừ sau khi người đàn bà này đã lập gia đình với người chồng mới và ly dị chính thức với người chồng mới này. Điều kiện này bắt buộc đôi bên phải suy nghĩ nghiêm chỉnh trước khi quyết định chia tay. Trên thực tế, người đàn bà có thể trở lại với người chồng đầu tiên theo đúng luật pháp bằng cách đồng ý một cuộc hôn nhân tạm thời như đã trình bày ở trên với một người đàn ông khác.

Giáo lý Đạo Hồi đòi hỏi một thời gian chờ đợi ba tháng đối với phụ nữ sau khi ly dị. Trong thời gian này người đàn bà không được phép lấy chồng mới. Thời gian chờ đợi này giúp cho người đàn bà biết rõ có mang thai với chồng cũ hay không. Trên thực tế, ít có đàn bà xin ly dị so với trường hợp đàn ông trong vùng Trung Đông. Người đàn bà thường gặp nhiều trở ngại về pháp lý và tài chánh. Trong khi người đàn ông có thể ly dị vợ dễ dàng hơn.

Hạn chế sanh sản

Hồi giáo khuyến khích việc sanh đẻ càng nhiều càng tốt. Tuy nhiên trong nhiều trường

hợp, Hồi giáo cho phép hạn chế sinh đẻ khi gia đình không đủ khả năng nuôi nấng con cái đầy đủ. Nếu người đàn bà đã sanh sản nhiều lần hoặc sức khỏe yếu kém, họ cũng có thể xin chấm dứt mang thai. Việc phá thai không bị cấm đoán miễn là bào thai dưới 120 ngày.

Theo Luật Hồi Giáo, người đàn bà không bị trừng phạt vì bị ép buộc liên hệ tình dục. Trái lại, kẻ hãm hiếp bị trừng trị chỉ một căn bằng chứng duy nhất là người đàn bà nạn nhân. Theo lời phán của Giáo Chủ Muhammad như giáo phái Sunni trình bày, hình phạt hãm hiếp là tử hình. Đó là lý thuyết. Trên thực tế, nạn nhân hiếp dâm thường bị trừng phạt nặng nề và còn bị người thân thuộc hành hạ vì làm mất danh dự gia đình. Luật Hồi Giáo giới hạn giá trị của lời khai của phụ nữ, đặc biệt về những trường hợp liên quan đến tội phạm tình dục. Trong một số lãnh vực tòa án chỉ nhận lời khai của đàn ông. Về tội hiếp dâm, Kinh Koran đòi hỏi phải có bốn nhân chứng đàn ông. Nếu không kiếm được nhân chứng để giải tội, lời buộc tội bị hiếp dâm của người phụ nữ sẽ trở thành lợi thú tội thông dâm. Tại Pakistan, khoảng 75% tù nhân nữ vi phạm tội bị hiếp dâm.

Trong vài năm gần đây, tại Trung Đông lại tái xuất hiện hiện tượng “hôn nhân tạm.” Một người đàn ông có thể trả một số tiền cho một người đàn bà hay gia đình của người này để mang người đàn bà về sống với mình như một người vợ tạm thời trong một thời hạn hai bên đồng ý. Những người thực hành cho rằng điều này được Luật Hồi Giáo cho phép và có trước khi Đạo Hồi ra đời. Tuy nhiên, những nhóm bênh vực nữ quyền đã kết án hành vi này như là một hình thức mãi dâm.

Giáo dục

Kinh Koran viết rõ rằng mọi người, nam cũng như nữ, bắt buộc phải được giáo dục, học hỏi để trau dồi kiến thức. Do đó nữ giới bình đẳng với nam giới về vấn đề giáo dục. Giáo

chủ Muhammad cũng nhấn mạnh đến sự quan trọng của giáo dục đối với cả đàn ông lẫn đàn bà. Giáo dục rất cần thiết để thấu hiểu về kinh thánh và năm cột trụ của Đạo Hồi là Đức Tin, Cầu Nguyện, Làm Việc Nghĩa, Ăn Chay, và Hành Hương. Ngoài ra có giáo dục mới hiểu được bốn phần tôn giáo, luật lệ về hôn nhân, gia tài thừa kế, ly dị, di chúc, v.v. Đàn bà cần được giáo dục và huấn luyện để quản lý nhà và nuôi nấng con cái. Trên thực tế, có nhiều trường hợp trẻ em nữ bị cấm đi học, như ở Afghanistan dưới thời Taliban hoặc trong những gia đình thiếu thốn không có đủ phương tiện đi học.

Việc làm

Mặc dù kiếm phương tiện để nuôi sống gia đình là nhiệm vụ của người đàn ông, Đạo Hồi không cấm đàn bà làm việc, kinh doanh, có nghề nghiệp chuyên môn để kiếm thêm lợi tức cho gia đình nếu cần thiết. Lịch sử cho thấy phụ nữ Hồi Giáo làm nhiều nghề khác nhau trong nhiều lãnh vực kể cả thương mại: nông nghiệp (nông dân, v.v.), kỹ nghệ (thợ xây cất, thợ nhuộm, thợ dệt, v.v.), và dịch vụ (nhà đầu tư, y sĩ, y tá, học giả, người bán hàng rong, v.v.) Phụ nữ chiếm độc quyền trong kỹ nghệ dệt may.

Luật Hồi Giáo cho phép phụ nữ làm việc trong điều kiện việc làm không đòi hỏi người đàn bà vi phạm Luật Hồi Giáo (t.d. tiếp rượu) và bảo đảm an toàn cho phụ nữ. Nếu việc làm đòi hỏi người phụ nữ phải rời khỏi nhà, người phụ nữ phải hành sử khiêm tốn và giản dị như đối với nam giới. Thống kê của năm 2005 cho thấy tại Pakistan và Indonesia, tỉ lệ phụ nữ làm việc là 16% và 52%.

Trên thực tế, có một số người Hồi Giáo, kể cả những học giả và lãnh đạo tôn giáo, buộc đàn bà phải ở trong bốn bức tường, không được ra ngoài làm việc, mặc dù Kinh Koran không cấm đoán. Đàn bà chỉ có thể đi ra ngoài căn nhà của mình khi tối cần thiết.

Đàn bà phải tránh những nơi vật chất và do bản. Khi tiếp xúc với bên ngoài, người đàn bà sẽ mất đạo đức. May mắn, việc cấm đoán này chỉ có tính cách gia đình. Không có một đạo luật nào ban hành cấm người phụ nữ ra khỏi nhà. Ngày nay, tại nhiều nước Hồi Giáo, ngay cả những nước gọi là Islamic states như Ba Tư và Saudi Arabia, phụ nữ làm việc trong nhiều khu vực công và tư khác nhau.

Y phục

Quy luật về y phục của phụ nữ cũng như cho nam giới Hồi Giáo được mô tả trong kinh Koran và những bài giảng dạy của Giáo Chủ Muhammad. Nữ giới Hồi Giáo cần phải luôn luôn ăn mặc giản dị. Y phục phải che toàn thân từ đầu cho đến ngón chân, ngoại trừ phần trước mặt và bàn tay (từ cổ tay cho đến đầu ngón tay). Y phục của phụ nữ Hồi Giáo phải rộng rãi không để lộ ra vóc dáng và đường nét của thân thể. Việc che kín cả mặt tùy theo phong tục tập quán địa phương và gia đình. Ở Yemen và Afghanistan có nhiều phụ nữ mặc burka che toàn thể đầu và thân thể kể cả hai con mắt, nhưng người mặc có thể nhìn thấy bên ngoài qua một miếng vải lưới. Những phụ nữ này cũng có thể mặc một loại áo dài che từ cổ đến ngón chân, tiếng Ả Rập gọi là jilbab, và trùm một chiếc khăn gọi là hijab để che đầu và tóc hoặc dùng niqab nếu muốn che luôn cả mặt phía trước. Một trong những lý do những người Hồi Giáo mặc y phục rộng rãi là để tránh khêu gợi dục tính của người khác giới và đồng thời giữ cho thân thể mát mẻ chống lại ánh nắng cháy da cháy thịt của vùng sa mạc. Thường thường y phục của người Hồi Giáo chỉ có một màu đơn giản, thường là trắng đối với nam giới, hay đen, xám hoặc xanh da trời, đối với nữ giới. Riêng chiếc áo dài dishdasha của nữ giới có nhiều màu sắc trẻ trung hơn và thay đổi theo thời trang.

Phụ nữ Hồi Giáo được ăn mặc thoáng hơn đối với những người thân trong gia đình

gọi chung là mahram bao gồm chồng, anh em trai, cha ruột, bố chồng, con trai, và một vài người thân khác. Thí dụ như phụ nữ hồi giáo không phải che đầu và tóc đối với nam giới trong nhóm mahram.

Vào tháng 7, 2009, 12 phụ nữ đã bị cảnh sát bắt tại một quán cà phê tại thủ đô Khartoum, Sudan vì tội mặc quần tây. Sudan là một nước Phi Châu Hồi Giáo (Sunni) và 70% dân số là gốc Ả rập. Trong số phụ nữ bị bắt, có 10 người bị đánh mỗi người 10 roi và bị phạt tương đương với US\$100. Hai người còn lại chưa bị phạt ngay, trong đó có ký giả Lubna Hussein làm việc cho một văn phòng Liên Hiệp Quốc tại địa phương, vì họ thuê luật sư để bào chữa. Tuy nhiên hai tháng sau tòa án đã phán cô Lubna Hussein ăn mặc không đúng đắn và tuyên phạt cô một tháng tù vì cô không chịu nộp phạt tương đương với US\$200. Tại Mã Lai, Luật Hồi Giáo cũng cấm phụ nữ mặc quần tây và đồng thời không được tập yoga vì môn thiền này phát nguồn từ Phật Giáo. Tín đồ Hồi Giáo ở Mã Lai phải tuân theo hai luật khác nhau là Luật Hồi Giáo và Luật Dân Sự. Trong khi những người không theo đạo Hồi, chỉ cần tuân thủ Luật Dân Sự.

Nhiều người xem chiếc áo dài che kín cả thân thể burka và những chiếc khăn che kín đầu và tóc hijab hoặc niqab là biểu tượng của sự áp bức phụ nữ và tạo ra mối lo ngại về an ninh công cộng tại những nước không phải là Hồi Giáo. Tại Anh, Pháp, và Canada, y phục Hồi Giáo đã từng được đem ra tranh luận. Nhưng tại Hoa Kỳ xem ra chưa có vấn đề gì. Thịnh thoàng người ta vẫn thấy phụ nữ Hồi Giáo trong bộ y phục che kín từ đầu đến chân đi ngoài đường phố.

Sự khác biệt giữa nam và nữ giới

Kinh thánh Koran trình bày hai quan điểm về giới tính trong Hồi Giáo. Thứ nhất, nam và nữ giới bình đẳng trước Thượng Đế xét về bản phận đối với tôn giáo (lòng tin vào

Thượng Đế và sứ giả, cầu nguyện, ăn chay, làm việc từ thiện và hành hương về Thánh Địa Mecca hay Medina). Thứ hai, nữ giới được trao cho nam giới chăm sóc (đàn ông có trách nhiệm về tài chánh đối với vợ).

Kinh thánh Koran viết: “Đàn ông là người cuu mang và bảo vệ phụ nữ, bởi vì Thượng Đế tạo ra người này để làm cho người kia xuất sắc hơn, và bởi vì đàn ông sử dụng tài sản của mình để hỗ trợ phụ nữ.” Kinh thánh cũng giải thích rằng “đàn ông và đàn bà bình đẳng khi sanh ra và trong cả đời sau, nhưng không giống nhau. Đàn ông và đàn bà được tạo ra từ một linh hồn. Người này không sanh ra trước người kia, người này không ưu việt hơn người kia, và người này không phải phát sanh từ người kia. Người đàn bà không phải được tạo ra cho mục đích của người đàn ông. Trái lại, cả hai được tạo ra để giúp ích cho nhau.”

Kinh thánh Koran giải thích rõ ràng như thế, nhưng trên thực tế người ta nhận thấy có nhiều đối xử khác biệt đối với phụ nữ trong xã hội Hồi Giáo. Về quyền thừa kế, kinh Koran viết rằng người đàn bà được hưởng quyền thừa kế. Cũng theo kinh thánh, phần thừa kế dành cho người đàn bà bằng nửa phần dành cho đàn ông cùng có mức độ liên hệ với người quá cố như người đàn bà. Sở dĩ có sự khác biệt về quyền thừa kế giữa nam và nữ giới là vì nam giới chịu trách nhiệm hỗ trợ tài chánh cho gia đình. Kinh Koran đề cập đến quyền thừa kế ở nhiều chương khác nhau. Tuy nhiên tại nhiều nước mà đạo Hồi chiếm đa số, luật lệ thừa kế tỏ ra bất công với nữ giới.

Tại Ba Tư và một số nước Hồi Giáo khác, tiền bồi thường cho nạn nhân bị giết chết hoặc bị tử thương vì tai nạn cũng khác biệt tùy theo giới tính. Tiền bồi thường cho nạn nhân đàn bà chỉ bằng nửa đàn ông. Cũng tại Ba Tư lời khai của một người đàn ông có giá trị gấp hai lần lời khai của đàn bà và trong nhiều trường hợp, luật pháp cho phép đàn ông

được thừa hưởng gia tài thừa kế gấp đôi người đàn bà mặc dù cả hai cùng liên hệ với người quá cố ở mức độ giống nhau theo đúng kinh Koran như đã đề cập ở trên. Ngoài ra, đàn bà phải được chồng cho phép mới được làm việc bên ngoài căn nhà đang cư ngụ hoặc muốn xuất ngoại.

Trong những vùng do Taliban kiểm soát tại Afghanistan, phụ nữ bị bắt buộc phải mặc burqa ở nơi công cộng, không được phép làm việc, không được đi học sau 8 tuổi, và bị đánh bằng roi trước công chúng hoặc hành hình nếu vi phạm luật của Taliban. Tại Iran, con gái sau tuổi dậy thì bắt buộc phải y phục che tót và toàn thân nếu không sẽ bị bắt.

Tại Saudi Arabia, các phụ nữ đều không có thể căn cước riêng. Tên tuổi của phụ nữ được ghi vào thẻ căn cước của cha khi còn độc thân. Khi cha chết tên tuổi được ghi vào thẻ căn cước của anh hay em trai. Khi lấy chồng tên tuổi được ghi vào căn cước của chồng. Nếu chồng chết, tên tuổi được ghi vào căn cước của con trai. Phụ nữ tại Saudi Arabia còn bị cấm lái xe, không được phép hành nghề luật sư hay kỹ sư và làm việc cho các cơ quan nhà nước. Vào thời Giáo Chủ Muhammad làm gì đã có xe hơi. Vậy thì việc cấm phụ nữ lái xe thuần túy là sản phẩm của xã hội đương thời.

Một cuộc thăm dò dư luận quy mô do Viện Gallup thực hiện vào năm 2005, theo đó 8,000 phụ nữ Hồi Giáo tại nhiều quốc gia đã được phỏng vấn trực tiếp. Kết quả cho thấy là điều quan tâm nhất đối với phụ nữ Hồi Giáo không phải là mạng che mặt và nói chung là y phục, mà là quyền được bỏ phiếu để tham gia vào các quyết định quan trọng như nam giới. Tại Lebanon, 97% phụ nữ đã đồng ý như thế. Con số của Ai Cập và Morocco là 95%. Pakistan có tỉ lệ thấp nhất là 68%. Phụ nữ Hồi Giáo đã được hưởng quyền đi bầu ở nhiều quốc gia Hồi Giáo như Lebanon (1952), Syria (giới hạn: 1949; nới rộng: 1953), Ai Cập

(1956), Tunisia (1959), Mauritania (1961), Algeria (1962), Morocco (1963), Lybia và Sudan (1964), Yemen (giới hạn: 1967; toàn phần: 1970), Bahrain (1973), Jordan (1974), Iraq (1980), Oman (giới hạn: 1994; toàn phần: 2003), và Kuwait (2005). (b)

Vào ngày Chủ Nhật 25 tháng 9 vừa qua Vua Abdullah của Saudi Arabia, một vương quốc với giới hạn dân chủ tối đa, đã cho phép phụ nữ tham gia vào các cuộc bầu cử cũng như tranh cử vào những cơ quan ở địa phương. Quyết định này đã được thực hiện chín tháng sau khi Mùa Xuân Ả Rập bắt đầu, sáu tháng sau khi Osama bin Laden bị giết chết, và ba tháng sau khi phụ nữ Saudi Arabia biểu tình phản đối việc cấm phụ nữ lái xe hơi.

Kết luận

Trong xã hội Hồi Giáo phụ nữ bị đối xử bất công một cách quá khắt khe nên phải chịu nhiều thiệt thòi. Tình trạng này sẽ phải thay đổi. Tôn giáo thuộc về văn hóa. Người ta không thể ước vọng sự thay đổi văn hóa sẽ đến nhanh chóng. Lịch sử đã chứng kiến những sự thay đổi đáng kể trong xã hội Hồi Giáo trong tám thập niên vừa qua. Có những thay đổi từ dưới lên trên như tại Algeria. Có những thay đổi từ trên xuống dưới như tại Thổ Nhĩ Kỳ, Tunisia, Ba Tư (thời các vua Reza Pahlavi). Có những thay đổi từ trên xuống dưới nhưng chậm rãi hơn như tại Morocco và Jordan. Có những thay đổi thụt lùi như tại Ba Tư thời Tổng Thống Khomeini.

Tình hình căng thẳng giữa Do Thái và các nước Ả Rập đã và đang làm cản trở việc thay đổi xã hội tại các nước Hồi Giáo ở Trung Đông vì chánh sách quốc gia của các nước trong vùng đặt trọng tâm vào vấn đề an ninh. Tuy nhiên những đột biến chính trị vừa qua và hiện nay tại Tunisia, Ai Cập, Lybia, Syria, và Yemen do những thành phần trẻ, cấp tiến và có học thức chủ động, sẽ tạo cơ hội cho

những thay đổi xã hội. Chính những người Hồi Giáo sẽ phải gánh vác vai trò chủ động để thay đổi xã hội của họ. Hiện nay có những tổ chức nhân quyền đã lên tiếng bênh vực quyền phụ nữ Hồi Giáo như International Society for Human Rights (ISHR) and Human Rights Watch (HRW).

Xã hội Hồi Giáo được xây dựng trên hai nền tảng chính là kinh thánh Koran và những lời dẫn dắt của Giáo Chủ Muhammad có trên 1,400 năm về trước, với rất nhiều chi tiết liên quan đến đời sống hàng ngày của tín đồ. Luật Hồi Giáo Sharia và truyền thống Hồi Giáo đa phần dựa vào kinh Koran, những lời dẫn dắt của Giáo Chủ Muhammad, và nền văn hóa địa phương. Trong khi đó thế giới đã thay đổi rất nhiều, nhất là trong 100 năm gần đây. Đây chính là cơ hội cho những thay đổi trong xã hội Hồi Giáo.

Tài liệu tham khảo:

- (1) Imani Jaa-Mohammad, esq and Charlie Lehmann, "Women's Rights in Islam Regarding Marriage and Divorce," Journal of Law and Practice, April 11, 1011.
- (2) Diane A. Henningfeld, "Women in Islam," Gale Group, October 29, 2010.
- (3) John Ankerberg, "Truth About Islam and Women," Harvest House Publishers, November 20, 2009.
- (4) Asghar Ali Engineer, "The Rights of Women in Islam," Sterling Publishers Private Limited, 2008.
- (5) Robert Spencer and Phyllis Chesler, "The Violent Oppression of Women in Islam," David Horowitz Freedom Center, 2007.
- (6) Charlie Nguyễn, "Thế Giới Hồi Giáo Xưa và Nay," 11-12-2007.
- (7) "Islam Empire of Faith," Public Broadcasting Service, November 27, 2001.
- (8) Muhammad Sharif Chaudhry, "Women's Rights in Islam," January 1991.
- (9) "Women in Islam," Wikipedia.

(10) Souren Melikian, "Islamic Culture: A Groundless Myth," the New York Times, November 4, 2011.

Chú Thích:

(a) Trong thời gian công tác tại Ngân Hàng Thế Giới, tác giả đã làm việc trong 10 năm về vùng Trung Đông và Bắc Phi gồm các nước Algeria, Ai Cập, Yemen, Jordan, và Syria và đã có dịp thăm viếng Morocco và Lebanon.

(b) Phụ nữ Hoa Kỳ cũng chỉ bắt đầu có quyền đi bầu vào năm 1920.

NGUYỄN QUỐC KHẢI

22-11-2011

THU VỀ RỒI... LẠNH

Thu về rồi...lạnh cứng tay chân,
Áo mỏng che ngoài...nhẹ tẩm thân.
Tóc trụi, mái đầu luôn ngứa ngáy,
Răng hô, cái miệng cứ phân vân.
Cổ lai hi vượt, xe còn phóng,
Múa bút vườn hoang, gậy chữa cần!
Đêm thức đôi lần, quên uống thuốc,
Ngày ăn ba bữa, chẳng lên cân!
Bạn bè, tri kỷ...ra đi hết,
Hào khí, hùng tâm nguội lạnh dần!
Lên Mạng sớm, chiều, lo mắt kém,
Sao ghi tâm sự, đọc xa, gần!?

DƯƠNG HUỆ ANH

Californina 25/10/11

PHÁT HÀNH CỔ THƠM SỐ 56



Nguyễn Ngọc Bích, Vũ An Thanh, Ý Nguyễn, Cung Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thái Phượng.



Đặng Văn Hiền, Phan Khâm, Hà Bình Trung, Đặng Nguyên, Ý Nguyễn, Cao Nguyên, Vũ Hối.



Ngọc Thanh, Nguyễn Quốc Khải, Đặng Văn Hiền, Trúc Mai, Hoàng Bạch Mai, Nguyễn Ngọc Bích.



Hàng trước: Nguyễn Lâm, Thái Phượng, Ý Nguyễn, Ngọc Thanh, Trúc Mai, Thân hữu, Kiều Thu, Diễm Trân, Hoàng Bạch Mai, Minh Trân. Hàng giữa: Phong Thu, Thân Hữu, Chị Thành, Ngọc Dung, Hồng Thủy, thân mẫu Diễm Trân. Hàng cuối: Vũ Anh Thanh, Đặng Nguyên, Nguyễn Văn Thành, Hà Bình Trung, anh Minh, Nguyễn Ngọc Bích, Vũ Hối, Cao Nguyên, Cung Thị Lan, Đặng Ngọc Tú, Thu Thủy, Đặng Văn Hiên, Kiều Nga.



Anh Nguyễn Ngọc Bích điều khiển một bản đồng ca.



Ban Tứ ca: Ngọc Thanh, Thái Phượng, Ngọc Dung, Minh Trân trong bản nhạc “Yêu Em”, thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung, nhạc Huy Lâm. Bên cạnh là Ý Nguyễn và Phạm Bá cổ võ.



Cung Thị Lan, Kiều Thu, Diễm Trân thông báo về buổi ra mắt Hội Ký Tim Tự Do của Cung Thị Lan và bản dịch *Unforgettable Kindness* của Diễm Trân.



Kỷ niệm sinh nhật Vũ Anh Thanh.

TÔI NHỚ VỀ EM "TRUNG LUNG HOA VÀNG"

Phong Thu

TRỞ LẠI LITTLE SÀI GÒN

Chuyến đi California lần này khác với lần trước. Tôi muốn ghé thăm quý văn thi hữu CSTV Cội Nguồn. Nhân chuyến đi này, nhà văn Song Nhị và nhóm văn thi hữu của CSTV Cội Nguồn đã chuẩn bị buổi ra mắt quyển sách song ngữ "Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi" của tôi vào ngày 23 tháng 10 năm 2011, tại hội trường Vivo, 2272 Quimby Rd, San Jose, CA 95122.

Tôi và Miên Du có cuộc hẹn hò trước nên tôi đến Nam California. Đây là lần thứ ba tôi trở lại Little Saigon, thủ phủ của người Việt tị nạn. Anh Nguyễn Hà, niên trưởng của QGNT Heritage thương mến và quý tôi như em trong gia đình nên anh lo chuẩn bị đặt mua vé máy bay cho tôi từ A tới Z. Nhạc sĩ Miên Du Đà Lạt, cô bạn thân mến của tôi đã chuẩn bị cho tôi lịch trình những ngày tôi làm việc với hai đài truyền hình SBTN và Global TV tại Nam CA. Tôi biết Miên Du bận nên không muốn Miên Du đón tại phi trường. Tôi có thể tự đón taxi về nhà Miên Du cho tiện. Nhưng khi tôi đến sân bay Baltimore lại nhận được điện thoại của anh Nguyễn Hà. Anh vẫn muốn đến đón cô em gái và đưa về tận nhà Miên Du. Khi đến Phi trường John Wayne (Long Beach), đồng hồ đã chỉ đúng 2:54 pm. Anh Nguyễn Hà đã đón tôi và đưa tôi đến khu thương mại Phước Lộc Thọ ăn phở.

Nam Cali mùa thu không rõ nét. Buổi sáng chỉ có sương mù lãnh đặng phủ kín phố xá và những con đường đầy cây xanh. Buổi trưa nắng lên cao và không khí ẩm dãn. Rồi buổi chiều trời trở lạnh. Cái lạnh nơi đây chỉ đủ để làm cho đôi má các cô gái hồng lên đôi chút để làm duyên. Đây là thủ phủ của người Việt tị nạn với muôn vạn sắc thái khác nhau. Tôi thường nghe bạn bè gọi là chốn "gió tanh

mưa máu". Từ này có vẻ hơi quá đáng và nó không đại diện cho nếp sống văn hoá, sinh hoạt nhộn nhịp, vui tươi của đại đa số người Việt hiền hoà và biết tự trọng. Trung tâm thương mại sầm uất này luôn quyến rũ tôi. Cô bạn nhỏ Thái Hòa dễ mến đã đưa tôi đi ngắm hàng hoá và những món ăn Việt Nam bày trong các hành lang của chợ. Tôi thấy những chiếc áo dài đủ màu treo sặc sỡ, đẹp lộng lẫy làm tôi mê, muốn mua nhưng chúng lại không hợp với tôi. Ở đây chín mươi chín phần trăm là người Việt Nam. Tôi chỉ nghe nói tiếng Việt, các đài truyền thông, báo chí, bản hiệu các quán tiệm, nhìn trái nhìn phải, trước sau chỉ toàn là tiếng Việt. Mỗi lần về đây, tôi như thấy lại thành phố Sài Gòn thân yêu sau nhiều năm xa cách.

Nhạc sĩ Miên Du Đà Lạt đã chuẩn bị lịch trình cho tôi. Nên ngày 18/10, Miên Du và tôi đã đến hai trung tâm thu hình của Global TV và SBTN gặp gỡ làm quen với Mộng Lan, Trọng Nghĩa và Giáng Ngọc. Cả ba đều có tài ăn nói và hiếu khách.

Tôi cũng đến viếng thăm văn phòng chị Kiều Mỹ Duyên, hai chị em gặp nhau thật vui, đậm đà tình cảm vì lâu ngày không gặp nhau. Chị Kiều Mỹ Duyên mời tôi và Miên Du đi ăn chiều. Miên Du thật tội nghiệp, đang lo cho mẹ già, bệnh tật, còn phải lo chạy xô kiếm tiền và bây giờ phải dẫn tôi đi chơi.

Đến tối, anh Nguyễn Hà đã mời tôi, Miên Du, chị Kiều Mỹ Duyên đi uống cà phê trên đồi "Tình Nhân" (tên này do tôi đặt). Đây là quán cà phê rất thơ mộng nằm trên một ngọn đồi cao, được xây dựng rất độc đáo, do người Mỹ làm chủ. Họ tiếp khách rất lịch sự. Ban đêm có những chiếc lò sưởi xây bằng gạch phía dưới đốt bằng gas. Anh lửa bập bùng liếm quanh những khúc gỗ làm bằng gạch. Xung quang lò lửa là những chiếc bàn nhỏ và những cái ghế dành cho khách ngồi. Từ nơi này, chúng tôi có thể nhìn toàn thành phố với

những con đường quanh co uốn lượn, những ngọn đèn màu thấp thoáng trong đêm như những đôi mắt muôn màu mở to nhìn ánh sao đêm. Anh Nguyễn Hà và cô Kiều Mỹ Duyên nói chuyện với nhau rất ăn ý. Còn Miên Du và tôi thì thâm chuyện ngày mai, chuyện thơ văn, chuyện trên trời dưới đất và những câu chuyện tình yêu không đoạn kết... của cô bạn nhạc sĩ của tôi (còn tôi thì chỉ có MA mới dám yêu).

Thời gian ngắn ngủi đến Nam Cali, tôi may mắn được Miên Du mời đến nhà trú ngụ. Căn nhà nhỏ, đơn sơ nhưng ấm cúng và yên lặng làm cho tôi thích thú. Hai chúng tôi bỗng gần nhau hơn, hiểu được tâm tình nhau và nhất là chia sẻ những tâm tư mà trước đó chưa có dịp. Hình như, khi con người không quan tâm đến tiền bạc, giàu nghèo, hơn thua, được mất thì nơi đó sẽ làm cho khoảng cách tâm hồn của chúng ta gần nhau, hiểu nhau và có sự đồng cảm. Tôi cũng có dịp ghé thăm mẹ Miên Du. Khi nhìn thấy khuôn mặt, vóc dáng nhỏ nhắn của bà, tôi cảm động vô cùng như nhìn thấy vóc dáng của mẹ tôi: **“Nhỏ bé, yếu đuối, già nua đến thương thật thương.”** Tôi ôm bà thật chặt và bà cũng ôm tôi và hôn tôi liên tục trên bàn tay, trên tóc, trên má tôi. Tôi đã về Washington trong một tuần mà vẫn còn nhớ đến bà.

Tôi từ già Miên Du để bay sang Bắc Cali. Trên vai tôi là chiếc áo khoác màu nâu Miên Du tặng làm quà vì cô nàng sợ tôi bị cảm lạnh.

THAM “THUNG LŨNG HOA VÀNG”
Khi tôi vừa đến Hoa Kỳ vào đầu thập niên 90, tôi nghe báo chí, đài truyền thanh nói về Thung Lũng Hoa Vàng, tôi hơi ngạc nhiên và tự hỏi “Sao California lại có cái tên thơ mộng đến như vậy?”. Sau này, tôi mới biết người đặt tên cho San Jose là Thung Lũng Hoa Vàng chính là nhà thơ Quốc Nam. Gần hai mươi năm, tôi nhiều lần đến Nam California nhưng chưa bao giờ đặt chân đến San Jose. Trong dịp ra mắt sách lần này tôi mới biết người San Jose có nụ cười, ánh mắt thân thiện, hiểu khách làm tôi lưu luyến không quên.

Lúc tôi đến sân bay San Francisco, trời se lạnh. Mặt trời đã bị sương mù che phủ. Trước mặt tôi là một ngọn đồi thoai thoải tiếp nối

với chân trời. Không khí San Francisco lạnh hơn Santa Ana. Tại Orange County, buổi sáng lạnh và sương mù bao phủ. Nhưng trưa nắng lên làm vạn vật ấm dần. Còn ở đây gió lùa thật lạnh. Anh Song Nhị nhất định muốn đi đón tôi dù tôi nói với anh tôi có thể tự đón taxi về. Anh và chị Ngọc Bích là hai người bạn rộn, lo lắng cho tôi nhiều nhất làm cho tôi cảm động.

Tội nghiệp anh Song Nhị bị lạc đường khi lái xe đi đón tôi. Buổi chiều trời đi rất chậm. Khi anh tìm được tôi thì cũng đã 5:00pm. Trên xe anh còn có nhà thơ Ngọc Bích. Người mà tôi nghe tiếng nhưng chưa bao giờ biết mặt.

Anh Song Nhị và chị Ngọc Bích đưa tôi đi ăn vì sợ tôi đói, và tối thì tôi đến nhà chị Ngọc Bích để trú ngụ. Thế là tôi trở thành người khách của căn nhà lãng mạn, nhộn nhịp vui tươi và trồng đầy hoa của chị. Hoa hồng, hoa cúc, hoa Quỳnh, hoa phong lan... Hoa nơi đây đẹp, xanh tươi và hoa hồng nở to bằng bàn tay xoè rộng, toả hương thơm ngát. Từ trong nhà cho đến ngoài ngõ và hành lang của nhà chị trồng đầy hoa. Tôi gọi đùa đây là vườn địa đàng của nhà thơ Ngọc Bích. Chị sống đơn độc trong căn nhà nhỏ, gọn, xinh xắn và yên tĩnh nơi dành cho người già. Trong nhà còn có chị Liên, một người phụ nữ hiền hậu, chân chất mà tôi cũng rất mến chị. Tôi yên tâm vì nhà chị toàn là phe “tóc dài” tha hồ “quậy”. Chị Ngọc Bích không bao giờ buồn vì điện thoại luôn reo lạnh lạnh. Mọi người đi tìm chị, hỏi chị để giúp cộng đồng cái này, giúp các văn thi hữu cái kia. Chồng chị là một sĩ quan Hải Quân đã từng phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam. Mỗi tình của chị cũng có gì đó giống với hoàn cảnh của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Lòng chị mở rộng với tất cả các văn thi hữu. Ai đến đây cũng được đón tiếp như người thân lâu năm mới về. Chị dành cho tôi một góc nhỏ để ngả lưng qua đêm. Tôi như thông cảm hiểu thấu được nỗi lòng của những người phụ nữ Việt Nam ôm trong tay bốn đứa con mà phải đành đoạn chia ly với người mình gọi là chồng. Thú thật, không ai muốn tự mình chặt đứt tay chân mình để trải

tim róm máu, đau khổ một đời. Và chẳng ai muốn những đứa con mình phải chia lìa cha hoặc mẹ. Nhưng trở trêu thay, những người phụ nữ một đời thương yêu chồng con đã phải đoạn lìa tất cả để tìm một hạnh phúc mới và làm lại cuộc đời. Họ dùng cảm nuôi dưỡng các con nên người bằng đôi bàn tay gầy yếu. Thời đó, ai thấu hiểu, ai thông cảm? Ai chia sẻ cho mình khi xã hội còn quá khắt khe? Hai người phụ nữ tình cờ tôi quen biết đều có tài văn thơ, và đã để lại cho tôi mỗi thiện cảm. Nói đến đây tôi lại nhớ Miên Du Đà Lạt, cô bạn của tôi cũng một đời long đong, lận đận tình duyên... Chỉ có ai từng sống trong cảnh cô cút như tôi mới thấu hiểu được nỗi lòng của những người phụ nữ một mình chèo ghe trên sóng gió cuộc đời. Có ai đó dè bieu, chê bai, chỉ trích... Nhưng những người thích chê bai, họ chưa bao giờ dám soi gương nhìn lại khuôn mặt mình thì có sá gì đâu những tiếng thị phi của người đời!

Đêm tôi ngủ tại nhà chị, tôi nghe tiếng gió lùa như tiếng thở của đêm. Ban ngày chị đưa tôi đi vòng vòng trong các tiệm thực phẩm để mua cho được món tàu hủ nước đường mà thôi thích ăn. Hai chị em tí tê tâm sự chuyện văn thơ, chuyện đời, chuyện hoa lá, cây cỏ. Và tôi còn được xem trang Blog của chị với nhiều bài thơ và những kỷ niệm, hình ảnh chị chất chiu cất giữ làm kỷ niệm.

Trưa thứ Năm 20/10, khi chị Ngọc Bích vừa đậu xe gần nhà hàng Cao Nguyên, tôi thấy một ông cụ nhỏ nhắn, có nét mặt phúc hậu và đôi mắt sáng. Vừa thấy chị Ngọc Bích, ông đã cười rất tươi. Chị Ngọc Bích giới thiệu với tôi đó là nhà thơ Tú Lặc. Tôi rất vui khi gặp được người mà tôi hằng mến mộ tài năng. Tại nhà hàng Cao Nguyên, tôi có cũng gặp được tất cả các văn thi hữu trong Ban Tô Chức của CSTV Cội Nguồn: Song Nhị, Lê Văn Hải, Ngọc Bích, Lê Diễm, Cao Ánh Nguyệt, Phạm Bằng Tường, Chinh Nguyên, Cung Diễm, Huệ Thu, Cao Sơn, Thư Sinh, Trần Hữu Từ. Buổi ăn trưa, họa sĩ Lê Văn Hải đã khoản đãi chúng tôi. Tôi thật cảm kích sự rộng rãi và tấm chân tình của anh dù tôi mới gặp anh lần đầu. Tôi tự nhủ lòng sẽ có

ngày đền đáp ân tình của tất cả quý anh chị dành cho tôi.

Buổi ăn tối hôm đó, chúng tôi đến nhà anh Song Nhị, tôi lại quen thêm ông T.S. Lê Đình Cai. Và gặp lại nhà văn Duy An Đông.

Ngày thứ Sáu 21, như lời Mẹ tôi dặn dò là tôi phải đi thăm một người bạn của Mẹ tôi. Bà đã trên 85 tuổi. Tôi biết bà đã quá già yếu bệnh tật. Nếu lần này, tôi không đến thăm bà thì thật đáng trách. Vì có thể tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại bà. Tôi không biết mua quà gì để tặng bà. Tôi đành mua thanh long, nhả n, cam đến biếu bà làm quà. Đã hơn ba mươi năm tôi chưa gặp lại bà. Dù không còn nhận ra tôi là ai. Bà vẫn ôm tôi thật chặt và hôn lên má tôi như tìm lại một đứa con gái đã đi thật xa. Tôi chia tay với bà sau bốn mươi lăm phút ngồi nghe bà kể chuyện ngày xưa... sao quá ngậm ngùi.

Ngày thứ Bảy, tôi, nhà thơ Mạc Phương Đình, nhà thơ Song Nhị đến đón Miên Du và anh Nguyễn Hà tại trạm xe bus Hoàng. Anh Hà và Miên Du trở thành bạn của nhau. Tôi mừng vì Miên Du rất mến anh. Anh Hà được chị Mơ đón về. Còn tôi, Miên Du, Song Nhị, Mạc Phương Đình phải đến nhà hàng Cao Nguyên vì anh Duy An Đông, Mạc Giao và Ngọc An đang chờ tôi. Bữa ăn rất gọn và nhanh vì tôi phải trở về nhà họp với anh Song Nhị, và chị Ngọc Bích. Tôi “vác” theo cô bạn nhà thơ, kiêm nhạc sĩ của tôi về nhà chị. Thế là hai tư tưởng lớn gặp nhau. Một nhà thơ tuổi đời đã trên bảy mươi như trẻ lại hai mươi tuổi. Chị nói cười, đùa nghịch với cô bạn phá phách, vui tính của tôi. Cả hai say sưa trao đổi thơ văn, bông bênh trên mây và quên cõi ta bà đầy nỗi buồn lo toan. Tôi yên lặng lắng nghe và thỉnh thoảng góp một vài câu. Chị Ngọc Bích nói với tôi rằng tôi đem Miên Du đến đây rất ăn ý và hợp với chị. Đã vậy, ca sĩ Thu Tâm, một QGNT cũng đến thăm chúng tôi. Ba nhà thơ “nhón” gặp nhau và thơ chảy ra lai láng... muốn ngập lụt căn nhà.

Tối đến, Miên Du không thêm ngủ. Cô nàng bắt chị Ngọc Bích ngồi họa thơ đến hai giờ sáng. Tiếng cười nói của hai nhà thơ văng vẳng bên tai tôi. Tôi muốn thức để phụ họa,

nhưng mắt tôi đã nhắm lại. Tôi ngủ một giấc bình yên.

TÔI MANG MÙA THU ƯỚT MI VỀ SAN JOSE

Ngày gặp tôi đầu tiên, nhà văn Thư Sinh nói rằng “Phong Thu mang mùa thu và nước mắt đến San Jose”. Mùa thu San Jose chỉ thấy lác đác vài chiếc lá vàng. Không khí rất ẩm áp và dễ chịu. Trời chỉ âm u một chút vào buổi sáng nhưng không khí mát lạnh, hoa vẫn nở khắp nơi.

Ngày 23 tháng 10, lúc 1:00 pm, tại hội trường Vivo 2272 Quimby, buổi ra mắt quyển sách song ngữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” đã diễn ra trong bầu không khí ẩm áp, vui tươi và thân mật. Quan khách và văn thi hữu đã đến khá đông. Tại bàn bán sách ở cửa ra vào, Phong Thu, Ngọc Bích, Miên Du Đà Lạt, Thu Tâm, Kim Chung đã chuẩn bị đón tiếp khách và bán sách. Tôi ký sách liên tục. Một điều làm cho tôi quan tâm là những người ra tham dự đủ mọi thành phần, lứa tuổi khác nhau và họ luôn nở những nụ cười thân mật, dễ yêu. Sách đã bán hết trong vòng một tiếng đồng hồ. Trong dịp này tôi gặp gỡ rất nhiều văn thi hữu, giới truyền thông Bắc CA.

Nhóm QGNT cũng đã có mặt để động viên và ủng hộ tôi như Nguyễn Hà, Đỗ Mơ, Huỳnh Minh Trí, Vũ Khắc Thông và phu nhân, anh John Phạm, Kim Cúc, Thúy Nga, Mai Việt Khánh, ca sĩ Lệ Hằng, ca sĩ Thu Tâm. Trong dịp này, tôi cũng biết được tài ăn nói của các diễn giả: Lê Văn Hải, Cao Ánh Nguyệt, Trần Khải Thanh Thủy, Song Nhị, Diên Nghị, Miên Du Đà Lạt, Thư Sinh, Hồng Hà...

Chương trình ra mắt sách kết thúc vào lúc 4:00 pm. Miên Du phải trở về Nam CA. Tôi và quý văn thi hữu CSTV Cội Nguồn lại kéo đến nhà anh Song Nhị dự tiệc chia tay. Nhà thơ Tú Lắc vừa uống rượu vừa ngâm thơ tình và thơ chưa làm ai cũng cười. Ông hỏi tôi tên Phong Thu có nghĩa là gì? Tôi trả lời rằng “ai cũng nói là gió mùa thu”. Nhà thơ lắc đầu giải thích “phong có nghĩa là gói lại” như vậy Phong Thu là “gói cả mùa thu”. Tôi thấy lời giải thích của ông thật chí lý. Nhà thơ Huệ Thu kể chuyện vui trong chuyến về Việt Nam làm

đám tang cho Mẹ. Các cậu thanh niên gọi chị là bà ngoại. Khi chị nói chị là Việt Kiều thì chẳng ai tin vì “bà ngoại” ăn mặc cũng bảnh lắm nhưng chân thì mang dép ba quay... nên các cậu gọi “bà ngoại” là Việt Kiều “dòm”. Chị nói xong thì cười ha..ha... có vẻ khoái chí lắm. Chị Hoài Niệm ngâm bài thơ rất hay. Tiệc tàn mà tình như còn đây.

Chiều đó, tôi đem bó hoa đến tặng cho phu nhân anh Song Nhị và có dịp nói chuyện với chị. Chị bận rộn suốt ngày để lo thức ăn cho khách. Thấy tôi chị rất vui và hai chị em bỗng thấy gần gũi như quen nhau đã lâu. Tôi không ngờ chị trẻ đẹp và hiền hậu đến mức làm tôi sửng sốt. Người phụ nữ “vọng phu” này đã làm cho tôi xúc động khi đọc tác phẩm “Nửa Thế Kỷ Việt Nam” của anh. Tôi thấy mình nhỏ bé khi nhìn thấy nét đẹp và phong cách của chị.

Tối đến, anh Song Nhị đưa tôi đến đài truyền hình Quê Hương để thu hình. Tôi đã gặp được anh Nguyên Khôi và chị Đoàn Trang. Người xướng ngôn viên duyên dáng này đã từng đọc truyện ngắn “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của tôi trên đài truyền thanh. Giọng đọc của chị thật êm ái và truyền cảm.

GIẢ TỪ THUNG LŨNG HOA VÀNG

Buổi sáng tạ từ, anh Song Nhị đến đón tôi và đưa ra sân bay. Khi tôi đi, chị Ngọc Bích vẫn còn say giấc điệp. Tôi không muốn đánh thức chị dậy vì sợ chị mất giấc ngủ. Và vì những ngày lo cho tôi. Chị cũng đã thắm mệt. Tôi chia tay anh Song Nhị mà lòng còn vấn vương vì cái tình và lòng tốt của anh.

Khi tôi trở về Baltimore, “người yêu” tôi ra đón nhưng hai nhóc thì ở nhà chờ. Tôi về đã mười giờ đêm. Hai con chó con ôm mẹ hôn tíu tít và nói rằng “Mẹ ơi! Con nhớ mẹ lắm lắm!...”. Trái tim tôi ấm lại và cũng thoáng buồn khi nghĩ về những người Mẹ tôi đã gặp trong chuyến đi vừa qua.

Tôi mệt nhưng vẫn ngồi vào computer mở email và thấy hộp thư đã bị nghẹt vì email quá nhiều. Bạn bè gửi hình ảnh, thư cho tôi tới tấp... Những lời chúc mừng và những bài thơ. Nhà thơ Ngọc Bích đã làm bài thơ tặng

cho “Người Tình Một Đêm” (mà không phải cho tôi...). Tôi xin trích bốn câu đầu mà tôi thích nhất:

Gửi người " Em gái một đêm "
Tuy không chung gối, chẳng chung chăn
Cần nhắc: tình riêng cứ nặng dần
Nửa kiếp, gần chung nhau số phận
Một đời đeo đuổi hơi thi nhân!...
(Ngọc Bích)

Lần này trở về, tủ sách tôi có thêm những quyển sách quý của những tấm lòng yêu văn thơ, chữ nghĩa gửi tặng: Hai tập Phong Thủy và hai CD của Nguyễn Phúc Vĩnh Tung do chị Kiều Mỹ Duyên tặng, tập truyện “Hai Tâm Thê Bại” của tác giả Phương Duy, tập truyện “Hương Bỏ Kết” của nhà văn Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích, hai tập thơ “Ru Người Ru Đời” của nhà thơ Mạc Phương Đình tặng tôi,

tập thơ của cố nhà thơ Hà Thượng Nhân và CD nhạc “Tình Thơ và Nốt Nhạc” của Cao Minh Hưng.

Xin đa tạ những nụ cười bạn bè gửi lại trong tim tôi. Xin đa tạ những vòng tay thân ái, những nụ hôn và những bữa ăn đậm đà tình bằng hữu.

Tôi ước mong sẽ trở lại thăm Nam-Bắc California để nhìn thấy những người bạn thân thương và nhóm văn thi hữu trong CSTV Cội Nguồn. Và có thể, tôi sẽ được đến nhà chị Ngọc Bích, được nằm trong một góc nhỏ ngủ qua đêm. Để đêm đêm, tôi có thể ngửi được mùi hoa và nghe tiếng gió lùa bên khung cửa mùa thu.

Phong Thu

Maryland, ngày 08/10/2011



NHỚ NHÀ THƠ QUỲNH ANH

Văn Thi Sĩ Nhạc Sĩ tại Tòa Soạn Cổ Thơm Tân Niên 2007 - Hàng ngồi: Nguyễn Thị Ngọc Dung, Quỳnh Anh, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Hoàng Dung, Ý Anh. Hàng đứng: Phan Anh Dũng, Hà Bình Trung, Phan Khâm, Nguyễn Lâm, Bùi Thanh Tiên.

Đón Xuân Hai Thế Hệ

Điểm Châu (Cát Đơn sa)

Tết sắp đến rồi...

Hoa chăm chú đứng nhìn vào cuốn lịch gắn trên tủ mà thâm lo lo. Bởi vì Tết nay, có bố mẹ chồng từ Việt Nam qua đây, ở lại ăn Tết với gia đình Hoa trong một tháng, sau đó ông bà lần lượt đến nhà chú Bình và cô Phương, em của ông xã Hoa, ở thêm hai tháng nữa rồi mới về.

Sở dĩ họ chọn nhà Hoa để đón Tết, bởi vợ chồng Hoa sống tại California, lại là nơi có đông người Việt cư ngụ nhất trên đất Mỹ, khí hậu ấm áp, thức ăn ễ hệ, cửa hàng tạp hóa, chợ búa rộn rịp không kém chi quê nhà.

Bà già chồng nghe nói ngoài phố có nhiều bà cụ đội nón, và nhiều ông già chống gậy tự nhiên đi bộ qua lại, rồi thành phố lại gần Las Vegas, thủ đô cờ bạc tuyệt đẹp mà ai từ Việt Nam qua Mỹ, hay trên thế giới đều ao ước muốn đến một lần cho biết, không coi chết uống!!! cũng đủ thích!

- Con đừng lo gì hết, ba mẹ chỉ cần nhìn vai lẫn là biết ngay, đi bộ là nghề của mẹ!

Bà già quên rằng đường xá ở Mỹ to lớn, không như đường quê Việt Nam. Cái xứ Biên Hoà nhỏ xíu, ra đầu đường có rạp Cinema, cứ lấy đó làm chuẩn, hay leo xe ôm để họ đưa về nhà.

Hoa đem mối lo chia sẻ với chồng, thì Chân gạt đi:

- Bỏ mẹ anh thoải mái lắm, sao cũng được! Em đừng có lo!

Đừng có lo! Nói nghe dễ! Có ông bà già chồng ở trong nhà, chẳng lẽ buổi sáng cứ năm ờn ra đó mà lim dim cho đã tẩm thân, như mọi khi nhà không có ai!

Hoa cãi ngay:

- Bộ ba má anh không ăn sáng à?

- Có chứ.

- Rồi ai làm cho ông bà ăn?

- Thì mẹ anh!

Hoa "hứ" lên một tiếng!

- Bà biết gì mà làm?

- Em đừng có coi thường, mẹ anh nấu ăn ngon không thua nhà hàng, còn ngon hơn em nhiều đó!

Hoa nói câu trước ý chỉ là đồ đạc, cách dùng mấy móc hiện đại trong bếp núc, bà không biết xử dụng, chứ không phải là chê bà nấu dở! Nhưng lời nói của Chân làm Hoa bực, nằng trạ đũa:

- Xí, mẹ anh nấu ngon chắc vì cho bột ngọt cả đồng chứ gì!

Câu này nằng nói theo vợ "hài kịch" mà Hoa vô tình coi được trên "Net". Có vậy mà hai vợ chồng giận nhau cả một ngày! Nhưng giận rồi lại hòa. Những ngày gần đây, hai người hay bàn về chuyện ông bà già qua chơi, ở lại trong nhà. Khi thì lo, khi thì ngại, lúc sợ cái này cái kia. Tựu chung, vì Hoa chưa từng quen biết hay gặp bố mẹ chồng.

Chân là con cả trong nhà, nhưng cũng chỉ hơn hai đứa em vài tuổi. Lấy vợ cũng sau tụi nó. Chân làm kỹ sư trong hãng máy bay Boeing, lương cao nên chàng muốn Hoa ở nhà săn sóc nhà cửa, nấu cơm vì Hoa có đi làm, thì cuối năm tiền thuế cũng lấy hết!

Vì thế Hoa nghe lời Chân, ở nhà lo việc nội trợ nhưng nằng cũng làm thêm tiền mặt bằng cách "design" những đồ trang sức do các bạn đặt, cho lũ bạn ngày xưa trong trường, trong hãng, hay những người quen được giới thiệu.

Công việc này Hoa rất thích, vì nằng có cơ hội tiếp tục "enjoy" sở thích nghệ thuật của mình. Mỗi ngày, sau khi ăn trưa, Hoa đóng cửa phòng làm việc cho đến bốn giờ chiều, mới ra bếp để chuẩn bị cơm nước cho chồng.

Hoa đã nghe Chân nói sơ qua về Bố Mẹ chồng, là người "chân quê" thành thật, mẹ lạnh lẽo nhưng nói hơi nhiều! và nằng cũng đã trực tiếp nói chuyện bằng phon với ông bà khi ngày cưới. Nằng thấy bà cũng vui tính.

Nhưng đó là vì ở xa. Bây giờ ở chung nhà, không biết có trở ngại không đây?

Dù lo lắng, nhưng rồi Hoa cũng phải dọn dẹp nhà cửa, lau chùi phòng tắm, cắt cỏ tía cây phía đằng trước, đằng sau... Đầu đã xong, còn phải lau cái bếp mà Hoa chưa ghét nữa!

Trước ngày cha mẹ đến, Hoa ra chợ mua hoa tươi về cắm đây nhà cho vui vẻ, Hoa còn làm thêm bánh "cup cake" để chưng trên bàn và cho thơm nhà.

Trước khi ra sân bay, Hoa phải dậy sớm nướng con gà để trong lò sẵn đó, bào rau làm gói, nấu thêm nồi súp khoai tây cà rốt, là món nghe nói ông bà già thích ăn.

Hai vợ chồng có mặt tại phi trường trước giờ máy bay đến nữa tiếng. Ngồi chờ mà Hoa mệt quá sức! Mấy ngày nay vì hơi bị cảm, lại phải dọn dẹp nhiều, nên Hoa không ngủ đủ, làm cho nàng cảm thấy dật dờ, ngủ gục!

- Ba má anh đến ở nhà mình, làm cho em lo phát bịnh!

Chân cau mày:

- Đã bảo đừng có lo, cứ coi như là ngày thường... ai bảo em lo quá làm gì!

- Hay là anh vào trong đó, em ngồi đây ngủ một lát!

Nhìn thấy Chân lờm thật cáu, Hoa đành phải đứng dậy đi vào gần phía trong hàng rào cản chút nữa, cho dễ nhìn thấy hơn. Nàng nghĩ mình không hăng hái cũng kỳ!

Một tiếng sau, Hoa đối diện với cha mẹ chồng. Ông thì ít nói, còn bà rất khoẻ mạnh. Xem ra ông bà đều nhìn trẻ hơn số tuổi mà Chân đã nói cho Hoa biết.

- Chào Ba má.

- Chào con.

- Ba má đi máy bay có mệt không?

Bà già cười to:

- Con nhỏ này hỏi tức cười! Sao không mệt! Máy bay bay lâu thiệt lâu. Tụi tao già rồi chứ có phải là trẻ trung gì nữa đâu! Tê cả mông!

Hoa cụt hứng. Chân lẳng xẵng bên ông bà, nét mặt anh chàng vui thấy rõ.

Ngồi trên xe về nhà, bà già than, bà hay có tật xung hô với mấy đứa con là "mày tao":

- Ê Chân, nhà ở đâu mà xa quá vậy, mậy?

- Dạ, từ phi trường về đến nhà khoảng hơn một tiếng mẹ à!

- Sao không kiểm chỗ nào gần phi trường mà ở!

Nghe mẹ nói, Chân cười dễ dãi:

- Như vậy thì đi làm xa lắm mẹ ơi!

Hoa ngồi im nghe gia đình nhà chồng nói chuyện. Nàng không xen vào sợ bị cho là nhiều chuyện! Công nhận bà già cái gì cũng nói, cũng phê bình! nói mà không có hàng rào cản!

Khi xe quẹo vào nhà, bà lại tặc lưỡi:

- Trời ơi, có hai vợ chồng mà ở cái nhà gì to thế cơ à!

- Không to đâu mẹ. Nhà này có ba phòng ngủ chứ mậy!

- Bên Việt Nam cũng phải ba chục người ở mới vừa!

Ông già can:

- Thì bên Mỹ phải khác với bên mình chứ. Bà nói nghe thế nào ấy!

Hoa cười thầm trong bụng. Giờ này mới nghe ông già phát một câu hợp ý. Mẹ chồng vẫn tiếp tục:

- Ôi giờ ơi, cái vườn to quá, cây này tía con voi phải không con?

- Dạ, con voi đó má.

- Sao cái voi nó tròn thế? Mông lại to thù lù thế kia! Chà, đất rộng như vậy tha hồ trồng rau muống mí lại cà pháo, mông toi.

Bà quay sang Hoa, mắt sáng rỡ:

- Mẹ có đưa theo hột giống mông toi, cà pháo, rau muống, húng quế... đủ cả con ạ, để làm quà cho cả nhà ta. Thế là nhà mình không sợ thiếu rau!

Vừa vào nhà, là ông bà cùng mở cửa đi ra ngay vườn phía sau ngắm nghía. Trong lúc hai ông bà chỉ chỗ bàn bạc, Hoa phụ chồng mang va ly vào trong, và sau đó ra bếp để chuẩn bị hâm nóng, dọn thức ăn đãi cha mẹ.

Mùi thơm của con gà nướng làm cho mẹ chồng chạy vào. Bà hít mũi:

- Gà nướng à? thơm thế.

Hoa cười, chắc là món này bà sẽ thích lắm đây. Nhưng nụ cười của nàng chợt tắt, khi thấy mẹ chồng bung cả cái khay nướng gà, trong đó là phần nước sốt có rất nhiều mỡ

mà Hoa chưa kịp đổ bỏ đi, bà đổ vào đây cả đĩa gà Hoa vừa chặt.

- Nước béo ngon quá, vàng cả mỡ lên đây này!

- Trời ơi, không ăn nước mỡ này được má ơi, sao má đổ vào làm gì!

- Phí của trời, ngon thế này sao lại đổ đi!

Bên Việt Nam nhiều người không có má ăn, chỉ mong có chút nước sốt này mà chan với cơm!

- Bên Việt Nam khác, bên đây ăn kiểu đó chết sớm!

- Thì bây không ăn để đó mẹ với bố ăn.

Chân vừa ra nhà bếp, nghe mẹ và vợ đối thoại, thấy mẹ có hơi giận, vội lại sát bên Hoa hất nhẹ vào tay nàng một cái, ra điều thôi cử kệ bà đi.

Nhìn những miếng thịt gà, Hoa cũng thèm nhưng ăn rất ít, vì nước mỡ tiết ra từ con gà, bây giờ lại tràn ngập ngấm vào từng thớ thịt. Ngon thì có ngon, nhưng cả Hoa và Chân cùng sợ, vì cả hai kỳ ăn nhiều đồ béo sẽ bị lên cholesterol, quen rồi!

Uông công Hoa cẩn thận kê con gà lên cao, để cho mỡ rót hết xuống dưới!

Chân cũng muốn cản bố mẹ ăn mỡ béo, nhưng thấy chưa tiện nói trong lúc này. Dù sao bố mẹ mới qua, phải tế nhị một chút! Cứ để cho ông bà vui rồi từ từ nói sau.

Hoa dù bực, nhưng cũng phải tiếp cho ba má chông. Hết xới cơm rồi chan súp. Hai ông bà khen luôn miệng.

- Canh ngon hơn cỡ tiệc nấu đây!

- Con nấu ăn được lắm. Thăng Chân nhà bố mẹ có phước. Lâu lắm rồi bố mới được ăn lại súp Đà Lạt có đủ cả cà rốt, khoai tây lẫn bắp su.

Tiếng của ba chông vang lên. Hoa thâm cảm ơn ông, và khiêm nhường:

- Dạ, con cũng học trên Internet thôi. Bên

đây rau cải trong tiệm họ bán cũng tươi lắm ba.

- Ừ, bên Việt Nam mẹ hay nấu canh cua rau đay, canh cá khoai, canh khổ qua... ít khi nấu súp cho bố ăn. Món gỏi tôm thịt này con làm cũng ngon lắm, rất vừa miệng. Mấy con tôm bên đây to nhỉ? Ăn cơm ngon lại nhớ đến lũ ăn mày trước nhà mình, cũng tội nghiệp, nơi thì quá dư thừa thực phẩm, chỗ thì đói khát thảm thương!

- Dạ, mỗi nơi mỗi cảnh ngộ.

- Bố mẹ cũng cảm ơn Trời chúng con qua được bên đây đời sống no đủ.

Mẹ chông bàn:

- Khi nào về Việt Nam, nhớ giúp cho trẻ con ở phía sau xóm nhà mình với!

- Giúp cái gì mẹ?

Chân hỏi, bà Thịnh bàn:

- Thì con mua sách vở, bút màu, kẹo bánh phát cho chúng nó.

- Dễ mà mẹ, vậy con mua mẹ đi phát nhé!

- Cái thẳng...

Ở bên nhau vài ngày, Hoa thấy được tính tình, tức là cái tâm của ông bà Thịnh rất tốt, nhưng cách thức sống thì trái ngược với nàng! Chỉ tội hai nền văn hóa, cách ăn uống, phong tục, tập quán khác nhau. Nhất là ông bà lại ở tỉnh, không phải là dân giàu có tiêu xài thả cửa để biết nhiều việc.

Vì Chân đã năn nỉ Hoa trước rồi, nên mọi chuyện phải "chín bỏ làm mười"! Vì thế, nên cũng có đỡ phần nào.

Hôm nay Hoa chở bố mẹ chông đi chợ Mỹ. Lên xe, Hoa phải nhắc nhở ông bà từ cái giây an toàn, cho đến khi băng qua đường cũng phải đi vào con đường người ta vạch sẵn cho người đi bộ an toàn.

- Lắm chuyện, bên Việt Nam muốn băng qua đường là đi, không có chờ gì hết!

Nghe bà nói, Hoa rùng mình. Nàng coi trên "Nét", thấy xe cộ nối tiếp nhau chạy hùng hục như vậy, mà làm sao có thể qua, nếu không "quen"?

Ba người loanh quanh trong chợ một lúc, rồi khi Hoa mắc đợi ông bán thịt cân thịt, thì hai ông bà không chịu chờ, té ra, mỗi người một ngã.

Mua thêm vài thức cần dùng để nấu phở, Hoa đẩy xe ra quầy tính tiền. Xong rồi, nàng đem ra xe cất thức ăn vào cốp, rồi mới trở vào trong chợ kiếm bố mẹ chông đi về.

Hoa tìm thấy bà Thịnh nơi hàng bán mỹ phẩm. Thấy nàng, bà có vẻ hơi giật mình.

- Cái gì vậy mẹ?

Bà Thịnh lúng túng không nói. Hoa càng sinh nghi.

Cuối cùng ông già thổ lộ:

- Mẹ bây nhất được một ông son môi.
- Má lượm ở đâu?
- Thì ngay chỗ bây đứng, dưới đất đó.
- Đâu, má đưa con coi.

Bà Thịnh mở bóp lấy ông son đưa ra. Bên ngoài vẫn còn lớp giấy kiếng bao bọc, chứng tỏ đây là son mới ở trên kệ bị rớt xuống, chứ không phải của ai làm rớt! Hoa vội nói:

- Không được lấy đâu mẹ, đây không phải là đồ của ai bị rớt, mà đồ chung trong tiệm người ta làm rơi xuống rồi không chịu nhặt lên. Minh mà lấy rồi tui nó xét, thì sẽ bị cảnh sát đến làm biên bản!

- Minh lượm dưới đất mà!

- Lượm dưới đất mà trong tiệm người ta cũng không được lấy! Chùng nào má đi ngoài đường, lượm được đồ hầy hầy!

- Thôi đừng có ham, lại phiền toái bây giờ!

Ông Thịnh lên tiếng. Bà Thịnh đi về, nhưng lòng cứ tiếc thời son lượm được phải bỏ lại. Hoa suy nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Má có thích ông son đó không? Hay là con vào mua tặng má một thôi?

- Thôi thôi, tưởng của ai rớt thì mình lượm, không thì thôi!

Bà ngồi im có vẻ không vui, Hoa nhắc bà cài giầy an toàn mấy lần mà bà chẳng nghe! làm cho nàng cũng nổi sùng!

Về đến nhà, Hoa khệ nệ bụng mấy bao siêu thị vô bếp. Hai ông bà già thì rút vào phòng ngủ.

"Họ đi ngủ còn sướng hơn là ra bếp giúp mình!"

Mẹ chồng và con dâu nấu ăn không hợp nhau. Hoa nấu theo kiểu người Nam, món ăn mặn mặn, ngọt ngọt... còn bà Thịnh thì nấu mặn thè lè! Bà người Bắc ăn nước mắm nguyên chất không pha. Nước mắm của Hoa làm để chấm rau, bà chê ngọt ngay, ăn không vô!

Ăn món gì ông bà cũng rót thêm nước mắm. Họ không bắt bẻ chuyện này được, vì Hoa viện lý do bị cao máu, không thể ăn mặn! Thật ra thì hai vợ chồng chỉ ngại trước thôi, chứ chưa bị bệnh gì hết. Biết tính ý ông bà, nên Chân mua một chai nước mắm ngon,

mỗi bữa ăn, hay chế ra một chén cho cha mẹ chấm thêm... cũng dễ xử.

Hoa rửa giá và rau thơm cho sạch. Làm việc này trước vì không muốn mẹ chồng rờ tay vào, lại cãi nhau. Bà già nói giá không cần rửa, vì người ta ngâm đậu xanh trong thùng cho nó nở ra giá, có dơ đâu mà rửa!

Nhưng Hoa thì cứ rửa cho an tâm, nàng vẫn quen rửa giá, ít nhất là một nước.

Còn rau sống hay rau thơm thì rửa rất kỹ. Bên đây người không tưới phân, nhưng họ lại xịt phân bón hoá học, những chất này cũng độc hại, phải cẩn thận.

Hoa cười thích thú trong lòng. Những gì nàng lường trước mẹ chồng sẽ làm trái ý, thì cứ đợi không có mặt bà, là nàng làm hết. Khi bà ra đến nơi là xong rồi.

Nồi phở thơm lừng. Hoa nấu phở cũng không tệ. Nhưng nàng dùng toàn thịt chứ không hầm xương như một số bà nội trợ. Nấu bằng thịt, nước phở không dễ bị chua. Bởi vậy khi bà Thịnh ra bếp, thì phở đã sẵn sàng, và Chân vẫn chưa đi làm về.

Bà cảm thấy đói bụng, hỏi:

- Hôm nay nhà ăn phở à?

- Dạ.

- Vớt cho mẹ mấy cục xương ra ăn trước được không?

Hoa kêu lên:

- Chết, con nấu phở không hầm xương, nấu toàn là thịt không à.

Sợ bà già nghi mình không cho bà ăn, Hoa đề nghị:

- Hay là con múc một tô cho má ăn trước.

Bà gạt ngay:

- Thôi, để chờ thằng Chân về ăn luôn cho vui.

Hoa thấy tội nghiệp bà, đề nghị:

- Hay là con luộc thịt bò viên cho má một chén nhé. Cái này chấm với ớt sa tế cũng ngon lắm.

- Ông ăn không?

Ông Thịnh lắc đầu:

- Thôi, tôi đợi chốc nữa ăn cả nhà cho vui.

- Vậy thôi, mẹ cũng đợi.

Hoa lấy hũ hạt điều đem ra bàn, đổ ra cái đĩa nhỏ mời mẹ chồng. Bà Thịnh nhìn những hạt điều, chép miệng:

- Bên đây cái gì cũng to ông nhỉ. Nhìn hạt điều kia, hạt nào hạt nấy to tởm! Chắc tụi Mỹ nó bơm cái gì vào thức ăn nên tụi nó to thế! Không biết ăn vào có hại không?

Hoa lắc đầu:

- Không sao đâu má, đây là hạt điều bên Việt Nam làm mà.

- Cái gì, thứ này là của Việt Nam à?

- Dạ, con mua ở Costco, nhưng trên chai để là "Made in Vietnam".

- Ô, vậy thì tốt quá!

Bà Thịnh khen chê bất thường. Hoa cũng hơi hơi biết tính nết bà, nên không để ý.

Một lát, Chân đi làm về, nghe mùi phở, chạy ngay vào bếp:

- Hôm nay ăn phở hả em? tốt quá, trời hơi lạnh mà ăn tô súp nóng là nhất rồi! Thơm quá đi. Thưa bố mẹ con mới đi làm về.

Cả ba người ngồi vào bàn ăn, Hoa vào bếp múc phở bung ra bàn. Bà Thịnh đi vào bên cạnh, phán:

- Tô của bố mẹ, để tự mẹ làm.

Bà lại bên nồi phở nhìn vào, rồi kêu lên:

- Trời đất, sao trong leo lèo mà không có một chút nước béo nào hết vậy? Mấy vớt bỏ hết mỡ màng rồi à?

- Con nấu thịt nạc, không có mỡ.

- Nước phở sao tao nhìn giống nước luộc rau quá! Thế này thì có béo biếc gì đâu hở Trời!

Chân nghe mẹ nói, xen vào:

- Thì mẹ cứ ăn thử đi. Hoa nấu phở có tiếng ngon ở đây đó mẹ.

Rồi Chân quay qua vợ nháy mắt một cái, ra chiều nhắc nhở: "Một sự nhịn chín sự lành..."

- Cho anh một tô lớn, có nhiều thịt tái, gân và hành trần nghe cung!

Chữ "cung" Chân cố tình chêm vào, để cho bố mẹ biết là mình rất cung vợ. Mẹ thương mình thì nhường nhịn đâu!

Chê thì chê, bà Thịnh cũng làm cho bà và chồng mỗi người một tô lớn, bung ra bàn thưởng thức. Cái tính bà hay nói, mà nói thì không nề nang gì ai. Bà nghĩ bà là cha mẹ, có quyền phê bình con cái tận gốc!

Nhưng sau khi ăn, bà cảm thấy dù tô phở nhìn không béo bằng tô bên Việt Nam, hay phở bán ngoài tiệm, trên mặt lênh láng mỡ

nhưng chất nước ngọt ở bát phở này thật thanh tao, ăn không ngán miệng. Nhất là bà không cảm thấy khát nước sau khi ăn.

- Ủ, thằng Chân nói đúng! Phở thì không béo, nhưng ăn ngon, nước ngọt!

Hoa cười tươi, bà khen là được rồi, còn cái tính thích phê bình, hay ý kiến vội vàng của bà thì Hoa không chấp.

- Con nấu phở rất ít khi bỏ bột ngọt!

Ông Thịnh gật gù:

- Phải đó, bỏ không biết nấu ăn, chứ Việt Nam họ hay nêm thêm bột ngọt lắm. Bố không thích chút nào, cho dù lúc mình ăn thì thấy ngon miệng. Cái gì cũng cho bột ngọt vào hết, nước mắm cũng pha bột ngọt! Sau đó một lúc là khát nước, tê tay chân, tức ngực!

- Chắc bên mình không có nhiều thịt, họ phải dùng bột ngọt để thế, ngày càng thành thói quen.

Bà Thịnh thì suy nghĩ:

- Ủ nhỉ, nấu phở mà không cho bột ngọt cũng ngon được vậy, đâu có cần phải tọng cho nhiều vào!!!

- Cũng tùy thứ chứ má. Nếu nấu những đồ xào, đồ luộc... thì không cần phải dùng bột ngọt. Nhưng khi má nấu súp, thì cho vào nồi chút xíu thôi, nước sẽ đậm hơn, chỉ cần khoảng nửa muỗng cà phê cho nồi súp lớn là đủ!

- Vậy thôi sao?

Bà Thịnh kể:

- Có tiệm phở quen bên nhà, mỗi khi đến chơi, bố mẹ thấy họ cho sẵn vào mỗi tô phở cả muỗng cà phê "mì chính" lên trên đó!

- "Mì chính" là gì hả má?

- Là bột ngọt đấy, người Bắc gọi là "mì chính"!

- Nghe nói mình xài thứ đó nhiều không tốt! Mà eo ơi, người ta đổ cả muỗng lên rồi nó có tan ra không?

- Chắc có chứ. Mà sao bố mẹ ăn thấy cũng được!

Ông bố chồng xen vào:

- Bà mau quên quá, lần nào đi ăn phở về, bà cũng than là khô miệng, hay khát nước đó sao? Tại vì bột ngọt chứ gì nữa!

Bà già chồng ngồi im, rồi bà lại bật miệng:

- Bữa hôm đi ăn phở trong tiệm về, mẹ cũng khát nước quá lại còn bị tê cái môi hơi vênh lên. Bên đây họ cũng cho bột ngọt quá trời!

Ông già chọc:

- Mẹ bây không cần ăn bột ngọt thì cái môi cũng vênh lên như thường! Có lúc nào ngậm vào được đâu!

Bà Thịnh lườm ông một cú tái tê! Ở nhà ông vẫn nói vậy với bà, nhưng không có ai nghe thì không sao! Còn đây con dâu đang ngồi đó, mà ông "chơi" bà một câu nghe thật bức! Bà lườm:

- Nói vừa thôi nghe ông!

Ông cũng cảm thấy mình lỡ chơi bà một câu hơi nặng, nên ngồi im với vẻ mặt hối hận!

Hoa thu dọn chén bát, rồi rửa chồng:

- Đi coi xi-nê không anh?

- Ngày mai anh đi làm mà!

- Thì coi xuất tám giờ, có hai tiếng rưỡi mà!

Chân ngân ngữ:

- Thôi, làm biếng quá, anh chỉ muốn coi tin tức chút xíu rồi đi ngủ. Tối hôm qua ngủ ít nên giờ hơi mệt!

- Mai đi làm mà lại xem xi-nê giờ này! Về chuyện...

Nghe mẹ nói câu này, nhìn nét mặt Hoa, Chân đành phải cố gắng đứng lên:

- Thôi, tụi con đi coi phim. Bố mẹ ở nhà ngủ trước, đừng đợi nhé!

- Tối rồi mà đi đâu nữa con!

Bà mẹ níu kéo. Hoa cũng cảm thấy xiêu:

- Ở thôi, để cuối tuần đi cũng được. Em cũng... không muốn đi nữa!

- Cái gì? Thiệt không, đừng có lo, anh không sao đâu!

- Thiệt mà. Em nhớ có ba cuốn Magazine mới gởi tới hôm nay mà quên bêng đi mất, em ở nhà coi báo cũng được.

Biết vợ không nói dối, Chân thoải mái bung ly nước ra xa lòng ngồi coi TV. Mẹ chồng cũng hài lòng khi con cái ở nhà với ông bà.

Đã có lần hai người rủ ông bà đi coi phim, nhưng vào tới nơi, chẳng hiểu người ta đòi thoại cái gì, dù thỉnh thoảng Hoa cũng dịch đôi chút cho bà hiểu, bà chán quá, từ đó không đi nữa.

Buổi sáng hôm nay Hoa dậy trễ, vì tối qua thấy hai vợ chồng nghe lời bà ở nhà, không đi xi-nê, mẹ chồng đã hừng chí bảo:

- Ngày mai con không cần dậy sớm. Mẹ có thể hâm phở lại cho bố mẹ ăn sáng được rồi.

Nghe thằng Chân nói thường ngày, chín mười giờ con mới ngủ dậy, phải không?

Hoa không trả lời vì không hiểu ý của bà Thịnh muốn gì. Ông Thịnh thêm:

- Bố mẹ không muốn đảo lộn cuộc sống của con. Từ nay con cứ ngủ dậy như bình thường. Chỉ cần nấu cơm trưa và tối được rồi. Buổi sáng mẹ tự lo được.

Hoa đưa mắt nhìn chồng. Chân hớn hờ:

- Vậy là từ mai vợ con không cần phải thức dậy sớm lo thức ăn sáng cho bố mẹ à? Có được không?

Ông Thịnh gật:

- Được chứ! Mẹ ngồi không cũng buồn tay chân. Từ nay, cứ để mẹ lo cho điem tâm cho bố buổi sáng là hay nhất.

Vậy là Hoa khoái chí, trước khi vào phòng, còn cẩn thận chỉ cách cho bà Thịnh vặn lò nấu, xử dụng "microwave", máy nướng bánh mì thêm lần nữa... cho dù bà đã biết làm sơ sơ rồi.

Gần một tuần phải dậy sớm, buổi sáng hôm sau, Hoa ngủ đến gần mười giờ thức. Vươn vai ngồi dậy thoải mái, sực nhớ đến bố mẹ chồng, Hoa lật đật rửa mặt và ra bếp coi sự thể thế nào.

Không có ai trong nhà. Hoa nhìn ra sân sau, cũng không có. Hoa ra đằng trước, và nghe tiếng ông bà Thịnh đang rất vui vẻ ngoài đó.

Hoa mở cửa bước ra tính chào ông bà, thì bỗng thất sắc nhìn cây "con Voi" của nàng! Con Voi này, Hoa phải mượn Mỹ tới để tĩa hình cho cây, đã bị bà Thịnh cắt hai cái vôi sắt gần tới miệng, mà lại teo nhách! Chẳng những thế, cái mông tròn của nó thì vẹo hẳn qua một bên.

Tức, nhưng Hoa cũng tốt nhịn, không nói lời nào. Bà Thịnh chấp tay sau đít nhìn thành quả của mình, thấy con dâu quay vào, chẳng khen câu nào, cũng mất hứng!

Buổi chiều, Chân đi làm về, vừa ngồi vào bàn ăn, đã chọc Hoa:

- Em làm gì con voi mà nó mất một bên đít vậy? Giống như voi bị tật!

Hoa nghe chồng chê, mắc cười lẫn khoái chí, không giữ được ý tứ, bật cười ha hả! Trong lúc bà Thịnh giận lắm, cự:

- Thằng cha này! Tao thấy đâu đến nỗi nào!

Hoa vội vàng ngậm cái miệng. Nhìn mặt mẹ, Chân đoán biết ai là tác giả vụ cắt tia này nên vội giả là:

- Ủa? thì ra mẹ là người làm cho nó bị tàn tật hả? Thôi được rồi, vài tháng sau nó "mọc lông mọc lá" ra lại, con sẽ rước "bác sĩ" cắt tia cây đến chữa cho nó là Ok ngay! Phải không vợ?

Hoa vừa cười vừa gật đầu. Dù sao nàng nhìn thấy mặt bà Thịnh hơi lo sợ, thì cũng tội nghiệp cho bà:

- Không sao đâu mẹ. Hồi đầu con mới tập cắt cũng bị vậy, sau mướn thợ cho họ làm quen tay hơn.

Câu này đúng là nói dối! Thật ra thì khi nhìn thấy con voi bị biến hóa một cách tàn tệ dưới bàn tay của mẹ chồng, Hoa cũng bức mình lắm. Đây là bộ mặt phía trước nhà! Nàng có bao giờ dám rờ tới đâu mà nói vậy! Muốn cắt hay "phá" cái gì, bà ra phía sau có phải đỡ hơn không?

Tuy nhiên, chuyện đã lỡ, có làm mặt giận thì cũng không cứu được con voi! Đợi cho nó mọc lá ra để chữa lại chắc cũng mất cả mấy tháng!

Ngày lễ Tết lại sắp đến. Có bố mẹ chồng ở đây, bà con sẽ đến thăm đông đảo. Cũng bức nhưng... thôi, bỏ qua!

Bà Thịnh từ khi làm cho con voi trước nhà xấu đi, lại nghe ông chồng "thuyết giảng" thì có vẻ hối hận, cứ rút ở trong phòng, ít khi ra ngoài! Trong lúc đó Hoa cứ bình thản đi mua nếp và đậu xanh, thịt ba rọi, lá chuối về để tập gói bánh chưng.

Món này, nàng muốn tự tay làm ở nhà, vì nghe nói năm nào Tết đến, bố mẹ chồng cũng gói bánh chưng rất vuông vức khéo tay. Có ông bà ở đây, có thể ông bà sẽ chỉ cho Hoa cách gói.

Và lại, lúc này cứ nghe báo chí bàn ra tán vào vụ thực phẩm được biến chế dơ bẩn, nên

Hoa cũng hơi kinh sợ, muốn làm bánh lầy, không đi mua như mọi năm.

Còn bốn ngày nữa là Tết. Buổi chiều vừa ngâm nếp xong, thì có người gọi phon, Hoa cầm máy trả lời:

- Sao, bỏ muốn hai chục xâu chuối màu lục à? Sao nhiều quá vậy? Làm cho các cô đeo hát hợp ca và quà Tết cho họ luôn? Tim mua mà không có màu đỏ hả?

Thế là sau một hồi thương lượng, Hoa đã nhận lời "design" hai mươi xâu chuối cho các bạn, với một giá kiếm lời cũng không nhỏ. Bỏ thì uổng, mà làm thì không biết giải quyết đám nếp đã ngâm ra sao đây? Thôi thì lỡ rồi, cứ ngâm đến ngày mai hãy tính. Cùng lắm là vớt nếp ra cho vào tủ lạnh vài ngày vậy!

Ngày hôm sau, Hoa phải đi lên Phố Xa để mua những vật dụng làm xâu chuối. Đi và về tốn gần cả ngày trời. Vừa lái xe, Hoa vừa tính toán xem mình sẽ làm chuyện gì trước, khi về đến nhà!

Nếp ngâm hơi quá một ngày rồi, không biết có sao không? Hoa không dám nhờ bố mẹ chồng, sợ họ nói mình "sai bảo", nên cứ mặc kệ, đi về tính!

Cái bụng cũng đang kêu "rột... rột" vì đói, mà Hoa không có giờ ghé nhà hàng ăn! Thôi để về nhà ăn luôn, vì Hoa có ghé chợ mua một con vịt quay, mấy pounds xá xíu, hai hũ kim chi vừa chua vừa cay, chắc cũng đủ.

Vậy mà khi đến nhà cũng đã tám giờ tối! Cũng vì tại giờ cao điểm, người ta tan sở chạy xa lộ nhiều quá, gây ra tình trạng kẹt xe. Ngày nào cũng vậy! Phải ráng chịu!

Khi mở cửa bước vào nhà, Hoa nghe những tiếng nói, cười trong bếp của Chân và bố mẹ, và nàng thấy trước mắt hai ông bà đang gò người ra ở một góc nhà gói bánh, đã có vài chiếc bánh vuông vức gói xong, màu lá chuối xanh mượt nằm một góc.

Hoa mừng quá, tươi cười:

- Ô, ba má gói bánh giùm con hả? cảm ơn ba má!

Rồi nàng hỏi Chân:

- Cả nhà ăn cơm chưa anh?

Chân lắc đầu:

- Nãy giờ lọ sửa soạn gói bánh chung, nên chưa ai ăn hết.

Hoa vội bày ra bàn những thứ nàng mua về, nôi com điện đã được nấu sẵn trên bếp, cả nhà ăn với nhau một bữa cơm tối tuy đã chiến, nhưng rất ngon miệng.

Nhìn ai nấy thường thức món ăn một cách say mê, Hoa thấy vui vui. Vui nhất là bố mẹ chồng tự nguyện giúp nàng gói bánh chung, mà không cần Hoa phải nhờ vả!

Công việc này cũng khiến cho Hoa hơi lo lo, vì trong đời Hoa chưa từng gói bao giờ. Khung gói bánh, lá, dây buộc... có đủ, nhưng người thì chưa thử làm bao giờ! Có bố mẹ chồng ở đây, thật là tốt!

Thế rồi theo lời khuyên của ông bà Thịnh, sau bữa cơm, Hoa vào phòng soạn đồ đạc làm dây chuyền, nữ trang cho người ta, còn ông bà Thịnh và Chân ngồi xôm trên tấm bồ trải ở một góc nhà, để tiếp tục gói cho xong mớ nếp còn lại.

Vừa làm việc, thỉnh thoảng chạy ra coi bố mẹ chồng gói bánh, thấy Chân cũng hì hục làm cho mình một cái bánh nho nhỏ, nhìn méo mó đến tội nghiệp, nhưng Chân rất thích thú. "Già đầu rồi mà còn như con nít!". Hoa chợt mỉm cười nghĩ đến tuổi thơ, đã có lần nàng có những cái bánh nho nhỏ như thế.

Khâu gói bánh xong lúc mười một giờ tối. Tất cả được mười hai cái. Cũng khá nhiều. Hoa tình nguyện thức khuya để canh nấu, và đổ nước thêm vào nôi bánh chung. Bội vì nàng cũng cần thức làm luôn cho xong mấy sợi dây nữ trang đeo cổ, cho kịp giao gấp, "càng sớm càng tốt", như lời chị bạn hồi thức.

Nhìn bố mẹ chồng đứng lên, hai người đang bộp vào sống lưng vì mỏi, Hoa chợt thấy thương cho ông bà, dù sao thì hai bên, Hoa và mẹ chồng cũng cố giúp nhau, nhưng không hiểu trúng ý nhau thôi! Ông bà cũng đã tích cực giúp cho Hoa nhiều việc.

- Con cảm ơn ba má nhiều. Thôi ba má đi ngủ đi cho đỡ mệt, để con lo được rồi.

Sợ Hoa còn giận dỗi, bà Thịnh lên tiếng:

- Hay là mẹ thức canh bánh với con cho vui?

- Không, má cứ đi nghỉ đi, con làm việc nếu nói chuyện thì nó lâu xong, lại hay bị gần lộn. Má cứ để con coi.

Hoa thành thực khi nói câu đó. Chân cũng tán thành:

- Thôi, bố mẹ mệt rồi, để vợ con lo nấu bánh, mai là nhà mình có bánh chung ăn!

- Không được, bánh nấu để Ăn Tết mà!

Nghe Hoa phản đối, Chân càng cười chế diễu:

- Anh cứ ăn... ê, ê... anh ăn cái bánh nhỏ của anh cơ mà.

Bà Thịnh thấy hai vợ chồng chọc nhau, xen vào:

- Mẹ có gói thêm một cái bánh ăn thử, mai chúng ta sẽ ăn điếm tâm, coi thử bánh có ngon không, các con đừng lo.

Màn đêm xuống thật sâu. Trong đêm khuya, tiếng động của nôi bánh sôi sùng sục nghe rõ mồn một. Trên TV, người xướng ngôn viên của Đài CNN đang kê lại những thiên tai, thương tâm của các sự việc đã xảy ra trên thế giới. Mới đây nhất là vụ động đất tại Haiti, gây chết chóc lên đến cả hơn trăm ngàn người.

Hoa chợt thấy lạnh trong tim, vì mấy lâu nay không coi tin tức, bây giờ mới nhìn tận mắt. Thật là tội nghiệp trước bao nhiêu sinh linh đã và đang gặp nạn. Trong lúc Hoa đang thương những người không may, thì một bàn tay đặt nhẹ trên vai nàng và tiếng bà mẹ chồng thì thào nho nhỏ: "Tội nghiệp cho người ta quá há con, mấy hôm nay bố mẹ thấy chiếu trên TV, cũng muốn hỏi con ở đâu mình góp chút tiền cứu giúp"

Hoa chợt thấy mình may mắn trong căn nhà ấm áp, có người thân, cha mẹ, và chồng, thật may mắn hơn cả tỷ tỷ người trên thế giới, và nàng tự nhủ lòng:

- "*Hãy mở tâm lòng ra, và ráng sống cho thật ý nghĩa với mọi người, nhất là với gia đình mình. Xin Thượng Đế phù hộ chúng con...*"

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

www.hoasivietnam.com

KHI GIA ĐÌNH TÔI SUM HỌP

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Dân số nước Mỹ và khắp nơi trên toàn cầu mỗi ngày một tăng. Gia đình tôi cũng vậy. Cô con gái tôi sinh thêm một trai nữa đặt tên Levi như nhãn hiệu quần *jeans* của Mỹ. Vợ chồng Nguyễn Thủy cho chúng tôi một cô cháu nội đặt tên là Mai Hân Senser. Hân là tên đệm của bà cô nó. Khi sum họp gia đình tôi sẽ cần cái phòng dài hơn và cái bàn cũng phải dài hơn. Tôi ngắm nghía phòng khách, cái sân sau và bàn với ông chủ nhà. Thế là mời kiến trúc sư họa đồ, xin phép cơ quan thành phố, mượn hăng xây cất. Chỉ 6 tháng sau, trước khi gia đình tôi sum họp vào mùa Lễ Giáng Sinh đó, chúng tôi có thêm một cái phòng kính chiều dài bằng cả chiều ngang cái phòng khách. Chúng tôi có phòng ăn mới có thể ngồi được 12 hay 14 người thoải mái. Để trả công bà mẹ đã hơn 40 năm làm đầu bếp, con cái tôi dần dần chung nhau đi mua *microway oven*, bếp lò, tủ lạnh, máy rửa bát mới cho tôi thay những cái cũ đã 15 năm bị tôi hành hạ. Chúng không muốn khi về chơi, đồ dùng nhà bếp của bà mẹ bị hỏng bất ngờ thì hết được ăn.

Những mùa Giáng Sinh theo nhau qua đi. Phong, cậu con trai út của tôi cũng theo vợ chuyển đi Texas ở. Tại Virginia chỉ còn gia đình cậu cả Thủy ở gần và cho chúng tôi thêm một đứa cháu nội, mang tên bố nó cũng là Thủy. Thăng bé đã nhớ tên nó là Thủy Robert Senser. Tên đệm và tên họ là tên ông xã của bà nội nó. Bàn tiệc gia đình trong phòng kính của chúng tôi, mỗi khi ngồi đông đủ phải nối thêm một cái bàn vuông bốn chỗ ngồi mới đủ chỗ cho mười bốn người trong gia đình. Cây cảnh hai đầu

bàn phải rời ra chỗ khác. Một bữa thịt bò và tôm nhúng dấm vẫn không bao giờ thiếu. Bốn đứa cháu của tôi không thích ăn tôm, thịt nhúng dấm. Chúng thích ăn cơm giò tưới nước mắm, phở không thịt, chả giò không tiêu. Chúng không biết nói câu tiếng Việt nào, nhưng những tiếng “phở, giò” thì nói sôi lắm. Khi con cháu ai về nơi đó, nhà tôi lại vắng vẻ buồn tênh.

Nhưng thời điểm con cháu ở xa về thăm chúng tôi dần dần thay đổi. Chúng cũng có gia đình bên vợ, bên chồng, bên nội, bên ngoại các con phải về thăm. Ngày nghỉ của sỡ, của trường thì giới hạn. Chúng về thăm chúng tôi một năm độ hai lần vào dịp Lễ Phục Sinh, hay Nghỉ Hè, Lễ Tạ Ơn, Giáng Sinh hoặc Năm Mới. Suốt năm nay, chưa lần nào con cháu về đông đủ nên chúng tôi vẫn chưa ăn bò tôm nhúng dấm. Món truyền thống khi họp mặt gia đình này có thể thiếu mắm *anchovy*, thiếu sả, thiếu giá nhưng không thể thiếu một khuôn mặt ruột thịt thân yêu nào của tôi.

Mùa Giáng Sinh này cũng vậy, Anton, con trai của Hân có *High School basketball tournament* ở Raleigh, thủ đô North Carolina. Vợ chồng Hân cảm thấy có bốn phận phải tham dự cuộc chơi bóng rổ vinh dự này của con trai và sau đó phải về thăm bà nội cô đơn sau khi ông nội chúng qua đời vài tháng nay, nên không về Virginia với chúng tôi được.

Từ ngày là vợ của Nguyễn Thủy, cô con dâu Kelly của tôi cũng chưa lần nào về thăm mẹ vào dịp Giáng Sinh, nên năm nay, vợ chồng con cái Thủy quyết định về thăm bà ngoại của hai đứa con như là một quà Christmas cho bà. Tuy “buồn 5 phút”,

nhưng chúng tôi thông cảm với con cháu, không phàn nàn điều gì cả. Con cái khi có gia đình, không còn là của riêng cha mẹ nữa. Chúng thuộc về chồng hay vợ và là dâu rể của cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, là cha, là mẹ của con cái chúng. Con cái có thêm gia đình riêng, đông vui hạnh phúc cũng là hạnh phúc của chúng tôi như đối với các bậc cha mẹ, ông bà khác!

Thủy có ý kiến sau Lễ Giáng Sinh đại gia đình chúng tôi sẽ họp nhau tại Raleigh và xem *basketball tournament* của con trai Hân. Thực ra chúng tôi cũng chẳng tha thiết thể thao, bóng rổ, bóng tròn hay bóng méo.

Được dịp gặp con cháu là mục đích chính. Thế là những cú điện thoại, những *email* được trao đổi. Sau khi đi thăm bà ngoại của hai con, Thủy sẽ lái xe đưa vợ con về đón chúng tôi đi Raleigh. Vợ chồng Phong từ Austin, thủ đô Texas sẽ chở ba con chó

tới. Sơn từ Miami sẽ đi hành, phi xe “tám ngựa” đường trường lên Ragleigh. Chúng tôi định thuê bốn phòng cùng một khách sạn. Nhưng vợ chồng Phong và Monika vừa bỏ ba con chó ở nhà giữ súc vật hai tuần trong khi đi nghỉ mát ở Cozumel, Mexico, nên không nỡ bỏ chúng ở lại một lần nữa. Cả hai quyết định đem chó theo và phải thuê khách sạn khác có nhận chó cách khách sạn Embassy Suites chúng tôi một dặm.

Nguyên Thủy lại đưa ý kiến với tôi:

“Mẹ nhỉ, mình có thể ăn bò nhúng dấm ở tiệm Việt Nam nào đó tại Raleigh.”

Tôi ngạc nhiên, không ngờ cậu cả không bỏ qua món này:

“Nhưng không biết tiệm nào có món đó.”

“Mình lên internet kiếm và gọi họ. Nếu họ không có món đó thì mẹ *order* và chỉ họ cách làm.”

“Tiệm nào cũng có thể làm bò nhúng dấm, nhưng mắm nêm của họ thì ăn không được đâu.”

“Thì mẹ làm ở nhà rồi đem theo.”

Tôi phì cười về sự dai dẳng kỳ kèo của con trai:

“Ok, để mẹ tính xem sao.”

“Mẹ thử hỏi vài người quen ở North Carolina xem có tiệm nào ăn được và lịch sự một chút để cả gia đình mình có một bữa bò nhúng dấm ngon lành không?”



Tôi nghĩ rằng thành phố Raleigh không nhiều người Việt và không có tiệm Việt Nam có quảng cáo trên *internet*. Dù có tên trên internet, biết ăn ở tiệm nào được. Tôi email cho một nhà thơ và một nhà văn ở North Carolina. Vị nhà

văn cho tôi tên và số điện thoại của hai tiệm Việt Nam ở Raleigh qua *internet*. Ông ta nói rằng trước kia có ở Charlotte nhưng không biết tiệm ăn Việt Nam nào ở Raleigh cả. Tôi vào internet tìm hiểu hai tiệm này thì thấy hình ảnh một tiệm cách khách sạn Embassy Suites chúng tôi thuê vào khoảng 7 dặm, có vẻ khang trang. Tôi gọi điện thoại cho tiệm:

“Tiệm cô có món bò nhúng dấm không?”

“Đạ, có.”

“Tôi muốn là món thịt bò nhúng vào nồi nước nhúng, chứ không phải sào lăn trên vỉ sắt đâu.”

“Đạ tiệm em có nồi nước nhúng đặt trên bếp lò ngay trên bàn ăn. Khách nhúng thịt

bò rồi cuộn với bánh tráng, rau sống chấm mắm nêm.”

“Tôi làm nước chấm ở nhà và đem theo, không cần mắm nêm. À, tôi có thể đặt thêm món tôm nhúng dấm được không?”

“Đạ, nếu cô muốn thì nhà hàng sẽ làm.”

“Vậy thì tốt. Chúng tôi từ Virginia, khi đến Raleigh sẽ gọi cho biết ngày giờ nào chúng tôi đến tiệm.”

Tôi gửi điện thư loan báo cho các con tôi đã tìm được một nhà hàng có món bò nhúng dấm. Khi tới Raleigh xem chương trình Basketball Tournament của Anton thế nào rồi chọn ngày giờ mà tất cả cùng có mặt được thì sẽ gọi nhà hàng đặt bàn. Như thế chúng tôi không phải bỏ món ăn truyền thống khi đại gia đình họp nhau đông đủ.

Một hôm đi làm “vú bà” coi cháu nội, tôi hỏi Kelly, mẹ chúng:

“Phòng hotel có lò nướng nhỏ để bàn không nhỉ?”

“Không, chỉ có *microwave oven* thôi,” Kelly trả lời.

Thủy nói ngay:

“Mình có thể đổi phòng có bếp lò.”

“Đừng đổi. Mẹ không muốn nấu nướng món ăn Việt Nam trong phòng khách sạn nhỏ bé và làm làm điếc mũi lảng giềng,” tôi gạt ngay ý kiến của Thủy.

“Thế mẹ muốn có lò nướng để làm gì,” Thủy lại hỏi.

“Mẹ muốn làm ít chả giò mang theo để ăn như *snack* thôi. Mấy đứa nhỏ đều thích cả. Nếu có lò nướng để bàn thì chỉ việc nướng lại thì chả giò cũng ròn.”

“Thì mình đem theo cái lò. Có nặng nề gì đâu.”

Thế là vấn đề được giải quyết. Hai ngày trước khi khởi hành, tôi đi mua vật liệu làm mắm *anchovy* và thịt gà băm, bánh tráng Việt Nam, bánh cuộn chả giò, cà-rốt, miến, trứng. Tôi không định bỏ cua, tôm vào chả giò vì không muốn khi để lạnh rồi nướng lại chả giò

sẽ có mùi tanh. Tôi làm được 70 cái chả giò lớn, chiên sơ sơ. Với tôi chỉ ăn hai cái là ứ hự. Vợ chồng tôi nếm một cái trước và thấy hài lòng. Chả giò thơm tho, không mặn không nhạt, ăn không cần chấm nước mắm dấm. Tôi để chả giò vào ngăn đá cùng với hai cây giò lụa, cháu nội, cháu ngoại của tôi rất thích ăn. Thủy sẽ đem gạo và nổi cơm điện nhỏ mà tôi mua cho từ thuở đại học. Một hũ mắm *anchovy*, một hũ nước mắm dấm cũng được làm sẵn để tủ lạnh.

10 giờ rưỡi sáng ngày hai 27 tháng 12 vợ chồng Nguyễn Thủy và hai con đến đón vợ chồng tôi. Chúng tôi định đi sớm hơn nhưng chiều hôm trước vợ chồng con cái Thủy mới về từ Ohio sau khi họp mặt gia đình bên vợ trong dịp Lễ Giáng Sinh. Kelly lái xe khởi hành. Tôi cứ áy náy con cháu đã đi đường trường quá nhiều. Nhưng thấy chúng phấn khởi tôi cũng yên tâm. Trên xe có hai cái máy GPS (Global Position Services) và một bản giấy chỉ đường từ nhà tôi đi đến khách sạn ở Raleigh do tôi in ra. Nhưng cả ba cách chỉ dẫn đường đi đều khác nhau. Tốt hơn hết là chỉ theo một cái. Máy GPS là bạn đường của tài xế. Người đời nay thật may mắn được hưởng những kỹ thuật tân tiến của một nước văn minh.

Trời thương kẻ lữ hành. Nắng ầm, không mưa, không tuyết. Qua khỏi vùng xe cộ đông đúc của Virginia, tôi lim dim vì đêm qua náo nức với cuộc hành trình, không ngủ đủ. Bỗng tôi chợt nhớ tới hai cây giò lụa, hoảng hốt ôm đầu la lên:

“Thôi rồi, mẹ quên hai cây giò rồi! Thủy có đem nổi cơm điện và gạo đi không?”

“Có... Lỡ rồi thì thôi. Trẻ con ăn những thứ khác có sao đâu,” Thủy bình tĩnh an ủi bà mẹ già hay quên. “Lần sau mẹ làm một cái danh sách phải đem những gì.”

“Con cũng phải làm một danh sách dài. Gia đình có hai đứa nhỏ không thể quên được thứ nào chúng muốn đem theo,” Kelly,

vợ Thủy nói thêm. “Nhưng mẹ đừng lo, khi về chúng ăn có thiệt thòi gì đâu!”

Tuy nhiên, tôi vẫn bực mình với cái tôi và biết rằng đã không thể tin được đầu óc của mình nữa. Rồi Thủy lại hỏi:

“Mẹ có đem theo chả giò, salad, nước mắm dấm, mắm *anchovy* không?”

“Mẹ đem theo mấy thứ kia nhưng *salad* thì không!”

“Không??? Chả giò không có rau thì ăn gì nổi,” Thủy vừa cười vừa nói.

“Mẹ chỉ định ăn chả giò như ăn *snack* thôi!”

“Không sao khi tới đó mình sẽ đi mua *salad*,” Kelly an ủi bà mẹ chồng.

Ông con cả của tôi vẫn còn đặc sệt Việt Nam và còn giữ tất cả những chất liệu cầu kỳ của các món ăn quê hương cũ.

Qua khỏi Miền Bắc Virginia, tốc độ xe trên xa lộ xuyên bang 95 từ 65 lên 70 dặm. Tài xế Nguyễn Thủy reo lên:

“Ha, ha, ha. Tốc độ ở đây là 70 miles. Mình có thể chạy 80 miles không sợ cảnh sát đuổi theo”.

“Xe máy máy mà chạy nhanh như thế được?” tôi hỏi...

“Xe 6 máy thôi, nhưng chạy 80 dư sức.” Nói rồi Thủy rồ xe vọt lên.

“Thôi, thôi chạy đúng tốc độ thôi, không cảnh sát hú đằng sau bất cứ lúc nào thì phiền lắm. Trên xe có ông bà già và trẻ con đấy nhé!” Tôi la chói lói, cản ông con tài xế.

Tuy nhiên, suốt đường trường vắng vẻ, chúng tôi không gặp một tai nạn nào, không một xe cảnh sát nhấp nháy đèn nào. Chẳng bù cho miền Bắc Virginia đông đảo, xe cảnh sát hú liên hồi, đèn nhấp nháy không ngớt hai bên đường.

Hai đứa cháu nội của tôi, Mai và Thủy Jr. rất ngoan, không quấy khóc. Mỗi đứa một cái máy DVD nhỏ mắc đàng vào lưng ghế của tôi và mẹ chúng ngồi hàng ghế giữa. Hai đứa mê mải xem *movie*. Đó cũng là cách giữ chúng ngồi yên, quên đường

trường. Thỉnh thoảng chúng đòi sữa, nước uống hay đòi thay phim khác. Bố mẹ chúng đem theo cả một bịch mấy chục cái DVD cho chúng chọn lựa. Làm “vú bà” các cháu, tôi được xem đi, xem lại mà vẫn thích thú những phim hoạt họa của Walt Disney như *Snow White and Seven Dwarfs* (*Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn*), *Cinderella* (*Cô Bé Lọ Lem*), *Winnie the Pooh* (*Con Gấu và Cậu bé Christopher Robin*), *Mickey Mouse*... Từ câu chuyện thần tiên đến hình ảnh, màu sắc, từ âm thanh đến kỹ thuật tuyệt vời vẫn mê hoặc hồn tôi, để nhiều phút giây quên đi thực tế nhiều khi, phũ phàng.

Khi các hãng sản xuất đồ gỗ của Mỹ, không thiếu một hãng nổi danh nào, lần lượt hiện ra hai bên đường thì xe đã vào địa phận North Carolina, tiểu bang có vẻ hiền lành thưa thớt người. Nếu Tiểu Bang Virginia nổi tiếng về thuốc lá thì North Carolina số một về đồ gỗ. Khoảng ba giờ chiều chúng tôi nhận được điện thoại của Hân nói đã gặp Sơn ở khách sạn và lấy phòng. Thời buổi này, *cell phone* thật tiện dụng cho sự thông tin, liên lạc bằng tiếng nói, bằng màn ảnh nhỏ, chụp hình, quay phim, gửi hình, gửi chữ cho nhau. Không biết khoa học còn cho người ta hưởng những kỹ thuật tân tiến nào hơn nữa.

Tôi nhắc Thủy bảo Sơn và Hân sau khi yên vị trong phòng, thì hỏi người khách sạn đường tới *super market* mua *salad*, vì có thể tối nay mọi người mỗi mệt vì đường trường không muốn ra ngoài ăn. Có con nít ăn ở khách sạn phí tiền.

Gần 5 giờ chiều đó xe chúng tôi mới tới khách sạn Embassy Suites. Thường thì chỉ mất 5 giờ xe là nhiều. Nhưng vì một đoạn đường kẹt, xe lăn bánh rì rì và có ông già bà cả, con nít phải ngừng xe ba lần. Gia đình Hân khởi hành từ Dallas ngày hôm trước, phải đi 19 giờ xe hơi, nghỉ qua đêm tại một khách sạn và đã tham dự một trận bóng rổ của con trai vào buổi trưa rồi. Trường Sơn từ

Miami lái 13 giờ với xe hơi tám máy, nghỉ qua đêm ở một quán trọ (motel) và đã gặp Hân tại Basketball Tournament.

Chúng tôi có hai phòng cạnh nhau trên lầu bốn cho gia đình Thủy và gia đình Hân. Vợ chồng tôi có phòng trên lầu sáu xa sự ồn ào của con nít và để cho chúng được gần gũi chạy qua chạy lại với nhau. Vừa yên vị, con cháu tôi đã đòi ăn chả giò. Tôi lấy chả giò còn đông lạnh ra khỏi thùng đá rồi hối Sơn đưa tôi đi mua *salad* vì đến lúc đó Sơn và Hân vẫn chưa đi chợ. Sơn không vợ, không con, không nhà, không cửa, nhưng có cái xe Audi tám máy, 7 chỗ ngồi tối tân, mạnh mẽ. Trong xe có cả trăm thứ đèn màu xanh đỏ tím vàng lóa mắt. Cái xe đích thực là bạn đường của Sơn. Vì nghề nghiệp, nhiếp ảnh, khách hàng khắp nơi gọi, Sơn phải chạy xuyên bang rất thường. Sơn cần một cái xe khỏe, mạnh để kéo cả cái *trailer* lớn chứa đồ nghề. Cái xe mini van mà Nguyễn Thủy lái chở chúng tôi từ Virginia đến đây cũng là xe của Sơn để lại cho gia đình dùng. Nhưng tôi không bao giờ dám đụng tới cái xe to tướng này, dù đôi khi tôi muốn dùng nó để chở một nhóm bạn 5, 6 người. Tôi chỉ cảm thấy vững vàng lái cái xe 6 máy Mercury xinh xắn, vừa vặn cho cái thân hình nhỏ bé của tôi mà thôi.

Super market chỉ cách khách sạn một quãng đường ngắn. Ngoài *salad* tôi mua được thêm rau ngò, nước uống và vài thứ bánh tráng miệng đem về *suite* của vợ chồng Thủy. Mỗi *suite* có một phòng ngủ hai giường riêng và một phòng khách có ghế đệm dài kéo ra thành giường ngủ, có bàn ăn, tủ lạnh, *microwave oven*, có bồn rửa bát, có hai TV.

Cô con gái tôi đã đốt lò nướng chả giò và được một mẻ. Tôi mang theo ly, đĩa, bát giấy, dao, nĩa, muỗng nhựa nên ngả ra làm một cái *picnic* ngay trong phòng khách không thiếu ghế ngồi. Chả giò được tiếp tục

nướng mấy mẻ nữa. Chồng, con, cháu tôi ăn bằng thích, bằng no với tạm đủ rau và nước mắm chấm. Nguyễn Thủy lại vờ ngạc nhiên la lên:

“Mẹ không đem theo ớt hả? Nước mắm dấm mà không có ớt thì mất ngon.”

“Thôi, ông ơi, được voi đòi tiên. Nhà có ai ăn được ớt đâu.”

“Có David cũng thích ăn ớt nữa, phải không David?” Thủy kéo đồng minh.

Thực vậy, ông con rể tôi là dân Texas, nên ăn ớt như dân Mexican. Tôi quên điều này. Nhưng David thì chỉ âm ừ không nói gì vẫn cuộn rau quanh chả giò chấm nước mắm không ớt ăn ngon lành. Tôi có ý kiến:

“Hay là Thủy xuống *restaurant* của khách sạn mượn một chai ớt lên đây ăn?”

“Con nói giỡn thế thôi, đi chơi xa, được ăn chả giò của bà nội là may lắm rồi. Phải thế không? Mọi người cho bà một tràng pháo tay, cảm ơn bà!”

Cái phòng vang lên tiếng “Yes, Yes! Thank you Grandma!”

Chúng tôi đang ăn thì điện thoại của Thân Phong gọi tới nói rằng sẽ đến Raleigh muộn và không tới khách sạn chúng tôi tối nay. Phong không quên nhắc: “You better save some eggrolls for me and Monika or otherwise we won’t come and see you guys!” Tôi biết Phong nói đùa nhưng vẫn ghé vào điện thoại nói:

“Mẹ đã để phần Phong và Monika 10 cái chả giò to với đủ rau và nước mắm rồi. Được không?”

“Được quá. Thank you mẹ! Gặp mẹ và tất cả sáng mai!”

Vợ chồng Phong và hai con chó từ Austin đã phải đi hai ngày, mỗi ngày 8, 9 giờ và ngừng qua đêm tại một khách sạn nhỏ bên đường rồi mới tới Raleigh.

Trước khi đi ngủ đêm đó, chúng tôi hẹn nhau 8 giờ sáng xuống điểm tâm tại *tropical atrium* của khách sạn. Bữa ăn sáng có đủ thứ

trứng chiên và *pan cake* theo yêu cầu của thực khách và ê hê các thứ bánh mì bánh ngọt, trái cây, cà-phê, trà và nhiều thứ nước ngọt... Tất cả tính vào tiền phòng, tha hồ ăn cho mập. Người sợ mập và không ăn được nhiều như tôi thì chỉ bị thiệt. *Atrium* cao chín tầng lầu của khách sạn có mái kính đục và bao bọc bởi 255 *suites* xung quanh. Thác nước nhân tạo bốn góc *atrium*, nước chảy âm âm suốt ngày đêm. Hoa lá cảnh tươi tốt. Không khí mát rượi. Sơn có nghề nhiếp ảnh và có Website www.sonnypphoto.com. Nên tại *atrium* của khách sạn, Sơn đã xếp đặt một chỗ chụp hình cho cả gia đình với đồ

nghề ánh sáng, ô che *professional*. Thật khó điều khiển được ba trụ con nít nhỏ từ 4 đến 8 tuổi cho chúng nghiêm chỉnh chụp hình. Được trụ này thì hỏng trụ kia. Người thì nhìn chỗ này. Kẻ thì quay đi chỗ khác. Sơn phải chụp nhiều cái và làm ảo thuật, lấy cái mặt ở ảnh này thay cái mặt ở ảnh kia mới có một cái ảnh trông tạm được nhất về mặt mũi các quý vị người mẫu. Cũng như những buổi họp mặt đông đủ khác, năm nay gia đình chúng tôi lại có tấm hình kỷ niệm thật quý. Nó là bảo vật để lại từ đời này qua đời kia cũng như những hình ảnh chúng tôi giữ lại được của cha, mẹ, ông, bà.

Atrium của khách sạn cũng là nơi họp mặt thoải mái nhất của gia đình. Chúng tôi kê ba cái bàn vuông thành một cái bàn dài và ngồi chuyện trò quanh ba cái *Apple Laptop* màu trắng. Một cái của Thủy, một cái của Sơn và một cái của Anton mà bác Thủy và cậu Sơn, cậu Phong vừa chung nhau mua làm quà tặng cháu được nhận vào đại học UT (University of Texas) tại Austin, chưa kể một cái *laptop* của ông xã tôi để trên phòng khách sạn. Tháng năm, 2009 đại gia đình chúng tôi sẽ lại có một cuộc sum họp nữa tại Richland, Texas để tham dự lễ ra trường trung học của Anton. Sau đó sẽ cùng

rong ruổi đến thủ phủ Austin của Texas, nơi trú ngụ của vợ chồng Phong và Monika.

Khách sạn có phòng *computer*, xử dụng không mất tiền, nhưng chật chội, nên chúng tôi thích sài của riêng ngay trên sân *atrium* rộng rãi thoáng khí. Hai đứa cháu tôi 7, 8 tuổi cũng biết chơi *computer game* rành rẽ. Chúng biết cả cách làm cho *computer* chạy lại khi cái máy ngưng bất tử. Bạc ông bà, cha mẹ chúng ngày nào cũng xem được *email* bạn bè trong thời gian ở khách sạn. Nếu tại Việt Nam cũng có những tiện nghi văn minh này thì không lạ gì trên đất Mỹ, nơi phát minh ra *computer*. Không biết người ta còn được hưởng những văn minh nào nữa của nhân loại? Mong rằng những văn minh trong tương lai đều giúp cho đời sống con người tốt đẹp và lành mạnh.

Embassy Suites thật lý tưởng cho những cuộc xum họp gia đình. Con cháu tôi có hồ bơi, chạy *treadmill* và ngồi bồn tắm hơi. Vợ chồng tôi ngồi nhìn chúng cũng vui rồi. Trong thời gian bốn đêm, bốn ngày ở Raleigh chúng tôi đều ăn sáng cho no trong khách sạn, ăn trưa muộn, ăn tối tại cái *mall* lớn có tiệm bách hóa Macy bên kia đường. Sau một buổi ăn tối tại Food Court, tôi và con gái cũng biến vào Macy một lúc. Tôi mua cho con gái được hai cái áo đẹp và hạ giá 75%. Mừng như trúng số! Mọi người cứ than van kinh tế xuống, nhưng trước mắt tôi vẫn thấy người ta đi *shopping* đông như đi hội chợ.

Sáng nào vợ chồng Phong cũng phải dắt chó đi chơi. Nên một buổi sáng, cả đại gia đình cùng nhảy lên ba xe đi ra công viên dành riêng cho chó và thả bộ theo hai con chó của Phong và Monika. Trời âm u, không mưa, không nắng, không lạnh. Chó má tự do phóng uest, nhưng các ông bà chủ phải hốt nên không khí vẫn mát mẻ, tươi lành cho buồng phổi. Con cháu tôi chạy nhảy với hai con chó hiền lành, biết kỷ luật

và dễ thương. Đó cũng là một mục thích thú của gia đình chúng tôi khi được gặp nhau.

Chỉ có vợ chồng Hân và David đi xem hai ba trận bóng rổ của con trai. Vợ chồng tôi đi xem có một lần. Tuổi già, ngồi ghế không có tựa hơn một giờ đồng hồ là muốn gãy lưng rồi. Đội bóng của cháu ngoại tôi không thắng giải vô địch. Chúng tôi tuy thất vọng vài phút, nhưng tự an ủi rằng điều cốt yếu là con trẻ được luyện tập thể thao, sống lành mạnh, không có thời giờ đàn đúm, gây lo âu cho gia đình. Thể thao không phải là cứu cánh của cháu tôi và gia đình tôi.

Sáng 29 tháng 12 tôi gọi điện thoại cho nhà hàng mà chúng tôi tìm thấy trên *internet* và đặt một bàn cho 12 người nhưng chỉ có 8 người lớn ăn bò và tôm nhúng dấm. Vợ Phong và bốn trẻ con ăn món khác. Thực ra các con tôi muốn có bữa ăn này vào ngày 30 là ngày kỷ niệm 37 năm cưới của vợ chồng tôi. Nhưng hôm đó cháu ngoại Anton có *basketball game*, không thể có mặt.

Thời gian qua mau, ông xã tôi đã đi vào mùa đông của cuộc đời nhưng vẫn cảm động vì được vợ, con và các cháu thương yêu, săn sóc, sum vầy bên cạnh. Các con tôi và tôi vẫn luôn ghi nhớ vì chàng mà chúng tôi không phải trải qua biến cố loạn lạc kinh hoàng 30 tháng tư, không phải vượt biển hãi hùng hay sống dưới chế độ cộng sản dã man, tàn bạo như dưới thời Tần Thủy Hoàng. Bản thân tôi được sống hạnh phúc, nhàn hạ từ 37 bấy năm qua.

Tuy nhiên, tối 29 cháu Anton cũng có banquet với *Basketball Team* nên vẫn không tham dự bữa ăn đại gia đình được. Chúng tôi đi ba xe tới nhà hàng Việt Nam ở một khu vực buôn bán đông đảo. Nhà hàng khá khang trang nhưng không *fancy* như trong hình trên *internet*. Chúng tôi 12 người ngồi vào cái bàn ẩm cúng trong một góc phòng. *Appertizers* được đưa ra trước. Con nít chỉ đòi ăn chả giò và phở không thịt. Vợ Phong gọi bún thịt

nướng. Nhất định là Phong đã dắt vợ đi ăn nhà hàng Việt Nam nhiều lần thì Monika mới biết và chọn món này. Khi những vật liệu của bò và tôm nhúng dấm cùng ba cái lò được đem ra thì cái bàn dài nhưng hẹp chỉ đặt được hai cái lò là quá chật rồi. Bộ lò và nồi nhúng bằng nhôm có vẻ *made in Viet Nam*. Nước nhúng sôi sùng sục hấp dẫn màu dầu mỡ đỏ ối, thơm lừng mùi sả ớt.

Những đĩa bánh tráng nhúng nước được đem ra, nhưng không có chỗ đặt trên bàn. Người nhà hàng nhắc thực khách tách nhanh bánh tráng rời ra, không bánh dính vào nhau, rồi đặt những đĩa bánh tráng còn lại ở bên cạnh, khi khách cần thì bà ta tiếp thêm. Lúc chúng tôi hỏi “không có cái xiên để xiên thịt” thì bà chủ nhà hàng nói “xiên bằng đũa”. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn những đôi đũa nhựa trắng, nếu gấp thịt, gấp tôm nhúng vào nồi thì phải giữ đũa cho đến khi thịt và tôm chín mới nhắc ra ư? Nếu buông tay, thịt, tôm sẽ rời khỏi đũa thì biết miếng tôm, miếng thịt nào của mình mà mò. Thật là thất cách. Chúng tôi đòi nĩa để xiên tôm thịt mới làm được việc nhúng và không câu nhầm con mồi của người khác. Bánh tráng nhà hàng nhúng cho chúng tôi cũng quá lớn, khi mềm bóc ra thì đã dính chặt vào cái khác và quẩn queo lại. Ông xã và con dâu tôi bỏ cuộc chỉ nhúng tôm, nhúng thịt bỏ đĩa tưới nước mắm dấm trộn với các thứ rau cùng bún và dùng nĩa để gấp. Hình như ở Sài Gòn trước kia người ta không ăn bún và tôi cũng không bao giờ dùng bún cho món bò nhúng dấm. Chúng tôi bỏ nhiều tôm thịt với các thứ rau nên không cần độn bún thêm. Chỉ có 5 mẹ con mít đặc dùng mắm *anchovy* tôi đem theo và kiên nhẫn tách từng cái bánh tráng hoặc dùng luôn hai cái dính với nhau. Nếu nhà hàng dùng bánh tráng nhỏ hơn có lẽ thực khách không phải đánh vật với mấy cái bánh mỏng tanh như tờ giấy ướt. Tôi nghĩ rằng nhà hàng chưa có kinh nghiệm

làm món này. Và, xét ra, việc dùng giấy nến kèm giữa bánh tráng nhỏ và ướt là đặc sách nhất, bóc ra dễ dàng không dính vào nhau và mỗi cuốn bỏ những nhỏ nhắn, bỏ miệng ăn gọn gàng, thanh cảnh hơn.

Thế mới biết không đâu sum họp, ăn uống tiện nghi vừa ý bằng ở nhà cho một đại gia đình ông bà, con cháu đông đảo. Tuy nhiên, người nhà hàng lễ phép dễ thương nên chúng tôi vẫn ăn uống vui vẻ, tấm tắc khen ngợi luôn miệng. Có còn hơn không, là phải bỏ một món ăn truyền thống gia đình trong ngày họp mặt đông đủ. Đi xa được ăn như vậy là may mắn lắm rồi.

Sau bữa bỏ những dấm tại nhà hàng đó, chúng tôi bàn nhau rằng lần sau nếu phải họp mặt xa nhà, chúng tôi sẽ thuê một căn *suite* có bếp đang hoàng và đem theo bánh tráng, mắm *anchovy*, mắm

dấm ớt và bộ đồ nghề, nồi nhúng, bếp lò. Sau năm 1975, một triệu người Việt di cư đến đất Mỹ đã làm cho món ăn Việt Nam nổi tiếng. Gần như chợ Mỹ nào ở các tỉnh lớn đều có các vật liệu nấu ăn cho người Việt. Đi đến đâu mua tôm, thịt rau hành ngò ở đó. Chúng tôi sẽ vẫn giữ được món ăn truyền thống gia đình ngày sum họp: bỏ, tôm nhúng dấm!

Nấu ăn và cách ăn uống cũng là một nghệ thuật. Món ăn tượng trưng cho văn hóa của một dân tộc. Văn hóa và văn chương, nghệ thuật sánh vai song song. Vì thế Văn Thi sĩ Hồ Trường An đã yêu cầu tôi viết về đề tài *Món Ăn Theo Bước Người Di*

Tản cho một quyển sách của anh viết chung với nhiều tác giả khác. Vì bận nhiều việc nên đã từ chối. Anh Hồ Trường An cũng bỏ lửng dự tính này dù đã hoàn thành bài viết của anh với đề tài trên. Khi nghe Nữ Sĩ Dư Thị Diễm Buồn cho biết anh Hồ Trường An bị đau, Diễm sẽ tiếp tục dự tính của Hồ Trường An, tôi đổi ý kiến và nhận lời viết cho quyển sách như anh đã dự tính trước đây. Tôi muốn có thêm một kỷ niệm viết chung với Hồ Trường An, một nhà văn viết nhanh, viết mạnh có trên 50 tác phẩm truyện dài, truyện ngắn, văn luận, văn khảo, thơ tình...



Mỗi dòng chữ trong đoạn văn này đều mang hình ảnh và suy tư của tôi về người bạn văn tài hoa Hồ Trường An thân mến đang nằm trên giường bệnh. Tôi hoàn thành bài viết này để đa tạ Hồ

Trường An, đã thật tâm khuyến khích tôi nhiều trên đường viết văn, làm báo văn học. Bút ký *Khi Gia Đình Tôi sum Họp* này trước là để tặng Nhà Văn Hồ Trường An, sau là để có kỷ niệm với chồng con, dâu, rể, và các cháu nội ngoại.

Viết chung một tác phẩm với quý văn thi hữu khác là một hân hạnh lớn cho Nguyễn Thị Ngọc Dung. Rất mong được đọc các đoạn văn khác của các tác giả trong tập *Món Ăn Theo Bước Chân Người Di Tản*. Chắc chắn có nhiều điều đặc biệt thú vị để học hỏi và thưởng thức.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Virginia 01/12/2009

Chiều Nhạc

“Vũ Đức Nghiêm nửa thế kỷ viết ca khúc”

Phan Anh Dũng

Cơ Sở Cỏ Thơm thường được thân hữu ở những tiểu bang khắp Hoa Kỳ hay ngoại quốc đến thăm vào hai mùa Xuân hay mùa Thu. Đó là vì vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn có nắng Xuân dịu dàng với hoa anh đào tuyệt đẹp và cũng có gió Thu nhẹ nhàng với lá cây đổi màu lãng mạn trữ tình.

Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm và phu nhân cùng em trai Vũ Trung Hiền từ California đã không quản ngại vượt mấy ngàn dặm đến Thủ Đô để tham dự một buổi chiều nhạc mang tên "Vũ Đức Nghiêm, nửa thế kỷ viết ca khúc" và cũng để hưởng một chút hương vị Thu nơi đây. Buổi chiều nhạc này do Cơ Sở Cỏ Thơm, Nhạc sĩ Phạm Dương Hiền, ban nhạc thính phòng Prelude Chamber Ensemble và một số mạnh thường quân hợp tác tổ chức tại nhà thờ Saint John United Methodist Church ở tỉnh Springfield, Tiểu bang Virginia vào ngày Chủ Nhật 20 tháng 11, 2011, trước Ngày Lễ Tạ Ôn (Thanksgiving) ở Hoa Kỳ.

Tôi còn nhớ rất rõ dịp ghé thăm Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm ở San Jose vào đầu năm 2011, một tuần trước Tết Tân Mão. Ông cho biết là rất muốn gặp lại thân hữu miền Đông Hoa Kỳ, nhất là các bạn cùng khóa 1 Nam Định (1951). Ông cũng mong ước có một buổi trình diễn nhạc để giới thiệu một số nhạc phẩm tiêu biểu của Ông sau hơn 50 năm sáng tác ca khúc với nhiều đề tài khác nhau: Quân Hành Ca, Tình Ca, Ngục Tù Ca và Tôn Vinh Ca. Khi về lại Virginia, tôi đã hội ý và được sự hưởng ứng của chị Chủ Nhiệm Cỏ Thơm Nguyễn Thị Ngọc Dung và chị Trương Anh Thụy (phu quân của chị, anh Nguyễn Huy

Long, là bạn cùng khóa 1 với Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm). Để buổi chiều nhạc này “khác lạ và đặc biệt” một chút, tôi nghĩ đến phong cách của nhạc thính phòng trong một không gian âm cúng, không thương mại. Thật may mắn vì tôi đã được Phạm Dương Hiền vui vẻ nhận lời. Sau đó, hai nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu, Ngô Minh Trí đồng ý giúp soạn hòa âm và một số ca sĩ thân quen trong vùng cũng đã hăng hái nhận lời góp tiếng hát.

Thời tiết ngày 20 tháng 11 bỗng dưng ấm lạ thường sau những ngày lạnh vào cuối Thu. Có lẽ đây là một dấu hiệu tốt cho buổi chiều nhạc vì khoảng 250 khán giả đã đến tham dự. Ngoài những quan khách như quý niên trưởng khóa 1 Nam Định: Hoàng Ngọc Lung, Phan Duy Du, Nguyễn Văn Thành, Trần Quốc Khang, Nguyễn Huy Long ... còn có sự hiện diện của GS Nguyễn Ngọc Bích và phu nhân Đào Thị Hợi; Ông Đỗ Hồng Anh và Ông Nguyễn Văn Đăng (Cộng Đồng Việt Nam Vùng Hoa Thịnh Đôn, Virginia và Maryland), Ông Võ Nhân (Hội Cựu Sinh Viên Võ Bị Đà Lạt vùng Hoa Thịnh Đốn), Khoa Học Gia Dương Nguyệt Ánh và phu quân Đặng Hữu Thọ; cùng nhiều văn thi nhạc sĩ như Nguyễn Tường Vân, Dương Đình Hưng, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Diễm Hoa, Nguyễn Lân, Nguyễn Quốc Khải, Hoàng Dung, Cung Thị Lan, Phong Thu, Văn Sơn Trường, Lưu Nguyễn Đạt, Phùng Thị Hạnh, Nguyễn Tuấn đến từ Harrisburg, Pennsylvania và Ông Trần Hoài Thư đến từ New Jersey. Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm và phu nhân cũng rất cảm động khi gặp lại nữ sĩ Vi Khuê, danh ca Châu Hà (phu nhân cố Nhạc sĩ Văn Phụng), Bà Tường Huệ (phu nhân cố Nhạc sĩ Nhật Bằng), ca sĩ Bạch

La và nhiều thành viên trong gia đình của Nhạc sĩ Hoàng Trọng.

Đúng 3 giờ 15, MC Phan Anh Dũng mở đầu chương trình. Nghi thức Lễ Chào Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ được tăng phần trang nghiêm với toán quân kỳ thật oai dũng của Hội Cựu Sinh Viên Võ Bị Đà Lạt vùng Hoa Thịnh Đốn. MC Thái Phụng mời ÔB Vũ Đức Nghiêm đứng lên chào khán giả, mọi người trong thính đường đã vỗ tay để tỏ lòng ngưỡng mộ tác giả của bản tình ca nổi tiếng "Gọi Người Yêu Dấu". Kế tiếp, chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chủ Nhiệm Cổ Thơm, đã trân trọng chào mừng quý quan khách, cơ quan truyền thông báo chí, và toàn thể khán giả yêu âm nhạc. Chị đã chia sẻ về một vài kỷ niệm với tác giả qua những đóng góp bài vở của Ông với tam cá nguyệt san Cổ Thơm cũng như liên hệ thân tình giữa Ông và một số người trong Ban Trị Sự và Biên Tập.

MC Phan Anh Dũng và Thái Phụng lần lượt giới thiệu 10 nhạc phẩm tiêu biểu và cho biết lý do tác giả sáng tác các bản nhạc sau đây:

- 1/ *Như Một Thoáng Phù Du* - tiếng hát: Sĩ Tuấn
- 2/ *Sao Đêm Lung Linh* - tiếng hát: Tâm Hào
- 3/ *Khúc Ca Dịu Dàng* - tiếng hát: Nguyệt Anh
- 4/ *Vùng Trời Kỷ Niệm* - tiếng hát: Hoàng Cung Fa
- 5/ *Gọi Người Yêu Dấu* - tiếng hát: Xuân Thường, Sĩ Tuấn, Hoàng Tiếp, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Tâm Hào
- 6/ *Tôi Quyết Tâm Là Viên Than Hồng* - tiếng hát: Hoàng Tiếp
- 7/ *Dâng Tình* - tiếng hát: Hiếu Thuận
- 8/ *Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu* - tiếng hát: Xuân Thường
- 9/ *Bâng Khuâng Nhớ Tình Xưa* - tiếng hát: Thái Ninh
- 10/ *Cờ Vàng Tung Bay* - tiếng hát: Vũ An Thanh, Cung Fa, Sĩ Tuấn, Hoàng Tiếp, Minh Ngọc, Thái Phụng, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Tâm Hào, Nguyệt Anh, Ngọc Thu.

Các bản nhạc số 1,2,4,5,7,9 là những tình ca được sáng tác trong thời gian tác giả ở Đà Lạt trước 1975.

Ca khúc số 5 "Gọi Người Yêu Dấu", sáng tác vào cuối năm 1969 ở Đà Lạt, đã đưa tên tuổi của Vũ Đức Nghiêm đi xa trong tân nhạc Việt Nam. Ca khúc này được ca sĩ Thanh Lan hát đầu tiên và nhiều ca sĩ chọn hát đơn ca. Trong chương trình này, bản nhạc được đặc biệt trình diễn với phong cách hợp ca qua tiếng hát của 3 nam và 3 nữ.

Bản nhạc số 6 "Tôi Quyết Tâm Là Viên Than Hồng", được sáng tác ở trại tù Tân Hiệp năm 1976, với mơ ước Hội Thánh Tin Lành sẽ được phục hưng; lửa Thánh Linh sẽ thiêu đốt những tàn độc, hư vinh và nung nóng tâm hồn của mọi tín hữu.

Từ trại tù Xuân Phước, một trại tù khắc nghiệt nhất, Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm đã sáng tác "Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu" với những lời thiết tha cho người bạn đời của mình: *"Một đóa hoa hồng cho người vợ hiền dẫu yêu trọn đời. Khung trời thân yêu đậm ấm yên vui bỗng dẫu một ngày trời làm biển dẫu ... Nhưng em ơi, xin vững niềm tin, mùa đông băng giá rồi sẽ trôi qua . Vui lên em, đêm tối dần tan, ngày vui sẽ tới mình hết chia xa ... Xin cho tôi hôn mái tóc điểm sương, xin cho tôi hôn vàng trán ưu phiền, xin cho tôi hôn đôi mắt héo hon, năm tháng mỗi mòn, chờ người xa vắng..."*

Sau khi ca sĩ Xuân Thường hát xong bài "Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu", văn thi sĩ Trương Anh Thụy đại diện Ban Tổ Chức trao một bó hoa hồng để cảm ơn Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm về những đóng góp của Ông cho Tân nhạc Việt. Nhân dịp này, Ông đã tâm sự với tất cả khán giả về 13 năm trong ngục tù Cộng Sản và động lực để Ông viết bài nhạc "Đóa Hồng Cho Người Yêu Dấu". Sau đó, không ngăn được nỗi xúc động, NS Vũ Đức Nghiêm trao tặng bó hoa hồng cho phu nhân và cảm ơn người vợ hiền về những năm tháng

nhọc nhằn vất vả tảo tần nuôi chồng con khi Ông bị giam cầm.

Hai bản nhạc "Khúc Ca Dị Dàng" và "Cờ Vàng Tung Bay" được sáng tác ở Hoa Kỳ sau khi tác giả đã đến định cư tại San Jose vào cuối năm 1990.

Riêng bản "Cờ Vàng Tung Bay" được sáng tác với hy vọng một ngày mai không xa, lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ lại tung bay khắp nơi ở một nước Việt Nam Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ. Toàn thể khán giả đã hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Tổ Chức cùng đứng lên đề phất cờ-vàng-ba-sọc-đỏ khi Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm, em trai của Ông là Vũ Trung Hiền cùng 12 ca sĩ hùng dũng hợp ca bài này.

Xen kẽ trong chương trình là guest speaker Vũ An Thanh, một cựu sĩ quan trong QLVNCH cũng là một khuôn mặt quen thuộc trong giới văn nghệ sĩ vùng Hoa Thịnh Đốn. Anh đã cho khán giả biết thêm về tiểu sử cũng như vài kỷ niệm văn nghệ với Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm trong thời gian phục vụ Đà Lạt trước 1975.

Sau buổi hòa nhạc, khán giả đã dự một tiệc trà nhỏ thân mật, chụp hình lưu niệm và

mua những sách nhạc, sách hồi ký và những CD của tác giả. Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm cho biết Ông rất hài lòng với buổi chiều nhạc thật âm cúng, có nhiều thân hữu và người yêu âm nhạc đến tham dự. Ông cũng cảm động vì chiều nhạc đã được tổ chức chu đáo và trân trọng; các nhạc sĩ và ca sĩ đã trình diễn các bản nhạc rất tình cảm với tất cả tấm lòng.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA - 25/11/2011)

Ghi chú:

1. Hình ảnh trong bài này từ ống kính của: Nguyễn Tự Tín, Nguyễn Minh Ngọc, Phạm Văn Tuấn, Bùi Dương Liêm, Nguyễn Quốc Khải, Phan Ngọc Trâm, Vũ Trung Hiền, Phan Anh Dũng.

2. Được biết Phóng viên Kiều Thu của Đài SBTN-DC và Bùi Dương Liêm của "Đài Truyền Hình Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn" đã có buổi phỏng vấn riêng cho tác giả vài ngày trước đó.

3. Quý vị có thể xem thêm hình ảnh màu và tài liệu về NS Vũ Đức Nghiêm ở website: <http://cothommagazine.com>

Hình Ảnh Chiều Nhạc Vũ Đức Nghiêm



Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm và phu nhân (Bà Dương Thị Năng) đến từ San Jose, CA.



GS Nguyễn Ngọc Bích tặng quà lưu niệm cho NS Vũ Đức Nghiêm



Bàn tiếp tân chính: Ngọc Quỳnh,
Nguyễn Khanh Nam, Tuấn, Khanh



Vũ Trung Hiền, Hoàng Cung Fa,
Nguyễn Tuấn (Harrisburg, PA)



Bà Tường Huệ (NS Nhật Bằng), Bà Vi Khuê, ÓB Vũ Đức Nghiêm, Vũ Trung Hiền



MC Phan Anh Dũng, Bà Vũ Đức Nghiêm, Bà Châu Hà (NS Văn Phụng), NS Vũ Đức Nghiêm,
Khoa Học Gia Dương Nguyệt Ánh,



Toán quân kỳ của Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị Đà Lạt –
Lễ Chào Quốc Kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa



Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm và phu nhân chào khán giả và quan khách



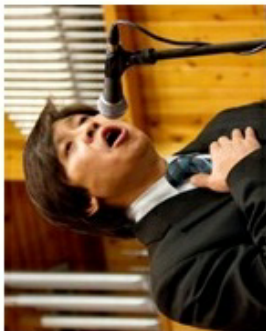
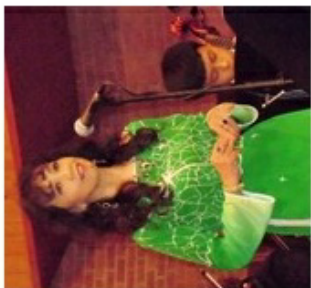
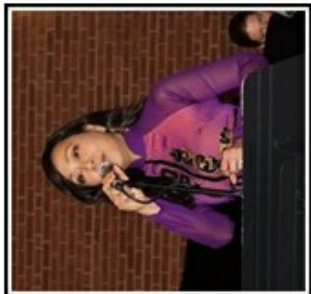
MCThái Phượng, Nguyễn Thị Ngọc Dung Chủ Nhiệm Cơ Sở Cỏ Thom, Guest Speaker Vũ An Thanh



Quan khách



Bà Trương Anh Thụy tặng hoa Ông Vũ Đức Nghiêm - NS Vũ Đức Nghiêm trao tặng bó hoa hồng lại cho phu nhân



Ca sĩ: Hoàng Tiếp, Tâm Hào, Hiếu Thuận, Sĩ Tuấn, Thái Ninh, Nguyệt Anh, Xuân Thương, Cung Fa



Ban hợp ca: Sĩ Tuấn, Xuân Thương, Hoàng Tiếp, Tâm Hào, Thái Ninh, Hiếu Thuận
trình bày: **“Goi Người Yêu Dâu”**



Sĩ Tuấn, Minh Ngọc, Vũ An Thanh, Hoàng Cung Fa, Hoàng Tiếp, Nguyệt Anh, Thái Phương, Tâm Hào,
Thái Ninh, Hiếu Thuận, Ngọc Thu cùng với tác giả Vũ Đức Nghiêm và em trai Vũ Trung Hiền trình bày:
CỜ VÀNG TUNG BAY – Điều khiển ban nhạc & ban hợp ca: Phạm Dương Hiền





Ban Tổ Chức: Phan Anh Dũng, Vũ An Thanh, Phạm Dương Hiền, Nathalie Monges, Tâm Hào, Ngọc Dung, Thái Phương, Ông Vũ Đức Nghiêm, Trương Anh Thụy, Nguyễn Huy Long



NS Vũ Đức Nghiêm và ban nhạc thính phòng Prelude Chamber Ensemble



Khóa 1 Nam Định: B. Trương Anh Thụy, Ông Nguyễn Văn Thành, B. Trần Quốc Khang, Ông Nguyễn Huy Long, Ông Phan Duy Du, Ông Vũ Đức Nghiêm, Ông Trần Quốc Khang,

B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Hoàng Song Liêm, Ô. Nguyễn Duy Hình, Ô. Hoàng Ngọc Lung.



Cả sĩ : Vũ An Thanh, Ngọc Thu, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Thái Phương, Tâm Hào, Hoàng Tiếp, Vũ Đức Nghiêm, Cung Fa, Bà Vũ Đức Nghiêm, Sĩ Tuấn. TS Nguyễn Quốc Khải (Cuối cùng bên mặt).



Ăn tối tại Viet Royale – Đứng: Phạm Minh Xuân, Vũ Trung Hiền, Vũ An Thanh, Hoàng Cung Fa, Phan Anh Dũng. **Ngồi:** Thái Ninh, ÔB Vũ Đức Nghiêm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thái Phương, Ngọc Thanh, Tâm Hào, Hoàng Dung.

HẠNH PHÚC ĐƠN SƠ

Con sắp lớn nghĩa là Cha sắp già
Cha tiếp tục thịt da con sống mãi
Mỗi một tiếng kêu nhẹ nhàng êm ái
Cha tưởng đâu tiếng nói của thiên thần
Ồi, những cánh tay, ôi những bàn chân
Cành với lá xum xuê tăng cổ thụ

Cha sẽ cỗi nhưng mầm non sẽ nhú
Cuộc sống Cha nhân gấp đến bao nhiêu
Rồi mai đây khi nắng sớm trăng chiều
Con chắc lại làm thơ dâng vũ trụ
Cha là trái, các con Cha là nụ
Cha trẻ hoài, Cha có biết già đâu...

Các con ơi... nắng mới vẫn tươi màu
Đời hữu hạn mà hóa ra bất tận
Chính bởi thế, Cha không hề biết giận
Nhìn vào đâu cũng chỉ thấy yêu thương
Vị đắng cay từng uống ngọt như đường

Cha nghĩ tới lúc các con hăm hở
Đạp gai góc coi thường muôn hiểm trở
Say tự do như Cha đã từng say
Xóa cảm thù trong tự điển tương lai

Con sẽ viết những non xa nước lạ
Con sẽ đứng dưới chân thành La Mã
Nghe gạch vôi mòn mỏi với thời gian
Cung điện xưa mấy chốc đã điêu tàn?

Tàn lụi hết mộng xâm lăng để bá
Chỉ còn lại điện Le Louvre êm ả
Trụ Eiffel ngạo nghễ giữa Paris
Chỉ còn đây những kiến trúc tân kỳ
Cùng góp mặt những người xưa đã khuất!

Các con ạ! Ta chẳng bao giờ mất
Mất hay còn cũng bởi chính nơi ta
Gì đẹp hơn nỗi khát vọng bao la?
Gì bền vững hơn những niềm tin tưởng?

Ta được sống, ôi! Biết bao sung sướng
Sống là yêu... sống chỉ để yêu thôi...
Thượng Đế soi hình ảnh giữa con người!

HÀ THƯỢNG NHÂN

PLAIN FELICITY

You are growing up, that means I am growing old;
But I continue to live because me in your flesh you hold.
Each word that you say sounds so sweet and soft,
I hear it like the voice of angels or seraphs aloft.
Oh your arms so amiable, oh your feet so fine:
Branches and leaves for foliage in the ancient tree design.

I will become stunted while you young sprouts shoot, thus
My life will be multiplied by yours many times plus.
Some day in the morning sunlight or evening moonlight
Perhaps to offer poetry to the universe you will also write.
I am the fruit, you are each a seed;
In you I am always young, I will never get aged indeed.

Oh my children... the new fair weather is again bright,
Limited life eventually becomes limitless to our delight.
Thus I have never held it against me when coming to bat
And only see compassion everywhere I look at
Since the taste of bitterness I have gone through as honey.

I think of the time when you all start out, sunny,
To step on spikes and thorns, defying any road-block,
Crazily loving Liberty like me before, as drunk with bock,
Erasing vindictive hatred in the future dictionary.

You will write about the exotic lands, each a visionary,
Standing at the foot of old Roman rampart now hushed
To witness the bricks with time mercilessly crushed:
Those palaces and castles have soon fallen into ruin.

They have perished, the suzerains once with so much din;
Only peaceful and beautiful Le Louvre Museum exists
With imposing and impressive Eiffel Tower in Paris;
Only remain here the works that old architects achieved
As original contributions by everybody perceived.

My dear children! We will never be lost:
Disappearance or existence all depends on our cost.
What would be more wonderful than an infinite aspiration,
The unshakable beliefs based on a firm foundation?

We have got our lives, then we are living! Oh, what bliss!
To live is to love... yes, live only to love, not to miss:
God looks at his image among humans as his mirror!

Translation by THANH-THANH

KHẮP ĐIỀU
THI LÃO HÀ THƯỢNG NHÂN
(1920-2011)

Từ trần lúc 7g45 tối ngày 11-10-2011
tại Bệnh Viện Regional Medical Center of San Jose

Thái Bình Dương hải đăng chợt tắt,
Cả vùng trời cảnh vật phôi pha...
Thi đàn Sao Đầu đã sa,
“Đàn Ngang Cung” tiếng quan hà còn đâu!
Hồi tưởng lúc khổ đau cùng Bác,
Tình thân thương nào khác anh em.
Đã chung thống khổ ngày đêm,
Sốt chia từng mụn khoai lem trong tù.
Đau đớn nhẽ thiên thu nhất nhật,
Xót xa thay “họa tất trùng lai”,
Lao lung vô tận kéo dài,
Lời thơ chính khí hôm mai rõ ràng.
Bác cam chịu vai mang gánh nặng,
Quyết giải dầu dưới nắng chang chang
Không ham áo tía khăn vàng,
Bán hồn cho quỷ, bẽ bàng lương tâm.
Thương nước cũ, cát lằm đổi chủ,
Xót quê xưa, mây phủ thay tên.
Sục sôi ứa máu, tràn tim,
Dùng thơ chính khí nhận chìm hồ lang.
Đã thống khổ lại càng tủi nhục,
Mười năm dư tù ngục gian lao.
Xa quê lòng những dạt dào,
Nỗi đau nhớ nước khác nào dao đâm!
Sao Bác vội tình thâm dứt bỏ ?
Để hiền thê vô võ canh trâu.
Con đau đớn, cháu âu sầu,

Một nhà trên dưới đỏ ngầu vành mi.
Bỏ thi hữu ra đi vội vã,
Lấy ai người xướng họa vần thơ ?
Âm dương ngăn cách đôi bờ,
Đáy lòng tâm niệm tôn thờ Quê Hương
Hay giận kẻ bất lương, đổi dạ,
Quên nước nòi triệt hạ lẫn nhau.
Giận phường nước đục thả câu?
Khom lưng vì lợi, gục đầu bởi danh.
Nay bác đã vãng sanh cõi phúc
Chốn hồng trần thoát tục lên tiên.
Người đi, trút hết truân chuyên,
Bạn bè ở lại, ưu phiền khôn đong!!
Thương nhớ Bác đáy lòng ray rứt,
Xót xa Ông như đứt ruột gan.
Bờ mi dòng lệ chứa chan,
Lấy thương làm nhớ, thay “Đàn Ngang Cung”
Nay Bác đã tới vùng cực lạc,
Nén hương lòng xin Bác chứng minh,
Phù cho đất nước an bình,
Gia Quy, Quốc Pháp ngọn ngành như xưa.
Nhớ thương biết mấy cho vừa!
“Đàn Ngang Cung”, nguyện sớm trưa nói vắn...
Ngày 11-10-2011
Nhằm ngày 15-9 TÂN MÃO
TRƯỜNG GIANG

Tiến Anh Hà Thượng Nhân

Hà Thượng Nhân! Hà Thượng Nhân!
Anh đi vào đúng ngày Rằm trăng xanh!
Trăng tròn như tuổi đời anh
Thế gian còn mãi cái Tình Văn Thơ!

Anh đi không phải bắt ngờ
mà hồn nhiên giống như Thơ anh làm
Tình anh để ở Việt Nam
Trái tim anh đã từng lăn bốn vùng!

Tha hương anh nói đường cùng
Phân đau thân thể, thêm phần Nước Non!
Bây giờ hồn anh thành sương
Và anh đã thấy Thiên Đường chỗ mong...

Anh đi nhẹ bước nhẹ lòng
Từ nay thương nhớ cuộn vòng hoa tang
Từ nay nhiệm vụ anh xong
Từ nay thấm thiết thêm lòng nhớ thương

Mới thăm anh thấy anh buồn
Có linh cảm thấy không còn bao lâu
Đọc thơ anh nghe vãi câu
Rồi anh nhắc lại chuyện hồi nào xưa

Anh vui vui lắm buổi trưa
Tay anh nắm chặt cuốn thơ trên bàn
Giọng thì có lúc dứt ngang
Nhưng anh nhớ cả năm ngàn bốn ba...*

Anh đọc chữ Pháp, đọc chữ ta
Bài thơ dài thuật đọc mà không quên!
Nghĩ là anh còn bình yên
Không ai tin có trăng đêm Rằm này

Đêm Rằm này đã đổi thay
Anh từ vui về sang ngày ra đi
Dĩ nhiên anh hết biết gì
Thương anh còn mấy bước đi bên người...
Về Trời anh đi về Trời!
Thiên nhan anh gặp, nụ cười anh vui

Sinh ly tử biệt ngậm ngùi
Đau người ở lại nhớ ngày hôm nay...

* Tuần vừa rồi Huệ Thu & TVL có đến nhà
thăm anh HTN

Huệ Thu

10:01:22 PM, Oct 11, 2011

Khóc Hà Thượng Nhân

Ôi sinh ký tử quy là thế,
Tiền người về giòng lệ tuôn rơi
Trời cho gần một trăm rồi
Mà sao người đã vội rời nhân gian
Ta ở lại, bàng hoàng ngỡ ngác
Cánh hạc vàng bay khuất về đâu
Trời xanh mây trắng bạc màu
Ngàn xưa lãng đãng, muôn sau ngậm ngùi
Còn nhớ thuở "Bên Trời Lận Đận"
Hoàng Liên Sơn khóc hận quê hương
Xót xa đất nước tang thương
Đêm đêm nghiêng vỡ hàm răng căm thù
Hòn căm biến thành thơ lửa giận
Phá lao lung thét hận lưu đầy
Hàm Tân ngậm đắng nuốt cay
Sơn La, Yên Bái bao ngày lao lung
Chiều Nghệ Tĩnh anh hùng mặt lộ
Đêm xa lim cuồng nộ mưa rơi.

.....
Người về nơi ấy thánh thời
Vi lô xào xạc bồi hồi lòng ta

Vũ Đức Nghiêm

San Jose

Ngày 11 tháng 10 năm 2011

VIẾT CHO BẠN VÀ CHO MÌNH

Văn Quang – Viết từ Sài Gòn

Trong bài này, xin phép bạn đọc cho tôi được nói một chuyện rất riêng tư. Một thứ chuyện riêng của một người, nhưng có lẽ cũng là chuyện của nhiều người. Đó là chuyện tình cảm, không thể không nói, không thể không viết, bởi nó luôn ám ảnh trong đáy sâu tâm tư, trong cả tiềm thức, khó mà có thể làm được điều gì khi còn vướng víu trong lòng. Bạn đọc đã từng gặp trường hợp một người thân vừa ra đi chắc chắn sẽ thông cảm với tôi. Nhất là đã ở ngoài cái tuổi “thất thập cổ lai hy” sắp bước sang “bát tuần”, điều ấy còn sâu sắc hơn nhiều.

Người bạn là thầy mình

Vâng, đây là điều tôi muốn được trang trải lòng mình về sự “ra đi” của anh Phạm Xuân Ninh, bút hiệu Hà Thượng Nhân. Một người tôi kính trọng như anh mình và cũng là “sếp” của tôi trong một khoảng thời gian ngắn, là bạn đồng ngũ, bạn trong “tù cái tạo”, bạn trong cuộc đời suốt những năm làm báo và viết lách kể cả trong những cuộc chơi “xi còm”, mặt chược nhỏ... Ở đây tôi không gọi là “thi sĩ” Hà Thượng Nhân, tôi chỉ gọi là “anh”, như tôi và các bạn tôi thường gọi. Tôi cũng không kể lể về con người cùng những đức tính tuyệt vời của anh, không chỉ dành cho bè bạn mà hầu như cho tất cả những người đã từng giao thiệp với anh. Tôi cũng chưa phải là “tri kỷ” của anh và tình thân chưa bằng những vị khác đồng trang lứa hoặc có nhiều thời gian gần gũi với anh. Anh hơn tôi 11 tuổi (anh sinh năm 1922, tôi sinh năm 1933), có thể đó là thầy mình. Tự trong đáy sâu trong lòng tôi vẫn mang tình cảm ấy, cho dù bất cứ ở ngoài đời hay sau chấn song sắt. Tôi học được ở anh những điều không có trong sách vở, không có trong ngay cả nền giáo dục của gia đình, chỉ có ở trong cuộc sống với bạn bè. Nhìn cách anh sống, anh nói, anh đối nhân xử thế...

đó là những điều anh đã dạy cho tôi cho đến hôm nay.

Không phải chỉ mình anh mà rất nhiều bạn bè cũng đã dạy cho tôi nhiều điều tương tự như thế. Nhưng anh là một trường hợp đặc biệt.

Không phải “sếp” nào cũng được kính trọng



Thi sĩ Hà Thượng Nhân trong “Chiêu Thơ Hoàng Anh Tuấn”.

Thưa bạn đọc, một điều cần nói rõ, không phải ai là “sếp” cũng được cấp dưới kính trọng, đôi khi còn ngược lại. Làm “sếp” mà không có cái tâm, không có cái tình, chỉ có cái “uy”, không có cái “ân” thì khó có cấp dưới nào kính trọng. Phải không bạn? Một anh cấp dưới kính trọng một cấp trên chỉ lấy “uy”, lấy “quyền” ra chỉ huy, hò hét thì anh cấp dưới đó xứng đáng được gọi là kẻ “nịnh thần”. Kẻ dám nói thẳng nói thật mới đúng là cấp dưới đáng kính trọng. Con người nào cũng bình đẳng như nhau, khác nhau chỉ ở chỗ có được kính trọng hay không mà thôi. Ngay cả một chính thể dù có mạnh đến đâu, nếu những người được gọi là lãnh đạo, sống và làm có “tình”, có “lý”, có “tâm” là thuận lòng dân sẽ tồn tại, đi ngược lại với nguyện vọng của người dân, trước hay sau sẽ bị tiêu diệt. Tần ác như Tần Thủy Hoàng, tưởng

sức mạnh là vô địch, rồi cũng tiêu tan. Đó là lịch sử, là chân lý không thể thay đổi. Nhưng ở đây tôi không dám dài dòng về chuyện này.

Tôi chỉ muốn chứng minh rằng tại sao anh Phạm Xuân Ninh được hầu hết các cấp dưới của anh kính trọng, chính vì nhân cách lớn của anh. Nhân cách ấy thể hiện ngay trong lối sống hàng ngày, lối giao thiệp, tiếp xúc với mọi người quanh mình và ngay với thuộc cấp. Anh không là quân nhân chuyên nghiệp, không là sĩ quan học trường võ bị ra, nhưng anh lại là một người lãnh đạo rất giỏi, anh nói gì ai cũng nghe, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ.

Làm việc với anh Ninh cứ như trong một gia đình, chẳng phải lo nghĩ gì đến những “âm mưu, thủ đoạn” với cái lưới kỷ luật lúc nào cũng sẵn sàng úp chụp lên đầu. Còn gì sướng hơn. Thưa bạn, đó chính là lý do tại sao khi anh ra đi, chỉ có lòng thương tiếc.

Một “con mưa buồn”

Cho nên khi anh ra đi, dường như có một cái gì thay đổi lớn lắm. Ngay từ ngày đầu tiên khi biết tin anh từ giã vĩnh viễn cuộc đời, anh em khắp nơi xôn xao, điện thoại, thư từ cho nhau. Mỹ gọi cho Úc, Úc gửi thư cho Pháp, Pháp gọi cho Canada, Canada gửi thư cho Việt Nam. Một nỗi tiếc thương âm thầm như khói sương lan toả trong tất cả những lá thư, dù là thư điện tử, dù là tiếng nói trong điện thoại đường dài. Không có tiếng khóc, đôi khi lại là tiếng cười cùng nhau, nhưng... lại có cái gì đó bàng bạc nuối tiếc thầm kín. Tôi không thể định nghĩa được chính xác là cái gì và cũng không diễn tả được trọn vẹn tình cảm ấy. Chỉ biết “nó” là thật, là một cơn mưa buồn, như câu thơ anh làm trong “trại cải tạo” ở Long Giao vào năm 1975:

*... “Bây giờ giữa Long Giao
Ngồi nghe mưa sùi sụt
Cuộc đời như chiêm bao
Có hay không nẻo cụt?
Anh chắm điều thuốc Lào
Mình say, mình say sao?”*

Tưởng như mới hôm nào, anh ngồi cùng tôi ở trong cái gọi là “trại cải tạo”, cùng hút chung “cái điều cây tự chế”, nay anh đã ra người thiên cổ!

Tôi chỉ là anh làm thơ vớ vẩn, tục gọi là “thơ ba trợn”, nên làm xong bài nào là chỉ một thời gian ngắn đi vào lãng quên luôn. Đọc thơ anh xong, tôi cũng làm một bài dài thông, đáp lại “ông thi sĩ bậc thầy”, cùng “ủ tờ”, thiếu bạn thơ, nếu ở ngoài đời thường chắc tôi không đối đáp như thế. Bài thơ “ba trợn” của tôi được đặt tên là: “Khói thuốc trong tù”, đến nay cố moi óc nhớ lại, cũng lờ mờ chỉ được vài câu lắm lắm cảm như thế này các cụ ạ:

*“Khói thuốc Lào say xanh màu nhớ
Hương xưa sâu đọng tím thời gian
Nghe sôi máu đỏ trong lòng điều
Năm tháng vàng theo cuộc chiến tàn...”*

Khoe với anh Hà, anh gật gù: “Cậu này chơi chữ góm nhi, xanh, tím, đỏ, vàng, nghe được đầy chứ”. Được đàn anh khen tôi phỏng mũi, cứ định làm vài bài nữa trong tù nhưng bí quá, chẳng ra được bài “thỏ tả” nào. Sau này có vài bài, cố nhớ mãi không được. Cái “bộ nhớ” đáng tin cậy của tôi bị vào “nhà tang vật” hơn hai năm nay mất rồi!

Một sự thật khác cần nói là anh mất ở tuổi 90 đã là thọ lắm rồi, chúng tôi đều biết anh đã suy nhược nhiều và ngày ra đi của anh không còn xa. Không “chết trẻ” để làm tăng nỗi đau xót tiếc thương. Nhưng riêng sự vĩnh biệt của anh làm nên nỗi tiếc nuối ngậm ngùi trải rộng như cơn mưa mùa đông. Anh không là “lãnh tụ” bất cứ cái gì, nên không có cảnh ôm nhau khóc rú lên, mà chưa chắc đã là thật. Người ta khóc lóc, lẫn lộn vì những cái khác cho chính mình. Nhưng với anh Hà Thượng Nhân, tôi nghĩ, mọi người dành cho anh cả tấm lòng chân thật nhất.

Những “anh già” khó tính và dễ tính

Tôi lại xin nói đến một sự thật khác là vào thời buổi này, “cánh già chúng tôi”, hỏi 10 người thì có đến 9 ông bày tỏ ước nguyện là nếu có phải “rửa chân lên bàn thờ, ngồi nhìn con gà khoả thân” thì chỉ xin đi cho nhanh, không đau ốm

vật vờ, thế là đủ. Không còn ai sợ ngày ra đi nữa. Nhiều ông đã làm sẵn di chúc và dặn dò con cháu rất tung tung cứ như nói “bố đi chơi, mai về”. Cũng chẳng phải là muốn được đi ngay cho được việc. Cứ thân nhiên sống hết quãng đời còn lại. Có ông vẫn miệt mài làm việc sợ “quỹ thời gian” còn rất ít. Có ông thành thói chọn cái thú an nhàn bên con cháu. Nhiều ông nói sống đến được tuổi 90 là đủ rồi, nếu không muốn nói là thừa. Được ra đi như anh Ninh là một “hạnh phúc” lớn. Tôi cũng nghĩ như vậy.



Ảnh Phạm Xuân Ninh cùng Phu nhân

Thật ra là bạn bè, dù đã trên dưới 50 năm hay mới hơn chỉ có 5-10 năm, chúng tôi cũng đã có đôi ba “anh già” giận hờn nhau, tức bực nhau vì những chuyện thật, chuyện giả, chuyện hiểu đúng hay hiểu lầm nhau vì người khác mang lại, thường có trong cuộc sống như một lẽ tự nhiên. Có những chuyện tưởng như không thể dung hoà được, không thể “nhìn mặt nhau”. Ở đây tôi không nói đến chuyện “lập trường chính kiến” có màu sắc chính trị, đó là quyền của mỗi người. Tôi chỉ nói một tình bạn thông thường như bạn từ lúc còn để chỏm, từ lúc vào đời, lên đời hay xuống đời.

Có những “anh già khó tính” hơi tí là giận, lại có những “anh già dễ tính” cái gì cũng cười hà hà cho xong. Thừa thật với bạn đọc, tôi lại nằm trong cả hai trường hợp trên. Nhưng sự “giận hờn” của tôi, nếu có, bao giờ tôi cũng để trong một giới hạn nhất định. Tôi thường tự hỏi “không

biết mình giận nó đúng hay sai”. Tự nhiên trong lòng nổi lên một điều gì như nổi bần khoản, có vẻ là một chút hối hận. Tôi đã nhận được hàng trăm những clips, video ca tụng về TÌNH BẠN. Gần đây nhất, là một clip rất ngắn gọn: “CÓ MỘT NGƯỜI BẠN LÀ MỘT ẨM HUỆ, MỘT MÓN QUÀ, MỘT ĐẠO ĐỨC, MỘT VINH DỰ”.

Đọc câu “châm ngôn” rất bình dị đó bên những cánh hoa, tôi thấm thía và có mặc cảm như một thứ “tội đồ” vì có thể đã đánh mất một người bạn nào đó. Thật sự tôi rất buồn cho mình. Rồi đến lúc nào “bạn ta ra đi”, tôi sẽ phải nghĩ gì đây?

Anh Hà Thượng Nhân vừa vĩnh biệt anh em, tôi nghĩ là không bao giờ dám làm mất bất cứ người bạn nào, dù người bạn đó, tôi tưởng là ghét tôi hay thương tôi. Tôi biết là học được bài học này quá dễ, song làm được thì... hơi khó. Khi “cái tôi” chỉ là sự tầm thường, như câu phương ngôn Pháp: “Le moi est haissable” chắc tôi sẽ làm được. Không có cái gì là khó, không bao giờ là muộn cả.

Mấy anh già nói chuyện lắm cảm

Trở lại về sự ra đi của anh Hà Thượng Nhân, đến hôm nay, đã có rất nhiều báo loan tin buồn này và đã có nhiều bài viết về anh cùng với hàng loạt lời “Chia buồn”, “Phân Ưu” với cả trang tên tuổi đính kèm, nếu muốn ghi hết. Bạn có thể đọc trên hầu hết các tờ báo, các trang web phổ biến những bài này.

Ngoài những người đã từng là bạn của anh, là cấp dưới của anh có tên trong những bản “chia buồn”, tôi tin là còn nhiều những người bạn khác, vì một lẽ nào đó, chưa có tên trong danh sách này. Có lẽ là các vị soạn thảo cũng vội vàng nên làm sao tránh được thiếu sót. Có cả những vị không quen biết nhưng mến mộ anh qua những thi phẩm.

Tôi không dám đại diện cho ai cả, nhưng tôi hy vọng nói được một phần tiếng nói chung của khá nhiều bạn bè anh, cũng là bạn tôi, mà trong lời “Phân Ưu” không thể nói hết. Biết đâu, cũng là nỗi lòng của nhiều độc giả đã từng

mang chung tâm trạng này trong nhiều trường hợp khác nhau.

Vài hàng gửi đến hương hồn người quá cố Hà Thượng Nhân và giải tỏ tác lòng chân thật cùng với “cánh giá” chúng tôi. Nếu các bạn trẻ

có đọc thì xin hiểu cho “mấy anh già nói chuyện lảm cẩm với nhau ấy mà”. Thế là người co đầu gối, còm cõi trước computer, bên trời lặn đạn cũng mãn nguyện lảm rồi.

Văn Quang 15-10-2011

XIN DẮT CHÚNG CON ĐI

Con là dân thấp hèn chưa biết Chúa
bỗng hôm nay lòng rộng đến mênh mông
chưa gặp Cha chung chưa biết lẽ Vô Cùng
Thánh Thần đã rộn ràng đem chấp cánh
Máu Thịt Cha từ nay thành bánh Thánh
để mong nuôi nhân loại được ấm no
Cha sống từng giây Cha sống từng giờ
ban phép tắc vô cùng cho kẻ khó
Cha biết con đã gặp bao nhiêu sóng gió
lúc về già càng hiểu nghĩa gần xa
chỉ một câu thôi mà nhân loại sững sờ
Cha sống lại ! các con Cha sống lại
công nghiệp Cha không thể nào hủy hoại
bây giờ còn và mãi đến nghìn sau
và ta đã chẳng phải tìm nơi đâu
với nhân loại không cần tiền cần bạc
với cỏ cây Cha ta ngồi ban phát
chỉ yêu thương vì Cha vốn Cha chung
Cha đi về thật rất đổi ung dung
lấy ban phát yêu thương làm tâm nguyện
ta chưa kết mà thơ ta đã luyện
vì thơ ta gồm lại tấm lòng Cha
tấm lòng Cha ta hiểu rất thiết tha
từ nghìn năm đến nay cô đúc lại
nó trải khắp xưa kia và hiện tại
và mai này khi còn kiếp nhân sinh
khi con người còn bao nỗi bất bình
khi con trẻ còn những điều thắc mắc
Tình Cha ta ôi tình yêu son sắt
lòng Cha ta gom cả thủy và chung
ai yêu Cha chỉ cầu nguyện là xong

ta gặp Cha mỗi lần càng bồi rối
Cha ban phát cho ta bao súng ai
Cho núi sông cho tất cả tấm lòng
cửa Thiên Đàng mở rộng khắp Tây Đông
ta biết nước non ở đâu mà có được
sương và gió và đây là giọt nước
đã tưới lên sự sống cả muôn loài
mới hôm nay mà đã thấy cả ngày mai
on rất Thánh on Cha là cực trọng
sống một kiếp trái lòng cho tới rộng
chưa bao giờ hiểu được lẽ nguy nga
rất vô cùng và rất đổi ngọc nga
khắp đất nước mây trời đang mong mướt
Cha đổ Máu cứu chúng con đồng lụt
Yêu chúng ta như yêu cả loài người
Cha cho ta hôm nay vạn nộ cười
để bù đắp bao công lao khó nhọc
để tâm can bình an Cha bao bọc
Cha chúng ta còn mãi chúng con đây
tình chúng con không phụ ý cao dày
để giọt máu của Cha thành thuốc bổ
bảo cho biết những ai càng thống khổ
càng đói nghèo càng gieo mỗi hận thù
Càng ganh ghét càng tâm tối âm u
sống bản năng vô hồn ưa chém giết
khiến Cha ta đổ máu đến cạn kiệt
để nuôi mình nuôi mãi đám mê si
nuôi Tình Thương chẳng có ranh biên thù
tâm sự của chúng con là thế đó
xin Cha nhận tâm hồn con bé nhỏ
Cha của muôn loài dẫn dắt chúng con đi.

Hà Thượng Nhân

(San Jose ngày 29 tháng 07 năm 2009)

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cụ Ông **Rôcô PHẠM BÁ HÙNG**
vừa từ trần ngày 12 tháng 11, 2011
Hưởng thọ 89 tuổi

Thánh Lễ An Táng:

8 giờ sáng Thứ Bảy ngày 19 tháng 11 năm 2011
Thánh Đường Giáo Xứ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam
915 S. Wakefield Street, Arlington, VA 22204 (703-553-0370)

Sau thánh lễ, linh cữu sẽ được di chuyển và an táng tại:
Fairfax Memorial Funeral Park
9902 Braddock Road Fairfax, VA 22032 (703-425-9702)

CƠ SỞ CỎ THOM và bằng hữu
thành kính chia buồn cùng tang quyến của Nhạc sĩ Phạm Dương Hiến

Nguyễn Thị Ngọc Dung. Phan Khâm. Phan Anh Dũng. Phạm Văn Tuấn. Trần Bích San.
Ngô Tăng Giao. Ý Anh. Hồ Trường An. Văn Thị Kiều Anh. Phạm Bá. Nguyễn Kinh Bắc.
Việt Bằng. Hải Bằng H.D.B. Đỗ Bình. Nguyễn Ngọc Bích. Xuân Bích. Dư Thị Diễm Buôn.
Đào Đức Chương. Nguyễn Võ Củng. Đinh Cường. Hoàng Dung. Nguyễn Quý Đại.
Duy An Đông. Thiên Đức. Đỗ Thị Minh Giang. Tôn Nữ Mặc Giao. Nguyễn Bá Hậu. Lý Hiếu.
Vũ Hối. Vũ Thái Hòa. Lê Văn Khoa. Vi Khuê. Huy Lâm. Cung Thị Lan. Vũ Lang. Nguyễn Lân.
Hoàng Song Liêm. Đàm Xuân Linh. Vũ Nam. Phạm Trọng Lệ. Nguyễn Phú Long.
Hoàng Bạch Mai. Vũ Đức Nghiêm. Ý Nguyễn. Uyên Phương Minh Nguyệt. Nguyễn Văn Nhiệm.
Phạm Thị Nhung. Đặng Nguyên. Đỗ Phú. Văn Quang. Kim Vũ. Nguyễn Sơn. Hồ Công Tâm.
Diệu Tản. Đỗ Phú. Thanh Thanh. Mỹ Phước Nguyễn Thanh. Nguyễn Văn Thành. Phong Thu.
Tiểu Thu. Nguyễn Mây Thu. Nguyễn Thùy. Hồng Thùy. Lam Diễm Nguyễn Thứ. Lê Thương.
Trương Anh Thụy. Bùi Thanh Tiên. Thanh Trang. Tạ Quang Trung.

ÔB Bùi Cừ Viên, ÔB Vũ An Thanh, ÔB Dương Ngọc Hoán, ÔB Phạm Xuân Thái,
ÔB Dương Đình Hưng, ÔB Lê Hữu Em, ÔB Lê Khắc Huyền, ÔB Đào Văn Sách,
ÔB Nguyễn Đức Nam, ÔB Bùi Dương Liêm, ÔB Tống Vương Thịnh, ÔB Lưu Nguyễn Đạt,
ÔB Phạm Đức Tiên, ÔB Nguyễn Anh Văn, ÔB Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Paul Văn,
Đặng Văn Hiến, Nguyễn Ngọc Châu, Ngô Minh Trí, Sĩ Tuấn, Ngọc Thu, Sĩ Tường, Hoàng Tiếp,
Cung Fa, Hiếu Thuận, Minh Ngọc, Tâm Hào, Thái Ninh, Thái Phương, Bảo Lộc,
Nguyễn Xuân Thương, Đinh Minh Tiên, Sĩ Thành, Trương Đình Trí, Ngọc Trâm,
Nguyễn Tự Tín, Phạm Trung Chi, Hoàng Đức Long, Nguyễn Thu Thủy, Vũ Chi Lan

Nguyện cầu linh hồn Người Quá Cố sớm về Cõi Vĩnh Hằng

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Cụ Bà **Maria Nguyễn Thị Mỹ**
tức là Bà Quả Phụ Nguyễn Văn Tư
vừa qua đời ngày 15 tháng 11, 2011
Hưởng thọ 78 tuổi

Thánh Lễ An Táng:
9 giờ sáng Thứ Bảy ngày 19 tháng 11 năm 2011
Thánh Đường Giáo Xứ Đức Mẹ La Vang
Wyoming, Michigan

Sau thánh lễ, linh cửu sẽ được di chuyển và an táng tại:
Resurrection Cemetery lúc 10 giờ sáng

CƠ SỞ CỎ THƠM và bằng hữu
thành kính chia buồn cùng tang quyến của Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San,
Ngô Tăng Giao, Ý Anh, Hồ Trường An, Văn Thị Kiều Anh, Phạm Bá, Nguyễn Kinh Bắc,
Việt Bằng, Hải Bằng H.D.B, Đỗ Bình, Nguyễn Ngọc Bích, Xuân Bích, Dư Thị Diễm Buồn,
Đào Đức Chương, Nguyễn Vô Cùng, Đinh Cường, Hoàng Dung, Nguyễn Quý Đại,
Duy An Đông, Thiên Đức, Đỗ Thị Minh Giang, Tôn Nữ Mặc Giao, Nguyễn Bá Hậu, Lý Hiểu,
Vũ Hối, Vũ Thái Hòa, Lê Văn Khoa, Vi Khuê, Huy Lâm, Cung Thị Lan, Vũ Lang, Nguyễn Lâm,
Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Vũ Nam, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Phú Long,
Hoàng Bạch Mai, Vũ Đức Nghiêm, Ý Nguyên, Uyên Phương Minh Nguyệt, Nguyễn Văn Nhiệm,
Phạm Thị Nhung, Đặng Nguyên, Đỗ Phú, Văn Quang, Kim Vũ, Nguyễn Sơn, Hồ Công Tâm,
Diệu Tân, Đỗ Phú, Thanh Thanh, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nguyễn Văn Thành, Phong Thu,
Tiểu Thu, Nguyễn Mây Thu, Nguyễn Thùy, Hồng Thủy, Lam Điền Nguyễn Thứ, Lê Thương,
Trương Anh Thụy, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Tạ Quang Trung.

ÔB Bùi Cừ Viên, ÔB Vũ An Thanh, ÔB Dương Ngọc Hoán, ÔB Phạm Xuân Thái,
ÔB Dương Đình Hưng, ÔB Lê Hữu Em, ÔB Lê Khắc Huyền, ÔB Đào Văn Sách,
ÔB Nguyễn Đức Nam, ÔB Bùi Dương Liêm, ÔB Tống Vương Thịnh, ÔB Lưu Nguyễn Đạt,
ÔB Phạm Đức Tiên, ÔB Nguyễn Anh Văn, ÔB Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Paul Văn,
Đặng Văn Hiền, ÔB Phạm Dương Hiền, Ngô Minh Trí, Sĩ Tuấn, Ngọc Thu, Sĩ Tường, Hoàng
Tiếp, Cung Fa, Hiếu Thuận, Minh Ngọc, Tâm Hào, Thái Ninh, Thái Phương, Báo Lộc,
Nguyễn Xuân Thương, Đinh Minh Tiến, Sĩ Thành, Trương Đình Trí, Ngọc Trâm,
Nguyễn Tự Tín, Phạm Trung Chi, Hoàng Đức Long, Nguyễn Thu Thủy, Vũ Chi Lan

Nguyện cầu linh hồn Người Quá Cố sớm về Cõi Vĩnh Hằng



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- **Lunch: \$7.95**
- **Dinner: \$9.95**

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

**COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194**

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

HA NGUYEN & ASSOCIATES

INCOME TAX & ACCOUNTING SERVICE

6107-F ARLINGTON BOULEVARD

FALLS CHURCH, VA 22044

TEL. (703) 536-9548

(Đối diện Trager ở Seven Corners, cùng dãy với Nhà Sĩ Vũ Thế Ban
và Bác Sĩ Nhi Khoa Hồ Văn Hiến. Bên trong Professional Court)

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:30 AM - 7:00 PM

THỨ BẢY & CHỦ NHẬT: 9:00 AM - 7:00 AM

1. Nhận khai thuế Lợi Tức Cá Nhân, Hợp Thương, Tiểu Thương và Công Ty vùng VA, MD Washington, D.C.
2. Làm sổ sách kế toán về thuế lương bổng và các sắc thuế khác cho Tiểu Thương, Hợp Thương và Công Ty.
3. Phục vụ ân cần, thành thật, kín đáo và chuyên nghiệp.
4. Giá phải chăng.
 - Hồ sơ độc thân hoặc Cha, Mẹ độc thân: từ \$25 - \$60
 - Hồ sơ gia đình (Married Filing Joint): từ \$50 - \$90
 - Hồ sơ Tiểu Thương, Hợp Thương, Công Ty: từ \$150 trở lên

ĐẶC BIỆT:

- * DỊCH VỤ KHAI THUẾ BẰNG ĐIỆN TỬ: Tiền thuế lấy về có thể chuyển thẳng vào ngân hàng, không sợ bị thất lạc trên đường thư.
- LẤY TIỀN TRONG VÒNG 20 NGÀY: trả thêm \$20
- LẤY TIỀN TRONG VÒNG 10 NGÀY: trả thêm \$40
- LẤY TIỀN TRONG VÒNG 3 NGÀY: trả thêm từ \$70
- Qui vị không có phương tiện di chuyển có thể gọi đến văn phòng để được sắp xếp xe đưa đón.
- GIẢM 50% LỆ PHÍ cho qui vị H.O., O.D.P. mới khai thuế năm đầu tiên.

CÔ NGUYỄN HUỲNH NGỌC HÀ, B.S.
TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI



HƯỚNG DẪN ĐƯỜNG ĐI: Từ chợ Nhà Trang chạy về hướng 7-Corners (Rt. 50 East), khi vừa qua khỏi 7-Corners Shopping Center sẽ thấy Patrick Henry Dr., vừa qua khỏi ngã ba này thì quẹo vào Exit trước mặt McDonald, văn phòng nằm cách McDonald chừng 40 mét, bên cạnh Quality Inn Hotel.

Văn Phòng Luật Sư

IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES

1835 University Blvd East, Ste #328 – Langley Park, MD 20783

(Đối Diện Phố 75 Maryland)



THAM KHẢO MIỄN PHÍ



Phụ tá Luật Sư
JULIE DUNG VÕ

- * TAI NẠN LAO ĐỘNG
- * SAY RƯỢU LÁI XE
- * LÁI XE KHI BẰNG
LÁI BỊ TREQ
- * LY THÂN LY DỊ



Luật Sư
IVAN M. WALDMAN

TAI NẠN XE CỘ

- Văn phòng sẽ giúp thân chủ:
- Thuê xe cho thân chủ
 - Lấy hẹn với Bác sĩ
 - Đòi tiền mất việc làm
 - Đòi tiền thương tích tai nạn

ĐẶC BIỆT

- Nhận làm Giấy Chứng Nhận Độc Thân, Công Hàm Ngoại Giao để lập gia đình tại Việt Nam
- Nhận thị thực chữ ký. (Notary Public)
- Nhận chụp hình passport lấy ngay

**XIN LIÊN LẠC:
CÔ JULIE DUNG VÕ**

Office (301) 439-3515
Cell: (301) 332-5919